BỘ Y TẾ **TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1012 /QĐ-YDTB	*Thái Bình, ngày 28 tháng 7 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Đề cương chi tiết học phần thuộc chương trình đào tạo các ngành trình độ Đại học hệ chính quy

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC THÁI BÌNH

Căn cứ vào Quyết định số 34/CP ngày 24/01/1979 của Hội đồng chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Y Thái Bình;

Căn cứ vào Quyết định số 2154/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên trường Đại học Y Thái Bình thành trường Đại học Y Dược Thái Bình;

Căn cứ Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Y Dược Thái Bình ban hành kèm theo Quyết định số 4922/QĐ-BYT ngày 09/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế;

Căn cứ Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy định xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hợp nhất Quyết định số 43/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 15/8/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Quyết định 424/QĐ-YDTB ngày 20/3/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Thái Bình về việc ban hành Quy định chuẩn đầu ra các ngành đào tạo bậc đại học;

Căn cứ Quyết định 1001/QĐ-YDTB ngày 22 tháng 8 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường đại học Y Dược Thái Bình về việc hướng dẫn thực hiện Quy chế Đào tạo Đại học theo hệ thống tín chỉ;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Quản lý Đào tạo Đại học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Đề cương chi tiết học phần thuộc chương trình đào tạo các ngành trình độ Đại học hệ chính quy.

(Có đề cương chi tiết kèm theo)

Điều 2. - Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

- Đề cương chi tiết tại Điều 1 được áp dụng với khóa tuyển sinh từ năm 2021.

Điều 3. Trưởng phòng Quản lý Đào tạo đại học, Trưởng phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục, Trưởng các đơn vị và sinh viên có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC THÁI BÌNH

PGS.TS Nguyễn Duy Cường

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Ban Giám hiệu;
- Lưu: VT, QLĐTĐH.

BỘ Y TẾ

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC THÁI BÌNH

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH Y HỌC DỰ PHÒNG
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1012/QĐ-YDTB ngày 28/7/2021)

(QUYỂN 3)

THÁI BÌNH, NĂM 2021

Mục Lục

Thần kinh học **1**
Răng Hàm Mặt **10**
Nhãn khoa **32**
Tâm thần học **60**
Chương trình y tế quốc gia **79**
Phương pháp nghiên cứu sức khỏe cộng đồng **95**
Một sức khỏe **105**
Sức khỏe môi trường3 ..... **120**
Thực tập cộng đồng 1 ..... **129**
Thực tập cộng đồng 2 ..... **140**
Thực tập cộng đồng 3 ..... **154**
Dịch tễ học phần thay thế **164**
Tai mũi họng **186**
Hoá học **195**
Dinh dưỡng & VSATTP 1 (Dinh dưỡng cơ sở) **207**
Dinh dưỡng & VSATTP 2 (An toàn thực phẩm) **216**
Lao **234**
Y xã hội học và Nhân học Y học **250**
Truyền nhiễm **264**
Y học cổ truyền **303**
Kinh tế y tế **329**

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

BỘ MÔN: Thần kinh

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Tên học phần:

Tên tiếng Việt: Thần kinh học

Tên tiếng Anh: Neurology

Mã học phần: 3130NEUROL0T, 3130NEUROL0P

Ngành: Y học dự phòng

Mã ngành: 7720110

I. Hành chính.

1. Thông tin chung:

Học phần:	☑ Bắt buộc ☐ Tự chọn ☐ Không tính điểm
Thuộc kiến thức:	☐ Giáo dục đại cương ☐ Cơ sở ngành ☑ Chuyên ngành ☐ Bổ trợ
Đối tượng:	
Số tín chỉ (LT;TH/LT;LS): Số tiết Lý thuyết: Thảo luận : Số giờ tự học: Số tiết Thực hành/ Lâm sàng: Thảo luận: Số giờ tự học:	 **18** **32** **36** **14**
Số bài kiểm tra (LT/TH/LS): Giữa học phần: Kết thúc học phần:	

Học phần học trước:	**Sinh lý, Sinh lý bệnh, Hóa sinh**
Học phần tiên quyết:	**Giải phẫu định khu thần kinh**
Học phần song hành:	**Tâm thần**
Bộ môn/Khoa giảng dạy:	**Thần kinh**

2. Mô tả chung về học phần:

Sinh viên cần áp dụng các kiến thức, kỹ năng đã học tiền lâm sàng thực hành y khoa và trong khi học tập tại các bộ môn lâm sàng trước đó vào công việc với mỗi bệnh nhân cụ thể để xây dựng và tích lũy kinh nghiệm khám lâm sàng Thần kinh của bản thân chú trọng tới việc xác định và khai thác các yếu tố bệnh sử quan trọng, liên quan đến các chẩn đoán tiềm năng và ra quyết định lâm sàng đối với bệnh nhân chuyên khoa thần kinh.

3. Cán bộ phụ trách/giảng dạy:

TT	Họ tên	Học hàm/học vị	Số điện thoại	Email	Ghi chú
1.	Dương Huy Hoàng	PGS.TS.	**0912675919**	hoangdh@tbmc.edu.vn	Phụ trách
2.	Trần Thị Hải Yến	Ths.		tranhaiyenneurotb@gmail.com	Tham gia
3.	Nguyễn Thị Hòa	Ths.		nguyenhoaneuro@yahoo.com	Tham gia
4.	Phan Thị Liên	Ths.		lienphanytb@gmail.com	Tham gia

4. Mục tiêu học phần:

TT	Mục tiêu học phần	Mục tiêu CTĐT (PEO)
1.	Khai thác bệnh sử bệnh lý thần kinh	PEO1, PEO2
2.	Khám thực thể để phục vụ cho biện luận lâm sàng	PEO2
3.	Chẩn đoán và nguyên tắc xử trí một số hội chứng cơ bản trong thần kinh	PEO2
4.	Thực hiện các thủ thuật kỹ thuật nội Thần kinh thông thường	PEO2

5.	Phòng bệnh bệnh lý Thần kinh thông thường	PEO3

5. Chuẩn đầu ra học phần

TT	CĐR Học phần	Mức độ đạt (S, H)/CĐR của CTĐT (PLO)
1.	Tập trung vào việc phát triển các kỹ năng khai thác bệnh sử bệnh lý thần kinh	S: PLO 1, 3, 6 H: PLO 3, 6
2.	Tập trung xây dựng kỹ năng khám thực thể ở mức độ nâng cao	S: PLO 1, 3 H: PLO 3, 8
3.	Sử dụng thành thạo các dụng cụ khám Thần kinh thông thường	S: PLO 1, 3 H: PLO 3, 8
4.	Thực hiện các thủ thuật kỹ thuật nội Thần kinh thông thường	S: PLO 1, H: PLO 3, 8
5.	Phòng bệnh bệnh lý Thần kinh thông thường	S: PLO 1, H: PLO 3, 8

Chú thích: S (Support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra; H (Highly support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra.

II. NỘI DUNG

1. Lý thuyết

STT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập	CĐR HP
1	Bài 1 : Đột quỵ não 1. Đại cương…… 2. Nguyên nhân, cơ chế …….. 3. Phân loại …… 4. Phòng bệnh	**4**		**PEO 1,2,3,8**
2	Bài 2 : Động kinh 1. Đại cương……	**4**		**PEO 1,2,3,8**

	2. Nguyên nhân, cơ chế ……. 3. Phân loại …… 4. Nguyên tắc điều trị			
3	Bài 3: Hội chứng thắt lưng hông 1. Đại cương…… 2. Nguyên nhân, cơ chế 3. Triệu chứng 4. Chẩn đoán 5. Điều trị	**2**		**PEO 1,2,3,8**
4	Bài 4: Hội chứng tăng áp lực nội sọ 1. Đại cương…… 2. Nguyên nhân, cơ chế 3. Triệu chứng 4. Biến chứng 5. Điều trị	**1**		**PEO 1,2,3,8**
5	Bài 5: Viêm đa rễ và dây thần kinh 1. Đại cương…… 2. Nguyên nhân, cơ chế …….. 3. Triệu chứng LS, CLS 4. Nguyên tắc điều trị	**1**		**PEO 1,2,3,8**
6	Bài 6: Liệt dây số VII 1. Đại cương…… 2. Nguyên nhân, cơ chế 3. Triệu chứng TW- NB 4. Nguyên tắc điều trị 5. Dự phòng	**2**		**PEO 1,2,3,8**
7	Bài 7: Hội chứng liệt nửa người 1. Đại cương……	**4**		**PEO 1,2,3,8**

	2. Cơ chế bắt chéo tháp 3. Vị trí tổn thương 4. Hội chứng giao bên			

2. Lâm sàng

STT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập	CĐR
1	Bài 1: **Khám phát hiện triệu chứng** 1. Vận động..... 2. Phản xạ..... 3. Cảm giác.....	4		**PEO 1,3,8**
2	Bài 2: **Khám xác định Liệt nửa người** 1. Xác định liệt nửa người, liệt hai chân. 2. Định hướng vị trí tổn thương 3. Định hướng nguyên nhân. 4. Khám Phản xạ bệnh lý bó tháp	4		**PEO 1,3,8**
3	Bài 3: Khám 12 đôi dây thần kinh sọ não 1. Tên gọi ..... 2. Chức năng..... 3. Cách khám.....	4		**PEO 1,3,8**
4	Bài 4: **Khám xác định Liệt hai chi dưới** 1. Xác định liệt liệt hai chân..... 2. Định hướng vị trí tổn thương 3. Định hướng nguyên nhân.....	4		**PEO 1,3,8**
5	**Bài 5:** 1.Khám hội chứng tiểu não 2. Khám hội chứng màng não 3.Khám tư vấn dinh dưỡng – cơ tròn	4		**PEO 1,3,8**
6	**Bài 6:** Thủ thuật- kỹ thuật	4		**PEO 1,3,8**

III. Phương pháp dạy/học

1. Lý thuyết: (Phấn bảng/ máy chiếu/ Video…)

Cách tiếp cận bệnh nhân theo vấn đề khai thác bệnh sử, tiền sử, đưa ra các chẩn đoán tiềm năng, chỉ định và phiên giải các kết quả cận lâm sàng, từ đó thu hẹp chẩn đoán và lập kế hoạch chăm sóc bệnh nhân. Các chủ đề lý thuyết chính của vòng này bao gồm:

Tiếp cận, chẩn đoán và lập kế hoạch chăm sóc bệnh nhân ĐỘT QUỴ

Tiếp cận, chẩn đoán và lập kế hoạch chăm sóc bệnh nhân HIC

Tiếp cận, chẩn đoán và lập kế hoạch chăm sóc bệnh nhân liệt nửa người

Tiếp cận, chẩn đoán và lập kế hoạch chăm sóc bệnh nhân liệt dây VII

Tiếp cận, chẩn đoán và lập kế hoạch chăm sóc bệnh nhân đau dây hông to

Tiếp cận, chẩn đoán và lập kế hoạch chăm sóc bệnh nhân GB

Tiếp cận, chẩn đoán và lập kế hoạch chăm sóc bệnh nhân ĐK

2. Lâm sàng : (Case lâm sàng, tình huống, Mô phỏng kỹ năng Y Khoa)

Khai thác bệnh sử

Khai thác được bệnh sử chính xác, đầy đủ, theo trình tự hợp lý, tập trung vào việc phát triển các kỹ năng khai thác bệnh sử bệnh lý thần kinh ở mức độ trung bình. Chú trọng tới việc xác định và khai thác các yếu tố bệnh sử quan trọng liên quan đến các chẩn đoán tiềm năng và ra quyết định lâm sàng.

Khám thực thể

Tập trung xây dựng kỹ năng khám thực thể kỹ lưỡng, phiên giải các kết quả khám thực thể để phục vụ cho biện luận lâm sàng. Đặt trọng tâm vào việc khám phát hiện các dấu hiệu thực thể phục vụ cho chẩn đoán tiềm năng và ra quyết định lâm sàng.

Chẩn đoán

Đưa ra các chẩn đoán tiềm năng ưu tiên dựa trên kết quả khai thác bệnh sử và khám thực thể ban đầu. Chẩn đoán liên quan đến các bệnh thần kinh thông thường

Thủ thuật

Thực hiện các thủ thuật nội khoa thông thường

IV. Phương tiện, vật liệu dạy/học

1. Lý thuyết: Tài liệu phát tay
2. Lâm sàng: Trung tâm mô phỏng và huấn luyện Y khoa, cas lâm sàng

V. Phương pháp lượng giá

- Thang điểm 10
- Các điểm thành phần

Điểm thành phần	Trọng số tính điểm	Bài đánh giá	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR được đánh giá	Điểm tối đa
Đánh giá chuyên cần (**ĐCC**)						10
Điểm giữa học phần (**ĐGHP**)						10
Điểm thực hành (**ĐTH**)						10
Điểm kết thúc học phần (**ĐKTHP**)						10

Công thức tính điểm:

Rubric 1: Điểm danh: 10 điểm

Tiêu chí	Điểm trừ
Không vắng	
Nghỉ học có phép	
Nghỉ học không phép	
Đi muộn	

Rubric 2: Vấn đáp

Mức độ đạt chuẩn quy định					
Tiêu chí đánh giá	**Điểm (0-3.9)**	**Điểm (4.0-5.4)**	**Điểm (5.4-6.9)**	**Điểm (7.0-8.4)**	**Điểm (8.5-10)**
Nội					

dung câu hỏi					

VI. Tài liệu học tập và tham khảo

Tài liệu học tập chủ yếu

1. Bài giảng triệu chứng học thần kinh

Bộ môn Thần kinh Trường Đại học Y Thái Bình, xuất bản năm 2016 NXB Y học

2. Bài giảng bệnh học thần kinh

Bộ môn Thần kinh Trường Đại học Y Thái Bình, xuất bản năm 2016 NXB Y học

VII. Lịch học: Theo Lịch giảng dạy/học tập.

VIII. Quy định với sinh viên:

1. Nhiệm vụ của sinh viên:

**** Thời gian biểu lâm sàng:***

- Sinh viên có mặt tại bệnh viện từ 7h.
- Từ 7h00 - 7h30: các nhóm giao ban với khoa lâm sàng
- Từ 7h30 – 11h00: thực hiện các nội dung sau:
  + Khám bệnh nhân
  + Chăm sóc bệnh nhân: tư vấn, đưa bệnh nhân đi làm xét nghiệm…
  + Hoàn thành bệnh án
  + Học lâm sàng theo lịch: đi buồng, giảng đầu giường, bình bệnh án.

**** Thời gian biểu Lý thuyết:***

Sinh viên tham gia đầy đủ các buổi học lý thuyết theo lịch phân công

Thời gian biểu

1. Thời gian	2. Thứ hai	3. Thứ ba	4. Thứ tư	5. Thứ năm	6. Thứ sáu
7. 7:00-7:30	8. Giao ban				
9. 7:30-8:30	10. Khám bệnh cùng bác sỹ				
11. 8:30-10:00	- Chăm sóc bệnh nhân - Hoàn thiện bệnh án - Thực hiện các công việc của khoa/phòng • Cứ 1 tuần 1 lần, sinh viên sẽ được đánh giá và phản hồi bằng mini-CEX do các giảng viên thực hiện				

	• Tại tuần thứ 3, sinh viên sẽ trải qua bài thi cuối khóa		
12. 10:00-11:00	13. Giao ban sinh viên (2 buổi/tuần) 14. Bình bệnh án (1 buổi/tuần) 15. Giảng đầu giường (2 buổi/tuần)		
16. 11:00-13:00	**17. Nghỉ trưa**		
18. 13:00-17:00	19. Học lý thuyết	20. Thảo luận 21. ca lâm sàng	- Chăm sóc bệnh nhân - Hoàn thiện bệnh án - Thực hiện các công việc của khoa/phòng

2. Quy định điều kiện dự thi:

- Sinh viên phải tham gia đầy đủ các buổi học lý thuyết- thực hành
- Chấp hành tốt mọi nôi quy chủa bộ môn, Nhà trường, Bệnh viện thực hành

IX. Tiến trình cập nhật đề cương chi tiết

TT	Cập nhật đề cương tiết lần	Ngày/tháng/năm	Người cập nhật
1.	**Lần 1**	**2019**	
2.	**Lần 2**	**2021**	
3.	**Dự kiến**	**2023**	

PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC **BỘ MÔN/KHOA**

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC THÁI BÌNH

BỘ MÔN RĂNG HÀM MẶT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Năm 2021

Tên học phần:

Tên tiếng Việt: Răng Hàm Mặt

Tên tiếng Anh: Odonto Stomatology

Mã học phần: 3130ODONTO0T, 3130ODONTO0P

Ngành: Y học dự phòng

Mã ngành: 7720110

I. Hành chính.

1. Thông tin chung:

Học phần:	☑ Bắt buộc ☐ Tự chọn ☐ Không tính điểm
Thuộc kiến thức:	☐ Giáo dục đại cương ☐ Cơ sở ngành ☑ Chuyên ngành ☐ Bổ trợ
Đối tượng: Y5 Y học dự phòng	
Số tín chỉ (LT;TH/LT;LS): Số tiết Lý thuyết: Thảo luận : Số giờ tự học: Số tiết Thực hành/ Lâm sàng: Thảo luận: Số giờ tự học:	02 (1 LT; 1 LS) 16 0 34 36 0 14
Số bài kiểm tra (LT/TH/LS): Giữa học phần: Kết thúc học phần:	**2** **0** **2**

Học phần học trước:	
Học phần tiên quyết:	**Các môn khoa học cơ bản, y học cơ sở, nội ngoại khoa cơ sở**
Học phần song hành:	
Bộ môn/Khoa giảng dạy:	**Bộ môn Răng Hàm Mặt**

2. Mô tả chung về học phần:

Học phần Răng Hàm Mặt là một trong môn y học lâm sàng khối chuyên khoa trong chương trình đào tạo bác sĩ đa khoa. Học phần Răng Hàm Mặt sẽ cung cấp cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng cơ bản để khám phát hiện được các triệu chứng và hội chứng cơ bản và nguyên tắc xử trí một số bệnh lý răng hàm mặt thường gặp trên lâm sàng.

3. Cán bộ phụ trách/giảng dạy:

TT	Họ tên	Học hàm/học vị	Số điện thoại	Email	Ghi chú
1.	Vũ Anh Dũng	TS.BSCKII			Phụ trách
2.	Trần Thị Hường	BSCKII			Tham gia
3.	Nguyễn Thị Sen	ThS.BS			Tham gia
4.	Nguyễn Tri Quyết	BSCKII			Tham gia
5.	Bùi Hữu Tuấn	BS			Tham gia
6.	Nguyễn Phương Anh	BS			Tham gia
7.	Nguyễn Ngọc Anh	BS			Tham gia
8.	Vũ Minh Hoàng	BS			Tham gia

4. Mục tiêu học phần:

4. Mục tiêu học phần:

TT	Mục tiêu học phần	Mục tiêu CTĐT (PEO)
1.	Có kiến thức cơ bản về căn nguyên bệnh sinh, triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, chẩn đoán và điều trị của một số bệnh Răng Hàm Mặt thường gặp.	PEO 1
2.	Có kiến thức chuyên môn trong các hoạt động y học dự phòng trong một số bệnh RHM thường gặp (Bệnh sâu răng, viêm tủy răng, bệnh viêm quanh cuống răng,…)	PEO 2
3.	Vận dụng kiến thức đã học trong kỹ năng thực hành để thăm khám; biện luận được chẩn đoán và điều trị một số bệnh Răng Hàm Mặt thường gặp	PEO 2
4.	Có kỹ năng năng lực giao tiếp, làm việc nhóm có hiệu	PEO 4

	quả	
5.	Có đạo đức nghề nghiệp, tác phong hành nghề chuyên nghiệp	PEO 5

5. Chuẩn đầu ra học phần:

TT	CĐR Học phần	Mức độ đạt (S, H)/CĐR của CTĐT (PLO)
1.	Kiến thức - Vận dụng các kiến thức về giải phẫu răng hàm mặt, bệnh học và nguyên tắc điều trị một số bệnh lý thường gặp trong răng hàm mặt - Vận dụng được kiến thức Răng Hàm Mặt trong công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe người dân	PLO 1 PLO 2
2.	**Kỹ năng** - Chỉ được các mốc giải phẫu chi tiết trên mô hình răng, xương hàm - Khám và chẩn đoán được một số bệnh lý thường gặp trong răng hàm mặt - Có khả năng chẩn đoán và xử trí, điều trị được một số bệnh da liễu thường gặp - Thực hiện được một số kỹ năng lâm sàng: chọn dụng cụ khám răng hàm mặt, kìm nhổ răng. Kỹ năng khám răng hàm mặt, gây tê, nhổ răng thông thường trên mô hình.	PLO 5 PLO 6 PLO 7 PLO 8
3.	**Mức tự chủ và trách nhiệm** - Tuân thủ đúng các quy định của ngành, pháp luật	PLO 9

	Nhà nước và chịu trách nhiệm cá nhân về những hành vi, ứng xử, hoạt động nghề nghiệp - Chủ động, tích cực học tập để hoàn thiện kỹ năng học tập suốt đời - Đảm bảo công bằng, trung thực, tôn trọng, cảm thông, chia sẻ với người bệnh, gia đình và cộng đồng - Phối hợp, ứng xử, chuyên nghiệp với đồng nghiệp và cộng đồng - Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân	PLO 10 PLO 11 PLO 12 PLO 13

Chú thích: S (Support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra; H (Highly support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra.

II. NỘI DUNG

1. Lý thuyết

STT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập	CĐR HP
1	**Bài 1: RĂNG VÀ BỘ RĂNG** ***1. Đại cương*** 1.1. Hệ thống nhai 1.2. Chức năng của răng ***2. Số lượng răng, cách gọi tên và ký hiệu răng*** 2.1. Số lượng 2.2. Cách gọi tên răng 2.3. Ký hiệu răng ***3. Giải phẫu và cấu tạo tổ chức học của răng***	**4**		PLO 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10 PLO 2 PLO 6

	3.1. Giải phẫu răng 3.1.1. Thân răng 3.1.2. Chân răng 3.1.3. Cổ răng 3.1.4. Hốc tủy 3.2. Cấu tạo tổ chức học của răng 3.2.1. Men răng 3.2.2. Ngà răng 3.2.3. Xương răng (Cement) 3.2.4. Tủy răng ***4. Thời gian mọc răng và biến chứng hay gặp khi mọc răng*** 4.1. Thời gian mọc răng 4.1.1. Thời gian mọc răng sữa 4.1.2. Thời gian mọc răng vĩnh viễn 4.2. Biến chứng hay gặp khi mọc răng 4.2.1. Biến chứng khi mọc răng sữa 4.2.2. Biến chứng khi mọc răng vĩnh viễn ***5. Lệch lạc răng và các phương pháp dự phòng*** 5.1. Nguyên nhân 5.2. Hàm răng bình thường 5.3. Hàm răng lệch lạc 5.4. Dự phòng lệch lạc răng			
2	**Bài 2: LIÊN QUAN GIỮA SỨC KHỎE RĂNG MIỆNG VỚI SỨC KHỎE TOÀN THÂN** ***1. Đại cương*** ***2. Liên quan giữa chuyên khoa răng hàm mặt và tai mũi họng*** 2.1. Bệnh lý của răng hàm mặt liên quan đến	**1**		PLO 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10

	tai mũi họng 2.2. Bệnh lý của tai mũi họng liên quan đến răng hàm mặt ***3. Liên quan giữa chuyên khoa răng hàm mặt và mắt*** 3.1. Bệnh lý của răng hàm mặt liên quan đến mắt 3.2. Bệnh lý của mắt liên quan đến răng hàm mặt. ***4. Liên quan giữa chuyên khoa răng hàm mặt và toàn thân*** 4.1. Liên quan giữa răng miệng và các cơ quan tiêu hóa 4.2. Ảnh hưởng của răng miệng đối với các bệnh tim 4.3. Một số bệnh nhiễm trùng toàn thân biểu hiện ở miệng 4.4. Răng miệng và các bệnh về máu 4.5. Răng miệng và nội tiết 4.6. Ảnh hưởng của vitamin và các chất vi lượng			
3	**Bài 3 :BỆNH SÂU RĂNG** ***1. Định nghĩa và dịch tễ học*** 1.1. Định nghĩa 1.2. Dịch tễ học 2***. Bệnh căn và bệnh sinh*** 2.1. Bệnh căn 2.1.1. Giải thích bệnh căn theo sơ đồ Key 2.1.2.Giải thích bệnh căn theo sơ đồ White 2.2. Cơ chế bệnh sinh 2.2.1. Sự huỷ khoáng	**2**		PLO 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10

	2.2.2. Sự tái khoáng 2.2.3. Quá trình hình thành tổn thương sâu răng ***3. Triệu chứng và chẩn đoán*** 3.1. Triệu chứng 3.2. Chẩn đoán 3.2.1. Chẩn đoán xác định 3.2.2. Chẩn đoán phân biệt ***4. Điều trị*** 4.1. Nguyên tắc chung 4.2. Điều trị cụ thể ***5. Phòng bệnh*** 5.1. Hạn chế chất nền 5.2. Loại bỏ mảng bám và thay đổi hệ vi khuẩn 5.3. Tình trạng răng			
4	**Bài 4 : BỆNH LÝ TỦY RĂNG** ***1. Đại cương*** ***2. Một số đặc điểm giải phẫu và chức năng của tủy răng*** 2.1. Đặc điểm về giải phẫu 2.2. Chức năng của tủy răng ***3. Nguyên nhân*** Người ta chia nguyên nhân gây bệnh của tủy răng thành 3 nhóm chính: 3.1. Nhiễm khuẩn 3.2. Yếu tố vật lý 3.3. Các yếu tố hóa học ***4. Triệu chứng và chẩn đoán*** 4.1. Viêm tủy có phục hồi (tiền tủy viêm) 4.1.1. Triệu chứng	**2**		PLO 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10

	4.1.2. Chẩn đoán 4.2. Viêm tủy răng cấp (viêm tủy không hồi phục) 4.2.1. Triệu chứng 4.2.2. Chẩn đoán 4.3. Tủy hoại tử 4.3.1. Triệu chứng 4.3.2. Chẩn đoán. ***5. Điều trị*** 5.1. Viêm tủy có phục hồi 5.2. Điều trị viêm tủy không hồi phục 5.2.1. Xử trí cơn đau viêm tủy cấp tính 5.2.2. Điều trị tại tuyến chuyên khoa 5.3. Điều trị tủy hoại tử			
5	**Bài 5 : BỆNH VIÊM QUANH CUỐNG RĂNG** ***1. Đại cương*** ***2. Giải phẫu vùng cuống răng*** 2.1. Xương răng (cement) 2.2. Lỗ cuống răng ***3. Nguyên nhân*** 3.1. Do nhiễm khuẩn 3.2. Sang chấn răng 3.3. Do sai sót trong điều trị ***4. Phân loại bệnh cuống răng*** 4.1. Phân loại theo triệu chứng lâm sàng 4.2. Phân loại theo giải phẫu bệnh ***5. Triệu chứng và chẩn đoán*** 5.1. Viêm quanh cuống bán cấp 5.1.1. Triệu chứng 5.1.2. Chẩn đoán	**2**		PLO 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10

	5.2. Viêm quanh cuống cấp 5.2.1. Triệu chứng 5.2.2. Chẩn đoán 5.3. Viêm quanh cuống mạn 5.3.1. Triệu chứng 5.3.2. Chẩn đoán ***6. Phương pháp điều trị*** 6.1. Điều trị toàn thân 6.2. Điều trị tại chỗ 6.2.1. Với răng nguyên nhân 6.2.2. Vùng lợi và chóp răng			
6	**Bài 6 : VIÊM NHIỄM VÙNG HÀM MẶT** ***1. Đại cương*** ***2. Nguyên nhân gây bệnh*** 2.1. Nguyên nhân do răng 2.2. Nguyên nhân không do răng ***3. Triệu chứng*** 3.1. Nhiễm khuẩn mô mềm quanh xương hàm (viêm mô tế bào vùng hàm mặt) 3.1.1. Viêm mô tế bào thể viêm tụ 3.1.2. Viêm tấy lan tỏa (Phlegmon) 3.1.3. Các thể lâm sàng thường gặp 3.2. Viêm xương tủy hàm 3.2.1. Viêm xương tủy hàm nguyên nhân do răng 3.2.2. Viêm xương tuỷ hàm do nguyên nhân toàn thân ***4. Phương pháp điều trị*** 4.1. Nguyên tắc 4.2. Điều trị cụ thể 4.2.1. Toàn thân	**2**		PLO 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10

	4.2.2. Tại chỗ 4.2.3. Điều trị nguyên nhân ***5. Phòng bệnh***			
7	**Bài 7 : BỆNH VIÊM NHA CHU** ***1. Khái niệm và dịch tễ học*** 1.1. Khái niệm 1.2. Dịch tễ học ***2. Giải phẫu và tổ chức học vùng quanh răng*** 2.1. Lợi 2.2. Dây chằng quanh răng 2.3. Xương ổ răng 2.4. Xương răng (cement) ***3. Nguyên nhân và cơ chế bệnh sinh*** 3.1. Nguyên nhân 3.1.1. Vai trò của vi khuẩn và mảng bám răng 3.1.2. Các yếu tố thuận lợi 3.1.3. Nguyên nhân toàn thân 3.2. Cơ chế bệnh sinh ***4. Phân loại và triệu chứng*** 4.1. Phân loại 4.1.1. Viêm lợi 4.1.2. Viêm quanh răng 4.2. Triệu chứng 4.2.1. Viêm lợi cấp tính 4.2.2. Viêm lợi mạn tính 4.2.3. Viêm quanh răng tiến triển nhanh ở người trẻ 4.2.4. Viêm quanh răng mạn tính ***5. Biến chứng của viêm lợi và viêm quanh***	**3**		PLO 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10

	răng 5.1. Biến chứng của viêm lợi 5.2. Biến chứng của viêm quanh răng ***6. Điều trị bệnh nha chu*** 6.1. Điều trị bảo tồn 6.1.1. Hướng dẫn vệ sinh răng miệng 6.1.2. Xóa bỏ kích thích tại chỗ 6.1.3. Điều trị toàn thân 6.2. Điều trị bằng phẫu thuật 6.2.1. Mục đích của phẫu thuật 6.2.2. Các phương pháp phẫu thuật 6.3. Điều trị duy trì ***7. Dự phòng bệnh nha chu***			
8	**Bài 8 : CHẤN THƯƠNG VÙNG HÀM MẶT** ***1. Tình hình chấn thương vùng hàm mặt*** ***2. Nguyên nhân gây chấn thương*** ***3. Đặc điểm giải phẫu, sinh lý vùng hàm mặt trong chấn thương*** ***4. Phân loại và triệu chứng*** 4.1. Chấn thương phần mềm 4.2. Chấn thương xương 4.2.1. Gẫy xương hàm trên 4.2.2. Gẫy xương hàm dưới ***5. Xử trí chấn thương hàm mặt*** 5.1. Đối với vết thương nhẹ xử trí ban đầu ở tuyến y tế cơ sở 5.2. Xử trí các tình trạng cấp cứu khẩn cấp đe dọa tính mạng nạn nhân 5.2.1. Ngạt thở 5.2.2. Chảy máu	**4**		PLO 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10

	5.2.3. Choáng 5.2. Xử trí chuyên khoa 5.2.1. Vết thương phần mềm 5.2.2. Chấn thương phần xương ***6. Đề phòng chấn thương hàm mặt***			

2. Lâm sàng

STT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập	CĐR
1	**BÀI 1: PHƯƠNG PHÁP KHÁM BỆNH NHÂN RĂNG HÀM MẶT** ***1. Giới thiệu trang thiết bị và dụng cụ khám*** ***2. Khám Răng Hàm Mặt*** *2.1. Khai thác bệnh sử:* *2.2. Khám thực thể* *2.2.1. Khám ngoài miệng (vùng mặt)* *2.2.2. Khám trong miệng* *2.3. Cận lâm sàng*	**2**		PLO 5,6,7,8,
2	**BÀI 2: PHƯƠNG PHÁP KHÁM VÀ XỬ TRÍ CẤP CỨU CHẤN THƯƠNG VÙNG HÀM MẶT** ***1. Khám bệnh nhân chấn thương hàm mặt*** 1.1. Khám toàn thân 1.2. Khám chuyên khoa Răng Hàm Mặt *1.2.1. Hỏi bệnh* *1.2.2. Khám ngoài* *1.2.3. Khám trong miệng* 1.3. Các thế chụp Xquang thường dùng để chẩn đoán ***2. Xử trí cấp cứu khẩn cấp trong chấn thương vùng hàm mặt*** 2.1. Ngạt thở 2.2. Cấp cứu chảy máu 2.3. Phòng chống choáng (Shock chấn thương) ***3. Xử trí chấn thương vùng hàm mặt*** 3.1. Chấn thương phần mềm	**2**		PLO 5,6,7,8,

	3.2. Chấn thương gãy xương			
3	**BÀI 3: CHỈ ĐỊNH VÀ CHỐNG CHỈ ĐỊNH NHỔ RĂNG** ***1. Chỉ định nhổ răng*** 1.1. Răng vĩnh viễn 1.2. Răng sữa ***2. Chống chỉ định nhổ răng*** 2.1. Chống chỉ định tương đối 2.2. Chống chi định tuyệt đối	**2**		PLO 5,6,7,8,
4	**BÀI 4: CÁC PHƯƠNG PHÁP GÂY TÊ THƯỜNG DÙNG TRONG PHẪU THUẬT RĂNG MIỆNG** ***1. Đại cương*** 1.1. Gây tê tại chỗ 1.2. Gây tê vùng ***2. Chuẩn bị*** 2.1. Dụng cụ 2.2. Thuốc tê 2.3. Bệnh nhân 2.4. Thầy thuốc ***3. Các phương pháp gây tê*** 3.1. Gây tê bề mặt 3.2. Gây tê tiêm tại chỗ *3.2.1. Gây tê dưới niêm mạc* *3.2.2. Gây tê cận chóp* *3.3.3. Gây tê dây chằng* 3.3. Gây tê vùng *3.3.1. Gây tê lồi củ xương hàm trên (thần kinh răng trên sau)* *3.3.2. Gây tê lỗ dưới ổ mắt (thần kinh răng trên trước)*	**2**		PLO 5,6,7,8,

	3.3.3. Gây tê ở lỗ khẩu cái sau (thần kinh khẩu cái trước) *3.3.4. Gây tê lỗ khẩu cái trước (thần kinhkhẩu cái sau)* *3.3.5. Gây tê lỗ gai Spix (thần kinh ống răng dưới)* *3.3.6. Gây tê lỗ cằm (thần kinh cằm)*			
5	**BÀI 5: DỤNG CỤ NHỔ RĂNG BẰNG KÌM, BẨY VÀ CÁCH SỬ DỤNG** **1. Kìm nhổ răng** 1.1. Tác dụng 1.2. Chỉ định 1.3. Cấu tạo 1.4. Cách sử dụng *1.4.1. Cách cầm kìm* *1.4.2. Các bước kỹ thuật nhổ răng bằng kìm* **2. Bẩy nhổ răng** 2.1. Tác dụng của bẩy 2.2. Chỉ định 2.3. Cấu tạo *2.3.1. Bẩy thẳng* *2.3.2. Bẩy khuỷu* 2.4. Cách sử dụng bẩy **3. Kết luận**	**2**		PLO 5,6,7,8,
6	**BÀI 6: PHƯƠNG PHÁP NHỔ RĂNG THÔNG THƯỜNG BẰNG KÌM VÀ BẨY** ***1. Khái niệm*** ***2. Qui trình nhổ răng thông thường*** Bước 1: Thăm khám Bước 2: Chuẩn bị Bước 3: Sát khuẩn vùng miệng và vùng răng	**2**		PLO 5,6,7,8,

	định nhổ Bước 4: Gây tê Bước 5: Bóc tách lợi và dây chằng cổ răng Bước 6: Sử dụng kìm, bẩy để nhổ răng Bước 7: Kiểm soát huyệt ổ răng Bước 8: Cầm máu Bước 9: Kê đơn và dặn dò bệnh nhân			
7	**BÀI 7: TAI BIẾN THƯỜNG GẶP TRƯỚC, TRONG, SAU NHỔ RĂNG** **1. Tai biến trước và trong khi nhổ răng** ***1.1. Dị ứng, ngộ độc với thuốc tê*** *1.1.1. Dị ứng* *1.1.2. Ngộ độc* ***1.2. Mất tri giác*** *1.2.1. Xỉu* *1.2.2. Ngất xanh* *1.2.3. Ngất trắng* ***1.3. Tổn thương mô mềm*** ***1.4. Tổn thương xương*** *1.4.1. Tổn thương xương ổ răng, lồi củ xương hàm trên* *1.4.2. Gãy xương hàm dưới* ***1.5. Sai khớp thái dương hàm*** ***1.6. Tổn thương xoang hàm*** ***1.7. Tổn thương thần kinh*** ***1.8. Tổn thương răng*** *1.8.1. Gãy thân hay chân răng đang nhổ* *1.8.2. Lung lay răng bên cạnh* *1.8.3. Sang chấn răng đối diện* *1.8.4. Nhổ nhầm răng, bật răng bên cạnh* ***1.9. Răng, mảnh vỡ rơi vào khí quản, thực**	**2**		PLO 5,6,7,8,

	quản **2. Tai biến sau nhổ răng** ***2.1. Chảy máu*** ***2.2. Viêm ổ răng*** *2.2.1. Viêm ổ răng ướt* *2.2.2. Viêm ổ răng khô* ***2.3. Viêm mô tế bào vùng hàm mặt*** ***2.4. Đau, tê bì, dị cảm ở vùng dây thần kinh chi phối***			
8	**BÀI 8: PHƯƠNG PHÁP CỐ ĐỊNH RĂNG VÀ XƯƠNG HÀM TRONG CHẤN THƯƠNG** ***1. Mở đầu*** ***2. Các phương pháp cố định*** 2.1. Các phương pháp cố định ngoài miệng *2.1.1. Băng đỉnh cằm* *2.1.2. Cố định bằng cách tựa vào sọ* 2.2. Các phương pháp cố định trong miệng *2.2.1. Cố định một hàm* 2.2. Cố định hai hàm	**2**		PLO 5,6,7,8,
9	**BÀI 9: PHƯƠNG PHÁP KHÁM CHẨN ĐOÁN BỆNH SÂU RĂNG** ***1. Dụng cụ và vật liệu*** ***2. Phương pháp khám*** *2.1. Hỏi bệnh* *2.2. Khám thực thể* ***3. Tiêu chuẩn xác định sâu răng*** *3.1. Răng lành mạnh* *3.2. Sâu răng giai đoạn sớm (S1)* *3.3. Sâu răng giai đoạn muộn (S2, S3)* ***4. Chẩn đoán phân biệt***	**2**		PLO 5,6,7,8,

	5. Điều trị *5.1. Nguyên tắc chung* *5.2. Điều trị cụ thể*			
10	**BÀI 10: PHƯƠNG PHÁP KHÁM CHẨN ĐOÁN BỆNH NHA CHU** **1. Phương tiện khám** **2. Phương pháp khám** 2.1. Hỏi bệnh 2.2. Khám thực thể *2.2.1. Khám ngoài miệng* *2.2.2. Khám trong miệng* **3. Các tổn thương trên XQuang:** **4. Chẩn đoán** 4.1. Chẩn đoán xác định 4.2. Chẩn đoán phân biệt **5. Điều trị** 5.1. Nguyên tắc chung 5.2. Điều trị cụ thể	**2**		PLO 5,6,7,8,

III. Phương pháp dạy/học

1. Lý thuyết:
   - Thuyết trình
2. Lâm sàng:
   - Thảo luận nhóm
   - Dạy, học nghiên cứu theo ca lâm sàng
   - Giảng dạy trên mô hình, bộ kìm bẩy và dụng cụ khám

IV. Phương tiện, vật liệu dạy/học

1. Lý thuyết: Máy chiếu Projector, tranh ảnh giải phẫu và bệnh lý,…
2. Lâm sàng: Ca bệnh, mô hình răng, xương hàm, bộ khay khám, bộ kìm,…

V. Phương pháp lượng giá

- Thang điểm 10
- Các điểm thành phần

Điểm thành phần	**Trọng số tính điểm**	**Bài đánh giá**	**Hình thức đánh giá**	**Tiêu chí đánh giá**	**CĐR được đánh giá**	**Điểm tối đa**
Đánh giá chuyên cần (**ĐCC**)	10%	Mặc định điểm chuyên cần cho mỗi sinh viên là 10	Trừ dần điểm theo mỗi lần vi phạm	Ý thức học tập của mỗi sinh viên	PLO 10, 11, 12, 13, 14	10
Điểm thực hành (**ĐTH**)	50%	Trả lời các câu hỏi về lâm sàng	Thi vấn đáp	Kết quả từ câu trả lời của sinh viên	PLO 5, 6, 7,8	10
Điểm kết thúc học phần (**ĐKTHP**)	40%	Bài kiểm tra trắc nghiệm 45 phút, tổ hợp từ ngân hàng đề	Trắc nghiệm	Theo đáp án	PLO 1, 2, 5, 6, 7, 9,10,11, 12	10
Điểm thành phần	**Trọng số tính điểm**	**Bài đánh**	**Hình thức**	**Tiêu chí đánh**	**CĐR được**	**Điểm tối đa**

		giá	**đánh giá**	**giá**	**đánh giá**	

Công thức tính điểm:

Công thức tính điểm: ĐHP= ĐCC x 0,1 + ĐTH x 0,5 + ĐLT x 0,4

Rubric 1: Điểm danh: 10 điểm

Tiêu chí	**Điểm trừ**
Không vắng	0
Nghỉ học có phép	0,5 điểm/2 tiết
Nghỉ học không phép	0,5 điểm/1 tiết
Đi muộn (<15 phút)	0,5 điểm/1 lần
Tiêu chí	**Điểm trừ**

Rubric 2: Vấn đáp

Mức độ đạt chuẩn quy định					
Tiêu chí đánh giá	**Điểm (0-3.9)**	**Điểm (4.0-5.4)**	**Điểm (5.4-6.9)**	**Điểm (7.0-8.4)**	**Điểm (8.5-10)**
Nội dung câu hỏi					

VI. Tài liệu học tập và tham khảo

1. ***Tài liệu học tập chủ yếu:***

- Vũ Anh Dũng (2015), Giáo trình Răng Hàm Mặt, nxb Giáo dục.

- Vũ Anh Dũng (2017), Tài liệu học lâm sàng Răng Hàm Mặt, Bộ môn Răng Hàm Mặt trường ĐHYD Thái Bình.

2. ***Tài liệu tham khảo:***

- Bài giảng răng hàm mặt (2006), Bộ môn Răng Hàm Mặt, trường ĐHY HN, nxb Y học.

- Trịnh Đình Hải (2013), *Bệnh học quanh răng,* Viện Đào tạo răng hàm mặt, trường ĐHYHN- Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

- Nguyễn Thu Phương (2013), *Chỉnh hình răng mặt,* Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

- **Lê Đức Lánh (2007),** *Phẫu thuật miệng, tập 1*, Nhà xuất bản Giáo dục.
- **Hoàng Tử Hùng (2003),** *Giải phẫu Răng,* Nhà xuất bản Y học.
- **Hoàng Tử Hùng (2003),** *Mô phôi răng miệng,* Nhà xuất bản Y học.
- **Trịnh Thị Thái Hà (2013),** *Chữa răng và nội nha*, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.
- **Trần Văn Trường (2002),** Nang và u lành tính vùng miệng hàm mặt- nxb Y học.
- **Trần Văn Trường (2008),** Viêm nhiễm miệng hàm mặt, nxb Y học.

VII. Lịch học: Theo Lịch giảng dạy/học tập.

VIII. Quy định với sinh viên:

1. Nhiệm vụ của sinh viên:
2. Quy định điều kiện dự thi:

IX. Tiến trình cập nhật đề cương chi tiết

TT	Cập nhật đề cương tiết lần	Ngày/tháng/năm	Người cập nhật
1.	**Lần 1**		
2.	**Lần 2**		
3.	**Dự kiến**		
4.			

PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC **BỘ MÔN/KHOA**

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC THÁI BÌNH

BỘ MÔN MẮT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Năm 2021

Tên học phần:

Tên tiếng Việt: NHÃN KHOA

Tên tiếng Anh: OPHTHALMOLOGY

Mã học phần: 3130OPHTHA0T, 3130OPHTHA0P

Ngành: Y học dự phòng

Mã ngành: 7720110

II. Hành chính.

3. Thông tin chung:

Học phần:	☑ Bắt buộc ☐ Tự chọn ☐ Không tính điểm
Thuộc kiến thức:	☐ Giáo dục đại cương ☐ Cơ sở ngành ☑ Chuyên ngành ☐ Bổ trợ
Đối tượng:	
Số tín chỉ (LT;TH/LT;LS): 02 (1LT, 1TH) Số tiết Lý thuyết: 16 Thảo luận : Số giờ tự học: 34 Số tiết TLS, Lâm sàng: 36 Thảo luận: Số giờ tự học: 14	
Số bài kiểm tra (LT/TH/LS): Giữa học phần: 0 Kết thúc học phần: 1LT/1LS	

Học phần học trước: Nội bệnh lý. Ngoại bệnh lý	
Học phần tiên quyết: Giải phẫu, Sinh lý, Sinh lý bệnh	
Học phần song hành: Không	
Bộ môn giảng dạy: Mắt	

4. Mô tả chung về học phần:

Học phần Mắt là một trong các môn y học lâm sàng trong chương trình đào tạo bác sĩ Y học Dự phòng. Học phần Mắt có thời gian trong 03 tuần giúp sinh viên có kiến thức, kỹ năng, thái độ về các bệnh học trong nhãn khoa. Sinh viên có kiến thức sâu hơn về giải phẫu và sinh lý mắt để ứng dụng trên lâm sàng (nội dung này đã được giảng dạy trong năm thứ nhất). Học phần trang bị cho sinh viên về các bệnh lý trong nhãn khoa thường gặp ở tất cả các khía cạnh: nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng lâm sàng, biến chứng, chẩn đoán, điều trị, dự phòng. Học phần này giúp bác sĩ YHDP có khả năng vận dụng hiệu quả những kiến thức y học về nhãn khoa trong nhiệm vụ của một nhân viên y tế trong mọi thười đại. Sự vận dụng này sẽ tạo ra những linh hoạt, chất lượng trong việc chăm sóc, bảo vệ sức khoẻ của cộng đồng. Trong khóa học 03 tuần sinh viên trải qua các hoạt động như sau:

- Học lý thuyết trên giảng đường vào các buổi chiều hoặc trực tuyến: cả lớp
- Học thực hành tại tiền lâm sàng và các cơ sở thực hành (bệnh viện): chia thành nhóm nhỏ học lâm sàng tại 03 bệnh viện: bệnh viện Mắt Thái Bình, bệnh viện Đa khoa tỉnh Thái Bình, bệnh viện Đại học Y Thái Bình.
- Lượng giá.

3. Cán bộ phụ trách/giảng dạy:

TT	Họ tên	Học hàm/học vị	Số điện thoại	Email	Ghi chú
1.	Hoàng Năng Trọng	Phó Giáo sư-Tiến sĩ	**0903288504**	**hoangnangtrong@yahoo.com**	Tham gia
2.	Trần Thị Minh Tân	Thạc sỹ. Bác sỹ	**0936215630**	**tanphuongchau@gmail.com**	Phụ trách

		CKII			
3.	Nguyễn Thị Thu Hà	Thạc sỹ	**0985385748**	**thuhaytb@gmail.com**	Tham gia
4.	Bùi Thị Quỳnh Anh	Thạc sỹ	**0979011185**	**xiazing@gmail.com**	Tham gia
5.	Bùi Đức Lương	Thạc sỹ	**0912286399**	**luongbdvn@gmail.com**	Tham gia
6.	Phạm Duy Dũng	Thạc sỹ	**0975091089**	**Đuyung09101989@gmail.com**	Tham gia
7.	Nguyễn Thị Thu Trang	Thạc sỹ	**0936533151**	**Trangnguyen.yk@gmail.com**	Tham gia

4. Mục tiêu học phần:

TT	Mục tiêu học phần	Mục tiêu CTĐT (PEO)
1.	Trình bày được một số kiến thức về nhãn khoa cơ sở: giải phẫu, thị lực, nhãn áp, thị trường, thuốc tra mắt.	**PEO 1**.Có kiến thức khoa học cơ bản, khoa học xã hội nhân văn, y học cơ sở và phương pháp luận nghiên cứu khoa học, làm nền tảng cho y học dự phòng.
2.	Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh của một số bệnh mắt.	**PEO 1**.Có kiến thức khoa học cơ bản, khoa học xã hội nhân văn, y học cơ sở và phương pháp luận nghiên cứu khoa học, làm nền tảng cho y học dự phòng.
3.	Phân tích được các triệu chứng lâm sàng, biến chứng của một số bệnh mắt	**PEO 1**.Có kiến thức khoa học cơ bản, khoa học xã hội nhân văn, y học cơ sở và phương pháp luận nghiên cứu khoa học, làm nền tảng cho y học dự phòng.
4.	Đưa ra được những tiêu chuẩn để	**PEO 2**.Ứng dụng được các kiến thức

	chẩn đoán và nguyên tắc điều trị một số bệnh mắt thường gặp.	chuyên môn kết hợp kỹ năng thực hành nghề nghiệp trong các hoạt động chuyên môn của lĩnh vực nhãn khoa liên quan đến y học dự phòng. **PEO 3**.Có khả năng tự nghiên cứu, tự học và học tập suốt đời, đáp ứng nhu cầu hội nhập quốc tế, phát triển nghề nghiệp, sáng tạo trong giải quyết các vấn đề thực tiễn thuộc lĩnh vực chuyên môn. **PE0 4**.Có kỹ năng tổ chức quản lý, năng lực giao tiếp, cộng tác và làm việc nhóm có hiệu quả.
5.	Biết cách xử trí một số bệnh cấp cứu trong nhãn khoa.	**PE0 4**.Có kỹ năng tổ chức quản lý, năng lực giao tiếp, cộng tác và làm việc nhóm có hiệu quả. **PEO 5**.Có đạo đức nghề nghiệp, tác phong hành nghề chuyên nghiệp, tuân thủ pháp luật và trách nhiệm với cộng đồng, vì mục tiêu chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khoẻ nhân dân.
6.	Biết cách phòng một số bệnh mắt có tính chất lây lan trong cộng đồng.	**PE0 4**.Có kỹ năng tổ chức quản lý, năng lực giao tiếp, cộng tác và làm việc nhóm có hiệu quả. **PEO** 5.Có đạo đức nghề nghiệp, tác phong hành nghề chuyên nghiệp, tuân thủ pháp luật và trách nhiệm với cộng đồng, vì mục tiêu chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khoẻ nhân dân.

5. Chuẩn đầu ra học phần

TT	CĐR Học phần	Mức độ đạt (S, H)/CĐR của CTĐT (PLO)
1.	**Kiến thức**	S: **PLO 1**. Vận dụng được kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành trong thực hành chuyên môn y học dự phòng. **PLO 2**. Vận dụng được kiến thức về khoa học cơ bản, khoa học xã hội nhân văn, khoa học chính trị và pháp luật trong công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân. **POL 3**. Vận dụng được kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức và giám sát có hiệu quả các hoạt động y học dự phòng; về quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn nghề nghiệp.
2.	**Kỹ năng**	S: **PLO 4**. Phát hiện được các vấn đề liên quan đến sức khoẻ môi trường và sức khoẻ nghề nghiệp. Trên cơ sở đó, đề xuất các giải pháp can thiện phù hợp. **PLO 6**. Có khả năng chẩn đoán, xử trí và cấp cứu các bệnh thông thường và một số bệnh chuyên khoa theo quy định. **PLO 7**. Tham gia giám sát, phát hiện sớm các bệnh dịch phổ biến và tổ chức phòng chống dịch. **PLO 8**. Có kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, thuyết trình, tìm kiếm thông tin để cập nhật kiến thức, đọc, hiểu được tài

		liệu chuyên môn.
3.	**Mức tự chủ và chịu trách nhiệm**	S: **PLO 10**. Tuân thủ đúng các quy định của ngành, pháp luật của Nhà nước và chịu trách nhiệm cá nhân về những hành vi, ứng xử và hoạt động nghề nghiệp. **PLO 11**. Chủ động, tích cực học tập để hoàn thiện các kỹ năng học tập suốt đời nhằm nâng cao năng lực tự định hướng, đưa ra kết luận, xử trí chuyên môn và có thể bảo vệ quan điểm cá nhân trong thực hành nghề nghiệp. **PLO 12**. Ứng xử theo đạo đức nghề nghiệp trong việc đảm bảo công bằng, trung thực, tôn trọng, cảm thông, chia sẻ với người bệnh, gia đình và cộng đồng. **PLO 13**. Phối hợp, ứng xử chuyên nghiệp với đồng nghiệp và cộng đồng để triển khai các hoạt động nghề nghiệp. **PLO 14**. Tận tụy với sự nghiệp bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

Chú thích: S (Support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra; H (Highly support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra.

II. NỘI DUNG

1. Lý thuyết

STT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập	CĐR HP
1	**Bài 1. Giải phẫu và sinh lý thị giác** 1..Cấu tạo giải phẫu, sinh lý phần phụ thuộc	**2**	1. Trình bày được cấu tạo giải phẫu của nhãn cầu và các bộ phận phụ thuộc	1.Vận dụng được kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành

	1.1. Hốc mắt 1.2. Mi mắt 1.3. Cơ vận nhãn 1.4. Lệ đạo 2. Cấu tạo giải phẫu, sinh lý nhãn cầu 2.1. Giác mạc 2.2. Mống mắt 2.3. Thể thủy tinh 2.4. Dịch kính 2.5. Võng mạc 3. Sự lưu thông thủy dịch 4. Đường dẫn truyền thần kinh thị giác		2. Trình bày được chức năng sinh lý của một số bộ phận của nhãn cầu và bộ phận phụ thuộc	
2	**Bài 2. Thị lực** 1. Định nghĩa 2. Yếu tố ảnh hưởng đến thị lực 3. Điều kiện để đo thị lực 4. Các phương pháp đo thị lực 4.1. Bảng thị lực 4.2. Ngón tay 4.3. Bàn tay 4.4. Nguồn sáng	**1**	1. Trình bày được mục đích đo thị lực, các yếu tố ảnh hưởng đến thị lực 2. Trình bày được các phương pháp đo thị lực	1.Vận dụng được kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành
3	**Bài 3. Tật khúc xạ** 1. Cận thị 1.1. Định nghĩa 1.2. Phân loại 1.3. Triệu chứng lâm sàng 1.4. Điều trị	**1**	1. Trình bày được triệu chứng lâm sàng tật khúc xạ cận thị, viễn thị, loạn thị 2. Trình bày được các tiêu chuẩn chẩn đoán và	1.Vận dụng được kiến thức về khoa học cơ bản, khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật trong

	2. Viễn thị 2.1. Định nghĩa 2.2. Triệu chứng lâm sàng 2.3. Điều trị 3. Loạn thị 3.1. Định nghĩa 3.2. Triệu chứng lâm sàng 3.3. Điều trị		nguyên tắc điều trị tật khúc xạ cận thị, viễn thị, loạn thị	công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.
4	**Bài 4. Viêm kết mạc** 1. Nguyên nhân viêm kết mạc 2. Viêm kết mạc do vi khuẩn 2.1. Triệu chứng lâm sàng 2.2. Cận lâm sàng 2.3. Chẩn đoán 2.4. Điều trị 3. Viêm kết mạc do virus 3.1. Triệu chứng lâm sàng 3.2. Cận lâm sàng 3.3. Chẩn đoán 3.4. Điều trị 4. Viêm kết mạc do Chlamydia 4.1. Triệu chứng lâm sàng 4.2. Cận lâm sàng 4.3. Chẩn đoán 4.4. Điều trị 5. Viêm kết mạc mùa xuân 5.1. Triệu chứng lâm sàng 5.2. Cận lâm sàng	**1**	1.Trình bày được các triệu chứng lâm sàng bệnh viêm kết mạc do vi khuẩn, virus, dị ứng 2. Trình bày được tiêu chuẩn chẩn đoán và nguyên tắc điều trị bệnh viêm kết mạc do vi khuẩn, virus, dị ứng 3. Trình bày được biện pháp phòng bệnh trong cộng đồng	1.Vận dụng được kiến thức về khoa học cơ bản, khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật trong công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

	5.3. Chẩn đoán 5.5. Điều trị			
5	**Bài 5. Loét giác mạc** 1. Các yếu tố thuận lợi 2. Nguyên nhân 3. Loét giác mạc do vi khuẩn 3.1. Triệu chứng lâm sàng 3.2. Cận lâm sàng 3.3. Chẩn đoán 3.4. Điều trị 4. Loét giác mạc do nấm 4.1. Triệu chứng lâm sàng 4.2. Cận lâm sàng 4.3. Chẩn đoán 4.4. Điều trị 5. Loét giác mạc do virus 5.1. Triệu chứng lâm sàng 5.2. Cận lâm sàng 5.3. Chẩn đoán 5.4. Điều trị 6. Loét giác mạc do ký sinh trùng 6.1. Triệu chứng lâm sàng 6.2. Cận lâm sàng 6.3. Chẩn đoán 6.4. Điều trị	**2**	1.Trình bày được các nguyên nhân, yếu tố thuận lợi trong bệnh loét giác mạc 2. Trình bày được các triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng của bệnh loét giác mạc do vi khuẩn, nấm, virus 3. Trình bày được nguyên tắc điều trị và phòng bệnh loét giác mạc do vi khuẩn, nấm, virus	1.Vận dụng được kiến thức về khoa học cơ bản, khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật trong công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.
6	**Bài 6. Viêm màng bồ đào** 1. Phân loại 2. Nguyên nhân	**2**	1.Trình bày được triệu chứng lâm sàng bệnh viêm mống mắt-thể mi	1.Vận dụng được kiến thức về khoa học cơ bản, khoa

	3. Triệu chứng lâm sàng 3.1. Triệu chứng cơ năng 3.2. Triệu chứng thực thể 4. Biến chứng 5. Điều trị		2. Trình bày được nguyên tắc điều trị bệnh viêm mống mắt-thể mi	học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật trong công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.
7	**Bài 7. Nhãn áp** 1.Định nghĩa 2.Vai trò của nhãn áp 3.Các yếu tố ảnh hưởng đến nhãn áp 4. Các phương pháp đo nhãn áp	**0,5**	1.Trình bày được các yếu tố ảnh hưởng đến nhãn áp 2. Trình bày được các phương pháp đo nhãn áp	1.Vận dụng được kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành
8	**Bài 8. Thị trường** 1. Định nghĩa 2. Giới hạn thị trường 3. Các tổn thương thị trường trong bệnh glôcôm	**0,5**	1.Trình bày được giới hạn thị trường bình thường 2.Trình bày được các tổn thương thị trường trong bệnh glôcôm	1.Vận dụng được kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành
9	**Bài 9. Glôcôm** 1. Định nghĩa 2. Phân loại 3. Glôcôm nguyên phát góc đóng 3.1. Dịch tễ 3.2. Cơ chế bệnh sinh 3.3. Triệu chứng lâm sàng 3.4. Điều trị 4. Glôcôm nguyên phát	**2**	1. Trình bày được cơ chế bệnh sinh của bệnh glôcôm góc đóng nguyên phát và glôcôm góc mở nguyên phát 2. Trình bày được triệu chứng lâm sàng của bệnh glôcôm góc đóng nguyên phát và glôcôm góc mở nguyên phát	1.Vận dụng được kiến thức về khoa học cơ bản, khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật trong công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

	góc mở 4.1. Dịch tễ 4.2. Cơ chế bệnh sinh 4.3. Triệu chứng lâm sàng 4.4. Điều trị 4.5. Phòng bệnh		3. Trình bày được tiêu chuẩn chẩn đoán và nguyên tắc xử trí cấp cứu, điều trị glôcôm góc đóng nguyên phát và glôcôm góc mở nguyên phát	
10	**Bài 10. Bỏng mắt** 1. Nguyên nhân gây bỏng 2. Các yếu tố ảnh hưởng đến mức độ bỏng 3. Phân loại độ bỏng 4. Bỏng mắt do acid 4.1. Triệu chứng lâm sàng 4.2. Xử trí và điều trị 5. Bỏng mắt do bazơ 5.1. Triệu chứng lâm sàng 5.2. Xử trí và điều trị	**1**	1.Trình bày được triệu chứng lâm sàng, biến chứng của bỏng mắt do acid, bazơ 2. Trình bày được nguyên tắc xử trí cấm cứu, điều trị bỏng mắt do acid, bazơ tại cộng đồng và bệnh viện	1.Vận dụng được kiến thức về khoa học cơ bản, khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật trong công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.
11	**Bài 11. Chấn thương** 1. Phân loại 2. Các tổn thương trong chấn thương đụng giập 2.1. Phù giác mạc 2.2. Xuất huyết kết mạc 2.3. Xuất huyết tiền phòng 2.4. Rách mống mắt 2.5. Lệch thể thủy tinh 3. Các tổn thương trong chấn thương xuyên nhãn cầu 3.1. Rách giác mạc	**1**	1.Trình bày được một số tổn thương mắt trong chấn thương 2.Trình bày được một số xử trí cấm cứu, điều trị chấn thương mắt	1.Vận dụng được kiến thức về khoa học cơ bản, khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật trong công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

	3.2. Rách củng mạc			
12	**Bài 12. Đục thể thủy tinh** 1. Định nghĩa 2. Triệu chứng lâm sàng 3. Biến chứng 4. Chẩn đoán 5. Điều trị	**1**	1.Trình bày được triệu chứng lâm sàng bệnh đục TTT do tuổi già 2.Trình bày tiêu chuẩn đoán, nguyên tắc điều trị bệnh đục TTT do tuổi già	1.Vận dụng được kiến thức về khoa học cơ bản, khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật trong công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.
13	**Bài 13. Điều trị học trong nhãn khoa (Tự học)** 1. Các cách đưa thuốc vào mắt 2. Tiêu chuẩn thuốc tra mắt 3. Các nhóm thuốc hay sử dụng trên lâm sàng 3.1. Sát khuẩn 3.2. Kháng sinh 3.3. Kháng nấm 3.4. Kháng virus 3.5. Chống viêm 3.6. Dinh dưỡng giác mạc	**2**	1.Trình bày được một số phương pháp đưa thuốc vào mắt 2. Trình bày được tiêu chuẩn của thuốc tra mắt	1.Vận dụng được kiến thức về khoa học cơ bản, khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật trong công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

5. **Thực hành tiền lâm sàng**

STT	**Tên bài**	**Số tiết**	**Mục tiêu học tập**	**CĐR**

1	**Bài 1. Cách khám mắt chung** 1. Khám phần phụ thuộc 2. Khám nhãn cầu	**4**	1.Thực hiện được các bước khám mắt	1.Thực hiện thành thạo các thao tác khám bán phần trước nhãn cầu 2.Sử dụng được một số trang thiết bị
2	**Bài 2. Khám một số chức năng** 1. Đo thị lực 2. Đo nhãn áp	**4**	1. Đo được thị lực 2. Kiến tập các bước đo nhãn áp	1.Thực hiện thành thạo các bước đo thị lực 2. Biết các bước đo nhãn áp và ý nghĩa của các bước đó

3. Lâm sàng

STT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập	CĐR
1	**Bài 1. Khám phát hiện bệnh nhân viêm kết mạc** 1. Xác định triệu chứng cơ năng 2. Xác định triệu chứng thực thể 3. Đưa ra chẩn đoán 4. Quyết định điều trị 5. Tiên lượng 6. Hướng dẫn phòng bệnh	**4**	1. Khai thác được bệnh sử, tiền sử của BN bị viêm kết mạc 2. Ra được quyết định điều trị cho BN bị viêm kết mạc 3. Tư vấn cho BN cách phòng bệnh	1. Khai thác tiền sử, bệnh sử của người bệnh chính xác, đầy đủ, rõ ràng; khám, chẩn đoán, chỉ định cận lâm sàng phù hợp, tiên lượng, điều trị được bệnh 2. Xử trí được một số dịch bệnh thông thường và đề xuất những biện pháp

				xử lý thích hợp. 3. Giao tiếp với người bệnh và gia đình có hiệu quả trên cơ sở đồng cảm, có sự xem xét các yếu tố văn hóa tín ngưỡng và mức độ hiểu biết về y tế của người bệnh, đảm bảo an toàn người bệnh, lấy người bệnh làm trung tâm.
2	**Bài 2. Khám phát hiện bệnh nhân có tật khúc xạ** 1. Xác định triệu chứng cơ năng 2. Xác định triệu chứng thực thể 3. Đưa ra chẩn đoán 4. Quyết định điều trị	**4**	1. Biện luận chẩn đoán được loại tật khúc xạ của BN 2. Ra được quyết định chỉnh kính cho BN có tật khúc xạ 3. Hướng dẫn được cho BN cách chăm sóc mắt có tật khúc xạ	1.Khám, chẩn đoán, chỉ định chỉnh kính phù hợp cho các loại tật khúc xạ 2. Giao tiếp với người bệnh và gia đình có hiệu quả trên cơ sở đồng cảm, có sự xem xét các yếu tố văn hóa tín ngưỡng và mức độ hiểu biết về y tế của người bệnh, đảm bảo an toàn người bệnh,

				lấy người bệnh làm trung tâm.
3	**Bài 3. Khám phát hiện bệnh nhân loét giác mạc do vi khuẩn** 1. Xác định triệu chứng cơ năng 2. Xác định triệu chứng thực thể 3. Đưa ra chẩn đoán 4. Quyết định điều trị 5. Tiên lượng	**4**	1. Khai thác được bệnh sử, tiền sử, phân tích triệu chứng thực thể của BN bị loét giác mạc do vi khuẩn 2. Ra được quyết định CLS 3. Ra được quyết định điều trị cho BN bị loét giác mạc do vi khuẩn 4. Hướng dẫn được cho BN cách chăm sóc và phòng bệnh loét giác mạc do vi khuẩn	1. Khai thác tiền sử, bệnh sử của người bệnh chính xác, đầy đủ, rõ ràng; khám, chẩn đoán, chỉ định cận lâm sàng phù hợp; tiên lượng, điều trị được bệnh 2. Giao tiếp với người bệnh và gia đình có hiệu quả trên cơ sở đồng cảm, có sự xem xét các yếu tố văn hóa tín ngưỡng và mức độ hiểu biết về y tế của người bệnh, đảm bảo an toàn người bệnh, lấy người bệnh làm trung tâm.
4	**Bài 4. Khám phát hiện bệnh nhân loét giác mạc do nấm** 1. Xác định triệu chứng cơ năng	**4**	1. Khai thác được bệnh sử, tiền sử phát hiện triệu chứng thực thể của BN bị loét giác mạc do nấm	1.Khai thác tiền sử, bệnh sử của người bệnh chính xác, đầy đủ, rõ ràng; khám, chẩn

	2. Xác định triệu chứng thực thể 3. Đưa ra chẩn đoán 4. Quyết định điều trị 5. Tiên lượng		2. Ra được quyết định CLS 3. Ra được quyết định điều trị cho BN bị loét giác mạc do nấm 4. Hướng dẫn được cho BN cách chăm sóc và phòng bệnh loét giác mạc do nấm	đoán, chỉ định cận lâm sàng phù hợp, tiên lượng, điều trị được bệnh 2. Giao tiếp với người bệnh và gia đình có hiệu quả trên cơ sở đồng cảm, có sự xem xét các yếu tố văn hóa tín ngưỡng và mức độ hiểu biết về y tế của người bệnh, đảm bảo an toàn người bệnh, lấy người bệnh làm trung tâm.
5	**Bài 5. Khám phát hiện bệnh nhân loét giác mạc do virus** 1. Xác định triệu chứng cơ năng 2. Xác định triệu chứng thực thể 3. Đưa ra chẩn đoán 4. Quyết định điều trị 5. Tiên lượng	**4**	1. Khai thác được bệnh sử, tiền sử phát hiện triệu chứng thực thể của BN bị loét giác mạc do virus 2. Ra được quyết định điều trị cho BN bị loét giác mạc do virus 3. Hướng dẫn được cho BN cách chăm sóc và phòng bệnh loét giác mạc do virus	1.Khai thác tiền sử, bệnh sử của người bệnh chính xác, đầy đủ, rõ ràng; khám, chẩn đoán, chỉ định cận lâm sàng, tiên lượng, điều trị được bệnh 2. Giao tiếp với người bệnh và gia đình có hiệu quả trên cơ sở đồng

				cảm, có sự xem xét các yếu tố văn hóa tín ngưỡng và mức độ hiểu biết về y tế của người bệnh, đảm bảo an toàn người bệnh, lấy người bệnh làm trung tâm.
6	**Bài 6. Khám phát hiện bệnh nhân viêm màng bồ đào** 1. Xác định triệu chứng cơ năng 2. Xác định triệu chứng thực thể 3. Đưa ra chẩn đoán 4. Quyết định điều trị 5. Tiên lượng	**8**	1. Khai thác được bệnh sử, tiền sử phát hiện triệu chứng thực thể của BN bị viêm mống mắt-thể mi 2. Ra được quyết định điều trị cho BN bị viêm mống mắt-thể mi 3. Phát hiện được biến chứng của BN bị viêm mống mắt-thể mi	1.Khai thác tiền sử, bệnh sử của người bệnh chính xác, đầy đủ, rõ ràng; khám, chẩn đoán, tiên lượng, điều trị được bệnh 2. Giao tiếp với người bệnh và gia đình có hiệu quả trên cơ sở đồng cảm, có sự xem xét các yếu tố văn hóa tín ngưỡng và mức độ hiểu biết về y tế của người bệnh, đảm bảo an toàn người bệnh, lấy người bệnh làm trung tâm.

7	**Bài 7. Khám phát hiện bệnh nhân Glôcôm** 1. Xác định triệu chứng cơ năng 2. Xác định triệu chứng thực thể 3. Đưa ra chẩn đoán 4. Quyết định điều trị 5. Tiên lượng	**8**	1. Khai thác được bệnh sử, tiền sử, phân tích triệu chứng thực thể của BN bị Glôcôm 2. Biện luận chẩn đoán và ra được quyết định điều trị cho BN bị Glôcôm	1.Khai thác tiền sử, bệnh sử của người bệnh chính xác, đầy đủ, rõ ràng, khám, chẩn đoán, tiên lượng, điều trị được bệnh 2. Xử trí được một số trường hợp cấp cứu, và đề xuất những biện pháp xử lý thích hợp. 3. Giao tiếp với người bệnh và gia đình có hiệu quả trên cơ sở đồng cảm, có sự xem xét các yếu tố văn hóa tín ngưỡng và mức độ hiểu biết về y tế của người bệnh, đảm bảo an toàn người bệnh, lấy người bệnh làm trung tâm.
8	**Bài 8. Khám phát hiện bệnh nhân đục thể thủy tinh** 1. Xác định triệu chứng cơ năng	**8**	1.Khai thác được bệnh sử, tiền sử của BN bị đục TTT do tuổi già 2. Biện luận chẩn đoán và ra quyết định điều	1.Khai thác tiền sử, bệnh sử của người bệnh chính xác, đầy đủ, rõ ràng; khám, chẩn

	2. Xác định triệu chứng thực thể 3. Đưa ra chẩn đoán 4. Quyết định điều trị 5. Tiên lượng		trị cho BN bị đục TTT do tuổi già	đoán, chỉ định cận lâm sàng và thăm dò chức năng phù hợp; tiên lượng, điều trị được bệnh 2. Giao tiếp với người bệnh và gia đình có hiệu quả trên cơ sở đồng cảm, có sự xem xét các yếu tố văn hóa tín ngưỡng và mức độ hiểu biết về y tế của người bệnh, đảm bảo an toàn người bệnh, lấy người bệnh làm trung tâm.
9	**Bài 9. Khám phát hiện, xử trí các tổn thương trong chấn thương mắt** 1. Phát hiện xuất huyết tiền phòng 2. Xử trí xuất huyết tiền phòng	**4**	1. Khai thác được bệnh sử của BN bị xuất huyết tiền phòng sau chấn thương mắt 2. Phân tích được các triệu chứng thực thể trên BN bị xuất huyết tiền phòng sau chấn thương mắt 3. Biện luận chẩn đoán và ra quyết định xử trí cấp cứu, điều trị BN bị	1.Khai thác tiền sử, bệnh sử của người bệnh chính xác, đầy đủ, rõ ràng; khám, chẩn đoán, tiên lượng, điều trị được bệnh 2. Xử trí được một số trường hợp cấp cứu, và đề xuất những biện pháp xử lý thích hợp.

			xuất huyết tiền phòng sau chấn thương mắt	3. Giao tiếp với người bệnh và gia đình có hiệu quả trên cơ sở đồng cảm, có sự xem xét các yếu tố văn hóa tín ngưỡng và mức độ hiểu biết về y tế của người bệnh, đảm bảo an toàn người bệnh, lấy người bệnh làm trung tâm.
10	**Bài 10. Khám phát hiện, xử trí các tổn thương trong chấn thương mắt** 1. Xác định vết thương mi mắt 2. Xử trí vết thương mi mắt	**4**	1. Khai thác được bệnh sử, phân tích được tổn thương mi mắt của BN sau khi bị chấn thương mắt 2. Quan sát xử trí vết thương mi mắt của BN sau khi bị chấn thương mắt	1.Khai thác tiền sử, bệnh sử của người bệnh chính xác, đầy đủ, rõ ràng; khám, chẩn đoán, tiên lượng, điều trị được bệnh 2. Xử trí được một số trường hợp cấp cứu, và đề xuất những biện pháp xử lý thích hợp. 3. Giao tiếp với người bệnh và gia đình có hiệu quả trên cơ sở đồng cảm, có sự xem

				xét các yếu tố văn hóa tín ngưỡng và mức độ hiểu biết về y tế của người bệnh, đảm bảo an toàn người bệnh, lấy người bệnh làm trung tâm.
11	**Bài 11. Khám và xử trí bệnh nhân bỏng mắt do acid** 1. Phát hiện các tổn thương của bệnh nhân bỏng mắt do acid 2. Xử trí bệnh nhân bỏng mắt do acid 3. Tiên lượng	**4**	1.Khai thác được bệnh sử, phân tích được các tổn thương mắt của BN sau khi bị bỏng mắt do acid 2. Xử trí cấp cứu được cho BN bị bỏng mắt do acid 3. Hướng dẫn được cho BN cách xử trí, chăm sóc, bảo vệ mắt tại cộng đồng sau khi bị acid bắn vào	1.Khai thác tiền sử, bệnh sử của người bệnh chính xác, đầy đủ, rõ ràng; khám, chẩn đoán, tiên lượng, điều trị được bệnh 2. Xử trí được một số trường hợp cấp cứu, và đề xuất những biện pháp xử lý thích hợp. 3. Giao tiếp với người bệnh và gia đình có hiệu quả trên cơ sở đồng cảm, có sự xem xét các yếu tố văn hóa tín ngưỡng và mức độ hiểu biết về y tế của người bệnh, đảm bảo an

				toàn người bệnh, lấy người bệnh làm trung tâm.
12	**Bài 12. Khám và xử trí bệnh nhân bỏng mắt do bazơ** 1. Phát hiện các tổn thương của bệnh nhân bỏng mắt do bazơ 2. Xử trí bệnh nhân bỏng mắt do bazơ 3. Tiên lượng	**4**	1.Khai thác được bệnh sử, phân tích được các tổn thương mắt của BN sau khi bị bỏng mắt do bazơ 2. Xử trí cấp cứu được cho BN bị bỏng mắt do bazơ 3. Hướng dẫn được cho BN cách xử trí, chăm sóc, bảo vệ mắt tại cộng đồng sau khi bị bazơ bắn vào	1.Khai thác tiền sử, bệnh sử của người bệnh chính xác, đầy đủ, rõ ràng; khám, chẩn đoán, tiên lượng, điều trị được bệnh 2. Xử trí được một số trường hợp cấp cứu, và đề xuất những biện pháp xử lý thích hợp. 3. Giao tiếp với người bệnh và gia đình có hiệu quả trên cơ sở đồng cảm, có sự xem xét các yếu tố văn hóa tín ngưỡng và mức độ hiểu biết về y tế của người bệnh, đảm bảo an toàn người bệnh, lấy người bệnh làm trung tâm.
13	**Bài 13. Quan sát một sỗ**	**4**	1. Quan sát cách tiêm	1.Thực hiện thành

	phương pháp đưa thuốc vào mắt 1. Tra thuốc 2. Tiêm dưới kết mạc 3. Tiêm hậu nhãn cầu		DKM, HNC 2. Thực hiện tra thuốc mắt cho BN	thạo phương pháp tra thuốc mắt 2.Có kỹ năng hướng dẫn BN tự tra thuốc mắt đúng cách

III. Phương pháp dạy/học

1. Lý thuyết

- Thuyết trình
- Case-study

2. Thực hành tiền lâm sàng

- Thảo luận nhóm
- Tình huống lâm sàng
- Làm mẫu
- Thuyết trình

3. Lâm sàng

- Thảo luận nhóm
- Giảng đầu giường
- Bình bệnh án

IV. Phương tiện, vật liệu dạy/học

1. Lý thuyết

- Trực tuyến
- Bảng, phấn
- Máy chiếu Projector
- Tranh giải phẫu, hình ảnh bệnh lý
- Cases
- Câu hỏi
- Tình huống

2. Thực hành tiền lâm sàng

- Bảng, phấn
- Mô hình, băng video, đĩa CD

- Tranh, ảnh
- Dụng cụ khám: đèn, bảng thị lực, nhãn áp kế

3. Lâm sàng

- Bệnh nhân
- Case lâm sàng
- Dụng cụ khám: đèn, bảng thị lực, nhãn áp kế…
- Dụng cụ làm thủ thuật
- Thuốc để khám bệnh
- Hồ sơ, bệnh án.

V. Phương pháp lượng giá

- Thang điểm 10
- Các điểm thành phần

Điểm thành phần	**Trọng số tính điểm**	**Bài đánh giá**	**Hình thức đánh giá**	**Tiêu chí đánh giá**	**CĐR được đánh giá**	**Điểm tối đa**
Đánh giá chuyên cần (**ĐCC**)	0,1	Cả quá trình	-Quan sát. -Giám sát. -Điểm danh	-Thời gian tham gia học -Tính chủ động -Tính tích cực	-Đủ thời gian -Tích cực -Chủ động	10

Điểm giữa học phần (**ĐGHP**)	0	0	0	0	0	0
Điểm thực hành (**ĐTH**)	0,5	Bài thi	Vấn đáp	Trả lời câu hỏi	Đúng	10
Điểm kết thúc học phần (**ĐKTHP**)	0,4	Bài thi	Trắc nghiệm	Chọn đáp án	Đúng	10

Công thức tính điểm:

Rubric 1: Điểm danh: 10 điểm

Tiêu chí	**Điểm trừ**
Không vắng	0
Nghỉ học có phép	2
Nghỉ học không phép	10
Đi muộn	0,5

Rubric 2: Vấn đáp

Mức độ đạt chuẩn quy định					
Tiêu chí đánh giá	**Điểm (0-3.9)**	**Điểm (4.0-5.4)**	**Điểm (5.5-6.9)**	**Điểm (7.0-8.4)**	**Điểm (8.5-10)**
Nội dung câu hỏi	-Không đạt 5/5 -Đạt 1/5 mức độ dễ -Không đạt mức độ TB, khó	-Đạt 2-3/5 mức độ dễ -Không đạt mức độ TB, khó	-Đạt 1-3/5 mức độ dễ -Đạt 1/5 mức độ TB -Không đạt mức độ khó	-Đạt 2-3/5 mức độ dễ -Đạt 1/5 mức độ TB -Không đạt mức độ khó	-Đạt 3/5 mức độ dễ -Đạt 1/5 mức độ TB - Đạt 1/5 hoặc không đạt mức độ khó

VI. Tài liệu học tập và tham khảo

1.Tài liệu học tập chủ yếu

- Giáo trình của bộ môn

2.Tài liệu tham khảo

- Đỗ Như Hơn, Nhãn khoa tập 1, Nhà xuất bản Y học
- Đỗ Như Hơn, Nhãn khoa tập 2, Nhà xuất bản Y học
- Đỗ Như Hơn, Nhãn khoa tập 3, Nhà xuất bản Y học
- Phan Dẫn, Nhãn khoa giản yếu tập 1, Nhà xuất bản Y học
- Phan Dẫn, Nhãn khoa giản yếu tập 2, Nhà xuất bản Y học

VII. Lịch học: Theo Lịch giảng dạy/học tập.

VIII. Quy định với sinh viên:

1.Nhiệm vụ của sinh viên:

1.1. Nhiệm vụ khi đi lâm sàng tại phòng khám

- Tiếp cận với các thao tác phần mềm khám chữa bệnh ngoại trú
- Hướng dẫn bệnh nhân thực hiện một số yêu cầu trước khi khám bệnh
- Tiếp cận bệnh nhân, người nhà bệnh nhân để có thông tin về bệnh lý của bệnh nhân
- Khám bệnh cùng bác sỹ
- Thực hiện một số khám nghiệm trong nhãn khoa khi cần thiết
- Đề xuất ghi các thăm dò cận lâm sàng
- Hướng dẫn bệnh nhân làm thủ tục hoàn thành xét nghiệm
- Phiên giải các dấu hiệu lâm sàng và kết quả cận lâm sàng
- Đưa ra các chẩn đoán tiềm năng
- Ra được quyết định xử trí, điều trị cho bệnh nhân
- Đề xuất phương án chăm sóc, dự phòng bệnh cho bệnh nhân
- Tham gia hoàn thiện hồ sơ bệnh án

1.2. Nhiệm vụ khi đi lâm sàng tại khoa điều trị nội trú

- Tiếp cận với các thao tác trên phần mềm
- Tiếp cận với bệnh nhân và người nhà bệnh nhân để nắm bắt được các thông tin cần thiết về bệnh lý mà bệnh nhân đang điều trị
- Khám bệnh và theo dõi diễn biến của người bệnh cùng các bác sỹ
- Thực hiện một số khám nghiệm, thủ thuật khi cần thiết
- Tham gia điều trị và chăm sóc bệnh nhân

- Tham gia hoàn thành hồ sơ bệnh án điều trị nội trú
- Tham gia các buổi giảng lâm sàng
- Tham gia các buổi sinh hoạt khoa học

1.3. Nhiệm vụ trong giờ học lâm sàng hàng ngày

1.3.1. Trách nhiệm với người bệnh

- Sinh viên có trách nhiệm nắm rõ diễn biến bệnh sử, tiền sử bệnh lý của bệnh nhân.
- Sinh viên có trách nhiệm khám, phát hiện các triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng của bệnh nhân.
- Thảo luận để đưa ra chẩn đoán tiềm năng.
- Báo cáo các thông tin về ca bệnh khi giảng đầu giường, bình bệnh án.
- Tham gia điều trị, chăm sóc bệnh nhân cùng các bác sỹ, điều dưỡng.

1.3.2. Trách nhiệm với bản thân

- Tự tìm tòi, trao dồi kiến thức trên lâm sàng dựa trên những kiến thức đã được trang bị.
- Có trách nhiệm đúc kết những kiến thức, kinh nghiệm lâm sàng để sau này trở thành bác sỹ giỏi.
- Hình thành khả năng làm việc độc lập, kết hợp nhóm.
- Tăng cường khả năng tư duy, phán đoán trên lâm sàng.
- Chú trọng đạo đức, an toàn trong nghề nghiệp.

1.3.3. Trách nhiệm với đồng nghiệp

- Có tinh thần cộng tác, học hỏi lẫn nhau.
- Có trách nhiệm bảo vệ và trung thực với đồng nghiệp.
- Luôn tôn trọng kiến thức của đồng nghiệp.

2. Quy định điều kiện dự thi:

- Hoàn thành đủ thời gian tham gia học LT, LS theo quy định
- Hoàn thành các thủ tục theo quy định của phòng QLĐT
- Đủ các minh chứng học bù, học lại (nếu có) hợp lệ
- Đủ chữ ký duyệt thi của bộ môn, phòng chức năng.

IX. Tiến trình cập nhật đề cương chi tiết

TT	Cập nhật đề cương chi tiết lần	Ngày/tháng/năm	Người cập nhật
1.	**Lần 1**	**05/2019**	Trần Thị Minh Tân
2.	**Lần 2**	**05/2021**	Trần Thị Minh Tân

3.	**Dự kiến**	**Năm 2023**	

PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC **BỘ MÔN**

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC THÁI BÌNH

BỘ MÔN TÂM THẦN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN TÂM THẦN HỌC

Tên học phần:

Tên tiếng Việt: Tâm thần học

Tên tiếng Anh: Psychiatry

Mã học phần: 3130PSYCHI0T, 3130PSYCHI0T

Ngành: Y học dự phòng

Mã ngành: 7720110

I. HÀNH CHÍNH

3. Thông tin chung:

Học phần:	☑ Bắt buộc ☐ Tự chọn ☐ Không tính điểm
Thuộc kiến thức:	☐ Giáo dục đại cương ☐ Cơ sở ngành ☑ Chuyên ngành ☐ Bổ trợ
Đối tượng:	**BSYHDP năm thứ 5**
Số tín chỉ (LT;TH/LT;LS): Số tiết Lý thuyết: Thảo luận : Số giờ tự học: Số tiết Thực hành/ Lâm sàng: Thảo luận: Số giờ tự học:	 **16** **34** **36** **14**
Số bài kiểm tra (LT/TH/LS): Giữa học phần: Kết thúc học phần:	**4** **2** **2**

Học phần học trước:	**Học theo lịch của phòng đào tạo**
Học phần tiên quyết:	
Học phần song hành:	
Bộ môn/Khoa giảng dạy:	**Bộ môn tâm thần**

2. Mô tả chung về học phần:

2.1. Lý thuyết:

Chương trình lý thuyết bao gồm phần đại cương phần này nêu lên khái niệm thế nào là các rối loạn tâm thần. Tầm quan trọng của tâm thần học trong y học nói riêng và trong cuộc sống của con người nói chung. Nêu các quan niệm khác nhau về tâm thần. Nêu vấn đề bệnh nguyên, bệnh sinh của các rối loạn tâm thần để từ đó tìm ra cách phòng chữa và giám định các trường hợp bị rối loạn tâm thần.

Phần triệu chứng học mô tả chi tiết các triệu chứng của bệnh giúp cho người học nắm chắc các triệu chứng bệnh lý và biết phân biệt với sinh lý bình thường của con người.

Phần bệnh học nêu lên triệu chứng, vấn đề bệnh nguyên, vấn đề bệnh sinh. Nêu cụ thể tiêu chuẩn chẩn đoán cho một số bệnh tâm thần thường gặp. Nêu nguyên tắc điều trị chung cho các rối loạn tâm thần và riêng cho từng loại bệnh cụ thể để giúp sinh viên nắm chắc được cách điều trị và dự phòng bệnh tái phát.

2.2. Lâm sàng:

Sinh viên đi thực tập tại bệnh viện tâm thần tham gia học tập hỏi và khám trên người bệnh cụ thể có thầy cô tham gia điều trị giảng dạy và các bác sỹ lâm sàng có nhiều kinh nghiệm. Học về cách khai thác bệnh nhân về triệu chứng bệnh, thời gian xuất hiện bệnh, số lần tái phát, về tiền sử gia đình có người thân nội ngoại 3 đời bị các rối loạn tâm thần từ đó sinh viên phải lập luận chẩn đoán và điều trị cho bệnh nhân thông qua bệnh án chi tiết. Mỗi khóa học sinh viên có những buổi giảng của giảng viên về phát hiện các triệu chứng cụ thể trên bệnh nhân(Giảng đầu giường). Sau đó có những buổi bình bệnh án (nghiên cứu từng ca) giúp cho sinh viên lập luận và chẩn đoán chắc chắn và đưa ra phương án điều trị cụ thể.

3. Cán bộ phụ trách/giảng dạy:

STT	Họ và tên	Học hàm/ học vị	Số điện thoại	Email	Ghi chú
1	Nguyễn Thanh Bình	PGS-TS	0912.301.748	binhnt@tbump.edu.vn	Phụ trách
2	Nguyễn Chí Linh	ThS	0983.647.439	Chilinhhanam@gmail.com	Giảng viên
3	Trần Thị Hải Yến	ThS	0913..081.001	Tranyen_dr@yahoo.com.vn	Giảng viên
4	Trần Thị Hòa	ThS	0962.311.622	bs.hoa1302@gmail.com	Giảng viên
5	Bùi Thị Hiên	BSCKI	0988.151.179	hienbmtt@gmail.com	Giảng viên

4. Mục tiêu học phần

STT	Mục tiêu học phần	Mục tiêu CTĐT (PEO)
1	**Kiến thức:** - Trình bày được các triệu chứng, các hội chứng trong các rối loạn tâm thần thường gặp. - Trình bày được các tiêu chuẩn chẩn đoán và các phương pháp sử trí các rối loạn tâm thần thường gặp. - Trình bày được một số phương pháp điều trị, tổ chức quản lý công tác chăm sóc sức khỏe tâm thần tại cộng đồng.	PEO 1,2

2	**Kỹ năng** - Phát hiện được những biểu hiện rối loạn tâm thần trong cộng đồng. - Chẩn đoán chính xác và xử trí được một số rối loạn tâm thần thường gặp trong cộng đồng. - Biết cách tổ chức và quản lý, điều trị ngoại trú, chăm sóc sức khỏe tâm thần tại cộng đồng.	PEO 3 PEO 4
3	**Thái độ :** - Sức khỏe tâm thần là một vấn đề xã hội quan trọng trong chăm sóc sức khỏe nói chung. - Việc phát hiện và sử trí sớm các rối loạn tâm thần làm giảm hậu quả xấu lâu dài ảnh hưởng đến chất lượng sống của bệnh nhân tâm thần. - Giáo dục sức khỏe tâm thần cho cộng đồng có ý nghĩa to lơn trong việc năng cao sức khỏe tâm thần nói riêng, sức khỏe cộng đồng nói chung	PEO 5

5. Chuẩn đầu ra học phần

STT	CĐR học phần	Mức độ đạt (S,H) (S,H)/ CĐR của CTĐT (PLO)
1	Kiến thức	S: PLO 1,2 H: PLO 3,4,5
2	Kỹ năng	S: PLO 6,7,9,10,11,12

		H: PLO 8,13
3	Thái độ	S: PLO 14

II. NỘI DUNG

1. Lý thuyết

STT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập	CĐR HP
1	**Bài 1. Đại cương tâm thần học** 1. Nội dung và đối tượng nghiên cứu của tâm thần học 2. Tầm quan trọng của tâm thần học 3. Phân biệt bệnh tâm thần với bệnh thần kinh 4. Sự liên quan giữa tâm thần học với các khoa học khác 5. Lịch sử phát triển của ngành tâm thần học 6. Đặc điểm riêng của các triệu chứng và các hội chứng tâm thần - Các đặc điểm riêng cơ bản của các triệu chứng và các hội chứng - Triệu chứng âm tính và triệu chứng dương tính	**2**	1. Hiểu được nội dung, đối tượng nghiên cứu và tầm quan trọng của tâm thần học 2. Phân biệt được bệnh tâm thần và bệnh thần kinh. Sự liên quan giữa tâm thần học và các môn khoa học khác 3. Kể ra được các triệu chứng âm tính và các triệu chứng dương tính trong tâm thần học	**PLO 1,2**
2	**Bài 2. Rối loạn cảm giác và tri giác** 1. Khái niệm tâm lý học về cảm giác và tri	**1**	1.Thuộc được khái niệm cảm	**PLO 1,2**

	giác 2. Rối loạn cảm giác 2.1. Tăng cảm giác 2.2. Giảm cảm giác 2.3. Loạn cảm giác bản thể 3. Rối loạn tri giác 3.1. Ảo giác: - Khái niệm ảo giác - Cách phân loại ảo giác 3.2. Ảo tưởng 5. 4. Các rối loạn tâm lý giác quan		giác, tri giác 2. Phân biệt được các rối loạn cảm giác và tri giác 3. Phân loại được các rối loạn về tri giác	
3	**Bài 3. Rối loạn cảm xúc** 1. Khái niệm tâm lý học về cảm xúc 2. Phân loại cảm xúc 2.1. Cách thứ nhất: chia ra cảm xúc cao và cảm xúc thấp 2.2. cách thứ hai: chia theo cảm xúc dương tính và cảm xúc âm tính 2.3. Cách thứ ba: chia theo cường độ của cảm xúc 3. Các triệu chứng rối loạn cảm xúc 3.1. Các triệu chứng thuộc về tăng cảm xúc 3.2. Các triệu chứng thuộc về giảm cảm xúc 3.3. Các rối loạn cảm xúc dị thường 4. Các hội chứng rối loạn cảm xúc. 4.1. Hội chứng trầm cảm	**1**	1. Thuộc được khái niệm về cảm xúc 2. Phân loại được cảm xúc 3. Phát hiện các rối loanj cảm xúc 4. Quy được các triệu chứng thành các hội chứng rối loạn cảm xúc	**PLO 1,2**

	4.2. Hội chứng hưng cảm 4.3. Hội chứng loạn cảm			
4	**Bài 4 : Rối loạn tư duy** 1. Khái niệm tâm lý học về tư duy 2. Các rối loạn về tư duy 2.1. Rối loạn về hình thức tư duy - Nhịp độ ngôn ngữ Nhịp nhanh (tư duy phi tán, tư duy dồn dập, tư duy hổ lốn) nhịp chậm(Tư duy chậm chạp, tư duy ngắt quãng, tư duy lai nhai, tư duy kiên định) - Theo hình thức phát ngôn (nói một mình, nói tay đôi tưởng tượng, không nói, trả lời bên cạnh, Trả lời lặp lại) - Theo kết cấu ngôn ngữ: Rối loạn kết âm, phát âm. rối loạn ngữ pháp và logic. chơi chữ... - Theo mục đích, ý nghĩa của ngôn ngữ 2.2. Rối loạn nội dung tư duy - Định kiến - Ám ảnh - Hoang tưởng: Khái niệm, Cách phân loại hoang tưởng 3. Các hội chứng rối loạn tư duy 3.1. Hội chứng paranoia 3.2. hội chứng paranoide 3.3. hội chứng paraphrenia	**2**	1. Thuộc được khái niệm thế nào là tư duy 2. Biết phân loại được các rối loạn về tư duy 3. Phân biệt được hoang tưởng, ám ảnh, định kiến 4. Quy được các triệu chứng thành các hội chứng rối loạn về tư duy	**PLO1,2**

	3.4. Hội chứng nghi bệnh 3.5. hội c hứng ám ảnh			
5	**Bài 5. Rối loạn hoạt động có ý chí** 1. Khái niệm tâm lý học về hoạt động bản năng và hoạt động có ý chí. 2. Rối loạn hoạt động có ý chí 2.1. Rối loạn vận động 2.2. Rối loạn hoạt động có ý chí 2.3. Rối loạn hoạt động bản năng 3. Các hội chứng rối loạn hoạt động có ý chí. 3.1. Các hội chứng hưng phấn tâm lý vận động 3.2. Các hội chứng ức chế tâm lý vận động	**1**	1. Thuộc được khái niệm về hoạt động có ý chí và hoạt động bản năng 2. Phát hiện được các rối loạn hoạt động có ý chí và rối loạn hoạt động bản năng 3. Phân tích được các hội chứng rối loạn hoạt động có ý chí	**PLO 1,2**
6	**Bài 6. Rối loạn trí tuệ** 1. Khái niệm tâm lý học về trí tuệ 2. Rối loạn trí tuệ 2.1. Các hội chứng trí tuệ thiểu năng - Hội chứng ngu - Hội chứng đần - Hội chứng thộn 2.2. Các hội chứng sa sút trí tuệ - Trí tuệ sa sút toàn bộ - Trí tuệ sa sút từng phần	**1**	1. Thuộc khái niệm tâm lý học về trí tuệ 2. Nêu và phân tích được các hội chứng trí tuệ thiểu năng 3. Nêu và Phân tích được các hội chứng trí tuệ sa sút	**PLO 1,2**
7	**Bài 7.Rối loạn trí nhớ, sự chú ý**	**1**	1. Thuộc khái	**PLO1,2**

	1. Rối loạn trí nhớ 1.1. Khái niệm tâm lý học về trí nhớ 1.2. Các rối loạn trí nhớ - Giảm nhớ - Tăng nhớ - Mất nhớ hay quên - Loạn nhớ **2. Rối loạn sự chú ý** 2.1. Khái niệm tâm lý học 2.2. Phân loại chú ý 2.3. thuộc tính của chú ý 2.4. Các rối loạn sự chú ý		niệm tâm lý học về trí nhớ 2. Phân tích được quá trình hình thành trí nhớ 3. Nêu được các rối loạn về trí nhớ 4. Thuộc khái niệm tâm lý học về sự chú ý. Các rối loạn sự chú ý	
8	**Bài 8. Rối loạn ý thức** 1. Khái niệm về ý thức 2. Các hội chứng rối loạn ý thức 2.1. Các hội chứng ý thức bị loại trừ - Hội chứng ý thức u ám - Hội chứng ngủ gà - Hội chứng bán hôn mê - Hội chứng hôn mê 2.2. Các hội chứng ý thức bị mù mờ - Hội chứng mê sảng - Hội chứng mê mộng - Hội chứng lú lẫn		1. Thuộc khái niệm về ý thức 2. Phân tích được các hội chứng rối loạn ý thức bị loại trừ 3. Phân tích được các hội chứng rối loạn ý thức bị mù mờ	**PLO 1,2**

	- Hội chứng hoàng hôn			
9	**Bài 9. Tâm thần phân liệt** 1. Khái niệm về bệnh tâm thần phân liệt 2. Các triệu chứng lâm sàng - Nhóm triệu chứng cổ điển - Nhóm triệu chứng lâm sàng theo ICD - 10 3. Tiêu chuẩn chẩn đoán bệnh theo ICD-10 4. Các thể lâm sàng của bệnh tâm thần phân liệt 5. Chẩn đoán phân biệt 6. Tiên lượng của bệnh 7. Nguyên nhân của bệnh 8. Các phương pháp điều trị bệnh tâm thần phân liệt 9. Phòng bệnh	**4**	1. Thuộc khái niệm về bệnh TTPL 2. Nêu và phân tích các nhóm triệu chứng của bệnh theo TTPL ICD-X. 2. Nêu được tiêu chuẩn chẩn đoán bệnh 3. Chẩn đoán được các thể bệnh TTPL 4. Nêu được nguyên tắc điều trị và điệu trị cụ thể bệnh TTPL	**PLO 1,2,7,8**
10	**Bài 10. Rối loạn trầm cảm** 1. Khái niệm về rối loạn trầm cảm 2. Dịch tễ học về rối loạn trầm cảm 3. Nguyên nhân và các yếu tố nguy cơ của rối loạn trầm cảm 4. Biểu hiện lâm sàng của một giai đoạn trầm cảm 5. Tiêu chuẩn chẩn đoán một giai đoạn	**2**	1. Nêu được nguyên nhân và yếu tố nguy cơ của RL trầm cảm 2. Nêu được các triệu chứng của giai đoạn	**PLO, 1,2, 7,8**

	trầm cảm theo ICD- 10. 6. Các thể trầm cảm không điển hình 7. Điều trị rối loạn trầm cảm		trầm cảm 3. Phân tích được các giai đoạn trầm cảm 4. Nêu được nguyên tắc điều trị RLTC	
11	**Bài 11. Đại cương các bệnh tâm căn** 1. Khái niệm về bệnh tâm căn, các quan niệm về bệnh tâm căn. 2. Nguyên nhân gây ra bệnh tâm căn 3. Vai trò của nhân cách trong bệnh tâm căn 4. Vai trò của cơ thể và môi trường trong bệnh tâm căn 5. Ranh giới giữa bệnh tâm căn và các rối loạn tâm thần khác. 6. Phân biệt bệnh tâm căn với nhân cách bệnh	**2**	1. Thuộc được khái niệm bệnh tâm căn 2. Phân tích nguyên nhân của bệnh tâm căn 3. Phân tích đước các yếu tốgây nên bệnh tâm căn	**PLO 1,2**
12	**Bài 12. Tâm căn suy nhược** 2.1. Nguyên nhân của bệnh tâm căn 2.2. Yếu tố cơ thể trong bệnh tâm căn 2.3. Yếu tố nhân cách và loại hình thần kinh trong bệnh tâm căn 2.4. Triệu chứng của bệnh 2.5. Các thể tiến triển của bệnh 2.6. Nguyên tắc chẩn đoán bệnh tâm căn suy nhược 2.7. Các phương pháp điều trị bệnh tâm	**1**	1. Nêu được nguyên nhân và các yếu tố gây nên bệnh tâm căn suy nhược 2. Nêu các triệu chứng, chẩn đoán bệnh TCSN 3. Nêu nguyên	**PLO1,2,7,8**

	căn suy nhược 2.8. Phòng bệnh tâm căn suy nhược		tắc điều trị bệnh	
13	**Bài 13. Rối loạn phân ly** 2.1. Khái niệm về rối loạn phân ly 2.2. Nguyên nhân và các nhân tố thuận lợi của rối loạn phân ly 2.3. Đặc điểm sinh lý bệnh của bệnh rối loạn phân ly 2.3. Triệu chứng của bệnh 2.4. Tiêu chuẩn chẩn đoán rối loạn phân ly 2.5. Điều trị rối loạn phân ly 2.6. Phòng các rối loạn phân ly	**2**	1. Nêu được nguyên nhân và các yếu tố gây nên RLPL 2. Nêu được các triệu chứng của RLPL 3. Nêu tiêu chuẩn chẩn đoán RLPL và nguyên tắc điều trị	**PLO1,2,7,8**
14	**Bài 14. Nghiện rượu** Khái niệm lạm dụng rượu, nghiện rượu Chuyển hóa của rượu Biểu hiện lâm sàng của Nghiện rượu Tiêu chuẩn chẩn đoán nghiện rượu, hội chứng cai rượu Nguyên nhân Tác hại của nghiện rượu Điều trị và phòng chống nghiện rượu	**2**	1. Nêu được khái niệm về lạm dụng rượu và nghiện rượu 2. Nêu được các tiêu chuẩn chẩn đoán nghiện rượu mạn tính 3. Chẩn đoán được các giai đoạn của nghiện rượu 4. Nêu được tác hại của rượu và cách	**PLO1,2,7,8**

			điều trị	
15	**Bài 15. Động kinh tâm thần** Định nghĩa Dịch tễ học Sinh lý bệnh Phân loại động kinh Nguyên nhân động kinh Biểu hiện lâm sàng Chẩn đoán xác định Chẩn đoán phân biệt Điều trị và phòng bệnh	**1**	1. Thuộc được định nghĩa của Động kinh 2. Nêu được nhóm nguyên nhân và phân loại bệnh động kinh 3. Nêu được cách điều trị và dự phòng động kinh	**PLO1,2,7**
16	**Bài 16. Xử trí các cấp cứu tâm thần** **1. Kích động** Định nghĩa trạng thái kích động Nguyên nhân gây kích động Đặc điểm trạng thía kích động trong một số bệnh tâm thần thường gặp Phương pháp xử trí **2. Tự sát** Định nghĩa tự sát Dịch tễ học tự sát Nguyên nhân và các yếu tố nguy cơ Các phương thức tự sát thường gặp Phát hiện sớm, theo dõi, quản lý bệnh nhân có ý tưởng và hành vi tự sát Liệu pháp tâm lý Các vấn đề cần tư vấn cho người nhà bệnh	**2**	1. Nêu và phân tích được nguyên nhân và cách xử trí bệnh nhân kích động 2. Nêu và phân tích được nguyên nhân và cách xử trí bệnh nhân tự sát 3. Nêu và phân tích được nguyên nhân, cách xử trí bệnh nhân không chịu ăn	**PLO1,2,7,8**

	nhân **3. Không ăn uống** 3.1. Nguyên nhân không chịu ăn uống - Do hoang tưởng chi phối - Do ảo giác chi phối - Do trạng thái ám ảnh - Do rối loạn bản năng ăn uống - Do trạng thái căng trương lực - Do hội chứng cai 3.2. Cách xử trí Chủ yếu là điều trị bệnh tâm thần chính gây ra hiện tượng không chịu ăn uống... Bằng mọi cách cung cấp dinh dưỡng cho bệnh nhân bằng các phương pháp khác khi có thể		uống	
17	**Bài 17: Nghiện ma túy** 1. Quan niệm của chuyên ngành Tâm thần về chất ma túy và nghiện ma túy 1.1. Định nghĩa chất ma túy 1.2. Phân loại chất ma túy 1.3. Định nghĩa nghiện ma túy 1.4. Cơ chế gây nghiện ma túy 2. Nguyên nhân dẫn đến nghiện ma túy 3. Hội chứng cai ma túy theo ICD-10 4. Các tiêu chuẩn chẩn đoán nghiện ma túy theo ICD-10 5. Ảnh hưởng và tác hại của nghiện ma	**2**	1. Nêu được quan niệm về chất ma túy và thế nào là nghiện ma túy 2. Nêu được nguyên nhân nghiện ma túy 3. Nêu được tiêu chuẩn chẩn đoán nghiện ma túy 4. Nêu được	**PLO 1,2,7,8**

	túy 5.1. Ảnh hưởng và tác hại của nghiện ma túy đối với người nghiện 5.2. Ảnh hưởng và tác hại của nghiện ma túy đối với gia đình và xã hội 6. Các phương pháo điều trị nghiện ma túy 7. Dự phòng nghiện ma túy		tầm ảnh hưởng của nghiện ma túy với bản thân, gia đình và xã hội 5. Nêu được các phương pháp điều trị và dự phòng nghiện ma túy	
18	**BÀI 18. Đại cương các rối loạn tâm thần thực tổn** 1. Khái niệm về rối loạn tâm thần thực tổn 2. Nguyên nhân gây ra rối loạn tâm thần thực tổn 3. Phân loại rối loạn tâm thần thực tổn 4. Hội chứng tâm thần thực tổn 5. Lâm sàng 5.1. Rối loạn tâm thần thực tổn cấp tính 5.2. Rối loạn tâm thần thực tổn kéo dài 5.3. Rối loạn tâm thần do tổn thương khu trú ở não 6. Các tiêu chuẩn chuẩn đoán rối loạn tâm thần thực tổn 7. Một số bệnh thường gây ra rối loạn tâm thần thực tổn 8. Nguyên tắc điều trị rối loạn tâm thần thực tổn	**2**	1. Nêu được khái niệm, nguyên nhân RLTTTT 2. Nêu được các hội chứng RLTTTT 3. Nêu được các tiêu chuẩn chẩn đoán RLTTTT 4. Nêu được nguyên tắc điều trị RLTTTT	**PLO 1,2**
18	**BÀI 18: Chăm sóc sức khỏe tâm thần**	**1**	1. Nêu và phân	**PLO11,12**

	cộng đồng 1. Khái niệm về sức khỏe và sức khỏe tâm thần 1.1 Sức khỏe là gì : 1.2. Sức khỏe tâm thần 2. Thế nào là bệnh tâm thần, nguyên nhân và tỷ lệ bệnh 2.1. Thế nào là bệnh tâm thần 2.2. Nguyên nhân 2.3. Phân loại 2.4. Tỷ lệ 3. Chăm sóc sức khỏe tâm thần cộng đồng 3.1. Cơ sở pháp lý 3.2. Chăm sóc sức khỏe tâm thần cộng đồng là gì ? 3.3. Nội dung của chăm sóc sức khỏe tâm thần cộng đồng		tích được khái niệm thế nào là sức khỏe tâm thần 2. Nêu được nguyên nhân của các rối loạn tâm thần 3. Biết được cách phân loại các rối loạn tâm thần 4. Nêu được nội dung của việc chăm sóc sức khỏe tâm thần cộng đồng.	

2. Lâm sàng

STT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập	CĐR
1	Cách khám bệnh nhân rối loạn tâm thần	2	Sau khi học xong bài nay sv phải khám và phát hiện những triệu chứng, hội chứng rối loạn tâm thần	PLO 5
2	Cách làm bệnh án tâm thần	2	Sau khi học xong bài nay sv phải lập được bệnh án, chẩn đoán và điều trị	PLO 16

			được một số rối loạn tâm thần thường gặp	

III. PHƯƠNG PHÁP DẠY/ HỌC

1. Lý thuyết: thuyết trình, thảo luận nhóm, nghiên cứu trường hợp.
2. Lâm sàng: case stady, hướng dẫn trực tiếp trên bệnh nhân

IV. PHƯƠNG TIỆN VÀ VẬT LIỆU DẠY/ HỌC

1. Lý thuyết: tài liệu phát tay, giáo trình bộ môn biên soạn
2. Lâm sàng: bệnh nhân, case study

V. PHƯƠNG PHÁP LƯỢNG GIÁ

Thang điểm 10

- Lý thuyết : Test lượng giá
- Lâm sàng: Làm bệnh án và vấn đáp

Điểm thành phần	**Trọng số tính điểm**	**Bài đánh giá**	**Hình thức đánh giá**	**Tiêu chí đánh giá**	**CĐR được đánh giá**	**Điểm tối đa**
Đánh giá chuyên cần (**ĐCC**)	1					10
Điểm giữa học phần (**ĐGHP**)	2	Lý thuyết	Câu hỏi ngắn			10
Điểm thực hành (**ĐTH**)		Làm bệnh án trên bệnh nhân cụ thể	Hỏi thi trên bệnh nhân và bệnh án			10
Điểm kết thúc học phần (**ĐKTHP**)		Lý thuyết	Thi test			10

Công thức tính điểm:

Rubric 1: Điểm danh: 10 điểm

Tiêu chí	Điểm trừ
Không vắng	Không
Nghỉ học có phép	Không
Nghỉ học không phép	Không
Đi muộn	1 buổi trừ 0,2đ

Rubric 2: Vấn đáp

Mức độ đạt chuẩn quy định					
Tiêu chí đánh giá	**Điểm (0-3.9)**	**Điểm (4.0-5.4)**	**Điểm (5.4-6.9)**	**Điểm (7.0-8.4)**	**Điểm (8.5-10)**
Nội dung câu hỏi	Trả lời được dưới 40% câu hỏi	Trả lời được từ 40% đến 54% câu hỏi	Trả lời được từ 54% đến 69% câu hỏi	Trả lời được từ 70% đến 84% câu hỏi	Trả lời được từ 85% trở lên

VI. TÀI LIỆU HỌC TẬP VÀ THAM KHẢO

1. Giáo trình tâm thần học 2014 – xbGDVN. Đại học y dược Thái Bình

2. Bảng phân loại bệnh quốc tế lần thứ 10 (ICD - X)

3. Bệnh học tâm thần 2016, NXBY Học

4.Bệnh động kinh ở trẻ em. Ninh Thị Ứng 2002 NxbY

5. Bệnh động kinh, 2001, Nxb Y Học

6. Động kinh, năm 2005, ĐHY Hà Nội

7. Cai nghiện ma túy và game online Bùi Quang Huy – 2013. Y Học

8.Cơ sở lâm sàng của tâm thần học, Nxb Y Học năm 2003

9. Rối loạn cảm xúc lưỡng cực. Bùi Quang Huy 2009. Y Học

10. Rối loạn tâm thần thực tổn (giáo trình giảng dạy sau đại học) Học viện Quân y 2002, Nxb Quân đội nhân dân.

11. Tâm thần học, PGS. Trần Đình Xiêm, năm 1995

12. Tâm thần học năm 1980

13. Tâm thần học, Nhà xuất bản "MIR"- MATXCƠVA, Nhà xuất bản y học Hà Nội.

14. Tâm thần học, năm 1984, NXB Y Hà nội

15. Trầm cảm, Bùi Quang huy, 2008, Y Học

VIII. QUY ĐỊNH VỚI SINH VIÊN

1. Nhiệm vụ của sinh viên: Tham gia đầy đủ thời gian học tập cả lâm sàng và lý thuyết
2. Quy định điều kiện dự thi: Theo quy chế và điều kiện dự thi của bộ giáo dục và đào tạo.

IX. TIẾN TRÌNH CẬP NHẬT ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT

TT	**Cập nhật đề cương tiết lần**	**Ngày/tháng/năm**	**Người cập nhật**
1.	**Lần 1**	**5/2019**	**Nguyễn Chí Linh**
2.	**Lần 2**	**5/2021**	**Nguyễn Chí Linh**
3.	**Dự kiến lần 3**	**5/2023**	
4.			
5.			

PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC **BỘ MÔN/KHOA**

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC THÁI BÌNH

KHOA:Y TẾ CÔNG CỘNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT

HỌC PHẦN CHƯƠNG TRÌNH Y TẾ QUỐC GIA

Tên học phần:

Tên tiếng Việt: Chương trình y tế quốc gia

Tên tiếng Anh: Medical international program

Mã học phần: 3130NAHEPR0T

Ngành: Y học dự phòng

Mã ngành: 7720110

III. Hành chính.

6. Thông tin chung:

Học phần:	☑ Bắt buộc ☐ Tự chọn ☐ Không tính điểm
Thuộc kiến thức:	☐ Giáo dục đại cương ☐ Cơ sở ngành ☑ Chuyên ngành ☐ Bổ trợ
Đối tượng:	**Bác sĩ y học dự phòng năm 6**
Số tín chỉ (LT;TH/LT;LS): 3 (2;1) Số tiết Lý thuyết: 30 Thảo luận : 0 Số giờ tự học: 70 Số tiết Thực hành/ Lâm sàng: 16 Thảo luận: 0 Số giờ tự học: 34	
Số bài kiểm tra (LT/TH/LS): 3 Giữa học phần: 1	

Thực hành: 1 Kết thúc học phần: 1	
Học phần học trước:	**Xác suất thống kế**
Học phần tiên quyết:	
Học phần song hành:	
Bộ môn/Khoa giảng dạy:	**Khoa Y tế công cộng**

7. Mô tả chung về học phần:

Môn Chương trình y tế quốc gia là môn học bắt buộc trong khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo trình độ Bác sĩ Y học dự phòng.

Học phần/module Chương trình y tế quốc gia thuộc khối kiến thức chuyên ngành, được dạy - học ở năm học thứ 6 của CTĐT. Học phần/module này sẽ trang bị cho người học kiến thức về các chương trình y tế quốc gia đã và đang được thực hiện trên các lĩnh việc môi trường, dinh dưỡng, các bệnh lây nhiễm, và không lây nhiễm. Đồng thời môn học cũng trang bị cho sinh viên những kỹ năng cơ bản trong việc lập kế hoạch, và tham gia thực hiện các chương trình này. Học phần/module này đóng góp vào chuẩn đầu ra mức độ cao của chương trình đào tạo.

3. Cán bộ phụ trách/giảng dạy:

TT	Họ tên	Học hàm /học vị	Số điện thoại	Email	Ghi chú
1.	Vũ Phong Túc	PGS.TS	0978626648	tucvp@tbump.edu.vn	Phụ trách
2.	Ngô Thị Nhu	PGS.TS	0912623826	nhuytbvn@gmail.com	Tham gia
3.	Ninh Thị Nhung	PGS.TS	0912850028	nhungntytb@yahoo.com	Tham gia
4.	Nguyễn Đức Thanh	PGS.TS	0912357575	bsthanh@hotmail.com	Tham gia
5.	Đặng Bích Thủy	TS	0985201899	dangbichthuy71@gmail.com	Tham gia
6.	Nguyễn Hữu Ngự	ThS	0988347506	huunguytb@gmail.com	Tham gia
7.	Đặng Thị Thu Ngà	ThS	0942909348	ngadang21388@gmail.com	Tham gia

4. Mục tiêu học phần:

TT	Mục tiêu học phần	Mục tiêu CTĐT (PEO)
1.	Vận dụng được các kiến thức về các chương	PEO 1, PEO 2, PEO 3, PEO5

	trình y tế quốc gia trong thực hành chăm sóc sức khỏe cộng đồng	
2.	Nắm được hoạt động của các chương trình can thiệp về y tế tại địa bàn hoạt động chuyên môn.	PEO 1, PEO 2, PEO5
3.	Lập kế hoạch, tổ chức các hoạt động sàng lọc các bệnh lây nhiễm và không lây nhiễm tại cộng đồng.	PEO 3, PEO4
4.	Đánh giá được nguy cơ môi trường và dinh dưỡng đến sức khỏe	PEO 1, PEO 2, PEO5
5.	Đề xuất được các biện pháp dự phòng nguy cơ tại thời điểm học học phần	PEO 1, PEO 2, PEO5

5. Chuẩn đầu ra học phần

TT	CĐR Học phần	Mức độ đạt (S, H)/CĐR của CTĐT (PLO)
1.	Vận dụng được các kiến thức về các chương trình y tế quốc gia trong thực hành chăm sóc sức khỏe cộng đồng, trong thực hiện các hoạt động của các chương trình can thiệp về y tế tại địa bàn hoạt động chuyên môn.	H: PLO 1, 2, 6,7 S: PLO 11,12, 14
2.	Thực hiện được kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức các hoạt động sàng lọc các bệnh không lây nhiễm tại cộng đồng	H: PLO 3, 5, 6, 7, 8 S: PLO 11,12, 13, 14
3.	Thực hiện được kỹ năng tổ chức phát hiện ca bệnh và quản lý khu dịch đối với bệnh truyền nhiễm tại cộng đồng.	H: PLO 3, 6, 7 S: PLO 11,12, 13, 14
4.	Thực hiện được các kỹ năng đánh giá nguy cơ trong đánh giá nguy cơ môi trường và dinh dưỡng đến sức khỏe, từ đó đề xuất và thực hiện các biện pháp dự phòng nguy cơ.	H: PLO 3, 6, 7 S: PLO 11,12, 13, 14
5.	Nhận thức được sức khỏe con người được đặt trong mối quan hệ tổng hòa giữa môi trường, dinh dưỡng và các yếu tố hành vi khác, do đó cần giải quyết vấn đề không chỉ tập trung vào cá nhân mà cần thực hiện trên mức độ vĩ mô toàn quốc để đạt đến sự toàn diện và thống nhất trong chăm sóc sức khỏe cộng đồng.	H: PLO 3, 5, 6, 7, 8 S: PLO 11,12, 13, 14

Chú thích: S (Support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra; H (Highly support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra.

II. NỘI DUNG

1. Lý thuyết

STT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập	CĐR HP
1	**Bài 1: Quản lý, theo dõi và đánh giá dự án** 1. Một số khái niệm cơ bản 1.1. Chương trình, dự án 1.2. Quản lý dự án 1.3. Đánh giá 1.4. Theo dõi 2. Quy trình thiết kế dự án 2.1. Phân tích tình hình 2.2. Phân tích các bên liên quan 2.3. Xác định mục tiêu của dự án 2.4. Xác định kết quả mong đợi của dự án 2.5. Xác định các hoạt động và nguồn lực cần thiết 2.6. Xác định các chỉ số 2.7. Xác định các giả định và rủi ro khi thực hiện DA 2.8. Xác định phương án tổ chức, quản lý và thực hiện DA	**4**	1. Vận dụng được các kiến thức về các chương trình y tế quốc gia trong thực hành chăm sóc sức khỏe cộng đồng 2. Nắm được hoạt động của các chương trình can thiệp về y tế tại địa bàn hoạt động chuyên môn. 3. Lập kế hoạch, tổ chức các hoạt động sàng lọc các bệnh không lây nhiễm tại cộng đồng.	**PLO 1, 2, 3, 5, 7, 8, 9, 11, 13, 12**
2	**Bài 2: Chiến lược Quốc gia phòng chống SDD trẻ em giai đoạn 2010-2020 tầm nhìn đến 2030** 1. Các vấn đề dinh dưỡng cần giải quyết đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 2. Đối tượng và phạm vi thực hiện dự	**4**	1. Đánh giá được nguy cơ môi trường và dinh dưỡng đến sức khỏe 2. Nắm được hoạt động của các chương trình can thiệp về y tế tại địa bàn	**PLO 1, 2, 3, 4, 6, 7, 10**

	án 3. Mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể 4. Nội dung chương trình		hoạt động chuyên môn. 3. Vận dụng được các kiến thức về các chương trình y tế quốc gia trong thực hành chăm sóc sức khỏe cộng đồng	
	Bài 3: Các chương trình vệ sinh môi trường 1. Biến đổi khí hậu và chương trình mục tiêu Quốc gia 1.1. Tác động của BĐKH đến toàn cầu 1.2. Tác động của BĐKH đến Việt Nam 1.3. Ứng phó với BĐKH 1.4. Chương trình mục tiêu Quốc gia BĐKH 2. Các Chương trình vệ sinh trường học 2.1. Chương trình Nha học đường 2.2. Chương trình VSMT 2.3. Chương trình Mắt học đường. 2.4. Chương trình phòng chống giun sán 2.5. Chương trình Phòng chống các bệnh truyền nhiễm gây dịch 2.6. Chương trình phòng chống sốt rét 2.7. Một số chương trình khác được triển khai	**4**	1. Đánh giá được nguy cơ môi trường và dinh dưỡng đến sức khỏe 2. Nắm được hoạt động của các chương trình can thiệp về y tế tại địa bàn hoạt động chuyên môn. 3. Vận dụng được các kiến thức về các chương trình y tế quốc gia trong thực hành chăm sóc sức khỏe cộng đồng	**PLO 1, 3, 5, 6, 7, 8, 10, 11, 12**
	Bài 4: Chiến lược quốc gia phòng chống các bệnh không lây nhiễm	8	1. Vận dụng được các kiến thức về các chương trình y	**PLO 1, 2, 3,**

	giai đoạn 2015-2025 1. Quan điểm 2. Mục tiêu 3. Giải pháp thực hiện **Một số chương trình phòng chống các bệnh không lây nhiễm** 1. Chương trình PC bệnh tăng huyết áp 1.1. Mục tiêu 1.2. Nội dung hoạt động 1.3. Quản lý THA tại cộng đồng 2. Chương trình PC bệnh đái tháo đường 2.1. Mục tiêu 2.2. Nội dung hoạt động 2.3. Quản lý ĐTĐ tại cộng đồng 3. Chương trình PC bệnh phổi tắc nghẽn mãn tính 3.1. Mục tiêu 3.2. Nội dung hoạt động Quản lý COPD tại cộng đồng		tế quốc gia trong thực hành chăm sóc sức khỏe cộng đồng 2. Lập kế hoạch, tổ chức các hoạt động sàng lọc các bệnh lây nhiễm và không lây nhiễm tại cộng đồng. 3. Đánh giá được nguy cơ môi trường và dinh dưỡng đến sức khỏe 4. Đề xuất được các biện pháp dự phòng nguy cơ tại thời điểm học học phần	**4, 5, 6, 8, 10, 11, 12**
	Bài 5: Các chương trình phòng chống bệnh truyền nhiễm 1. Một số quy định chung trong luật phòng chống bệnh truyền nhiễm 2. Chương trình tiêm chủng mở rộng 2.1. Mục đích 2.2. Nội dung của chương trình tiêm chủng mở rộng 3. Chương trình phòng chống sốt xuất huyết	**6**	1. Vận dụng được các kiến thức về các chương trình y tế quốc gia trong thực hành chăm sóc sức khỏe cộng đồng 2. Lập kế hoạch, tổ chức các hoạt động sàng lọc các bệnh lây nhiễm và không lây nhiễm tại cộng đồng. 3. Đánh giá được nguy cơ	**PLO 1, 3, 5, 8, 11, 14**

	3.1. Đặc điểm chung của bệnh sốt xuất huyết 3.2. Các biện pháp phòng chống sốt xuất huyết 4. Chương trình phòng chống bệnh dại 4.1. Đặc điểm chung của bệnh dại 2.1. Các biện pháp phòng chống bệnh dại		môi trường và dinh dưỡng đến sức khỏe 4. Đề xuất được các biện pháp dự phòng nguy cơ tại thời điểm học học phần	
	Bài 6: Các chương trình phòng chống và sàng lọc sớm ung thư 1. Các chương trình y tế quốc gia về phòng chống ung thư 1.1. Chương trình mục tiêu quốc gia ngành y tế giai đoạn 2011- 2015 1.2. Chương trình mục tiêu quốc gia ngành y tế giai đoạn 2016 - 2020 1.3. Chiến lược quốc gia phòng chống bệnh ung thư, tim mạch, đái tháo đường, bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính, hen phế quản và các bệnh không lây nhiễm khác giai đoạn 2015 – 2025. 2. Đặc điểm bệnh ung thư và các bệnh không lây nhiễm 3. Các yếu tố nguy cơ của ung thư 3.3. Hút thuốc lá 3.4. Lạm dụng rượu 3.5. Dinh dưỡng không hợp lý 3.6. Ít vận động 4. Các hoạt động phòng chống ung thư tại Việt Nam	**4**	1. Vận dụng được các kiến thức về các chương trình y tế quốc gia trong thực hành chăm sóc sức khỏe cộng đồng 2. Lập kế hoạch, tổ chức các hoạt động sàng lọc các bệnh lây nhiễm và không lây nhiễm tại cộng đồng. 3. Đánh giá được nguy cơ môi trường và dinh dưỡng đến sức khỏe 4. Đề xuất được các biện pháp dự phòng nguy cơ tại thời điểm học học phần	**PLO 2, 3, 4, 10, 11, 12, 13**

	4.2. Hoạt động giám sát 4.3. Sàng lọc			

2. Thực hành

STT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập	CĐR HP
1	**Bài thực hành 1: Quản lý, theo dõi và đánh giá dự án** 1. Xây dựng mục tiêu của dự án 2. Xác định các bên liên quan của dự án 3. Xây dựng các chỉ số đánh giá của dự án 4. Xác định các giả định và rủi ro khi thực hiện dự án	**02**	1. Vận dụng được các kiến thức về các chương trình y tế quốc gia trong thực hành chăm sóc sức khỏe cộng đồng 2. Nắm được hoạt động của các chương trình can thiệp về y tế tại địa bàn hoạt động chuyên môn. 3. Lập kế hoạch, tổ chức các hoạt động sàng lọc các bệnh không lây nhiễm tại cộng đồng.	**PLO 1, 2, 3, 5, 7, 8, 9, 11, 13, 12**
2	**Bài thực hành 2: Các chương trình can thiệp dinh dưỡng** - Lập kế hoạch dinh dưỡng cho một số trường hợp bệnh cụ thể	**02**	1. Đánh giá được nguy cơ môi trường và dinh dưỡng đến sức khỏe 2. Nắm được hoạt động của các chương trình can thiệp về y tế tại địa bàn hoạt động chuyên môn. 3. Vận dụng được các kiến thức về các chương trình y tế quốc gia trong thực hành chăm sóc sức khỏe cộng đồng	**PLO 1, 2, 3, 4, 6, 7, 10**

3	**Bài thực hành3: Các chương trình vệ sinh môi trường** - Tìm hiểu các chương trình can thiệp y tế tại địa phương - Xây dựng chương trình can thiệp nhằm đảm bảo môi trường sống cho người dân địa phương	**04**	1. Đánh giá được nguy cơ môi trường 2. Nắm được hoạt động của các chương trình can thiệp về y tế tại địa bàn hoạt động chuyên môn. 3. Vận dụng được các kiến thức về các chương trình y tế quốc gia trong thực hành chăm sóc sức khỏe cộng đồng	**PLO 1, 3, 5, 6, 7, 8, 10, 11, 12**
4	**Bài thực hành4 : Các chương trình phòng chống bệnh không lây** - Lập kế hoạch phòng chống một số bệnh mạn tính không lây : Tăng huyết áp, đái tháo đường, thừa cân béo phì	**04**	1. Vận dụng được các kiến thức về các chương trình y tế quốc gia trong thực hành chăm sóc sức khỏe cộng đồng 2. Lập kế hoạch, tổ chức các hoạt động sàng lọc các bệnh lây nhiễm và không lây nhiễm tại cộng đồng. 3. Đánh giá được nguy cơ môi trường và dinh dưỡng đến sức khỏe 4. Đề xuất được các biện pháp dự phòng nguy cơ tại thời điểm học học phần	**PLO 1, 2, 3, 4, 5, 6, 8, 10, 11, 12**
5	**Bài thực hành5 : Các chương trình phòng chống bệnh truyền nhiễm** Lập kế hoạch phòng chống một số bệnh mạn tính có lây : dại, sốt xuất	**02**	1. Vận dụng được các kiến thức về các chương trình y tế quốc gia trong thực hành chăm sóc sức khỏe cộng	**PLO 1, 3, 5, 8, 11, 14**

	huyết Lên kế hoạch tiêm chủng cho địa phương mình		đồng 2. Lập kế hoạch, tổ chức các hoạt động sàng lọc các bệnh lây nhiễm và không lây nhiễm tại cộng đồng. 3. Đánh giá được nguy cơ môi trường và dinh dưỡng đến sức khỏe 4. Đề xuất được các biện pháp dự phòng nguy cơ tại thời điểm học học phần	
6	**Bài thực hành 6 : Các chương trình phòng chống và sàng lọc sớm ung thư** 1. Tìm hiểu và mô tả chương trình sàng lọc một bệnh ung thư của một trong các quốc gia thuộc châu Á, châu Âu, châu Phi và châu Mỹ. 2. Tìm hiểu về chương trình sàng lọc bệnh ung thư tương tự của Việt Nam và so sánh với chương trình của quốc gia bên ngoài vừa tìm hiểu ở trên.	**02**	1. Vận dụng được các kiến thức về các chương trình y tế quốc gia trong thực hành chăm sóc sức khỏe cộng đồng 2. Lập kế hoạch, tổ chức các hoạt động sàng lọc các bệnh lây nhiễm và không lây nhiễm tại cộng đồng. 3. Đánh giá được nguy cơ môi trường và dinh dưỡng đến sức khỏe 4. Đề xuất được các biện pháp dự phòng nguy cơ tại thời điểm học học phần	**PLO 2, 3, 4, 10, 11, 12, 13**

V. Phương pháp dạy/học

1. Lý thuyết : thuyết trình, phát vấn, thảo luận nhóm

2. Thực hành : phân tích các chương trình, phân tích văn bản và làm bài báo cáo, thuyết trình báo cáo

3. Lâm sàng :

IV. Phương tiện, vật liệu dạy/học

1. Lý thuyết : bảng, phấn, máy chiếu, giấy A4
2. Thực hành : máy tính, máy chiếu
3. Lâm sàng :

V. Phương pháp lượng giá

- Thang điểm 10
- Các điểm thành phần

Điểm thành phần	**Trọng số tính điểm**	**Bài đánh giá**	**Hình thức đánh giá**	**Tiêu chí đánh giá**	**CĐR được đánh giá**	**Điểm tối đa**
Đánh giá chuyên cần (**ĐCC**)	10%	Điểm danh hằng ngày	Điểm danh	Điểm danh hằng ngày Đi học đúng giờ Đảm bảo nội quy của bộ môn		10
Điểm Thực hành **(TH)**	40%	1 bài viết	Viết chuyên đề	Viết chuyên đề đáp ứng được yêu cầu của đề bài	PLO 4,5	10
Điểm giữa học phần (**ĐGHP**)	10%	1 bài viết	Kiểm tra viết	Mỗi câu trả lời đầy đủ, chính xác được 5 điểm, tổng 2 câu được 10 điểm	PLO 4,5	10
Điểm kết thúc học phần (**ĐKTHP**)	40%	1 bài viết	Thi viết cải tiến	Mỗi câu trả lời đầy đủ, chính xác được 2.5 điểm, tổng 4 câu được 10 điểm	PLO 4,5, 10, 11	10

Công thức tính điểm:

Điểm tổng kết môn học=0,1* chuyên cần + 0,1 *GHP + 0,4*TH + 0,4*CHP

Rubric 1: Điểm danh: 10 điểm

Tiêu chí	Điểm trừ
Không vắng	0
Nghỉ học có phép	0,5đ/ 2 tiết học
Nghỉ học không phép	0,5đ/ 1 tiết học
Đi muộn	0,5đ/ 1 lần

Rubric 2: Vấn đáp

Mức độ đạt chuẩn quy định					
Tiêu chí đánh giá	**Điểm (0-3.9)**	**Điểm (4.0-5.4)**	**Điểm (5.4-6.9)**	**Điểm (7.0-8.4)**	**Điểm (8.5-10)**
Nội dung câu hỏi	Không giải được	Giải chưa hết các câu hỏi	Giải đầy đủ các câu hỏi nhưng còn một số sai sót	Giải đầy đủ và đúng tất cả các câu hỏi nhưng trình bày chưa rõ ràng	Giải đầy đủ và đúng tất cả các câu hỏi và trình bày rõ ràng

VI. Tài liệu học tập và tham khảo

1. Tài liệu học tập

1. Thủ tướng chính phủ (2015), Chiến lược quốc gia phòng, chống bệnh ung thư, tim mạch, đái tháo đường, bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính, hen phế quản và các bệnh không lây nhiễm khác giai đoạn 2015-2025
2. Bộ môn tổ chức y tế (2018), Giáo trình Tổ chức và quản lý y tế, Trường đại học Y Dược Thái Bình, (Lưu hành nội bộ).
3. Bộ môn Dịch tễ học (2013), Dịch tễ học, trường Đại học Y Dược Thái Bình (lưu hành nội bộ)
4. Bộ y tế - Viện dinh dưỡng (2012), Chiến lược quốc gia về dinh dưỡng giai đoạn 2011 - 2020 và tầm nhìn đến năm 2030, Nhà xuất bản y học.

2. Tài liệu tham khảo:

1. Bộ Y tế (2015), Quyết định Số: 346/QĐ-BYT ngày 30/1/2015 về việc ban hành kế hoạch phòng chống bệnh không lây nhiễm giai đoạn 2015-2020.

2. Quản lý dự án, Trường Đại học Y tế Công cộng, 2010.

3. Thủ tướng chính phủ (2019), đề án đảm bảo dinh dưỡng hợp lý và tăng cường hoạt động thể lực cho trẻ em, học sinh, sinh viên để nâng cao sức khỏe, dự phòng bệnh ung thư, tim mạch, đái tháo đường, bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính giai đoạn 2018-2025

4. Dịch tễ học các bệnh không truyền nhiễm, Trường Đại học Y tế Công cộng, 2010.

5. Dịch tễ học các bệnh truyền nhiễm, Trường Đại học Y tế Công cộng, 2010.

6. Bộ Y tế (2006), Tổ chức, quản lý y tế và chính sách y tế, NXB Y học

7. Ban quản lý dự án- Bộ Y tế. Cẩm nang quản lý chương trình dự án

8. Bộ Y tế, Vụ Khoa học Đào tạo, 2004, Xây dựng và triển khai các dự án y tế. Nhà xuất bản Y học.

9. A Guide to the Project Management Body of Knowledge. PMBOK® Guide. Third Edition.

10. Medical school Quenland University - Australia. Project Planning & design for Developing.

VII. Lịch học: Theo Lịch giảng dạy/học tập.

VIII. Quy định với sinh viên:

1. Nhiệm vụ của sinh viên: Tham gia tối thiểu 80% các buổi học lý thuyết, nếu có lý do thì sẽ được học bù. Bù đủ sẽ được xem xét duyệt thi.

2. Quy định điều kiện dự thi: Được đánh giá văn cứ vào việc tham dự đầy đủ các buổi học, đúng giờ. Mặc định điểm chuyên cần học phần là 10 điểm, sau đó trừ dần số điểm theo số lần vi phạm. Điểm chuyên cần thấp nhất là 0 điểm, cụ thể như sau:

- Vắng không có lý do: trừ 0,5 điểm/ tiết học
- Vắng có lý do hợp lệ (có phép): trừ 0,25 điểm/ tiết học (ngoại trừ các trường hợp đặc biệt do nhà trường điều động...)
- Đi học muộn: trừ 0,5 điểm/lần (nếu muộn quá 15’ thì sẽ tính không lý do)

IX. Tiến trình cập nhật đề cương chi tiết

TT	Cập nhật đề cương tiết lần	Ngày/tháng/năm	Người cập nhật
1.	**Lần 1**		

2.	**Lần 2**		
3.	**Dự kiến**		
4.			

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC
THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

BỘ MÔN/KHOA:Y TẾ CÔNG CỘNG

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Tên học phần:

Tên tiếng Việt: Phương pháp nghiên cứu sức khỏe cộng đồng

Tên tiếng Anh: Public health research methods

Mã học phần: 3130COMREM0T

Ngành: Y học dự phòng

Mã ngành: 7720110

I. Hành chính.

1. Thông tin chung:

Học phần:	☑ Bắt buộc ☐ Tự chọn ☐ Không tính điểm
Thuộc kiến thức:	☐ Giáo dục đại cương ☐ Cơ sở ngành ☑ Chuyên ngành ☐ Bổ trợ
Đối tượng:	
Số tín chỉ (LT;TH/LT;LS): 1/3 Số tiết Lý thuyết: 16 Thảo luận : Số giờ tự học: 34 Số tiết Thực hành/ Lâm sàng: 48 Thảo luận: Số giờ tự học: 102	
Số bài kiểm tra (LT/TH/LS): Giữa học phần: 1 Kết thúc học phần: 1	

Học phần học trước:	Dịch tễ học; Phương pháp nghiên cứu khoa học
Học phần tiên quyết:	
Học phần song hành:	
Bộ môn/Khoa giảng dạy:	Khoa Y tế công cộng

2. Mô tả chung về học phần:

Môn Phương pháp nghiên cứu sức khỏe cộng đồng là môn học bắt buộc trong khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo trình độ bác sĩ chuyên ngành Y học dự phòng.

Học phần/module Phương pháp nghiên cứu sức khỏe cộng đồng thuộc khối kiến khối kiến thức chuyên ngành, được dạy - học ở kỳ học 11 của CTĐT. Học phần/module này sẽ trang bị cho người học kỹ năng làm nghiên cứu khoa học. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là học lý thuyết trên lớp, thảo luận nhóm, Nghiên cứu và nêu vấn đề. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm viết chuyên đề và báo cáo chuyên đề. Học phần/module này đóng góp vào chuẩn đầu ra mức độ cao của chương trình đào tạo.

3. Cán bộ phụ trách/giảng dạy:

TT	Họ tên	Học hàm /học vị	Số điện thoại	Email	Ghi chú
1.	Vũ Phong Túc	PGS.TS	0978626648	tucvp@tbump.edu.vn	Phụ trách
2.	Phạm Văn Trọng	PGS.TS	0912111921	phamvantrong56@gmail.com	Tham gia
3.	Đặng Bích Thủy	TS	0985201899	dangbichthuy71@gmail.com	Tham gia
4.	Nguyễn Hữu Ngự	ThS	0988347506	huunguytb@gmail.com	Tham gia

4. Mục tiêu học phần:

TT	Mục tiêu học phần	Mục tiêu CTĐT (PEO)
1.	Xác định được PPNC định tính và các loại thiết kế nghiên cứu định tính	PEO 1, PEO 2, PEO 3
2.	Chọn mẫu trong NCĐT, Phân tích thống kê suy luận	PEO 1, PEO 2
3.	Phương pháp NC phi thực nghiệm,	PEO 1, PEO 2, PEO 3

	thực nghiệm	
4.	Nghiên cứu kết hợp định tính, định lượng, Phân tích số liệu định tính	PEO 1, PEO 2, PEO 3

5. Chuẩn đầu ra học phần

TT	CĐR Học phần	Mức độ đạt (S, H)/CĐR của CTĐT (PLO)
1.	Nắm được các kiến thức cơ bản về xây dựng đề cương nghiên cứu định tính, nghiên cứu định lượng và sự kết hợp giữa nghiên cứu định tính và định lượng trong nghiên cứu 1 vấn đề tại cộng đồng	S: PLO H: PLO 1, PLO 2, PLO 3
2.	Thực hiện được việc chọn mẫu, thiết kế nghiên cứu phù hợp với các vấn đề nghiên cứu cụ thể	S: PLO 7, PLO 8 H: PLO 4, PLO 5
3.	Phân tích được các số liệu dạng định tính và định lượngtheo chủ đề nghiên cứu	S: PLO 7, PLO 8 H: PLO 4, PLO 5
4.	Có ý thức học tập và vận dụng kiến thức học tập vào thực tiễn.	S: PLO 10, PLO 12 H: PLO 11

Chú thích: S (Support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra; H (Highly support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra.

II. NỘI DUNG

1. Lý thuyết

STT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập	CĐR HP
1	**Bài 1: Đại cương về PPNC định tính + Thiết kế NCĐT** 1. Đại cương về phương pháp nghiên cứu	**04**	PEO 1, PEO 2, PEO 3	PLO 1, PLO 2, PLO 3,

	định tính 2. Thiết kế nghiên cứu định tính 2.1. Xác định mục đích nghiên cứu 2.2. Xác định câu hỏi nghiên cứu 2.3. Lựa chọn phương pháp thu thập thông tin 2.4. Một số vấn đề về độ tin cậy và khái quát hóa 2.5. Các câu hỏi đưa ra khi thiết kế NC			PLO10, PLO12, PLO 11
2	**Bài 2: Chọn mẫu trong NCĐT + Phân tích số liệu** 3. Chọn mẫu trong nghiên cứu định tính 1.1. Lựa chọn thực địa nghiên cứu 1.2. Lựa chọn đối tượng nghiên cứu 1.3. Một số phương pháp chọn mẫu thường sử dụng 1.4. Các điểm chú ý về cỡ mẫu 4. Phân tích thống kê suy luận 2.1 ứng dụng của ước lượng điểm, ước lượng khoảng trong phân tích số liệu nghiên cứu 2.2 Các sai lầm có thể sẩy ra khi tiến hành kiểm định giả thuyết	**04**	PEO 1, PEO 2	PLO 7, PLO 8 PLO 4, PLO 5, PLO10, PLO12, PLO 11
3	**Bài 3: Phương pháp NC phi thực nghiệm, thực nghiệm** 5. Phương pháp nghiên cứu phi thực nghiệm 6. Phương pháp quan sát tự nhiên 7. Phương pháp trắc nghiệm 8. Phương pháp chuyên gia 9. Phương pháp tiếp cận lịch sử 10. Phương pháp logic 11. Phương pháp thống kê 12. Phương pháp nghiên cứu thực nghiệm.	**04**	PEO 1, PEO 2, PEO 3	PLO 7, PLO 8 PLO 4, PLO 5, PLO10, PLO12, PLO 11

	6. Khái niệm 7. Phân loại 8. Địa điểm tiến hành PPNC thực nghiệm 9. Thiết kế thực nghiệm 10. Phương pháp nghiên cứu trên động vật 11. Phương pháp thử nghiệm lâm sàng			
4	**Bài 4: Nghiên cứu kết hợp định tính, định lượng + Phân tích số liệu định tính** 1. Nghiên cứu kết hợp phương pháp định tính và định lượng 1.1. Khái niệm 1.2. Lý do sử dụng kết hợp NC định tính và định lượng 1.3. Các câu hỏi cần lưu ý khi kết hợp NC định tính và định lượng 1.4. Các phương pháp NC kết hợp định tính và định lượng a. Thiết kế kết hợp đồng thời để đối chiếu kết quả b. Thiết kế kết hợp giải thích theo trình tự c. Thiết kế kết hợp khám phá theo trình tự d. Thiết kế kết hợp để đánh giá theo trình tự 1.5. Các bước của quá trình kết hợp NC định tính và định lượng 2. Phân tích số liệu 2.1. Các bước phân tích số liệu định tính 2.2. Xây dựng bảng mã trong nghiên cứu định tính 2.3. Thực hiện mã hóa một đoạn số liệu dạng văn bản	**04**	PEO 1, PEO 2, PEO 3	PLO 7, PLO 8 PLO 4, PLO 5, PLO10, PLO12, PLO 11

	2.4. Tóm tắt và tổng hợp số liệu định tính vào bảng theo chủ đề			

2. Thực hành

STT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập	CĐR
1	**Bài thực hành 1: Lựa chọn chủ đề NC, Thiết kế NC định tính** 1. Lựa chọn chủ đề NC 2. Thực hành Thiết kế nghiên cứu định tính theo chủ đề đã chọn Sinh viên chia nhóm thực hành theo chủ đề	**04**	PEO 1, PEO 2, PEO 3	PLO 7, PLO 8 PLO 4, PLO 5, PLO10, PLO12, PLO 11
2	**Bài thực hành 2:** 1. Chọn mẫu trong nghiên cứu định tính 1.1. Hướng dẫn sinh viên: 1.2. Chọn người cung cấp thông tin chính 1.3. Chọn mẫu có chủ đích 1.4. Chọn mẫu chỉ tiêu 1.5. Chọn mẫu "quả bóng tuyết" 2. Thực hành Phân tích số liệu định tính Hướng dẫn sinh viên: Xây dựng bảng mã Thực hiện mã hóa Trình bày số liệu Sinh viên chia nhóm thực hành theo chủ đề	**04** **04**	PEO 1, PEO 2	PLO 7, PLO 8 PLO 4, PLO 5, PLO10, PLO12, PLO 11
3	**Bài thực hành 3:** 1. Phương pháp nghiên cứu phi thực nghiệm Thảo luận case study theo nhóm 2. Phương pháp nghiên cứu thực nghiệm.	**04**	PEO 1, PEO 2, PEO 3	PLO 7, PLO 8 PLO 4, PLO 5,

	Thảo luận case study theo nhóm	**04**		PLO10, PLO12, PLO 11
4	**Bài thực hành 4:** **Quy trình xây dựng đề cương nghiên cứu SKCĐ** 1. Lý do phải xây dựng đề cương 2. Các bước xây dựng đề cương 3. Thực hành xây dựng đề cương theo nhóm **Lựa chọn vấn đề NC (theo nhóm)** Xây dựng mục tiêu NC theo chủ đề **Tổng quan tài liệu** 1. Xác định thông tin cần tìm kiếm 2. Xác định nguồn thông tin 3. Tiến hành tìm kiếm 4. Đánh giá tài liệu tìm được 5. Tổng hợp thông tin **Đối tượng và PP nghiên cứu** Địa điểm, đối tượng, thời gian NC Phương pháp NC - Thiết kế NC - Chọn mẫu, cỡ mẫu - Kỹ thuật và công cụ thu thập thông tin - Quản lý và phân tích số liệu - Sai số và biện pháp khống chế - Đạo đức trong NC Thực hành theo nhóm, hoàn thành đề cương	**04** **04** **08**	PEO 1, PEO 2, PEO 3	PLO 7, PLO 8 PLO 4, PLO 5, PLO10, PLO12, PLO 11
5	**Bài thực hành 5: Thực hành Thiết kế công cụ thu thập thông tin** 1. Hướng dẫn xây dựng Công cụ thu thập số liệu định lượng	**08**	PEO 1, PEO 2, PEO 3	PLO 7, PLO 8 PLO 4, PLO 5,

	2. Hướng dẫn Công cụ thu thập số liệu định tính Sinh viên chia nhóm thực hành theo chủ đề			PLO10, PLO12, PLO 11

III. Phương pháp dạy/học

1. Lý thuyết: Thuyết trình, Thảo luận nhóm
2. Thực hành: Hướng dẫn, thảo luận nhóm

IV. Phương tiện, vật liệu dạy/học

1. Lý thuyết: Bảng phấn, máy chiếu
2. Số bài kiểm tra giữa học phần: 01
3. Thực hành : bảng phấn, máy chiếu

V. Phương pháp lượng giá

1. Lý thuyết: Trắc nghiệm khách quan
2. Thực hành : báo cáo đề cương

Điểm thành phần	**Trọng số tính điểm**	**Bài đánh giá**	**Hình thức đánh giá**	**Tiêu chí đánh giá**	**CĐR được đánh giá**	**Điểm tối đa**
Đánh giá thực hành (**ĐCC**	40%	1 bài viết	Kiểm tra viết			**10**
Đánh giá chuyên cần (**ĐCC**)	10%	Điểm danh hằng ngày	Điểm danh	Điểm danh hằng ngày Đi học đúng giờ Đảm bảo nội quy của bộ môn		10
Điểm giữa học phần (**ĐGHP**)	10%	1 bài viết	Kiểm tra viết	Mỗi câu trả lời đầy đủ, chính xác được 5 điểm, tổng 2 câu được 10 điểm	PLO 2, 13, 14	10
Điểm kết	40%	1 bài	Thi viết	Mỗi câu trả lời đầy	PLO 2,	10

thúc học phần (**ĐKTHP**)		viết	cải tiến	đủ, chính xác được 2.5 điểm, tổng 4 câu được 10 điểm	11, 13, 14, 16, 17	

Công thức tính điểm:

Điểm tổng kết môn học=0,4*thực hành+0,1*chuyên cần+0,1 *GHP+0,4*CHP

Rubric 1: Điểm danh: 10 điểm

Tiêu chí	**Điểm trừ**
Không vắng	
Nghỉ học có phép	
Nghỉ học không phép	
Đi muộn	

Rubric 2: Vấn đáp

Mức độ đạt chuẩn quy định					
Tiêu chí đánh giá	**Điểm (0-3.9)**	**Điểm (4.0-5.4)**	**Điểm (5.4-6.9)**	**Điểm (7.0-8.4)**	**Điểm (8.5-10)**
Nội dung câu hỏi					

VI. Tài liệu học tập và tham khảo

1. Tài liệu học tập

Phương pháp nghiên cứu định tính trong chương trình y tế (1997), Nhà xuất bản Đại học y

2. Tài liệu tham khảo

1. Trường Đại học Y Hà Nội (2011), Tài liệu hướng dẫn xây dựng đề cương nghiên cứu khoa học y học, NXB Y học.

2. Trường Đại học Y tế công cộng (2014), Phương pháp nghiên cứu định tính, Nhà xuất bản Lao động xã hội.

VII. Lịch học: Theo Lịch giảng dạy/học tập.

VIII. Quy định với sinh viên:

1. Nhiệm vụ của sinh viên: Tham gia tối thiểu 80% các buổi học lý thuyết, nếu có lý do thì sẽ được học bù. Bù đủ sẽ được xem xét duyệt thi.

2. Quy định điều kiện dự thi: Được đánh giá văn cứ vào việc tham dự đầy đủ các buổi học, đúng giờ. Mặc định điểm chuyên cần học phần là 10 điểm, sau đó trừ dần số điểm theo số lần vi phạm. Điểm chuyên cần thấp nhất là 0 điểm, cụ thể như sau:

- Vắng không có lý do: trừ 0,5 điểm/ tiết học
- Vắng có lý do hợp lệ (có phép): trừ 0,25 điểm/ tiết học (ngoại trừ các trường hợp đặc biệt do nhà trường điều động...)
- Đi học muộn: trừ 0,5 điểm/lần (nếu muộn quá 15’ thì sẽ tính không lý do)

IX. Tiến trình cập nhật đề cương chi tiết

TT	Cập nhật đề cương tiết lần	Ngày/tháng/năm	Người cập nhật
1.	**Lần 1**	**05/2019**	
2.	**Lần 2**	**05/2021**	
3.	**Dự kiến**	**Năm 2023**	
4.			
5.			

PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC **BỘ MÔN/KHOA**

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC
THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

BỘ MÔN/KHOA:Y TẾ CÔNG CỘNG

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Tên học phần: Một sức khỏe

Tên tiếng Việt: Một sức khỏe

Tên tiếng Anh: One health

Mã học phần: 3130ONEHLT1T

Ngành: Y học dự phòng

Mã ngành: 7720110

I.Hành chính.

1. Thông tin chung:

Học phần:	☑ Bắt buộc ☐ Tự chọn ☐ Không tính điểm
Thuộc kiến thức:	☐ Giáo dục đại cương ☐ Cơ sở ngành ☑ Chuyên ngành ☐ Bổ trợ
Đối tượng:	**Bác sĩ Y học dự phòng**
Số tín chỉ (LT;TH/LT;LS):1/1 Số tiết Lý thuyết:15 Thảo luận : Số giờ tự học: 35 Số tiết Thực hành/ Lâm sàng: 32 Thảo luận: Số giờ tự học: 18	
Số bài kiểm tra (LT/TH/LS): 2 Giữa học phần: 1 Kết thúc học phần:1	

Học phần học trước:	
Học phần tiên quyết:	Dịch tễ học cơ sở và Vi sinh
Học phần song hành:	
Bộ môn/Khoa giảng dạy:	Khoa Y tế công cộng

2. Mô tả chung về học phần:

Môn Một sức khỏe/One health là môn học bắt buộc trong khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo trình độ bác sĩ chuyên ngành Y học dự phòng

Học phần/module Một sức khỏe/One health thuộc khối kiến thức chuyên ngành, được dạy - học ở kỳ học 12 của CTĐT. Học phần/module này sẽ cung cấp cho sinh viên hệ bác sĩ y học dự phòng những khái niệm liên quan tới cách tiếp cận Một sức khỏe đối với các bệnh truyền lây giữa động vật và người, kiến thức về ứng dụng phương pháp tư duy hệ thống để giải quyết vấn đề trên cơ sở cân nhắc các yếu tố văn hóa đặc thù.. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là học lý thuyết trên lớp, thảo luận nhóm, nghiên cứu và nêu vấn đề. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm viết chuyên đề và báo cáo chuyên đề. Học phần/module này đóng góp vào chuẩn đầu ra mức độ cao của chương trình đào tạo.

3. Cán bộ phụ trách/giảng dạy:

TT	Họ tên	Học hàm/học vị	Số điện thoại	Email	Ghi chú
1.	Vũ Phong Túc	PGS.TS	0978626648	tuctbmc@gmail.com	Phụ trách
2.	Ngô Thị Nhu	PGS.TS	0912623826	nhuytbvn@gmail.com	Tham gia
3.	Nguyễn Đức Thanh	PGS.TS	0912357575	***(a)*** *bsthanh@hotmail.com*	Tham gia
4.	Trần Thị Thu Hà	BS CKII	0989535028	hatlyd@gmail.com	Tham gia
5.	Nguyễn Hữu Ngự	TS	0988347506	huunguytb@gmail.com	Tham gia
6.	Đặng Thị Thu Ngà	ThS	0942909348	ngadang21388@gmail.com	Tham gia

4. Mục tiêu học phần:

TT	Mục tiêu học phần	Mục tiêu CTĐT (PEO)
1.	Xác định được nguyên lý hệ sinh thái và mối liên quan của hệ sinh thái đến sức khỏe	PEO2, PEO3

	con người và sức khỏe động vật	
2.	Có kiến thức chung về bệnh lây truyền giữa động vật - người, và có khả năng vận dụng trong chương trình vì một sức khỏe tại cơ sở	PEO2, PEO3, PEO4
3.	Trình bày được một số đặc điểm sinh học, khả năng gây bệnh, đường lây truyền và ký thuật xét nghiệm cơ bản xét nghiệm cơ bản xác định nhanh căn nguyên vi sinh vật gây bệnh truyền nhiễm tại cộng đồng trong Một sức khỏe	PEO2, PEO3, PEO4
4.	Xác định các thành phần chính trong tư duy hệ thống và giải thích sự kết hợp giữa các thành phần này để giải quyết các vấn đề Một sức khỏe	PEO1, PEO2, PEO3
5.	Hiểu được vai trò của chính sách và phân tích chính sách liên quan đến Một sức khỏe	PEO2, PEO3
6.	Xác định các yếu tố văn hóa trong xây dựng các chương trình Y tế dự phòng	PEO4, PEO5
7.	Có kiến thức và kỹ năng trong quản lý một số bệnh lây truyền giữa người và động vật	PEO1, PEO2, PEO5

5. Chuẩn đầu ra học phần

TT	CĐR Học phần	Mức độ đạt (S, H)/CĐR của CTĐT (PLO)
1.	Vận dụng được các kiến thức về Một sức khỏe trong giải quyết các vấn đề sức khỏe của con người mà ở đó có sự liên quan đến sức khỏe vật nuôi và sức khỏe môi trường.	S: PLO 3 H: PLO 1,2

2.	Thực hiện được kỹ năng lập kế hoạch tổ chức đoàn chuyên gia một sức khỏe để điều tra xác định một vấn đề sức khỏe cộng đồng, lập kế hoạch vật tư, trang thiết bị và kinh phí cho đoàn chuyên gia.	S: PLO 4, 7 H: PLO 5, 8
3.	Xây dựng được sơ đồ giải pháp giải quyết vấn đề sức khỏe	S: PLO 4 H: PLO 5
4.	Xác định được các yếu tố nguy cơ và phân tích nguy cơ trong bệnh truyền nhiễm	S: PLO 5 H: PLO 7
5.	Nhận thức được cách tiếp cận một sức khỏe là cách tiếp cận toàn diện trong giải quyết các vấn đề sức khỏe liên quan đến các bệnh truyền lây giữa động vật và con người.	S: PLO 11 H: PLO 10, PLO 13

Chú thích: S (Support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra; H (Highly support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra.

II. NỘI DUNG

1. Lý thuyết

STT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập	CĐR HP
1	**Bài 1:** 5. Tổng quan và các khái niệm cơ bản về Một sức khỏe 1.1. Khái niệm và lịch sử tiếp cận 1.2. Các năng lực cơ bản của cách tiếp cận « Một sức khỏe » 1.3. Ứng dụng của phương pháp tiến cận « Một	**4**	PEO2, PEO3	S: PLO 3 H: PLO 1,2

	sức khỏe » trong y học dự phòng. 6. Sức khỏe hệ sinh thái 2.8. Nguyên lý cơ bản của sức khỏe hệ sinh thái liên quan đến sức khỏe con người và sức khỏe động vật 2.9. Mối tương quan qua lại giữa sức khỏe con người, sức khỏe động vật và sức khỏe hệ sinh thái 2.10. Biến đổi khí hậu và sức khỏe con người, vật nuôi. 7. Tư duy hệ thống và Một sức khỏe 3.1. Khái niệm và vai trò của tư duy hệ thống 3.2. Sơ đồ hóa các giải pháp giải quyết vấn đề Một sức khỏe theo phương pháp tư duy hệ thống			
2	**Bài 2: Tác nhân gây bệnh truyền nhiễm và các kỹ thuật cơ bản chẩn đoán nhanh tại cộng đồng trong Một sức khỏe** 12. Một số đặc điểm sinh học chính, khả năng gây bệnh, đường lây truyền của các căn nguyên VSV gây bệnh truyền nhiễm a. Căn nguyên gây bệnh đường tiêu hóa b. Căn nguyên gây bệnh đường hô hấp c. Căn nguyên gây bệnh đường máu 13. Nguyên tắc và ứng dụng của một số kỹ thuật xét nghiệm cơ bản xác định nhanh tại cộng đồng	**2**	PEO2, PEO3, PEO4	S: PLO 5 H: PLO 7
3	**Bài 3 : Bệnh lây truyền giữa động vật và người** 3. Đại cương về bệnh truyền lây giữa động vật và người 1.1. Định nghĩa và lịch sử tên gọi bệnh truyền lây giữa động vật và	**2**	PEO2, PEO3, PEO4	S: PLO 4,7 H: PLO 5,8

	người 1.2. Phân loại các bệnh truyền lây giữa động vật và người 4. Một số bệnh truyền lây giữa động vật và người 2.8. Bệnh dại 2.9. Bệnh cúm gia cầm 2.10. Bệnh xoắn khuẩn 2.11. Bệnh liên cầu ở lợn 2.12. Bệnh than 2.13. Bệnh sán lá gan lớn			
4	**Bài 4: Phân tích nguy cơ và quản lý các bệnh truyền nhiễm** 1. Khái niệm cơ bản về dây truyền dịch và các yếu tố nguy cơ 1.1. Phân loại dịch 1.2. Động lực bên trong 1.3. Động lực bên ngoài 2. Khái niệm về phân tích nguy cơ và đánh giá nguy cơ hướng tới Một sức khỏe 2.1. Phân tích nguy cơ 2.2. Đánh giá nguy cơ 3. Các yếu tố nguy cơ liên quan tới đường lây truyền, mắt xích dịch tễ và mô hình lây truyền 4. Các bước trong quản lý nguy cơ bùng phát một vụ dịch	**2**	PEO2, PEO3, PEO4	S: PLO 5 H: PLO 7
5	**Bài 5: Các chính sách liên quan đến Một sức khỏe – kinh tế Một sức khỏe** 1. Các chính sách liên quan đến Một sức khỏe	**2**	PEO2, PEO3	S: PLO 5 H: PLO 7

	1.1. Một số điều lệ, chiến lược liên quan đến Một sức khỏe do cơ quan quốc tế ban hành 1.2. Phân tích một số chính sách, các quy định, điều lệ, hướng dẫn liên quan đến Mộtsức khỏe do cơ quan quốc tế ban hành. 1.3. Phân tích một chính sách cụ thể 2. Kinh tế Một sức khỏe 2.3. Nhắc lại một số khái niệm cơ bản về kinh tế 2.4. Các yếu tố về môi trường tạo điều kiện cho những vấn đề sức khỏe 2.5. Logic kinh tế của đầu tư vào một sức khỏe Hậu quả và hiệu suất từ Một sức khỏe			
6	**Bài 6:** **Nội dung 1. Các yếu tố văn hóa và Một sức khỏe** 1. Khái niệm văn hóa 1.2. Các khái niệm cơ bản về văn hóa liên quan đến môi trường và sức khỏe 1.2.1. Văn hóa là cách con người thích nghi với môi trường (Nanda & Warms) 1.2.2. Khoa học, công nghệ và sự thích 1.2.3. Văn hóa là hệ thống các chuẩn mực và giá trị 1.2.4. Niềm tin và quan niệm về sức khỏe, nguyên nhân bệnh tật từ góc độ văn hóa 2. Quan niệm và hành vi của con người đối với môi trường thuộc các nền văn hóa khác nhau 2.1. Môi trường, sự sống và văn hóa 2.1.1. Mối liên quan giữa môi trường và sự đa dạng văn hóa 2.1.2. Chiến lược sinh tồn và thích ứng với môi trường	**3**	PEO4, PEO5	S: PLO 4,7 H: PLO 5,8

	2.1.3. Thiên tai và các yếu tố tâm linh thần thánh 2.2. Quan niệm âm dương ngũ hành của người châu Á 2.3. Quan niệm, niềm tin và thái độ đối với động vật thuộc các nền văn hóa khác nhau 2.3.1. Bò (trâu) trong các nền văn hóa khác nhau 2.3.2. Gà và các mục đích sử dụng gà 2.3.3. Lợn và thịt lợn 2.3.4. Chó và quan niệm khác biệt văn hóa Đông - Tây 2.4. Quan niệm về tác hại, tác dụng của cây cối 3. Một số thói quen, tập quán của Việt nam và vấn đề "Một sức khỏe" 3.1. Thói quen ăn uống 3.1.1. Ăn gỏi cá (cá sống) 3.1.2. Ăn tiết canh: 3.1.3. Văn hóa ăn uống đường phố (ảnh hưởng và bị ảnh hưởng môi trường) 3.2. Thói quen sử dụng thuốc bảo vệ thực vật trong nông nghiệp 3.3. Thói quen nhốt giữ vật nuôi gần nhà ở 3.4. Thói quen không dùng nhà vệ sinh và sử dụng chất thải tươi trong trồng trọt 3.5. Vai trò giới và 'một sức khỏe' 3.5.1. Vai trò giới và sự phân công lao động: 3.5.2. Ai hay ăn đồ có nguy cơ bị bệnh? 3.5.3. Những thực phẩm bổ dương, bổ âm theo quan niệm dân gian: 4. Xây dựng các chương trình can thiệp sức khỏe (dự phòng) cân nhắc yếu tố văn hóa **Nội dung 2. Kỹ năng làm việc nhóm và hợp tác**			

	trong cách tiếp cận Một sức khỏe 2.1. Khái niệm về nhóm và nhóm làm việc vì một sức khỏe 2.1.1. Khái niệm nhóm 2.1.2. Khái niệm nhóm làm việc vì một sức khỏe 2.1.3. Mục đích của làm việc nhóm 2.2. Quá trình nhóm làm việc vì một sức khỏe 2.2.1. Các thành phần tham gia nhóm làm việc 2.2.2. Quá trình nhóm 2.2.3. Các vai trò trong nhóm 2.3. Một số đặc điểm của nhóm làm việc hiệu quả			
7	**Bài 7 : Phân tích nguy cơ và quản lý một số bệnh lây truyền giữa người và động vật** 1. Thu thập thông tin về vấn đề Một sức khỏe tại cộng đồng 1.1.Xác định thông tin, số liệu cần thu thập 1.2.Xác định kỹ thuật và công cụ thu thập thông tin 1.3.Cách xách định vấn đề: Một sức khỏe ưu tiên tại cộng đồng 2. Xác định vấn đề Một sức khỏe và lựa chọn một sức khỏe ưu tiên dựa trên các thông tin đã thu thập 2.1.Cách xác định một vấn đề sức khỏe tại cộng đồng 2.2. Cách xác định một vấn đề sức khỏe ưu tiên tại cộng đồng	**2**	PEO1, PEO2, PEO5	S: PLO 11 H: PLO 10, PLO 13

2. Thực hành

STT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học	CĐR

			tập	
1	**Bài thực hành 1:** 1. Sức khỏe hệ sinh thái Nghiên cứu một trường hợp, phân tích mối quan hệ qua lại giữa sức khỏe hệ sinh thái, sức khỏe vật nuôi và sức khỏe con người 2. Tư duy hệ thống và Một sức khỏe Nghiên cứu một trường hợp cụ thể để áp dụng tư duy hệ thống trong giải quyết vấn đề.	**6**	PEO2, PEO3	S: PLO 3 H: PLO 1,2
2	**Bài thực hành 2:** **Thực hành Case study về một số bệnh truyền nhiễm và hướng giải quyết theo phương thức tiếp cận Một sức khỏe** 1. Case study về bệnh Dại 2. Case study về bệnh Zika virut Sinh viên chia nhóm thực hành	**6**	PEO2, PEO3, PEO4	S: PLO 5 H: PLO 7
3	**Bài thực hành 3 : Bệnh lây truyền giữa động vật và người** 1. Bài tập tình huống về bệnh dại 1.1. Phân tích các tình huống xử trí khi bị phơi nhiễm (động vật cắn) 1.2. Phân tích các giải pháp Một sức khỏe trong phòng chống bệnh dại 2. Bài tập tình huống về bệnh cúm gia cầm 2.1. Phân tích dịch tễ, biểu hiện ở động vật trong bệnh cúm gia cầm	**6**	PEO2, PEO3, PEO4	S: PLO 4,7 H: PLO 5,8

	Phân tích các giải pháp Một sức khỏe trong phòng chống bệnh cúm gia cầm			
4	**Bài thực hành 4: Phân tích nguy cơ và quản lý các bệnh truyền nhiễm** 1. Bài tập tình huống 1 1.1. Phân tích nguy cơ 1.2. Đề xuất các biện pháp quản lý 2. Bài tập tình huống 2 1.1. Phân tích nguy cơ 1.2. Đề xuất các biện pháp quản lý	**6**	PEO2, PEO3, PEO4	S: PLO 5 H: PLO 7
5	**Bài thực hành 5: Các chính sách liên quan đến Một sức khỏe – kinh tế Một sức khỏe** 1. Các chính sách liên quan đến Một sức khỏe : Sử dụng phương pháp phân tích SWOT để phân tích 1 số nghị định, thông tư, quyết định có liên quan đến một sức khỏe 2. Kinh tế Một sức khỏe : Xác định chi phí can thiệp trên cách tiếp cận MSK	**4**	PEO2, PEO3	S: PLO 5 H: PLO 7
6	**Bài thực hành 6: Các yếu tố văn hóa và Một sức khỏe** 1. Giới thiệu bài tập tình huống, hướng dẫn làm việc nhóm 2. Làm việc theo nhóm nhỏ 3. Trình bày kết quả làm việc nhóm và thảo luận chung	**6**	PEO4, PEO5	S: PLO 4,7 H: PLO 5,8

7	**Bài thực hành 7 : Xác định và đề xuất giải pháp giải quyết một vấn đề sức khỏe cụ thể** 1. Xác định mục tiêu 2. Xác định các giải pháp giải quyết một VĐ SK cụ thể 3. Xác định các hoạt động cụ thể 4. Kế hoạch về thời gian, nhân lực, tài chính	**6**	PEO1, PEO2, PEO5	S: PLO 11 H: PLO 10, PLO 13

III. Phương pháp dạy/học

1. Lý thuyết: Thuyết trình, Thảo luận nhóm
2. Thực hành: Thảo luận nhóm

IV. Phương tiện, vật liệu dạy/học

1. Lý thuyết:
2. Thực hành:
3. Lâm sàng:

V. Phương pháp lượng giá

- Thang điểm 10
- Các điểm thành phần

Điểm thành phần	**Trọng số tính điểm**	**Bài đánh giá**	**Hình thức đánh giá**	**Tiêu chí đánh giá**	**CĐR được đánh giá**	**Điểm tối đa**
Đánh giá chuyên cần (**ĐCC**)	10%	Điểm danh hằng ngày				10
Điểm giữa học phần (**ĐGHP**)	10%	1 bài viết	Kiểm tra viết	Mỗi câu trả lời đầy đủ, chính xác được 5 điểm, tổng 2 câu được 10 điểm		10

Điểm thực hành (**ĐTH**)	40%	1 bài báo cáo	Báo cáo case study			10
Điểm kết thúc học phần (**ĐKTHP**)	40%	1 bài chuyên đề		- Nội dung đầy đủ, phù hợp theo yêu cầu - Hình thức rõ ràng mạch lạc - Báo cáo tự tin		10

Công thức tính điểm:

Điểm tổng kết môn học=0,1* chuyên cần+ 0,1 *GHP+0,4*TH+0,4*CHP

Rubric 1: Điểm danh: 10 điểm

Tiêu chí	**Điểm trừ**
Không vắng	
Nghỉ học có phép	
Nghỉ học không phép	
Đi muộn	

Rubric 2: Vấn đáp

Mức độ đạt chuẩn quy định					
Tiêu chí đánh giá	**Điểm (0-3.9)**	**Điểm (4.0-5.4)**	**Điểm (5.4-6.9)**	**Điểm (7.0-8.4)**	**Điểm (8.5-10)**
Nội dung câu hỏi					

VI. Tài liệu học tập và tham khảo

1. Nguyễn Đức Hinh, Lê Thị Hương (2015), Một sức khỏe trong Y học dự phòng và Y tế công cộng

1. Nguyễn Đức Thanh (2015). Giáo trình Kinh tế Y tế (Sách đào tạo Sau đại học), Bộ môn Tổ chức và Quản lý Y tế, Trường Đại học Y Dược Thái Bình, (Lưu hành nội bộ)
2. Trường Đại học Y tế công cộng (2012). Khái niệm cơ bản về Kinh tế y tế & Tài chính y tế, Nhà xuất bản lao động xã hội.
3. WHO (2003), climate change and human health, risk and response https://iris.who.int/bitstream/handle/10665/42742/924156248X_eng.pdf?sequence=1
4. Bộ tài nguyên môi trường (2009), Kịch bản biến đổi khí hậu, nước biển dâng cho Việt Nam
5. WHO (2009), Dịch tễ học cơ bản (bản dịch)

VII. Lịch học: Theo Lịch giảng dạy/học tập.

VIII. Quy định với sinh viên:

1. Nhiệm vụ của sinh viên: Tham gia tối thiểu 80% các buổi học lý thuyết, nếu có lý do thì sẽ được học bù. Bù đủ sẽ được xem xét duyệt thi.

2. Quy định điều kiện dự thi: Được đánh giá văn cứ vào việc tham dự đầy đủ các buổi học, đúng giờ. Mặc định điểm chuyên cần học phần là 10 điểm, sau đó trừ dần số điểm theo số lần vi phạm. Điểm chuyên cần thấp nhất là 0 điểm, cụ thể như sau:

- Vắng không có lý do: trừ 0,5 điểm/ tiết học
- Vắng có lý do hợp lệ (có phép): trừ 0,25 điểm/ tiết học (ngoại trừ các trường hợp đặc biệt do nhà trường điều động...)
- Đi học muộn: trừ 0,5 điểm/lần (nếu muộn quá 15’ thì sẽ tính không lý do)

IX. Tiến trình cập nhật đề cương chi tiết

TT	Cập nhật đề cương tiết lần	Ngày/tháng/năm	Người cập nhật
1.	**Lần 1**	**05/2019**	
2.	**Lần 2**	**05/2021**	
3.	**Dự kiến**	**Năm 2023**	
4.			
5.			

PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC **BỘ MÔN/KHOA**

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC
THÁI BÌNH
BỘ MÔN:SỨC KHỎE MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Năm: 2021

Tên học phần:

Tên tiếng việt: Sức khỏe môi trường 3

Tên tiếng anh: Environmental Health

Mã số học phần: 3130ENVHLT2T

Ngành: Y học dự phòng

Mã ngành: 7720110

I. Hành chính

1. Thông tin chung

Học phần:	☑ Bắt buộc ☐ Tự chọn ☐ Không tính điểm
Thuộc kiến thức:	☐ Giáo dục đại cương ☐ Cơ sở ngành ☑ Chuyên ngành ☐ Bổ trợ
Đối tượng:	Y học dự phòng
Số tín chỉ (LT;TH/LT;LS): Số tiết Lý thuyết: Thảo luận : Số giờ tự học: Số tiết Thực hành/ Lâm sàng: Thảo luận: Số giờ tự học:	**4** **44** **106 tiết** **16** **34 tiết**

Số bài kiểm tra (LT/TH/LS): Giữa học phần: Kết thúc học phần:	**1/1** **1** **1**
Học phần học trước:	Sức khoẻ môi trường 1, 2.
Học phần tiên quyết:	
Học phần song hành:	Sức khoẻ nghề nghiệp, sức khoẻ lứa tuổi
Bộ môn/Khoa giảng dạy:	Sức khỏe môi trường

2. Mô tả học phần

Học phần Khoa học môi trường và Sức khỏe môi trường là môn học gồm học phần SKMT1 và SKMT2. Đây là môn học nghiên cứu về môi trường, sự tác động qua lại giữa môi trường và con người, môn học này nhằm giúp sinh viên nhận thức được những ảnh hưởng của môi trường đến sức khỏe con người và đời sống sinh vật. Học phần KHMT và SKMT sẽ cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về vệ sinh môi trường, các yếu tố ảnh hưởng đến sức khoẻ con người và các biện pháp dự phòng, khắc phục

3. Cán bộ phụ trách/giảng dạy

TT	Họ tên	Học hàm/học vị	Số điện thoại	Email	Ghi chú
1.	Vũ Phong Túc	PGS.TS	0978626648	vuphongtuc@yahoo.com	Phụ trách
2.	Ngô Thị Nhu	PGS.TS	0912623826	nhuytbvn.@gmail.com	Tham gia
3.	Đặng Thị Vân Quý	Thạc sỹ	0912105287	vanquyytb@gmail.com	Tham gia
4.	Lê Thị Kiều Hạnh	Thạc sỹ	0919217848	lehanh.qn85@gmail.com	Tham gia
5.	Vũ Đức Anh	Thạc sỹ	0979098389	duc.anh1402@gmail.com	Tham gia
6.	Đặng Thị Thu	Thạc sỹ	0942909348	ngadang21388@gmai.co	Tham

	Ngà			m	gia
7.	Đặng Thị Ngọc Anh	Thạc sỹ	0369696014	cappu.dang@gmail.com	Tham gia
8.	Nguyễn Thị Thanh Phương	KTV	0988268910	nguyenthanhphuongytb@gmail.com	Tham gia
9.	Nguyễn Thị Cúc Phương	KTV	0989661993	cucphuongytb@gmail.com	Tham gia

4. Mục tiêu học phần

TT	Mục tiêu học phần	Mục tiêu CTĐT (PEO)
1.	Trình bày được mối quan hệ giữa môi trường đến sức khỏe con người	1,2,3, 5,6,7
2.	Trình bày được ảnh hưởng của môi trường quy hoạch đến sức khỏe con người	1,2,3, 5,6,7
3.	Đánh giá được tiêu chuẩn môi trường quy hoạch	1,2,3, 5,6,7

5. Chuẩn đầu ra học phần

TT	CĐR Học phần	Mức độ đạt (S, H)/CĐR của CTĐT (PLO)
1.	Vận dụng kiến thức phân tích được ảnh hưởng của môi trường quy hoạch đến sức khỏe con người và tham gia phát hiện và tổ chức giải quyết các vấn đề sức khoẻ ưu tiên	S: H: 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13
2.	Có khả năng làm việc nhóm, phối hợp với các thành viên trong nhóm phân tích được các yếu tố nguy cơ và đề xuất được các biện pháp can thiệp cung cấp môi trường chăm sóc an toàn và quản lý được các nguy cơ	S: H: 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13
3.		

Chú thích: S (Support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra; H (Highly support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra

II. NỘI DUNG

1. Lý thuyết

STT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập	CĐR HP
1	**Bài 1: Yếu tố khí tượng tác dụng lên cơ thể con người** 1. Những yếu tố khí tượng tác dụng lên cơ thể con người về mặt vệ sinh 2. Sinh khí tượng và sự thích ứng của cơ thể trong môi trường nóng ẩm 3. Sự thích nghi của người Việt Nam với nóng ẩm	**4**	1. Trình bày được yếu tố khí tượng tác dụng lên cơ thể con người 2. Trình bày được sự thích ứng của cơ thể trong môi trường nóng ẩm	1,2
2	**Bài 2. Can thiệp môi trường** 1. Chiến lược phòng chống môi trường 2. Đánh giá hiệu quả một số giải pháp cung cấp nước sạch và vệ sinh môi trường 3. Những giải pháp can thiệp vào môi trường đất – nước 4. Bảo vệ môi trường cộng đồng 5. Phát triển môi trường bền vững	**4**	1. Trình bày được các chiến lược phòng chống ô nhiễm môi trường 2. Trình bày được các biện pháp can thiệp môi trường 3. Trình bày được phát triển môi trường bền vững	1,2
3	Bài 3. Sinh thái đô thị 1. Quản lý môi trường đô thị * Các vấn đề môi trường đô thị	**4**	1. Trình bày được quản lý môi trường đô thị	1,2

	* Quản lý chất thải rắn đô thị * Quản lý môi trường đô thị trên các nước Đông Nam Á * Môi trường đô thị ở Việt Nam 2. Đô thị sinh thái * Một số vấn đề cơ bản sinh thái đô thị * Sinh thái đô thị và phát triển bền vững * Xây dựng nhà ở sinh thái * Thực trạng nhà ở hiện nay		2. Trình bày được đô thị sinh thái và nhà ở sinh thái	
4	**Bài 4:** Bảo vệ sức khoẻ môi trường 1. Thực trạng ô nhiễm đất và nước 2. Nguy cơ từ môi trường đất, nước lên sức khoẻ 3. Các bệnh liên quan đến nước và vệ sinh môi trường	**4**	1. Trình bày được nguy cơ từ môi trường lên sức khoẻ con người 2. Phân tích được các yếu tố nguy cơ môi trường và đưa ra giải pháp dự phòng	1,2

2. Thực hành

STT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập	CĐR
1	**Bài 1:** Tài liệu tham khảo 1. Lý thuyết 2. Thực hành	**8**	1. Tìm tài liệu tham khảo từ các trang tạp chí, web 2. Biết cách chèn và trích dẫn tài liệu trong các báo cáo	1,2
2	**Bài 2:** Tổng hợp các nghiên cứu 1. Lý thuyết	**8**	1. Đọc các tài liệu NCKH	1,2

	2. Thực hành		2. Tổng hợp vấn đề khoa học từ các nghiên cứu đã có	

III. Phương pháp dạy/học

1. Lý thuyết:

- Thuyết trình, phát vấn, thảo luận.

2. Thực hành:

- Thuyết trình, hướng dẫn

IV. Phương tiện, vật liệu dạy/học

1. Lý thuyết:

- Tài liệu, giáo trình, sách giáo khoa
- Máy chiếu Projector, bảng, phấn

2. Thực hành:

- Giáo trình
- Sơ đồ mẫu

V. Phương pháp lượng giá

- Thang điểm 10
- Các điểm thành phần

Điểm thành phần	**Trọng số tính điểm**	**Bài đánh giá**	**Hình thức đánh giá**	**Tiêu chí đánh giá**	**CĐR được đánh giá**	**Điểm tối đa**
Đánh giá chuyên cần (**ĐCC**)	0,1	-	Điểm danh	Đi học đầy đủ, đúng giờ, không vi phạm quy chế của bộ môn,	PLO:2,3,4,10	10
Điểm giữa học phần (**ĐGHP**)	0,1	1	Thi viết câu hỏi ngắn	Mỗi câu trả lời đầy đủ, chính xác	PLO:2,3,4,10	10

Điểm thực hành (**ĐTH**)	0,4	1	Bộ câu hỏi	Xây dựng được thiết kế điều tra	PLO:2,3,4,10	10
Điểm kết thúc học phần (**ĐKTHP**)	0,4	1	Báo cáo chuyên đề	Hoàn thành báo cáo theo quy định Báo cáo và trả lời câu hỏi	PLO: 1,2,3,4,5,6,7,8,9, 10,11,12,13	10

Công thức tính điểm:

Đ.HP=ĐCCx0,1+ĐGHPx0,1+ĐTHx0,4+ ĐKTHPx0,4

Rubric 1: Điểm danh: 10 điểm

Tiêu chí	**Điểm trừ**
Không vắng	0
Nghỉ học có phép	0,5 điểm/2 tiết học
Nghỉ học không phép	0,5 điểm/tiết học
Đi muộn	0,5 điểm/lần

Rubric 2: Vấn đáp

Mức độ đạt chuẩn quy định					
Tiêu chí đánh giá	**Điểm (0-3.9)**	**Điểm (4.0-5.4)**	**Điểm (5.4-6.9)**	**Điểm (7.0-8.4)**	**Điểm (8.5-10)**
Nội dung câu hỏi	Không giải được hoặc giải một số câu hỏi còn sai sót	Giải chưa hết các câu hỏi	Giải đầy đủ các câu hỏi nhưng còn một số sai sót	Giải đầy đủ và đúng tất cả các câu hỏi nhưng trình bày chưa rõ ràng	Giải đầy đủ và đúng tất cả các câu hỏi và trình bày rõ ràng

VI. Tài liệu học tập và tham khảo

1. Tài liệu học tập

- Bộ môn Sức khỏe môi trường (2014), *Sức khỏe môi trường,* Nhà xuất bản giáo dục

- Bộ môn Sức khỏe môi trường (2016), *Y học lao động và bệnh nghề nghiệp,* Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam

2. Tài liệu tham khảo

1. Đào Ngọc Phong và cộng sự (2012), *Sinh thái - môi trường – nhà ở trong xây dựng đô thị và nông thôn*, Nhà xuất bản Y học.

2. Trường Đại học Y dược Thái Bình (2014), *Vệ sinh môi trường và nguy cơ tới sức khỏe*, Nhà xuất bản y học.

3. Trần Quốc Kham, Đào Ngọc Phong (2014), *Bảo vệ sức khỏe môi trường*, Nhà xuất bản y học.

4. https://vanbanphapluat.co/qcvn-01-1-2018-byt-chat-luong-nuoc-sach-su-dung-cho-sinh-hoat

5. https://vanbanphapluat.co/qcvn-05-2013-btnmt-chat-luong-khong-khi-xung-quanh

VII. Lịch học: Theo lịch giảng dạy/học tập của khung chương trình

VIII. Quy định với sinh viên:

1. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Tham gia học tập đầy đủ các buổi học lý thuyết và thực hành
- Thực hiện nghiêm túc theo sự hướng dẫn của giảng viên
- Tham gia thảo luận nhóm và hoàn thành các bài tập

2. Quy định điều kiện dự thi:

- Thực hiện đúng nhiệm vụ của sinh viên
- Tham gia trên 80% thời lượng học tập lý thuyết và 100% thời lượng thực hành
- Vắng 01 buổi học thực hành không có lý do, không hoàn thành nhiệm bài tập sẽ phải học bù, sau khi hoàn thành mới được duyệt thi.
- Vắng 1-2 buổi thực hành có lý do, bộ môn sẽ tổ chức học bù vào thứ 7, chủ nhật, sau khi hoàn thành mới duyệt thi thực hành

IX. Tiến trình cập nhật đề cương chi tiết

TT	Cập nhật đề cương tiết lần	Ngày/tháng/năm	Người cập nhật
1.	**Lần 1**	**Năm 2021**	

2.	**Lần 2**	**Năm 2023**	
3.			
4.			
5.			

TRƯỞNG ĐƠN VỊ GIẢNG DẠY

Vũ Phong Túc

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC
THÁI BÌNH
Khoa:Y tế công cộng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Năm: 2021

Tên học phần:

Tên tiếng việt: Thực tập cộng đồng 1

Tên tiếng anh: Community internship 1

Mã số học phần: 3120COMPRT1P

Ngành: Y học dự phòng

Mã ngành: 7720110

I. Hành chính

1. Thông tin chung

Học phần:	☑ Bắt buộc ☐ Tự chọn ☐ Không tính điểm
Thuộc kiến thức:	☐ Giáo dục đại cương ☐ Cơ sở ngành ☑ Chuyên ngành ☐ Bổ trợ
Đối tượng:	Y học dự phòng
Số tín chỉ (LT;TH/LT;LS): Số tiết Lý thuyết: Thảo luận : Số giờ tự học: Số tiết Thực hành/ Lâm sàng: Thảo luận: Số giờ tự học:	**2** **60 tiết** **40 tiết**

Số bài kiểm tra (LT/TH/LS): Giữa học phần: Kết thúc học phần:	**1/1** **1** **1**
Học phần học trước:	Sức khoẻ môi trường1, Dịch tễ học, TCQLYT, DD&ATTP, XHHSK
Học phần tiên quyết:	
Học phần song hành:	
Bộ môn/Khoa giảng dạy:	Khoa y tế công cộng

2. Mô tả học phần

Học phần thực tập cộng đồng 1 sinh viên tiếp cận với các hoạt động phòng chống bệnh tật, sức khoẻ cho người dân tại cơ sở y tế tuyến xã. Học tập môn học này sinh viên tiếp cận các chủ đề của các bộ môn Dịch tễ học, DD & ATVSTP, SKMT, TCQLYT và XHHSK về phòng chống dịch bệnh cho người dân và vệ sinh môi trường.

3. Cán bộ phụ trách/giảng dạy

*** Cán bộ phụ trách :** PGS.TS. Vũ Phong Túc – 0978626648 -vuphongtuc@yahoo.com

*** Cán bộ giảng dạy:** Cán bộ giảng viên khoa Y tế công cộng

4. Mục tiêu học phần

TT	Mục tiêu học phần	Mục tiêu CTĐT (PEO)
1.	Mô tả việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ, công tác quản lý và phương thức hoạt động của y tế tuyến cơ sở theo quy định của ngành y tế.	1,2,3, 5
2.	Thu thập, phân tích và xử lý các thông tin cơ bản về tình hình sức khỏe (một số bệnh có tỷ lệ hiện mắc, tử vong cao thường gặp) và kết quả hoạt động của một số chương tình mục tiêu y tế quốc gia đang triển khai tại địa phương	1,2,3, 5
3.	Xác định vấn đề sức khoẻ và lựa chọn vấn	1,2,3, 5

	đề sức khoẻ ưu tiên. Lập kế hoạch giải quyết vấn đề sức khoẻ ưu tiên tại địa phương	
4.	Thực hiện các kỹ năng truyền thông tư vấn cho cộng đồng các VĐSK. Nâng cao kỹ năng giao tiếp, ứng xử và tham gia vào các hoạt động của Trạm y tế xã	1,2,3, 5

5. Chuẩn đầu ra học phần

TT	CĐR Học phần	Mức độ đạt (S, H)/CĐR của CTĐT (PLO)
1.	Vận dụng kiến thức phân tích được đặc điểm của các chương trình dự phòng tại cộng đồng	S: H: 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13
2.	Có khả năng làm việc nhóm, phối hợp với các thành viên trong nhóm xác định được các mối liên quan giữa môi trường với sức khoẻ, phòng chống dịch bệnh và tư vấn được cho cộng đồng về chăm sóc sức khoẻ cho người dân	S: H: 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13
3.		

Chú thích: S (Support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra; H (Highly support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra

II. NỘI DUNG

1. Lý thuyết

2. Thực hành

STT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập	CĐR HP
1	**Bài 1: Tổ chức quản lý y tế** 1. Các vấn đề sức khỏe liên quan tổ chức quản lý y tế	**4**	1. Mô tả việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ, công tác quản lý và phương thức hoạt động của y tế	1,2

	2. Hướng dẫn học tập các chủ đề		tuyến cơ sở theo quy định của ngành y tế. 2. Thu thập, phân tích và xử lý các thông tin cơ bản về tình hình sức khỏe và kết quả hoạt động của một số chương tình mục tiêu y tế quốc gia đang triển khai tại địa phương. 3. Xác định vấn đề sức khoẻ và lựa chọn vấn đề sức khoẻ ưu tiên. Lập kế hoạch giải quyết vấn đề sức khoẻ ưu tiên tại địa phương. 4. Thực hiện các kỹ năng truyền thông tư vấn cho cộng đồng các VĐSK. Nâng cao kỹ năng giao tiếp, ứng xử và tham gia vào các hoạt động của Trạm y tế xã. 5. Viết được bản báo cáo các kết quả thực tập tại cộng đồng	
2	**Bài 2 : Dịch tễ học** 1. Các vấn đề sức khỏe liên quan tổ chức quản lý y tế 2. Hướng dẫn học tập các chủ đề	**4**	1. Mô tả việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ, công tác quản lý và phương thức hoạt động của y tế tuyến cơ sở theo quy định của ngành y tế. 2. Thu thập, phân tích và xử lý các thông tin cơ bản về tình hình sức khỏe và kết quả hoạt động của một số chương tình mục tiêu y tế quốc gia đang triển khai tại địa phương. 3. Xác định vấn đề sức khoẻ và lựa chọn vấn đề sức khoẻ ưu tiên. Lập kế hoạch giải quyết vấn đề sức	1,2

			khoẻ ưu tiên tại địa phương. 4. Thực hiện các kỹ năng truyền thông tư vấn cho cộng đồng các VĐSK. Nâng cao kỹ năng giao tiếp, ứng xử và tham gia vào các hoạt động của Trạm y tế xã. 5. Viết được bản báo cáo các kết quả thực tập tại cộng đồng.	
3	**Bài 3 : Dinh dưỡng An toàn thực phẩm** 1. Các vấn đề sức khỏe liên quan tổ chức quản lý y tế 2. Hướng dẫn học tập các chủ đề	**4**	1. Mô tả việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ, công tác quản lý và phương thức hoạt động của y tế tuyến cơ sở theo quy định của ngành y tế. 2. Thu thập, phân tích và xử lý các thông tin cơ bản về tình hình sức khỏe và kết quả hoạt động của một số chương tình mục tiêu y tế quốc gia đang triển khai tại địa phương. 3. Xác định vấn đề sức khoẻ và lựa chọn vấn đề sức khoẻ ưu tiên. Lập kế hoạch giải quyết vấn đề sức khoẻ ưu tiên tại địa phương. 4. Thực hiện các kỹ năng truyền thông tư vấn cho cộng đồng các VĐSK. Nâng cao kỹ năng giao tiếp, ứng xử và tham gia vào các hoạt động của Trạm y tế xã. 5. Viết được bản báo cáo các kết quả thực tập tại cộng đồng	1,2

4	**Bài 4: Sức khoẻ môi trường** 1. Các vấn đề sức khỏe liên quan tổ chức quản lý y tế 2. Hướng dẫn học tập các chủ đề	**4**	1. Mô tả việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ, công tác quản lý và phương thức hoạt động của y tế tuyến cơ sở theo quy định của ngành y tế. 2. Thu thập, phân tích và xử lý các thông tin cơ bản về tình hình sức khỏe và kết quả hoạt động của một số chương tình mục tiêu y tế quốc gia đang triển khai tại địa phương. 3. Xác định vấn đề sức khoẻ và lựa chọn vấn đề sức khoẻ ưu tiên. Lập kế hoạch giải quyết vấn đề sức khoẻ ưu tiên tại địa phương. 4. Thực hiện các kỹ năng truyền thông tư vấn cho cộng đồng các VĐSK. Nâng cao kỹ năng giao tiếp, ứng xử và tham gia vào các hoạt động của Trạm y tế xã. 5. Viết được bản báo cáo các kết quả thực tập tại cộng đồng	1,2
5	**Bài 5: Xã hội học sức khoẻ** 1. Các vấn đề sức khỏe liên quan tổ chức quản lý y tế 2. Hướng dẫn học tập các chủ đề	**4**	1. Mô tả việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ, công tác quản lý và phương thức hoạt động của y tế tuyến cơ sở theo quy định của ngành y tế. 2. Thu thập, phân tích và xử lý các thông tin cơ bản về tình hình sức khỏe và kết quả hoạt động của một số chương tình mục tiêu y tế quốc gia đang triển khai tại địa phương.	

			3. Xác định vấn đề sức khoẻ và lựa chọn vấn đề sức khoẻ ưu tiên. Lập kế hoạch giải quyết vấn đề sức khoẻ ưu tiên tại địa phương. 4. Thực hiện các kỹ năng truyền thông tư vấn cho cộng đồng các VĐSK. Nâng cao kỹ năng giao tiếp, ứng xử và tham gia vào các hoạt động của Trạm y tế xã. 5. Viết được bản báo cáo các kết quả thực tập tại cộng đồng	

III. Phương pháp dạy/học

1. Lý thuyết:

- Thuyết trình, phát vấn, thảo luận.

2. Thực hành:

- Thuyết trình, hướng dẫn

IV. Phương tiện, vật liệu dạy/học

1. Lý thuyết:

- Tài liệu, giáo trình, sách giáo khoa
- Máy chiếu Projector, bảng, phấn

2. Thực hành:

- Giáo trình, dụng cụ
- Sơ đồ mẫu

V. Phương pháp lượng giá

- Thang điểm 10
- Các điểm thành phần

Điểm thành phần	**Trọng số tính điểm**	**Bài đánh giá**	**Hình thức đánh giá**	**Tiêu chí đánh giá**	**CĐR được đánh giá**	**Điểm tối đa**

Đánh giá chuyên cần (**ĐCC**)	3	-	Điểm danh	Đi học đầy đủ, đúng giờ, không vi phạm quy chế của bộ môn,	PLO:2,3,4,10	10
Điểm hoàn thành môn học (**ĐTHMH**)	2	-	Viết bài truyền thông, báo cáo tuần	Có bài truyền thông được phát thanh. Có báo cáo công việc từng tuần	PLO:2,3,4,10	10
Điểm viết báo cáo thu hoạch (**ĐBC**)	3	1	Báo cáo	Viết được báo cáo đầy đủ các phần được hướng dẫn	PLO:2,3,4,10	10
Điểm hỏi vấn đáp (**ĐVĐ**)	2	-	Trả lới câu hỏi	TRả lời được các câu hỏi của bộ môn hỏi thi	PLO: 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13	10

Công thức tính điểm:

Đ.HP = ĐCC + ĐHTMH + ĐBC + ĐVĐ

Rubric 1: Điểm danh: 10 điểm

Tiêu chí	**Điểm trừ**
Không vắng	0
Nghỉ học có phép	0,25 điểm/1 tiết học (có bù)
Nghỉ học không phép	Không duyệt thi
Đi muộn	0,25 điểm/2 lần

Rubric 2: Vấn đáp

Mức độ đạt chuẩn quy định					
Tiêu chí đánh giá	**Điểm (0-0.5)**	**Điểm (0.5-1,0)**	**Điểm (1.2)**	**Điểm (2-2.5)**	**Điểm (2.75-3)**
Nội dung câu hỏi	Không trả lời hoặc trả lời câu hỏi còn sai sót	Trả lời chưa hết các câu hỏi	Trả lời đầy đủ các câu hỏi nhưng còn sai sót	Trả lời đầy đủ và đúng tất cả các câu hỏi nhưng trình bày chưa rõ ràng	Trả lời đầy đủ và đúng tất cả các câu hỏi và trình bày rõ ràng

VI. Tài liệu học tập và tham khảo

1. Tài liệu học tập

1. Ban chỉ đạo TTCĐ (2022), Hướng dẫn viết báo cáo thu hoạch học tập tại cộng đồng, trường Đại học Y Dược Thái Bình

2. Trường Đại học Y Dược Thái Bình (2016), Giáo trình Dinh dưỡng và an toàn thực phẩm, Nhà xuất bản Y học.

3. Trường Đại học Y Dược Thái Bình (2014), Sức khỏe lứa tuổi, Nhà xuất bản Y học - Hà Nội.

4. Bộ môn Sức khỏe môi trường (2014), Sức khỏe môi trường, Nhà xuất bản giáo dục

5. Bộ môn Sức khỏe môi trường (2016), Y học lao động và bệnh nghề nghiệp, Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam

2. Tài liệu tham khảo

1. Bộ Y tế (2007), Thực hành cộng đồng (sách đào tạo bác sỹ đa khoa), chủ biên: PGS.TS. Nguyễn Thị Thu, PGS.TS. Nguyễn Trần Hiển, Nhà xuất bản Y học.

2. Bộ Y tế (2006), Tổ chức, quản lý và chính sách Y tế, Nhà xuất bản Y học.

3. Viện dinh dưỡng (2012), Tình hình dinh dưỡng và chiến lược can thiệp ở cộng đồng, Nhà xuất bản Y học, tr 57-75.

4. Viện dinh dưỡng (2015), Hướng dẫn thực hành dinh dưỡng ở cộng đồng, Nhà xuất bản Y học.

5. Viện dinh dưỡng (2017), Cải thiện tình trạng dinh dưỡng của người Việt Nam, Nhà xuất bản Y học.

6. WHO (2019), Nutritional rickets: a review of disease burden, causes, diagnosis, prevention and treatment.

7. WHO (2019), Sustainable healthy diets - guiding principles

8. Đào Ngọc Phong và cộng sự (2012), Sinh thái - môi trường – nhà ở trong xây dựng đô thị và nông thôn, Nhà xuất bản Y học.

9. Trường Đại học Y dược Thái Bình (2014), Vệ sinh môi trường và nguy cơ tới sức khỏe, Nhà xuất bản y học.

10 .Trần Quốc Kham, Đào Ngọc Phong (2014), Bảo vệ sức khỏe môi trường, Nhà xuất bản y học.

11. https://vanbanphapluat.co/qcvn-01-1-2018-byt-chat-luong-nuoc-sach-su-dung-cho-sinh-hoat

12. https://vanbanphapluat.co/qcvn-05-2013-btnmt-chat-luong-khong-khi-xung-quanh

VII. Lịch học: Theo lịch giảng dạy/học tập của khung chương trình

VIII. Quy định với sinh viên:

2. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Tham gia học tập đầy đủ các buổi học tại cơ sở thực địa
- Thực hiện nghiêm túc theo sự hướng dẫn của giảng viên và cán bộ cơ sở
- Tham gia thảo luận nhóm và hoàn thành các bài tập

2. Quy định điều kiện dự thi:

- Thực hiện đúng nhiệm vụ của sinh viên
- Tham gia trên 100% thời lượng học tập thực hành
- Vắng 1 buổi thực hành có lý do, Khoa YTCC sẽ tổ chức học bù vào chủ nhật, sau khi hoàn thành mới duyệt thi thực hành
- Vắng 01 buổi học thực hành không có lý do, Không được duyệt thi cùng lớp và phải học lại cùng đợt sau

IX. Tiến trình cập nhật đề cương chi tiết

TT	Cập nhật đề cương tiết lần	Ngày/tháng/năm	Người cập nhật
1.	**Lần 1**	**Năm 2021**	
2.	**Lần 2**	**Năm 2023**	

3.			
4.			
5.			

TRƯỞNG ĐƠN VỊ GIẢNG DẠY

Vũ Phong Túc

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC
THÁI BÌNH
Khoa:Y tế công cộng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Năm: 2021

Tên học phần:

Tên tiếng việt: Thực tập cộng đồng 2

Tên tiếng anh: Community internship 2

Mã số học phần: 3130COMPRT2P

Ngành: Y học dự phòng

Mã ngành: 7720110

I. Hành chính

1. Thông tin chung

Học phần:	☑ Bắt buộc ☐ Tự chọn ☐ Không tính điểm
Thuộc kiến thức:	☐ Giáo dục đại cương ☐ Cơ sở ngành ☑ Chuyên ngành ☐ Bổ trợ
Đối tượng:	Y học dự phòng
Số tín chỉ (LT;TH/LT;LS): Số tiết Lý thuyết: Thảo luận : Số giờ tự học: Số tiết Thực hành/ Lâm sàng: Thảo luận: Số giờ tự học:	**2** **60 tiết** **40 tiết**

Số bài kiểm tra (LT/TH/LS): Giữa học phần: Kết thúc học phần:	**1/1** **1** **1**
Học phần học trước:	Sức khoẻ môi trường, Dịch tễ học, TCQLYT, DD&ATTP
Học phần tiên quyết:	
Học phần song hành:	Các môn lâm sàng
Bộ môn/Khoa giảng dạy:	Khoa y tế công cộng

2. Mô tả học phần

Học phần thực tập cộng đồng 2 sinh viên tiếp cận với các hoạt động phòng chống bệnh tật, sức khoẻ cho người dân tại cơ sở y tế tuyến huyện. Học tập môn học này sinh viên tiếp cận các chủ đề của các bộ môn Dịch tễ học, DD & ATVSTP, SKMT, TCQLYT và XHHSK về phòng chống dịch bệnh cho người dân và vệ sinh môi trường.

3. Cán bộ phụ trách/giảng dạy

*** Cán bộ phụ trách :** PGS.TS. Vũ Phong Túc – 0978626648 -vuphongtuc@yahoo.com

*** Cán bộ giảng dạy:** Cán bộ giảng viên khoa Y tế công cộng

4. Mục tiêu học phần

TT	Mục tiêu học phần	Mục tiêu CTĐT (PEO)
1.	Mô tả việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ, công tác quản lý và phương thức hoạt động của y tế tuyến cơ sở theo quy định của ngành y tế.	1,2,3, 5
2.	Thu thập, phân tích và xử lý các thông tin cơ bản về tình hình sức khỏe (một số bệnh có tỷ lệ hiện mắc, tử vong cao thường gặp) và kết quả hoạt động của một số chương tình mục tiêu y tế quốc gia đang triển khai tại địa phương	1,2,3, 5
3.	Xác định vấn đề sức khoẻ và lựa chọn vấn	1,2,3, 5

	đề sức khoẻ ưu tiên. Lập kế hoạch giải quyết vấn đề sức khoẻ ưu tiên tại địa phương	
4.	Thực hiện các kỹ năng truyền thông tư vấn cho cộng đồng các VĐSK. Nâng cao kỹ năng giao tiếp, ứng xử và tham gia vào các hoạt động của Trạm y tế xã	1,2,3, 5

5. Chuẩn đầu ra học phần

TT	CĐR Học phần	Mức độ đạt (S, H)/CĐR của CTĐT (PLO)
1.	Vận dụng kiến thức phân tích được đặc điểm của các chương trình dự phòng tại cộng đồng	S: H: 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13
2.	Có khả năng làm việc nhóm, phối hợp với các thành viên trong nhóm xác định được các mối liên quan giữa môi trường với sức khoẻ, phòng chống dịch bệnh và tư vấn được cho cộng đồng về chăm sóc sức khoẻ cho người dân	S: H: 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13
3.		

Chú thích: S (Support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra; H (Highly support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra

II. NỘI DUNG

1. Lý thuyết

2. Thực hành

STT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập	CĐR HP
1	**Bài 1: Tổ chức quản lý y tế** 1. Các vấn đề sức khỏe liên quan tổ chức quản lý y tế	**4**	1. Mô tả việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ, công tác quản lý và phương thức hoạt động của y tế	1,2

	2. Hướng dẫn học tập các chủ đề		tuyến cơ sở theo quy định của ngành y tế. 2. Thu thập, phân tích và xử lý các thông tin cơ bản về tình hình sức khỏe và kết quả hoạt động của một số chương tình mục tiêu y tế quốc gia đang triển khai tại địa phương. 3. Xác định vấn đề sức khoẻ và lựa chọn vấn đề sức khoẻ ưu tiên. Lập kế hoạch giải quyết vấn đề sức khoẻ ưu tiên tại địa phương. 4. Thực hiện các kỹ năng truyền thông tư vấn cho cộng đồng các VĐSK. Nâng cao kỹ năng giao tiếp, ứng xử và tham gia vào các hoạt động của Trạm y tế xã. 5. Viết được bản báo cáo các kết quả thực tập tại cộng đồng	
2	**Bài 2 : Dịch tễ học** 1. Các vấn đề sức khỏe liên quan tổ chức quản lý y tế 2. Hướng dẫn học tập các chủ đề	**4**	1. Mô tả việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ, công tác quản lý và phương thức hoạt động của y tế tuyến cơ sở theo quy định của ngành y tế. 2. Thu thập, phân tích và xử lý các thông tin cơ bản về tình hình sức khỏe và kết quả hoạt động của một số chương tình mục tiêu y tế quốc gia đang triển khai tại địa phương. 3. Xác định vấn đề sức khoẻ và lựa chọn vấn đề sức khoẻ ưu tiên. Lập kế hoạch giải quyết vấn đề sức	1,2

			khoẻ ưu tiên tại địa phương. 4. Thực hiện các kỹ năng truyền thông tư vấn cho cộng đồng các VĐSK. Nâng cao kỹ năng giao tiếp, ứng xử và tham gia vào các hoạt động của Trạm y tế xã. 5. Viết được bản báo cáo các kết quả thực tập tại cộng đồng.	
3	**Bài 3 : Dinh dưỡng An toàn thực phẩm** 1. Các vấn đề sức khỏe liên quan tổ chức quản lý y tế 2. Hướng dẫn học tập các chủ đề	**4**	1. Mô tả việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ, công tác quản lý và phương thức hoạt động của y tế tuyến cơ sở theo quy định của ngành y tế. 2. Thu thập, phân tích và xử lý các thông tin cơ bản về tình hình sức khỏe và kết quả hoạt động của một số chương tình mục tiêu y tế quốc gia đang triển khai tại địa phương. 3. Xác định vấn đề sức khoẻ và lựa chọn vấn đề sức khoẻ ưu tiên. Lập kế hoạch giải quyết vấn đề sức khoẻ ưu tiên tại địa phương. 4. Thực hiện các kỹ năng truyền thông tư vấn cho cộng đồng các VĐSK. Nâng cao kỹ năng giao tiếp, ứng xử và tham gia vào các hoạt động của Trạm y tế xã. 5. Viết được bản báo cáo các kết quả thực tập tại cộng đồng	1,2

4	**Bài 4: Sức khoẻ môi trường** 1. Các vấn đề sức khỏe liên quan tổ chức quản lý y tế 2. Hướng dẫn học tập các chủ đề	**4**	1. Mô tả việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ, công tác quản lý và phương thức hoạt động của y tế tuyến cơ sở theo quy định của ngành y tế. 2. Thu thập, phân tích và xử lý các thông tin cơ bản về tình hình sức khỏe và kết quả hoạt động của một số chương tình mục tiêu y tế quốc gia đang triển khai tại địa phương. 3. Xác định vấn đề sức khoẻ và lựa chọn vấn đề sức khoẻ ưu tiên. Lập kế hoạch giải quyết vấn đề sức khoẻ ưu tiên tại địa phương. 4. Thực hiện các kỹ năng truyền thông tư vấn cho cộng đồng các VĐSK. Nâng cao kỹ năng giao tiếp, ứng xử và tham gia vào các hoạt động của Trạm y tế xã. 5. Viết được bản báo cáo các kết quả thực tập tại cộng đồng	1,2
5	**Bài 5: Chủ đề Nội** 1. Các vấn đề sức khỏe liên quan tổ chức quản lý y tế 2. Hướng dẫn học tập các chủ đề	**4**	1. Mô tả việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ, công tác quản lý và phương thức hoạt động của y tế tuyến cơ sở theo quy định của ngành y tế. 2. Thu thập, phân tích và xử lý các thông tin cơ bản về tình hình sức khỏe và kết quả hoạt động của một số chương tình mục tiêu y tế quốc gia đang triển khai tại địa phương.	1,2

			3. Xác định vấn đề sức khoẻ và lựa chọn vấn đề sức khoẻ ưu tiên. Lập kế hoạch giải quyết vấn đề sức khoẻ ưu tiên tại địa phương. 4. Thực hiện các kỹ năng truyền thông tư vấn cho cộng đồng các VĐSK. Nâng cao kỹ năng giao tiếp, ứng xử và tham gia vào các hoạt động của Trạm y tế xã. 5. Viết được bản báo cáo các kết quả thực tập tại cộng đồng	
6	**Bài 6: Chủ đề Ngoại** 1. Các vấn đề sức khỏe liên quan tổ chức quản lý y tế 2. Hướng dẫn học tập các chủ đề	**4**	1. Mô tả việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ, công tác quản lý và phương thức hoạt động của y tế tuyến cơ sở theo quy định của ngành y tế. 2. Thu thập, phân tích và xử lý các thông tin cơ bản về tình hình sức khỏe và kết quả hoạt động của một số chương tình mục tiêu y tế quốc gia đang triển khai tại địa phương. 3. Xác định vấn đề sức khoẻ và lựa chọn vấn đề sức khoẻ ưu tiên. Lập kế hoạch giải quyết vấn đề sức khoẻ ưu tiên tại địa phương. 4. Thực hiện các kỹ năng truyền thông tư vấn cho cộng đồng các VĐSK. Nâng cao kỹ năng giao tiếp, ứng xử và tham gia vào các hoạt động của Trạm y tế xã. 5. Viết được bản báo cáo các kết	1,2

			quả thực tập tại cộng đồng	
7	**Bài 7: Chủ đề Sản** 1. Các vấn đề sức khỏe liên quan tổ chức quản lý y tế 2. Hướng dẫn học tập các chủ đề	**4**	1. Mô tả việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ, công tác quản lý và phương thức hoạt động của y tế tuyến cơ sở theo quy định của ngành y tế. 2. Thu thập, phân tích và xử lý các thông tin cơ bản về tình hình sức khỏe và kết quả hoạt động của một số chương tình mục tiêu y tế quốc gia đang triển khai tại địa phương. 3. Xác định vấn đề sức khoẻ và lựa chọn vấn đề sức khoẻ ưu tiên. Lập kế hoạch giải quyết vấn đề sức khoẻ ưu tiên tại địa phương. 4. Thực hiện các kỹ năng truyền thông tư vấn cho cộng đồng các VĐSK. Nâng cao kỹ năng giao tiếp, ứng xử và tham gia vào các hoạt động của Trạm y tế xã. 5. Viết được bản báo cáo các kết quả thực tập tại cộng đồng	1,2
8	**Bài 8: Chủ đề Nhi** 1. Các vấn đề sức khỏe liên quan tổ chức quản lý y tế 2. Hướng dẫn học tập các chủ đề	**4**	1. Mô tả việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ, công tác quản lý và phương thức hoạt động của y tế tuyến cơ sở theo quy định của ngành y tế. 2. Thu thập, phân tích và xử lý các thông tin cơ bản về tình hình sức khỏe và kết quả hoạt động của một số chương tình mục tiêu y tế quốc	1,2

			gia đang triển khai tại địa phương. 3. Xác định vấn đề sức khoẻ và lựa chọn vấn đề sức khoẻ ưu tiên. Lập kế hoạch giải quyết vấn đề sức khoẻ ưu tiên tại địa phương. 4. Thực hiện các kỹ năng truyền thông tư vấn cho cộng đồng các VĐSK. Nâng cao kỹ năng giao tiếp, ứng xử và tham gia vào các hoạt động của Trạm y tế xã. 5. Viết được bản báo cáo các kết quả thực tập tại cộng đồng	
9	**Bài 9: Chủ đề Chấn thương** 1. Các vấn đề sức khỏe liên quan tổ chức quản lý y tế 2. Hướng dẫn học tập các chủ đề	**4**	1. Mô tả việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ, công tác quản lý và phương thức hoạt động của y tế tuyến cơ sở theo quy định của ngành y tế. 2. Thu thập, phân tích và xử lý các thông tin cơ bản về tình hình sức khỏe và kết quả hoạt động của một số chương tình mục tiêu y tế quốc gia đang triển khai tại địa phương. 3. Xác định vấn đề sức khoẻ và lựa chọn vấn đề sức khoẻ ưu tiên. Lập kế hoạch giải quyết vấn đề sức khoẻ ưu tiên tại địa phương. 4. Thực hiện các kỹ năng truyền thông tư vấn cho cộng đồng các VĐSK. Nâng cao kỹ năng giao tiếp, ứng xử và tham gia vào các hoạt động của Trạm y tế xã.	1,2

			5. Viết được bản báo cáo các kết quả thực tập tại cộng đồng	

III. Phương pháp dạy/học

1. Lý thuyết:

- Thuyết trình, phát vấn, thảo luận.

2. Thực hành:

- Thuyết trình, hướng dẫn

IV. Phương tiện, vật liệu dạy/học

1. Lý thuyết:

- Tài liệu, giáo trình, sách giáo khoa
- Máy chiếu Projector, bảng, phấn

2. Thực hành:

- Giáo trình, dụng cụ
- Sơ đồ mẫu

V. Phương pháp lượng giá

- Thang điểm 10
- Các điểm thành phần

Điểm thành phần	**Trọng số tính điểm**	**Bài đánh giá**	**Hình thức đánh giá**	**Tiêu chí đánh giá**	**CĐR được đánh giá**	**Điểm tối đa**
Đánh giá chuyên cần (**ĐCC**)	3	-	Điểm danh	Đi học đầy đủ, đúng giờ, không vi phạm quy chế của bộ môn,	PLO:2,3,4,10	10
Điểm hoàn thành môn học (**ĐTHMH**)	2	-	Viết bài truyền thông, báo cáo tuần	Có bài truyền thông được phát thanh. Có báo cáo công việc từng	PLO:2,3,4,10	10

				tuần		
Điểm viết báo cáo thu hoạch (**ĐBC**)	3	1	Báo cáo	Viết được báo cáo đầy đủ các phần được hướng dẫn	PLO:2,3,4,10	10
Điểm hỏi vấn đáp (**ĐVĐ**)	2	-	Trả lới câu hỏi	TRả lời được các câu hỏi của bộ môn hỏi thi	PLO: 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13	10

Công thức tính điểm:

Đ.HP = ĐCC + ĐHTMH + ĐBC + ĐVĐ

Rubric 1: Điểm danh: 10 điểm

Tiêu chí	**Điểm trừ**
Không vắng	0
Nghỉ học có phép	0,25 điểm/1 tiết học (có bù)
Nghỉ học không phép	Không duyệt thi
Đi muộn	0,25 điểm/2 lần

Rubric 2: Vấn đáp

Mức độ đạt chuẩn quy định					
Tiêu chí đánh giá	**Điểm (0-0.5)**	**Điểm (0.5-1,0)**	**Điểm (1.2)**	**Điểm (2-2.5)**	**Điểm (2.75-3)**
Nội dung câu hỏi	Không trả lời hoặc trả lời câu hỏi còn sai sót	Trả lời chưa hết các câu hỏi	Trả lời đầy đủ các câu hỏi nhưng còn sai sót	Trả lời đầy đủ và đúng tất cả các câu hỏi nhưng trình bày chưa rõ ràng	Trả lời đầy đủ và đúng tất cả các câu hỏi và trình bày rõ ràng

VI. Tài liệu học tập và tham khảo

1. Tài liệu học tập

1. Ban chỉ đạo TTCĐ (2022), Hướng dẫn viết báo cáo thu hoạch học tập tại cộng đồng, trường Đại học Y Dược Thái Bình

2. Trường Đại học Y Dược Thái Bình (2016), Giáo trình Dinh dưỡng và an toàn thực phẩm, Nhà xuất bản Y học.

3. Trường Đại học Y Dược Thái Bình (2014), Sức khỏe lứa tuổi, Nhà xuất bản Y học - Hà Nội.

4. Bộ môn Sức khỏe môi trường (2014), Sức khỏe môi trường, Nhà xuất bản giáo dục

5. Bộ môn Sức khỏe môi trường (2016), Y học lao động và bệnh nghề nghiệp, Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam

2. Tài liệu tham khảo

1. Bộ Y tế (2007), Thực hành cộng đồng (sách đào tạo bác sỹ đa khoa), chủ biên: PGS.TS. Nguyễn Thị Thu, PGS.TS. Nguyễn Trần Hiển, Nhà xuất bản Y học.

2. Bộ Y tế (2006), Tổ chức, quản lý và chính sách Y tế, Nhà xuất bản Y học.

3. Viện dinh dưỡng (2012), Tình hình dinh dưỡng và chiến lược can thiệp ở cộng đồng, Nhà xuất bản Y học, tr 57-75.

4. Viện dinh dưỡng (2015), Hướng dẫn thực hành dinh dưỡng ở cộng đồng, Nhà xuất bản Y học.

5. Viện dinh dưỡng (2017), Cải thiện tình trạng dinh dưỡng của người Việt Nam, Nhà xuất bản Y học.

6. WHO (2019), Nutritional rickets: a review of disease burden, causes, diagnosis, prevention and treatment.

7. WHO (2019), Sustainable healthy diets - guiding principles

8. Đào Ngọc Phong và cộng sự (2012), Sinh thái - môi trường – nhà ở trong xây dựng đô thị và nông thôn, Nhà xuất bản Y học.

9. Trường Đại học Y dược Thái Bình (2014), Vệ sinh môi trường và nguy cơ tới sức khỏe, Nhà xuất bản y học.

10 .Trần Quốc Kham, Đào Ngọc Phong (2014), Bảo vệ sức khỏe môi trường, Nhà xuất bản y học.

11. https://vanbanphapluat.co/qcvn-01-1-2018-byt-chat-luong-nuoc-sach-su-dung-cho-sinh-hoat

12. https://vanbanphapluat.co/qcvn-05-2013-btnmt-chat-luong-khong-khi-xung-quanh

VII. Lịch học: Theo lịch giảng dạy/học tập của khung chương trình

VIII. Quy định với sinh viên:

3. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Tham gia học tập đầy đủ các buổi học tại cơ sở thực địa
- Thực hiện nghiêm túc theo sự hướng dẫn của giảng viên và cán bộ cơ sở
- Tham gia thảo luận nhóm và hoàn thành các bài tập

2. Quy định điều kiện dự thi:

- Thực hiện đúng nhiệm vụ của sinh viên
- Tham gia trên 100% thời lượng học tập thực hành
- Vắng 1 buổi thực hành có lý do, Khoa YTCC sẽ tổ chức học bù vào chủ nhật, sau khi hoàn thành mới duyệt thi thực hành
- Vắng 01 buổi học thực hành không có lý do, Không được duyệt thi cùng lớp và phải học lại cùng đợt sau

IX. Tiến trình cập nhật đề cương chi tiết

TT	Cập nhật đề cương tiết lần	Ngày/tháng/năm	Người cập nhật
1.	**Lần 1**	**Năm 2021**	
2.	**Lần 2**	**Năm 2023**	
3.			
4.			
5.			

TRƯỞNG ĐƠN VỊ GIẢNG DẠY

Vũ Phong Túc

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC
THÁI BÌNH
Khoa:Y tế công cộng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Năm: 2021

Tên học phần:

Tên tiếng việt: Thực tập cộng đồng 3

Tên tiếng anh: Community internship 3

Mã số học phần: 3130COMPRT3P

Ngành: Y học dự phòng

Mã ngành: 7720110

I. Hành chính

1. Thông tin chung

Học phần:	☑ Bắt buộc ☐ Tự chọn ☐ Không tính điểm
Thuộc kiến thức:	☐ Giáo dục đại cương ☐ Cơ sở ngành ☑ Chuyên ngành ☐ Bổ trợ
Đối tượng:	Y học dự phòng
Số tín chỉ (LT;TH/LT;LS): Số tiết Lý thuyết: Thảo luận : Số giờ tự học: Số tiết Thực hành/ Lâm sàng: Thảo luận: Số giờ tự học:	**2** **60 tiết** **40 tiết**

Số bài kiểm tra (LT/TH/LS): Giữa học phần: Kết thúc học phần:	**1/1** **1** **1**
Học phần học trước:	Sức khoẻ môi trường1, Dịch tễ học, TCQLYT, DD&ATTP
Học phần tiên quyết:	
Học phần song hành:	
Bộ môn/Khoa giảng dạy:	Khoa y tế công cộng

2. Mô tả học phần

Học phần thực tập cộng đồng 3 sinh viên tiếp cận với các hoạt động phòng chống bệnh tật, sức khoẻ cho người dân tại cơ sở y tế tuyến tỉnh. Học tập môn học này sinh viên tiếp cận các chủ đề của các bộ môn Dịch tễ học, DD & ATVSTP, SKMT, TCQLYT và XHHSK về phòng chống dịch bệnh cho người dân và vệ sinh môi trường. Tiếp cận khi có dịch bệnh xảy ra tại địa phương

3. Cán bộ phụ trách/giảng dạy

*** Cán bộ phụ trách :** PGS.TS. Vũ Phong Túc – 0978626648 -vuphongtuc@yahoo.com

*** Cán bộ giảng dạy:** Cán bộ giảng viên khoa Y tế công cộng

4. Mục tiêu học phần

TT	Mục tiêu học phần	Mục tiêu CTĐT (PEO)
1.	Mô tả việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ, công tác quản lý và phương thức hoạt động của y tế tuyến cơ sở theo quy định của ngành y tế.	1,2,3, 5
2.	Thu thập, phân tích và xử lý các thông tin cơ bản về tình hình sức khỏe (một số bệnh có tỷ lệ hiện mắc, tử vong cao thường gặp) và kết quả hoạt động của một số chương tình mục tiêu y tế quốc gia đang triển khai tại địa phương	1,2,3, 5
3.	Xác định vấn đề sức khoẻ và lựa chọn vấn	1,2,3, 5

	đề sức khoẻ ưu tiên. Lập kế hoạch giải quyết vấn đề sức khoẻ ưu tiên tại địa phương	
4.	Thực hiện các kỹ năng truyền thông tư vấn cho cộng đồng các VĐSK. Nâng cao kỹ năng giao tiếp, ứng xử và tham gia vào các hoạt động của Trạm y tế xã	1,2,3, 5,6,7

5. Chuẩn đầu ra học phần

TT	CĐR Học phần	Mức độ đạt (S, H)/CĐR của CTĐT (PLO)
1.	Vận dụng kiến thức phân tích được đặc điểm của các chương trình dự phòng tại cộng đồng	S: H: 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13
2.	Có khả năng làm việc nhóm, phối hợp với các thành viên trong nhóm xác định được các mối liên quan giữa môi trường với sức khoẻ, phòng chống dịch bệnh và tư vấn được cho cộng đồng về chăm sóc sức khoẻ cho người dân	S: H: 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13
3.		

Chú thích: S (Support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra; H (Highly support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra

II. NỘI DUNG

1. Lý thuyết

2. Thực hành

STT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập	CĐR HP
1	**Bài 1: Tổ chức quản lý y tế** 1. Các vấn đề sức khỏe liên quan tổ chức quản lý y tế	**4**	1. Mô tả việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ, công tác quản lý và phương thức hoạt động của y tế	1,2

	2. Hướng dẫn học tập các chủ đề		tuyến cơ sở theo quy định của ngành y tế. 2. Thu thập, phân tích và xử lý các thông tin cơ bản về tình hình sức khỏe và kết quả hoạt động của một số chương tình mục tiêu y tế quốc gia đang triển khai tại địa phương. 3. Xác định vấn đề sức khoẻ và lựa chọn vấn đề sức khoẻ ưu tiên. Lập kế hoạch giải quyết vấn đề sức khoẻ ưu tiên tại địa phương. 4. Thực hiện các kỹ năng truyền thông tư vấn cho cộng đồng các VĐSK. Nâng cao kỹ năng giao tiếp, ứng xử và tham gia vào các hoạt động của Trạm y tế xã. 5. Viết được bản báo cáo các kết quả thực tập tại cộng đồng	
2	**Bài 2 : Dịch tễ học** 1. Các vấn đề sức khỏe liên quan tổ chức quản lý y tế 2. Hướng dẫn học tập các chủ đề	**4**	1. Mô tả việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ, công tác quản lý và phương thức hoạt động của y tế tuyến cơ sở theo quy định của ngành y tế. 2. Thu thập, phân tích và xử lý các thông tin cơ bản về tình hình sức khỏe và kết quả hoạt động của một số chương tình mục tiêu y tế quốc gia đang triển khai tại địa phương. 3. Xác định vấn đề sức khoẻ và lựa chọn vấn đề sức khoẻ ưu tiên. Lập kế hoạch giải quyết vấn đề sức	1,2

			khoẻ ưu tiên tại địa phương. 4. Thực hiện các kỹ năng truyền thông tư vấn cho cộng đồng các VĐSK. Nâng cao kỹ năng giao tiếp, ứng xử và tham gia vào các hoạt động của Trạm y tế xã. 5. Viết được bản báo cáo các kết quả thực tập tại cộng đồng.	
3	**Bài 3 : Dinh dưỡng An toàn thực phẩm** 1. Các vấn đề sức khỏe liên quan tổ chức quản lý y tế 2. Hướng dẫn học tập các chủ đề	**4**	1. Mô tả việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ, công tác quản lý và phương thức hoạt động của y tế tuyến cơ sở theo quy định của ngành y tế. 2. Thu thập, phân tích và xử lý các thông tin cơ bản về tình hình sức khỏe và kết quả hoạt động của một số chương tình mục tiêu y tế quốc gia đang triển khai tại địa phương. 3. Xác định vấn đề sức khoẻ và lựa chọn vấn đề sức khoẻ ưu tiên. Lập kế hoạch giải quyết vấn đề sức khoẻ ưu tiên tại địa phương. 4. Thực hiện các kỹ năng truyền thông tư vấn cho cộng đồng các VĐSK. Nâng cao kỹ năng giao tiếp, ứng xử và tham gia vào các hoạt động của Trạm y tế xã. 5. Viết được bản báo cáo các kết quả thực tập tại cộng đồng	1,2

4	**Bài 4: Sức khoẻ môi trường** 1. Các vấn đề sức khỏe liên quan tổ chức quản lý y tế 2. Hướng dẫn học tập các chủ đề	**4**	1. Mô tả việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ, công tác quản lý và phương thức hoạt động của y tế tuyến cơ sở theo quy định của ngành y tế. 2. Thu thập, phân tích và xử lý các thông tin cơ bản về tình hình sức khỏe và kết quả hoạt động của một số chương tình mục tiêu y tế quốc gia đang triển khai tại địa phương. 3. Xác định vấn đề sức khoẻ và lựa chọn vấn đề sức khoẻ ưu tiên. Lập kế hoạch giải quyết vấn đề sức khoẻ ưu tiên tại địa phương. 4. Thực hiện các kỹ năng truyền thông tư vấn cho cộng đồng các VĐSK. Nâng cao kỹ năng giao tiếp, ứng xử và tham gia vào các hoạt động của Trạm y tế xã. 5. Viết được bản báo cáo các kết quả thực tập tại cộng đồng	1,2

III. Phương pháp dạy/học

1. Lý thuyết:

- Thuyết trình, phát vấn, thảo luận.

2. Thực hành:

- Thuyết trình, hướng dẫn

IV. Phương tiện, vật liệu dạy/học

1. Lý thuyết:

- Tài liệu, giáo trình, sách giáo khoa
- Máy chiếu Projector, bảng, phấn

2. Thực hành:

- Giáo trình, dụng cụ
- Sơ đồ mẫu

V. Phương pháp lượng giá

- Thang điểm 10
- Các điểm thành phần

Điểm thành phần	**Trọng số tính điểm**	**Bài đánh giá**	**Hình thức đánh giá**	**Tiêu chí đánh giá**	**CĐR được đánh giá**	**Điểm tối đa**
Đánh giá chuyên cần (**ĐCC**)	3	-	Điểm danh	Đi học đầy đủ, đúng giờ, không vi phạm quy chế của bộ môn,	PLO:2,3,4,10	10
Điểm hoàn thành môn học (**ĐTHMH**)	2	-	Viết bài truyền thông, báo cáo tuần	Có bài truyền thông được phát thanh. Có báo cáo công việc từng tuần	PLO:2,3,4,10	10
Điểm viết báo cáo thu hoạch (**ĐBC**)	3	1	Báo cáo	Viết được báo cáo đầy đủ các phần được hướng dẫn	PLO:2,3,4,10	10
Điểm hỏi vấn đáp (**ĐVĐ**)	2	-	Trả lới câu hỏi	TRả lời được các câu hỏi của bộ môn hỏi thi	PLO: 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13	10

Công thức tính điểm:

Đ.HP = ĐCC + ĐHTMH + ĐBC + ĐVĐ

Rubric 1: Điểm danh: 10 điểm

Tiêu chí	Điểm trừ
Không vắng	0
Nghỉ học có phép	0,25 điểm/1 tiết học (có bù)
Nghỉ học không phép	Không duyệt thi
Đi muộn	0,25 điểm/2 lần

Rubric 2: Vấn đáp

Mức độ đạt chuẩn quy định					
Tiêu chí đánh giá	**Điểm (0-0.5)**	**Điểm (0.5-1,0)**	**Điểm (1.2)**	**Điểm (2-2.5)**	**Điểm (2.75-3)**
Nội dung câu hỏi	Không trả lời hoặc trả lời câu hỏi còn sai sót	Trả lời chưa hết các câu hỏi	Trả lời đầy đủ các câu hỏi nhưng còn sai sót	Trả lời đầy đủ và đúng tất cả các câu hỏi nhưng trình bày chưa rõ ràng	Trả lời đầy đủ và đúng tất cả các câu hỏi và trình bày rõ ràng

VI. Tài liệu học tập và tham khảo

1. Tài liệu học tập

1. Ban chỉ đạo TTCĐ (2022), Hướng dẫn viết báo cáo thu hoạch học tập tại cộng đồng, trường Đại học Y Dược Thái Bình

2. Trường Đại học Y Dược Thái Bình (2016), Giáo trình Dinh dưỡng và an toàn thực phẩm, Nhà xuất bản Y học.

3. Trường Đại học Y Dược Thái Bình (2014), Sức khỏe lứa tuổi, Nhà xuất bản Y học - Hà Nội.

4. Bộ môn Sức khỏe môi trường (2014), Sức khỏe môi trường, Nhà xuất bản giáo dục

5. Bộ môn Sức khỏe môi trường (2016), Y học lao động và bệnh nghề nghiệp, Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam

2. Tài liệu tham khảo

1. Bộ Y tế (2007), Thực hành cộng đồng (sách đào tạo bác sỹ đa khoa), chủ biên: PGS.TS. Nguyễn Thị Thu, PGS.TS. Nguyễn Trần Hiển, Nhà xuất bản Y học.

2. Bộ Y tế (2006), Tổ chức, quản lý và chính sách Y tế, Nhà xuất bản Y học.

3. Viện dinh dưỡng (2012), Tình hình dinh dưỡng và chiến lược can thiệp ở cộng đồng, Nhà xuất bản Y học, tr 57-75.

4. Viện dinh dưỡng (2015), Hướng dẫn thực hành dinh dưỡng ở cộng đồng, Nhà xuất bản Y học.

5. Viện dinh dưỡng (2017), Cải thiện tình trạng dinh dưỡng của người Việt Nam, Nhà xuất bản Y học.

6. WHO (2019), Nutritional rickets: a review of disease burden, causes, diagnosis, prevention and treatment.

7. WHO (2019), Sustainable healthy diets - guiding principles

8. Đào Ngọc Phong và cộng sự (2012), Sinh thái - môi trường – nhà ở trong xây dựng đô thị và nông thôn, Nhà xuất bản Y học.

9. Trường Đại học Y dược Thái Bình (2014), Vệ sinh môi trường và nguy cơ tới sức khỏe, Nhà xuất bản y học.

10 .Trần Quốc Kham, Đào Ngọc Phong (2014), Bảo vệ sức khỏe môi trường, Nhà xuất bản y học.

11. https://vanbanphapluat.co/qcvn-01-1-2018-byt-chat-luong-nuoc-sach-su-dung-cho-sinh-hoat

12. https://vanbanphapluat.co/qcvn-05-2013-btnmt-chat-luong-khong-khi-xung-quanh

VII. Lịch học: Theo lịch giảng dạy/học tập của khung chương trình

VIII. Quy định với sinh viên:

4. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Tham gia học tập đầy đủ các buổi học tại cơ sở thực địa
- Thực hiện nghiêm túc theo sự hướng dẫn của giảng viên và cán bộ cơ sở
- Tham gia thảo luận nhóm và hoàn thành các bài tập

2. Quy định điều kiện dự thi:

- Thực hiện đúng nhiệm vụ của sinh viên
- Tham gia trên 100% thời lượng học tập thực hành

- Vắng 1 buổi thực hành có lý do, Khoa YTCC sẽ tổ chức học bù vào chủ nhật, sau khi hoàn thành mới duyệt thi thực hành

- Vắng 01 buổi học thực hành không có lý do, Không được duyệt thi cùng lớp và phải học lại cùng đợt sau

IX. Tiến trình cập nhật đề cương chi tiết

TT	Cập nhật đề cương tiết lần	Ngày/tháng/năm	Người cập nhật
1.	**Lần 1**	**Năm 2021**	
2.	**Lần 2**	**Năm 2023**	
3.			
4.			
5.			

TRƯỞNG ĐƠN VỊ GIẢNG DẠY

Vũ Phong Túc

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

BỘ MÔN/KHOA: Dịch tễ học

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Tên học phần:

Tên tiếng Việt: Dịch tễ học phần thay thế

Tên tiếng Anh: Epidemiology replacement part

Mã học phần: 3130EPIDEM3T

Ngành: Y học dự phòng

Mã ngành: 7720110

Hành chính.

3. Thông tin chung:

Học phần:	☑ Bắt buộc ☐ Tự chọn ☐ Không tính điểm
Thuộc kiến thức:	☐ Giáo dục đại cương ☐ Cơ sở ngành ☑ Chuyên ngành ☐ Bổ trợ
Đối tượng:	**Sinh viên Y học dự phòng**
Số tín chỉ (LT;TH/LT;LS): Số tiết Lý thuyết: Thảo luận : Số giờ tự học: Số tiết Thực hành/ Lâm sàng: Thảo luận: Số giờ tự học:	**03 (01LT, 02 TH)** **16** **34** **32** **68**
Số bài kiểm tra (LT/TH/LS): Giữa học phần: Kết thúc học phần:	 **01** **01**

Học phần học trước:	
Học phần tiên quyết:	
Học phần song hành:	
Bộ môn/Khoa giảng dạy:	**Bộ môn Dịch tễ học**

4. Mô tả chung về học phần:

Học phần dịch tễ học học phần thay thế sẽ cung cấp cho sinh viên Y học dự phòng những khái niệm liên quan tới những nguyên lý và các phương pháp cơ bản của dịch tễ học được áp dụng trong việc xác định, kiểm soát và phòng ngừa bệnh tật trong cộng đồng.

Môn học này sẽ cung cấp cho sinh viên hệ bác sĩ y học dự phòng chuyên ngành Dịch tễ học những khái niệm liên quan tới dịch bệnh, kiến thức về phòng chống các bệnh truyền nhiễm thường gặp đặc biệt là các bệnh mới nổi và tái nổi, các bệnh truyền nhiễm từ động vật sang người. Đồng thời cung cấp cho sinh viên những kỹ năng cơ bản về điều tra một vụ dịch, xác định, kiểm soát các vụ dịch thường xảy ra ở nước ta trong giai đoạn hiện nay.

3. Cán bộ phụ trách/giảng dạy:

TT	Họ tên	Học hàm/học vị	Số điện thoại	Email	Ghi chú
1.	Trần Thị Khuyên	Tiến sĩ	0915539417	khuyendhytb@gmail.com	Phụ trách
2.	Vũ Thị Kim Dung	Thạc sĩ	0912792567		Tham gia
3.					
4.					

4. Mục tiêu học phần:

TT	Mục tiêu học phần	Mục tiêu CTĐT (PEO)
5.	* *Kiến thức*: - Giám sát phát hiện sớm các bệnh dịch tại địa phương.	PEO1, PEO2

	- Lập kế hoạch bao vây dịch và đề xuất các biện pháp phòng ngừa, dập tắt và thanh toán dịch phù hợp. - Xác định một số vấn đề sức khoẻ, bệnh tật cần sàng tuyển phát hiện sớm tại cộng đồng. - Thiết kế cuộc điều tra, lập kế hoạch điều tra, thiết kế được một số công cụ thu thập thông tin phục vụ cho việc xác định các vấn đề sức khỏe cần can thiệp ở cộng đồng. - Mô tả được các vấn đề sức khoẻ, bệnh tật tại cộng đồng. - Xử lý phân tích các thông tin đã thu được, biết nhận xét các kết quả đã được trình bày. - Xác định các yếu tố nguy cơ của một bệnh trạng tại cộng đồng và đề xuất được các giải pháp thích hợp loại trừ yếu tố nguy cơ. - Vận dụng được các kiến thức về bệnh truyền nhiễm và quá trình dịch, nguyên lý phòng chống dịch, các kiến thức về giám sát dịch và bệnh truyền nhiễm mới nổi trong việc, các bệnh truyền từ động vật sang người trong lập kế hoạch điều tra xác định dịch bệnh và thực hiện các biện pháp phòng	

	chống dịch tại cộng đồng	
6.	** Kỹ năng:* - Thiết kế được một cuộc điều tra, lập kế hoạch điều tra, thiết kế được một số công cụ thu thập thông tin phục vụ cho việc xác định các vấn đề sức khoẻ cần can thiệp ở cộng đồng. -Xây dựngđược kế hoạch bao vây dịch và đề xuất các biện pháp phòng ngừa, dập tắt và thanh toán dịch phù hợp.	PEO 1, PEO 2
7.	** Thái độ:* Nhận thức được tầm quan trọng của dịch tễ học là một môn y học cơ sở nền tảng cho các nghiên cứu về y tế công cộng, liên quan đến quá trình đặt câu hỏi về tình trạng sức khỏe cũng như bệnh tật của quần thể, đưa ra phương pháp để tiến hành điều tra những vấn đề sức khỏe, tìm ra những yếu tố căn nguyên có thể của vấn đề để đưa ra các giải pháp can thiệp nâng cao sức khỏe và đánh giá hiệu quả của các giải pháp can thiệp đó.	PEO 3, PEO 4
8.		

5. Chuẩn đầu ra học phần

TT	CĐR Học phần	Mức độ đạt

		(S, H)/CĐR của CTĐT (PLO)
1.	Vận dụng được kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành trong thực hành chuyên môn y học dự phòng	S: PLO 1, 4
2.	Vận dụng được kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức và giám sát có hiệu quả các hoạt động Y khoa	S: PLO 1, 4
3.	Lập kế hoạch, tổ chức thực hiện đầy đủ và thành thạo quy trình điều dưỡng khi chăm sóc người bệnh	S: PLO 1, 4
4.	Thực hiện được các kỹ năng quản lý, lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và giám sát hoạt động các chương trình mục tiêu y tế quốc gia về y tế dự phòng, các chương tình bảo vệ, chăm sóc sức khoẻ cho cộng đồng.	S: PLO 5
5.	Thực hiện được công tác tập huấn, giám sát, hỗ trợ cho y tế cơ sở và y tế dự phòng. Tham gia giám sát, phát hiện sớm các bệnh dịch phổ biến và tổ chức phòng chống dịch.	S: PLO 7

Chú thích: S (Support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra; H (Highly support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra.

II. NỘI DUNG

1. Lý thuyết

STT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập	CĐR HP
1	**Bài 1. Nguyên lý dịch tễ học các Bệnh truyền nhiễm** **I. Bệnh truyền nhiễm**	04	1. Nêu được đặc điểm	4

	1. Khái niệm, phân loại bệnh truyền nhiễm 2. Đặc điểm chung của các bệnh truyền nhiễm 2.1. Bệnh truyền nhiễm phải do một loại vi sinh vật ký sinh gây nên 2.2. Bệnh truyền nhiễm thường phát triển theo mùa, mang tính chu kỳ và trải qua 4 thời kỳ 2.3. Bệnh truyền nhiễm thường lây lan và phát triển thành dịch 2.4. Hầu hết các bệnh truyền nhiễm đều để lại miễn dịch sau khi mắc bệnh 3. Ý nghĩa lâm sàng và dịch tễ học của 4 thời kỳ trong bệnh truyền nhiễm 3.1. Thời kỳ ủ bệnh 3.2. Thời kỳ khởi phát 3.3. Thời kỳ toàn phát 3.4. Thời kỳ lui bệnh **II. Quá trình dịch** 1. Khái niệm 2. Các yếu tố của quá trình dịch * Động lực trực tiếp - Nguồn truyền nhiễm - Yếu tố truyền nhiễm - Khối cơ thể cảm thụ * Động lực gián tiếp - Yếu tố của môi trường tự nhiên - Yếu tố của môi trường xã hội **III. Điều tra xử lý dịch** 1. Khái niệm về vùng dịch, khu dịch 1.1. Ổ dịch 1.2. Vùng dịch (khu dịch) 2. Nguyên tắc phòng chống dịch		chung của các bệnh truyền nhiễm 2. Trình bày được ý nghĩa lâm sàng và ý nghĩa dịch tễ của các thời kỳ trong bệnh truyền nhiễm 4. Nêu được các khâu của quá trình dịch và trình nguyên tắc phòng chống dịch 5. Nêu những nội dung	

	3. Điều tra dịch 3.1. Điều tra trường hợp mắc bệnh - Phát hiện người bệnh - Xác định các chỉ số mắc, chết - Mô tả tình hình mắc bệnh 3.2. Điều tra các yếu tố liên quan - Dân số - Trình độ phát triển kinh tế, xã hội - Vệ sinh môi trường - Các thông tin về phát triển sản xuất - Các ổ chứa mầm bệnh tự nhiên - Điều kiện đại lý, khí hậu 4. Xử lý khu dịch: 4.1. Khai báo 4.2. Cách ly và điều trị người bệnh 4.3. Tẩy uế 4.4. Thành lập ban phòng chống dịch 4.5. Khoanh vùng dịch 4.6. Các biện pháp đối với người lành trong vùng dịch 4.7. Các biện pháp đối với ngoại cảnh 13. 4.8. Công tác truyền thông giáo dục sức khỏe		chính trong điều tra dịch 6. Trình bày được các biện pháp xử lý khu dịch	
2	**Bài 2. Quần thể và mẫu** 3. Khái niệm về mẫu và quần thể nghiên cứu 1.1. Mẫu nghiên cứu (Study sample). 1.2. Đơn vị mẫu và đơn vị quan sát 1.3. Tham số mẫu 1.4. Khung mẫu 1.5. Phân bố mẫu 1.6. Quần thể nghiên cứu và quần thể	02	1. Trình bày được các khái niệm về mẫu và quần thể nghiên cứu.	5

	đích 1.7. Tham số quần thể 4. Cỡ mẫu 2.1. Các yếu tố ảnh hưởng đến cỡ mẫu 2.2. Công thức tính cỡ mẫu a. Cỡ mẫu cho ước tính một tỷ lệ b. Cỡ mẫu cho ước tính một giá trị trung bình c. Cỡ mẫu cho nghiên cứu thuần tập d. Cỡ mẫu cho nghiên cứu bệnh chứng e. Cỡ mẫu cho nghiên cứu can thiệp 5. Các kỹ thuật chọn mẫu 3.1. Chọn mẫu ngẫu nhiên đơn 3.2. Chọn mẫu ngẫu nhiên hệ thống 3.3. Chọn mẫu chùm 3.4. Chọn mẫu phân tầng		2.Trình bày được các công thức tính cỡ mẫu. 3. Trình bày định nghĩa, cách tiến hành, ưu nhược điểm của 4 kỹ thuật chọn mẫu cơ bản: Ngẫu nhiên đơn, ngẫu nhiên chùm, ngẫu nhiên hệ thống và ngẫu nhiên phân tầng. 4. áp dụng để giải các bài tập và	

			các tình huống cụ thể	
3	**Bài 3. Các chiến lược thiết kế nghiên cứu dịch tễ học** 1. Đại cương về thiết kế nghiên cứu sử dụng trong nghiên cứu dịch tễ học - Nghiên cứu quan sát Các thiết kế nghiên cứu mô tả Các thiết kế nghiên cứu phân tích - Nghiên cứu can thệp 2. Các thiết kế nghiên cứu quan sát a. Các thiết kế nghiên cứu quan sát mô tả i. Nghiên cứu mô tả ca bệnh ii. Nghiên cứu mô tả chùm bệnh/ nghiên cứu loạt trường hợp iii. Nghiên cứu cắt ngang mô tả b. Các thiết kế nghiên cứu quan sát phân tích i. Nghiên cứu thuần tập ii. Nghiên cứu bệnh - chứng iii. Nghiên cứu cắt ngang có phân tích iv. Nghiên cứu tương quan/ nghiên cứu sinh thái 3. Các thiết kế nghiên cứu can thiệp a. Can thiệp cộng đồng: i. Nghiên cứu so sánh trước -	01	1. Nêu được các loại thiết kế nghiên cứu mô tả, vai trò của các thiết kế nghiên cứu mô tả 2. Trình bày được các loại thiết kế nghiên cứu phân tích 3. Nêu được ưu nhược điểm của các thiết kế nghiên cứu phân tích 4. Trình bày được	2

	sau can thiệp ii. Nghiên cứu có nhóm chứng. b. Thử nghiệm lâm sàng: i. Nghiên cứu đơn nhóm ii. Nghiên cứu đa nhóm iii. Phân bố ngẫu nhiên iv. Làm mù v. Nhóm chứng lịch sử c. Thử nghiệm phòng bệnh		các loại nghiên cứu can thiệp	
4	**Bài 4. Sàng tuyển phát hiện bệnh** 1. Định nghĩa 2. Xác định những bệnh cần sàng tuyển 2.1. Bệnh có tính chất nghiêm trọng 2.2. Có nghiệm pháp phát hiện được ở thời kỳ tiền lâm sàng 2.3. Khả năng điều trị sớm có hiệu quả 3. Kỹ thuật phát hiện hàng loạt 3.1. Hai kỹ thuật phát hiện hàng loạt 3.2. Xây dựng một kế hoạch phát hiện hàng loạt 3.2.1. Bệnh 3.2.2. Kỹ thuật phát hiện hàng loạt 3.2.3. Quần thể bị đe dọa 4. Các trắc nghiệm áp dụng trong sàng tuyển 4.1. Độ nhậy và độ đặc hiệu 4.2. Giá trị tiên đoán của trắc nghiệm	01	1. Trình bày được khái niệm về sàng tuyển và tiêu chuẩn của các bệnh cần sàng tuyển trong cộng đồng. 2. Phân loại các kỹ thuật (trắc nghiệm) sử dụng để sàng tuyển	4

			phát hiện bệnh. 3. Xác định được những bệnh cần sàng tuyển và các trắc nghiệm tương ứng sử dụng để sàng tuyển các bệnh đó.	
5	**Bài 5. Các kỹ thuật và công cụ thu thập thông tin** 1. Kỹ thuật thu thập thông tin 1.1. Phỏng vấn 1.2. Quan sát 1.3. Thảo luận nhóm 1.4. Sử dụng thông tin có sẵn 1.5. Thăm khám, xét nghiệm 2. Công cụ thu thập thông tin 2.1. Những tư liệu cần thiết để xây dựng bộ câu hỏi 2.1.1. Mục tiêu của cuộc điều tra 2.1.2. Loại điều tra	01	1. Trình bày được khái niệm và cách phân loại biến số 2. Liệt kê được các kỹ thuật thu thập thông tin chủ yếu 3. Nêu	4

	2.1.3. Những thông tin cần có sau khi điều tra 2.2. Trình tự xây dựng bộ câu hỏi 2.2.1. Lựa chọn xếp đặt các cụm thông tin 2.2.2. Xếp đặt câu hỏi cụ thể trong mỗi cụm thông tin 2.2.3. Mã hóa câu hỏi, câu trả lời 2.2.4. Dạng câu hỏi trong phiếu điều tra 2.3. Kiểm tra đánh giá bộ câu hỏi 2.3.1. Tổ chức đào tạo cán bộ phỏng vấn 2.3.2. Tổ chức điều tra thử trên cộng đồng 2.3.4. Sửa chữa bổ sung hoàn chỉnh bộ câu hỏi		những cân nhắc lựa chọn công cụ thu thập thông tin, ưu nhược điểm của các kỹ thuật thu thập thông tin	
6	**Bài 6. Nghiên cứu bệnh chứng** 1. Định nghĩa 2. Thiết kế nghiên cứu - Định nghĩa và chọn nhóm bệnh - Chọn nhóm chứng - Thu thập thông tin 3. Phân tích số liệu 4. Các sai chệch trong nghiên cứu bệnh chứng - Sai chệch lựa chọn - Sai chệch quan sát - Sai chệch nhớ lại - Sai chệch xếp loại 5. Ưu nhược điểm - Ưu điểm - Nhược điểm	01	1. Trình bày được định nghĩa, thiết kế, các sai chệch và ưu nhược điểm của nghiên cứu bệnh chứng. 2. Nêu được công thức và tính được cỡ	3

			mẫu cho nghiên cứu bệnh chứng 3. Phân tích được kết quả của nghiên cứu bệnh chứng 4. Vận dụng được nghiên cứu bệnh chứng vào nghiên cứu sức khoẻ cộng đồng	
7	**Bài 7. Nghiên cứu thuần tập** 1. Định nghĩa 2. Các loại thiết kế nghiên cứu thuần tập - Thuần tập hồi cứu - Thuần tập tương lai - Thuần tập vừa hồi cứu vừa tương lai 3. Thiết kế nghiên cứu - Chọn phơi nhiễm	01	1. Trình bày được định nghĩa, các loại nghiên cứu, thiết kế và ưu	2

	- Chón nhóm đối chứng - Thu thập thông tin 4. Phân tích số liệu 5. Ưu nhược điểm - Ưu điểm - Nhược điểm		nhược điểm của nghiên cứu thuần tập. 2. Nêu được công thức và tính được cỡ mẫu cho nghiên cứu thuần tập 3. Phân tích được kết quả của nghiên cứu 4. áp dụng được phương pháp nghiên cứu thuần tập vào nghiên cứu sức khoẻ	

			cộng đồng.	
8	**Bài 8. Giám sát bệnh và vector truyền bệnh sốt xuất huyết** 1. Giám sát bệnh sốt xuất huyết Dengue 1.1. Mục đích 1.2. Các thành phần giám sát bệnh sốt xuất huyết Dengue 1.3. Yêu cầu của kế hoạch phòng trừ bệnh sốt Dengue 2. Muỗi Aedes aegypti 2.1. Phân bố 2.2. Vai trò y học 2.3. Sinh học của muỗi Aedes aegypti 3. Giám sát muỗi truyền bệnh sốt Dengue 3.1. Giám sát muỗi 3.2. Giám sát bọ gậy 3.3. Tính các chỉ số 4. Biện pháp phòng chống vector sốt Dengue 4.1. Không chế môi trường sinh sống của muỗi 4.2. Chống vector khi xẩy ra dịch sốt Dengue 4.3. Phương pháp sử dụng cá diệt bọ gậy	02	1. Trình bày mục đích, thành phần và yêu cầu của giám sát bệnh SXH 2. Trình bày đặc điểm sinh học của muỗi Aegypti 3. Trình bày giám sát muỗi truyền bệnh sốt Dengue 4. Trình bày các biện pháp phòng chống vector sốt Dengue	1
9	**Bài 9. Giám sát bệnh và vector truyền bệnh**	02	1. Trình	1

	dịch hạch 1. Giám sát bệnh dịch hạch 1.1. Mục đích 1.2. Các thành phần giám sát bệnh dịch hạch 1.3. Yêu cầu của kế hoạch phòng trừ bệnh dịch hạch 2. Vật chủ bệnh dịch hạch 2.1. Vai trò của chuột trong đời sống con người 2.2. Giám sát dịch động vật 2.3. Giám sát chuột 2.4. Các biện pháp diệt chuột 3. Bọ chét truyền bệnh dịch hạch 3.1. Vai trò truyền bệnh của bọ chét 3.2. Đặc điểm sinh học, sinh thái của bọ chét 3.3. Giám sát bọ chét 3.4. Các biện pháp diệt bọ chét		bày mục đích, thành phần và yêu cầu của giám sát bệnh dịch hạch 2. Trình bày vai trò của vật chủ bệnh dịch hạch 3. Trình bày vai trò, đặc điểm sinh học, các biện pháp giám sát bọ chét truyền bệnh dịch hạch	
10	**Bài 10. Kiểm dịch y tế biên giới** 1. Sự cần thiết của hoạt động kiểm dịch y tế biên giới 1.1. Tình hình dịch bệnh trên thế giới 1.2. Tình hình dịch bệnh tại Việt Nam	01	1. Nêu sự cần thiết của hoạt động kiểm dịch	4

	1.3. Dự báo tình hình dịch 2. Cơ sở pháp lý của hoạt động kiểm dịch y tế biên giới 2.1. Các quy định quốc tế 2.2. Các quy định quốc gia 3. Hệ thống kiểm dịch y tế biên giới ở Việt Nam 4. Các bệnh truyền nhiễm phải kiểm dịch y tế biên giới 5. Đối tượng, địa điểm kiểm dịch y tế biên giới 6. Nội dung của kiểm dịch y tế biên giới 6.1. Kiểm tra y tế 6.2. Xử lý y tế 6.3. Giám sát và phòng chống một số bệnh phải kiểm dịch		y tế biên giới 2. Nêu cơ sở pháp lý của hoạt động kiểm dịch y tế biên giới 3. Trình bày về hệ thống kiểm dịch y tế biên giới ở Việt Nam 4. Trình bày về các bệnh truyền nhiễm phải kiểm dịch y tế biên giới 5. Nêu các đối tượng, địa điểm kiểm dịch tế biên giới	

2. Thực hành

STT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập	CĐR
1	**Bài 1. Thực hành xây dựng bài tuyên truyền về phòng chống dịch** Các nội dung bắt buộc: - Loại dịch gì, lây truyền thế nào? - Mức độ nguy hiểm của bệnh dịch này? - Biểu hiện như thế nào? Khi bị mắc bệnh phải làm gì? - Phòng chống lây nhiễm cho bản thân và cộng đồng như thế nào?	04	Xây dựng được 01 bài truyền thông về phòng chống dịch	4
2	**Bài 2. Sàng tuyển phát hiện bệnh** 1. Sử dụng các nghiệm pháp sàng tuyển vào thực tế 2. Áp dụng để tính được các chỉ số đánh giá giá trị của trắc nghiệm 3. Tìm hiểu về ý nghĩa của các chỉ số đánh giá giá trị của trắc nghiệm 4. Làm các bài tập tình huống về các chỉ số đánh giá giá trị của trắc nghiệm	04	1. Áp dụng lý thuyết để tính được các chỉ số đánh giá giá trị của trắc nghiệm. 2. Làm được các bài tập	4
3	**Bài 3.Thực hành thiết kế nghiên cứu thuần tập** 4. **Thiết kế nghiên cứu** a. Chọn nhóm phơi nhiễm b. Chọn nhóm so sánh	04	1. Thực hành thiết kế nghiên cứu	3

	c. Xác định tình trạng bệnh 5. **Phân tích và phiên giải số liệu** a. Tính tỷ lệ mắc mới b. Tính nguy cơ tương đối c. Tính nguy cơ quy thuộc 6. **Xác định các sai số** a. Sai số chọn b. Sai số xếp loại c. Sai số quan sát d. Sai số do mất đối tượng 7. **Khắc phục và hạn chế sai số** **Xác định các ưu, nhược điểm của nghiên cứu thuần tập**		2. Làm được các bài tập	
4	**Bài 4. Thực hành tính cỡ mẫu và chọn mẫu** 1. Bài tập thực hành tính cỡ mẫu 1.1. Tính cỡ mẫu ước tính một tỷ lệ 1.2. Tính cỡ mẫu ước tính một giá trị trung bình 2. Bài tập thực hành chọn mẫu 2.1. Chọn mẫu ngẫu nhiên đơn 2.2. Chọn mẫu ngẫu nhiên hệ thống 2.3. Chọn mẫu chùm 2.4. Chọn mẫu phân tầng 3. Xác định cỡ mẫu và kỹ thuật chọn mẫu trong các nghiên cứu được báo cáo	04	Làm được các bài tập	5
5	**Bài 5. Thực hành xây dựng công cụ thu thập thông tin** 1. Bộ câu hỏi phỏng vấn 2. Phiếu điều tra trong quan sát	04	Xây dựng được bộ câu hỏi	4
6	**Bài 6. Hoàn thành chuyên đề về tình hình mắc bệnh sốt xuất huyết trên thế giới và tại Việt**	12	Viết chuyên	4

	Nam		đề theo yêu cầu	

III. Phương pháp dạy/học

1. Lý thuyết: thuyết trình, phát vấn, thảo luận nhóm
2. Thực hành: Hướng dẫn mẫu, thảo luận nhóm

IV. Phương tiện, vật liệu dạy/học

Lý thuyết: Máy chiếu (Projector), các slides bằng phần mềm Powerpoints

Thực hành: Các bài tập tình huống, máy chiếu, các slides bằng phần mềm Powerpoints

V. Phương pháp lượng giá

- Thang điểm 10
- Các điểm thành phần

Điểm thành phần	**Trọng số tính điểm**	**Bài đánh giá**	**Hình thức đánh giá**	**Tiêu chí đánh giá**	**CĐR được đánh giá**	**Điểm tối đa**
Đánh giá chuyên cần (**ĐCC**)	10%		Theo quy định	x	x	10
Điểm giữa học phần (**ĐGHP**)	10%	x	Theo quy định	x	x	10
Điểm Thực hành **(ĐTH)**	20%	x	Theo quy định	x	x	10
Điểm kết thúc học phần (**ĐKTHP**)	60%	x	Theo quy định	x	x	10

Công thức tính điểm:1:1:2:6

Rubric 1: Điểm danh: 10 điểm

Tiêu chí	Điểm trừ
Không vắng	0
Nghỉ học có phép	0,5
Nghỉ học không phép	10
Đi muộn	0,5

Rubric 2: Vấn đáp

Mức độ đạt chuẩn quy định					
Tiêu chí đánh giá	**Điểm (0-3.9)**	**Điểm (4.0-5.4)**	**Điểm (5.4-6.9)**	**Điểm (7.0-8.4)**	**Điểm (8.5-10)**
Nội dung câu hỏi		x			

VI. Tài liệu học tập và tham khảo *(Liệt kê những tài liệu sử dụng hiện có)*

1. Tài liệu học tập

- Bộ môn Dịch tễ học Khoa Y tế công cộng, DỊch tễ học (2007) lưu hành nội bộ
- Tài liệu phát tay

2. Tài liệu tham khảo:

1. Dịch tễ học (1993), Trường Đại học Y Hà Nội, NXB Y học
2. Thực hành Dịch tễ học (1996), Bộ môn Dịch tễ học Trường Đại học Y Hà Nội, NXB Y học.

VII. Lịch học: Theo Lịch giảng dạy/học tập.

VIII. Quy định với sinh viên:

1. Nhiệm vụ của sinh viên: nghe giảng, tham gia thảo luận nhóm, trả lời câu hỏi

2. Quy định điều kiện dự thi: Sinh viên phải có điểm rèn luyện, điểm kiểm tra giữa học phần, điểm thực hành mới được dự thi kết thúc học phần

IX. Tiến trình cập nhật đề cương chi tiết

TT	Cập nhật đề cương tiết lần	Ngày/tháng/năm	Người cập nhật
1.	**Lần 1**	**05/2019**	**Trần Thị Khuyên**

2.	**Lần 2**	**05/2021**	**Trần Thị Khuyên**
3.	**Lần 3**	**5/2023**	**Trần Thị Khuyên**

PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC **BỘ MÔN/KHOA**

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC THÁI BÌNH

BỘ MÔN TAI MŨI HỌNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Năm 2021

Tên học phần:

Tên tiếng Việt: Tai mũi họng

Tên tiếng Anh: Otorhinolaryngology

Mã học phần:

Ngành: Y học dự phòng

Mã ngành: 7720110

I. Hành chính.

1. Thông tin chung:

Học phần:	☑ Bắt buộc ☐ Tự chọn ☐ Không tính điểm
Thuộc kiến thức:	☐ Giáo dục đại cương ☐ Cơ sở ngành ☑ Chuyên ngành ☐ Bổ trợ
Đối tượng:	Bác sỹ Y học dự phòng
Số tín chỉ (LT;TH/LT;LS): Số tiết Lý thuyết: Thảo luận : Số giờ tự học: Số tiết Thực hành/ Lâm sàng: Thảo luận: Số giờ tự học:	2 20 4 26 36 (72h thực giảng) 14
Số bài kiểm tra (LT/TH/LS):	

Giữa học phần: Kết thúc học phần:	0 1 bài lý thuyết – 1 bài thực hành
Học phần học trước:	Giải phẫu, Sinh lý, Sinh lý bệnh, Kỹ năng tiền lâm sàng
Học phần tiên quyết:	
Học phần song hành:	
Bộ môn/Khoa giảng dạy:	Bộ môn Tai mũi họng

2. Mô tả chung về học phần:

Học phần Tai Mũi Họng là một trong các môn y học lâm sàng khối chuyên khoa trong chương trình đào tạo bác sĩ Y học dự phòng. Học phần Tai Mũi Họng hướng dẫn sinh viên tiếp cận chẩn đoán, tìm hiểu nguyên nhân, cơ chế gây nên các triệu chứng, hướng xử trí các biểu hiện bệnh lý tai, mũi, họng và các cấu trúc liên quan ở vùng đầu cổ bao gồm cả các xoang, thanh quản, khoang miệng và vùng cổ bên.

Vòng luân khoa Tai mũi họng với đối tượng Y học dự phòng là một khóa học 3 tuần, trong đó sinh viên được đi thực hành lâm sàng tại 2 khu vực: khu vực phòng khám Tai mũi họng (bệnh nhân ngoại trú) và khu vực khoa Tai mũi họng khu điều trị nội trú bệnh viện Đa khoa tỉnh Thái Bình.

Mỗi lớp YHDP chia thành 4 nhóm luân phiên nhau đi lâm sàng tại phòng khám bệnh và đi lâm sàng tại khoa Tai mũi họng Bệnh viện đa khoa tỉnh.

3. Cán bộ phụ trách/giảng dạy:

TT	Họ tên	Học hàm/ học vị	Số điện thoại	Email	Ghi chú
1.	Ngô Thanh Bình	PGS.TS	0912030800	ngothanhbinh @tbump.edu.vn	Phụ trách
2.	Vũ Trung Kiên	TS	0913019533	vutrungkien_orl @yahoo.com	Tham gia
3.	Khiếu Hữu Thanh	ThS	0983036056	khieuthanh @gmail.com	Tham gia
4.	Chu Thị Hồng	ThS	0833936913	honghaohuy1986 @gmail.com	Tham gia

5.	Vũ Thị Loan	ThS	0973694227	vuthiloan @tbump.edu.vn	Tham gia
6.	Tạ Xuân Thành	BS	0949140055	drthanhytb @gmail.com	Tham gia
7.	Đỗ Đức Cảnh	BS	0986377702	drdoduccanhytb @gmail.com	Tham gia
8.	Đặng Xuân Vinh	BS	0987539366	vinhk37d @gmail.com	Tham gia

4. Mục tiêu học phần:

TT	Mục tiêu học phần	Mục tiêu CTĐT (PEO)
1.	Vận dụng các kiến thức về giải phẫu, sinh lý, sinh bệnh học tai, mũi, họng, cách tiếp cận bệnh nhân theo vấn đề vào việc khai thác bệnh sử, tiền sử, đưa ra các chẩn đoán tiềm năng, chỉ định và phiên giải các kết quả cận lâm sàng, từ đó thu hẹp chẩn đoán.	PEO 1, 2, 4, 5, 6, 7, 9, 10, 11, 12
2.	Vận dụng được các kiến thức khái quát về giải phẫu, sinh lý, sinh lý bệnh cơ bản để giải thích được cơ chế bệnh sinh một số bệnh lý Tai, mũi, họng thông thường.	PEO 1, 2, 4, 5, 6, 7, 9, 10, 11, 12
3.	Liên hệ, áp dụng được các kiến thức về bệnh học và điều trị để đưa ra hướng xử trí và phòng bệnh.	PEO 1, 2, 4, 5, 6, 7, 9, 10, 11, 12
4.	Nhận biết được một số cấp cứu Tai mũi họng thường gặp.	PEO 1, 2, 4, 5, 6, 7, 9, 10, 11, 12

5. Chuẩn đầu ra học phần

TT	CĐR Học phần	Mức độ đạt (S, H)/CĐR của CTĐT (PLO)
1.	Giải thích được cơ chế bệnh sinh một số bệnh lý và cấp cứu Tai, mũi, họng thường gặp.	S: PLO 1, 2, 3, 6, 8, 9, 10, 11, 13, 15, 16, 17 H: PLO 1, 4, 5, 7, 12, 14
2.	Vận dụng các kiến thức về giải phẫu, sinh lý, sinh bệnh học tai, mũi, họng, cách tiếp cận bệnh nhân theo vấn đề vào việc khai thác bệnh sử, tiền sử, đưa ra các chẩn đoán tiềm năng, chỉ định và phân tích các kết quả cận lâm sàng, từ đó thu hẹp chẩn đoán một số bệnh lý và cấp cứu Tai mũi họng thường gặp	S: PLO 1, 2, 3, 6, 8, 9, 13, 15, 17 H: PLO 1, 4, 5, 7, 10, 11, 12, 14, 16
3.	Liên hệ, áp dụng được các kiến thức về bệnh học và điều trị để đưa ra hướng xử trí và phòng bệnh.	S: PLO 1, 2, 3, 6, 8, 9, 13, 15, 17 H: PLO 1, 4, 5, 7, 10, 11, 12, 14, 16

II. NỘI DUNG

1. Lý thuyết

STT	Chủ đề	Số tiết	Mục tiêu học tập	CĐR
1	***Cấp cứu Tai mũi họng*** - Khó thở thanh quản - Dị vật đường thở - Dị vật đường ăn. - Chảy máu mũi.	04	1, 2, 3	3, 4, 5
2	***Chấn thương Tai Mũi Họng*** - Chấn thương gãy xương chính mũi - Chấn thương vỡ xoang hàm - Chấn thương thanh khí quản	02	1, 2, 3	3, 4, 5

3	***Ung thư tai mũi họng*** - Ung thư vòm mũi họng - Ung thư Thanh quản - Ung thư xoang lê	02	1, 2, 3	3, 4, 5
4	***Bệnh lý tai xương chũm*** - Viêm tai giữa cấp - Viêm tai giữa ứ dịch - Viêm tai giữa mạn tính - Biến chứng của viêm tai giữa	06	1, 2, 3	3, 4, 5
5	***Bệnh lý mũi xoang*** - Viêm mũi cấp, mạn tính - Viêm xoang cấp, mạn tính - Biễn chứng của viêm xoang	04	1, 2, 3	3, 4, 5
6	***Họng - thanh quản*** - Viêm họng cấp, mạn tính - Viêm thanh quản cấp, mạn tính	02	1, 2, 3	3, 4, 5
Tổng		**20**		

2. Lâm sàng

STT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập	CĐR
1	Khám thực thể các bệnh lý TMH thông thường bằng đèn Clar - Chuẩn bị - Thực hành - Đánh giá kết quả	04 x 2	3, 4, 5	1, 3
2	Đo thính lực giản đơn bằng âm thoa - Chuẩn bị - Thực hành	04 x 2	3, 4, 5	1, 3

	- Đánh giá kết quả			
3	Tiến hành thủ thuật làm thuốc tai - Chuẩn bị - Thực hành - Đánh giá kết quả	04 x 2	3, 4, 5	1, 3
4	Các hội chứng mũi xoang và phương pháp điều trị Các hội chứng mũi xoang và phương pháp điều trị Các hội chứng mũi xoang và phương pháp điều trị	02 02 02	1, 2, 5	2, 3, 5
5	Xử trí chảy máu mũi Xử trí dị vật Tai mũi họng	02 02	3, 4, 5	1, 3
6	Đọc phim Xquang Tai mũi họng Nhận định hình ảnh nội soi Tai mũi họng	02 02 x 8	1, 2 , 5	2, 3
7	Cách làm bệnh án Bình bệnh án	02 02	1, 2 , 5	2, 3, 5
8	Đi buồng	02 x 8	3, 4, 5	1, 3
Tổng		72		

III. Phương pháp dạy/học

1. Lý thuyết:

- Thuyết trình có hình ảnh minh họa.
- Đặt câu hỏi ngắn cho sinh viên trả lời.
- Thảo luận nhóm.

2. Lâm sàng:

- Thuyết trình.
- Đặt câu hỏi ngắn cho sinh viên trả lời.
- Quan sát và thực hành kỹ năng.
- Tiếp xúc bệnh nhân, khai thác bệnh sử, thăm khám lâm sàng.

IV. Phương tiện, vật liệu dạy/học

1. Lý thuyết:

- Phấn bảng
- Máy tính
- Projector
- Câu hỏi phát vấn

2. Lâm sàng:

- Phấn bảng
- Mô hình
- Dụng cụ thực hành
- Ca bệnh

V. Phương pháp lượng giá

- Thang điểm 10
- Lý thuyết: thi viết cải tiến
- Lâm sàng: vấn đáp
- Các điểm thành phần:

Điểm thành phần	**Trọng số tính điểm**	**Bài đánh giá**	**Hình thức đánh giá**	**Tiêu chí đánh giá**	**CĐR được đánh giá**	**Điểm tối đa**
Đánh giá chuyên cần (**ĐCC**)	0.1	Điểm danh có mặt	Điểm danh	Thời gian ý thức học tập	1, 2, 3	10
Điểm thực hành (**ĐTH**)	0.5	Bài kiểm tra	Vấn đáp	Theo thang điểm	1, 2, 3	10
Điểm kết thúc học phần (**ĐKTHP**)	0.4	Bài kiểm tra	Tự luận	Theo đáp án	1, 2, 3	10

Công thức tính điểm:

Điểm học phần = ĐCC x 0,1 + ĐTH x 0,5 + ĐKTHP x 0,4

Rubric 1: Điểm danh: 10 điểm

Tiêu chí	Điểm trừ
Không vắng	0
Nghỉ học có phép	Học bù
Nghỉ học không phép	Nghỉ thi
Đi muộn	0.5

Rubric 2: Vấn đáp

Mức độ đạt chuẩn quy định					
Tiêu chí đánh giá	**Điểm (0-3.9)**	**Điểm (4.0-5.4)**	**Điểm (5.4-6.9)**	**Điểm (7.0-8.4)**	**Điểm (8.5-10)**
Nội dung câu hỏi	Không trả lời được	Trả lời không hết các câu hỏi	Trả lời hết các câu hỏi nhưng còn nhiều sai sót	Trả lời hết các câu hỏi nhưng trình bày chưa rõ ràng	Trả lời hết các câu hỏi và trình bày rõ ràng

VI. Tài liệu học tập và tham khảo

1. Tài liệu học tập*:*

- Giáo trình Tai mũi họng, trường đại học Y Dược Thái Bình, 2019.

2. Tài liệu tham khảo: (*Có tại thư viện hoặc trên internet sinh viên truy cập được)*

- Bệnh học Tai Mũi Họng, Học viện Quân Y, NXB QĐND, 2007.

- Nguyễn Thị Ngọc Dung biên dịch (2014), Kiến thức cơ bản Tai Mũi Họng, Nhà xuất bản Y học

- Phạm Khánh Hòa, (2012), Tai Mũi Họng, Nhà xuất bản Giáo dục.

- Ngô Ngọc Liễn(2006), Giản yếu bệnh học Tai Mũi Họng, Nhà xuất bản Y học Hà Tai mũi họng.

- Nhan Trừng Sơn (2017), Tai Mũi Họng Quyển 1, Nhà xuất bản Y học TP. Hồ Chí Minh.

- Nhan Trừng Sơn (2017), Tai Mũi Họng Quyển 2, Nhà xuất bản Y học TP. Hồ Chí Minh.

VII. Lịch học: Theo Lịch giảng dạy/học tập.

VIII. Quy định với sinh viên:

8.1. Nhiệm vụ của sinh viên:

8.1.1.Lâm sàng

<u>* Thời gian</u>

- Giờ học lâm sàng: buổi sáng từ 7h00 – 9h30

<u>* Địa điểm</u>

Tại các phòng khám Tai mũi họng, Khoa nội trú các bệnh viện thực hành.

<u>* Quy định về nghỉ học, học bù, thi lại</u>

Được thực hiện theo nội quy, quy chế hiện hành của nhà trường

Mô tả buổi học và các hình thức học lâm sàng

<u>* Thời gian biểu:</u>

- Sinh viên có mặt tại bệnh viện từ 7h.
- Từ 7h00 – 11h00: thực hiện các nội dung sau:

+ Khám bệnh nhân

+ Chăm sóc bệnh nhân: tư vấn, đưa bệnh nhân đi làm xét nghiệm…

+ Hoàn thành bệnh án

+ Học lâm sàng theo lịch: đi buồng, giảng đầu giường, bình bệnh án.

+ Giao ban sinh viên: 2 buổi/ tuần theo lịch của bộ môn, từ 9h30-11h.

+ Bình bệnh án: 1 buổi/tuần theo lịch của bộ môn, từ 9h30-11h.

+ Giảng đầu giường: 2 buổi/tuần theo lịch của bộ môn, từ 7h-9h30.

8.1.2. Lý thuyết

Sinh viên tham gia đầy đủ các buổi học lý thuyết theo lịch phân công. Nếu nghỉ học phải có đơn xin phép theo mẫu quy định của nhà trường.

Các quy định về nghỉ học, học bù, thi lại được thực hiện theo nội quy, quy chế hiện hành của nhà trường

8.2. Quy định điều kiện dự thi:

- Tham gia đầy đủ các buổi học, nếu nghỉ học có phép phải hoàn thành học bù.
- Điểm thi lâm sàng từ 4 điểm trở lên mới được thi lý thuyết.

IX. Tiến trình cập nhật đề cương chi tiết

TT	Cập nhật đề cương tiết lần	Ngày/tháng/năm	Người cập nhật
4.	Lần 1	05/2019	Vũ Trung Kiên
5.	Lần 2	05/2021	Ngô Thanh Bình
6.	Dự kiến	2023	

PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC **BỘ MÔN**

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

BỘ MÔN: HÓA HỌC

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Năm 2021

Tên học phần: Hóa học

Tên tiếng Việt: Hoá học

Tên tiếng Anh: Chemistry

Mã học phần: 3110CHEMIS0T

Ngành: Y học Dự phòng

Mã ngành:

I. Hành chính.

1. Thông tin chung:

Học phần:	☑ Bắt buộc ☐ Tự chọn ☐ Không tính điểm
Thuộc kiến thức:	☑Giáo dục đại cương ☐ Cơ sở ngành ☐Chuyên ngành

	☐ Bổ trợ
Đối tượng:	
Số tín chỉ (LT;TH/LT;LS): Số tiết Lý thuyết: Thảo luận : Số giờ tự học: Số tiết Thực hành/ Lâm sàng: Thảo luận: Số giờ tự học:	**2; 1** **32** **0** **18** **32** **0** **18**
Số bài kiểm tra (LT/TH/LS): Giữa học phần: 01 Thực hành: 01 Kết thúc học phần: 01	 **01** **01** **01**
Học phần học trước:	
Học phần tiên quyết:	
Học phần song hành:	
Bộ môn/Khoa giảng dạy:	**BM Hoá học**

2. Mô tả chung về học phần:

Đây là môn học với những nội dung cơ bản về tính chất của dung dịch và các hợp chất vô cơ, hữu cơ. Vai trò và ứng dụng của các hợp chất vô cơ, hữu cơ trong đời sống và y dược

3. Cán bộ phụ trách/giảng dạy:

TT	Họ tên	Học vị	Số điện thoại	Email	Ghi chú
1.	Trần Thị Nữ	T.s	0983.411.689	nutt@tbump.edu.vn	Phụ trách
2.	Nguyễn Tiến An	T.s	0916.626.389	annt@tbump.edu.vn	Tham gia
3.	Nguyễn Thị Hoa	Th.s	0949.576.939	hoant@tbump.edu.vn	Tham gia
4.	Phạm Thanh Khiết	Th.s	0988.742.523	khietpt@tbump.edu.vn	Tham gia
5.	Vũ Thị Huệ	Th.s	0982.389.020	huevt@tbump.edu.vn	Tham gia

6.	Vũ Thị Minh Thư	Th.s	0986.635.966	thuvt@tbump.edu.vn	Tham gia

4. Mục tiêu học phần:

TT	Mục tiêu học phần	Mục tiêu CTĐT (PEO)
1.	Vận dụng được tính chất, quá trình hòa tan tạo thành dung dịch để giải thích được các loại dung dịch, vai trò của áp suất thẩm thấu, pH của các hệ đệm trong cơ thể sống	PEO1
2.	Giải thích được vai trò, chức năng sinh học và ứng dụng của các nguyên tố đa lượng, vi lượng của đơn chất và hợp chất vô cơ đối với cơ thể sinh vật dựa vào nguồn gốc, cấu tạo, tính chất (đơn chất, hợp chất) của kim loại, phi kim	PEO1
3.	Phân biệt được các loại hợp chất lipid, glucid, protein về cấu tạo và vai trò chức năng của chúng trong cơ thể	PEO1
	Độc tính của các hợp chất vô cơ hữu cơ, cơ chế và cách sơ cứu giải độc	S: PLO 2

5. Chuẩn đầu ra học phần

TT	CĐR Học phần	Mức độ đạt (S, H)/CĐR của CTĐT (PLO)
1.	Vận dụng được tính chất, quá trình hòa tan tạo thành dung dịch để giải thích được các loại dung dịch, vai trò của áp suất thẩm thấu, pH của các hệ đệm trong cơ thể sống	S: PLO 2
2.	Giải thích được vai trò, chức năng sinh học và ứng dụng của các nguyên tố đa lượng, vi lượng, độc tính của đơn chất và hợp chất vô cơ đối với cơ thể sinh vật dựa vào nguồn gốc, cấu tạo, tính chất (đơn chất, hợp chất) của kim loại, phi kim	S: PLO 2
3.	Phân biệt được các loại hợp chất lipid, glucid, protein về cấu tạo và vai trò chức năng của chúng trong cơ thể	S: PLO 2

Chú thích: S (Support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra; H (Highly support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra.

II. NỘI DUNG

1. Lý thuyết

STT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập	CĐR HP
1	**Bài 1 : Dung dịch** 1. Khái niệm và phân loại dung dịch 2. Quá trình hòa tan	**08**	**1.** Trình bày được khái niệm, phân loại dung dịch để giải thích được các loại dung dịch	**1**

	3. Hiện tượng thẩm thấu 4. Công thức tính pH của các loại dung dịch 5. Dung dịch đệm		có trong cơ thể sống	
2	**Bài 2 : Nguyên tố đa lượng** 14. Đại cương về kim loại 15. Vai trò sinh học của các nguyên tố nhóm IA 16. Vai trò sinh học của các nguyên tố nhóm IIA	**06**	1. Trình bày được cách phân loại các nguyên tố, vị trí, tính chất hóa học cơ bản của kim loại và các cách điều chế kim loại. 2. Giải thích được chức năng sinh học, vai trò và ứng dụng y dược của các nguyên tố đa lượng (Na, K, Ca, Mg) dựa vào nguồn gốc, cấu tạo và tính chất của các nguyên tố đó	**2**
3	**Bài 3 : Nguyên tố vi lượng** 1. Chất dinh dưỡng thiết yếu 2. Vai trò sinh học của sắt 3. Vai trò sinh học của mangan 4. Vai trò sinh học của kẽm 5. Vai trò sinh học của đồng 6. Vai trò sinh học của iod 7. Vai trò sinh học của flo	**06**	1. Nêu được nguồn gốc, cấu tạo, tính chất lý hóa học của các nguyên tố Fe, Cu, Zn, Mn, I, F 2. Biết được chức năng sinh học, vai trò và ứng dụng của các nguyên tố vi lượng (Fe, Cu, Zn, Mn, I, F) đối với cơ thể.	**2**
4	**Bài 4: Lipid** 1. Định nghĩa và phân loại lipid	**02**	1.Vẽ được cấu tạo hóa học và phân loại được 3	**4**

	2. Acid béo 3. Ancol 4. Các loại lipid chính		nhóm lipid trong cơ thể. 2. Phân tích được tính chất và vai trò quan trọng của lipid .	
5	**Bài 5 : Glucid** 1. Khái niệm và phân loại 2. Monosaccarid 3. Oligosaccarid 4. Polisaccarid	**04**	*1.* Trình bày được nguồn gốc, phân loại, danh pháp và cấu trúc gluxit. *2.* Trình bày được tính chất vật lý, tính chất hoá học và một số ứng dụng của hợp chất gluxit.	**4**
6	**Bài 6: Protein** 1. Acid amin 2. Peptid 3. Protein	**02**	1. Vẽ được cấu tạo hóa học và phân loại được 20 acid amin chuẩn là đơn vị cơ bản cấu tạo nên protein. 2. Hiểu được những tính chất ứng dụng quan trọng của acid amin,peptid và protein. 3. Phân tích được vai trò then chốt của protein trong hầu hết quá trình sinh học, mối liên quan chặt chẽ giữa 4 bậc cấu trúc và chức năng của protein.	**4**

7	**Bài 7: Độc chất vô cơ, hữu cơ** 1. Chất độc nhóm photpho hữu cơ 2. Chất độc nhóm clo hữu cơ 3.	**04**	1.Trình bày được khái niệm độc chất, cơ chế và nguyên nhân ngộ độc, 3 biện pháp xử lí chung khi bệnh nhân bị ngộ độc 2. Trình bày được nguyên nhân, độc tính, và biện pháp xử lí các chất độc vô cơ thường gặp trong cuộc sống	**4**

2. Thực hành

STT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập	CĐR
1	**Bài 1 : Pha chế dung dịch và hiện tượng thẩm thấu** 1. Pha chế nước muối sinh lý 2. Pha chế dung dịch sát khuẩn 3. Pha chế dung dịch glucose 4. Hiện tượng thẩm thấu	**04**	1. Pha được dung dịch nước muối sinh lý 0,9%, dung dịch glucose 5%, dung dịch cồn sát khuẩn 2. Làm thí nghiệm và giải thích hiện tượng thẩm thấu	**1**
2	**Bài 2: pH và dung dịch đệm** 1. Đo pH của dung dịch 2. Thử tính chất đệm của nước 3. Pha và thử tính chất của đệm axit 4. Pha và thử tính chất của đệm bazơ	**04**	1.Đo được pH của các loại dung dịch 2.Pha và thử tính chất từ đó giải thích cơ chế đêm	**1**

3	**Bài 3 : Nguyên tố đa vi lượng kim loại** 1. Thử tính chất của cation Ag^{+}, Mg^{2+}, Ba^{2+} 2. Thử tính chất của Pb^{2+} 3. Thử tính chất của Zn^{2+} và Al^{3+} 4. Thử tính chất của sắt 5. Thử tính chất của Cu^{2+} 6. Nhận biết cation trong hỗn hợp	**04**	Thử tính chất của các cation kim loại và nhận biết các cation kim loại trong hỗn hợp	**2**
4	**Bài 4 : Nguyên tố đa vi lượng phi kim** 1. Thử tính chất của halogen 2. Thử tính chất của ion chứa lưu huỳnh 3. Thử tính chất của NO_3^{-} 4. Thử tính chất của CO_3^{2-} 5. Thử tính chất của PO_4^{3-} 6. Nhận biết anion trong hỗn hợp	**04**	Thử tính chất của các anion và nhận biết các anion trong hỗn hợp	**2**
5	**Bài 5 : Ancol, phenol, andehit** 1. Oxy hóa alcol etylic bằng K2Cr2O7 2. Phản ứng của polyalcol với đồng hidroxit 3. Phản ứng màu của phenol với sắt (III) clorua 4. Phản ứng với thuốc thử Tollens ([Ag(NH3)2]OH) của HCHO 5. Phản ứng với Cu(OH)2 với HCHO	**04**	1. Làm thí nghiệm về các tính chất của hợp chất ancol, phenol. 2. Nhận biết các hợp chất ancol phenol trong hỗn hợp.	**3**

6	**Bài 6 : Axit cacboxylic** 1. Độ tan của acid và muối của acid carboxylic 2. Tác dụng của acid với chất chỉ thị 3. Tác dụng của acid với kim loại 4. Tác dụng của acid với muối của acid yếu 5. Phản ứng thuỷ phân muối của acid carboxylic 6. Phản ứng loại nhóm cacboxyl	**04**	1. Làm thí nghiệm về các tính chất của hợp chất acid cacboxylic. 2. Nhận biết các hợp chất acid cacboxylic trong hỗn hợp.	**3**
7	**Bài 7 : Aminoacid, peptid, protein, glucid** 1. Tính tan của chất béo 2. Phản ứng màu biure 3. Phản ứng xantoprotein 4. Phản ứng đông tụ protid bằng nhiệt và cồn cao độ 5. Phản ứng của glucose, fructose với thuốc thử Fehling 6. Phân biệt disacarit khử và disacarit không khử 7. Phân biệt glucose và fructose bằng thuốc thử Xilivanop 8. Phản ứng màu của hồ tinh bột với dung dịch I_2	**04**	1. Làm thí nghiệm về các tính chất của hợp chất aminoacid, peptid, protein, glucid. 2. Nhận biết các hợp chất aminoacid, peptid, protein, glucid trong hỗn hợp.	**4**
8	**Bài 8 : Kiểm tra**	**04**		

III. Phương pháp dạy/học

1. Lý thuyết: Thuyết trình
2. Thực hành: Thuyết trình + làm mẫu

IV. Phương tiện, vật liệu dạy/học

1. Lý thuyết: máy chiếu, tivi, bảng phấn, câu hỏi

2. Thực hành: Dụng cụ, hóa chất, máy chiếu

V. Phương pháp lượng giá

- Thang điểm 10
- Các điểm thành phần

Điểm thành phần	**Trọng số tính điểm**	**Bài đánh giá**	**Hình thức đánh giá**	**Tiêu chí đánh giá**	**CĐR được đánh giá**	**Điểm tối đa**
Đánh giá chuyên cần (**ĐCC**)	10%	1. Điểm danh có mặt trên lớp	Điểm danh	Rubic 1	4	10
Điểm giữa học phần (**ĐGHP**)	20%	Bài kiểm tra 01 tiết	Tự luận	Theo đáp án và thang điểm chấm	2	10
Điểm thực hành (**ĐTH**)	20%	Bài kiểm tra thực hành	Làm thực hành và trả lời vấn đáp	Theo đáp án và thang điểm chấm	2	10
Điểm kết thúc học phần (**ĐKTHP**)	50%	Bài thi kết thúc học phần	Thi test 40 phút	Theo đáp án và thang điểm chấm	2	10

Công thức tính điểm:

Đ.HP = Đ.CC*0.1 + Đ.GHP*0.2 + Đ. TH*0.2 + Đ. KTHP*0.5

Rubric 1: Điểm danh: 10 điểm

Tiêu chí	Điểm trừ
Không vắng	0.0
Nghỉ học có phép	0.25
Nghỉ học không phép	0.5/1 tiết
Đi muộn	0.25 (<15 phút), 0.5 điểm (>15 phút)

Rubric 2: Vấn đáp

Mức độ đạt chuẩn quy định					
Tiêu chí đánh giá	**Điểm (0-3.9)**	**Điểm (4.0-5.4)**	**Điểm (5.4-6.9)**	**Điểm (7.0-8.4)**	**Điểm (8.5-10)**
Nội dung câu hỏi					

VI. Tài liệu học tập và tham khảo

Tài liệu học tập:

1. Trần Thị Nữ, Giáo trình Hóa đại cương – Vô cơ, NXB GD 2016.
2. Nguyễn Tiến An, Giáo trình Hóa Hữu cơ, NXB GD 2017.
3. Nguyễn Tiến An, Thực hành hoá học, Tài liệu lưu hành nội bộ, 2015.

Tài liệu tham khảo:

1. PGS.TSKH. Lê Thành Phước, HÓA ĐẠI CƯƠNG-VÔ CƠ I, Nhà xuất bản Y học, 2009
2. GS.TS Trần Mạnh Bình, Hóa học hữu cơ tập 1,2, Nhà xuất bản Y học, 2007
3. http://tailieu.tv/tai-lieu/thuc-pham-chong-oxy-hoa-10952/

VII. Lịch học: Theo Lịch giảng dạy/học tập.

VIII. Quy định với sinh viên:

1. Nhiệm vụ của sinh viên:
   - Chuẩn bị kế hoạch học tập như đăng ký môn học, lập thời gian biểu cho các hoạt động học tập.

- Chuẩn bị bài học theo hướng dẫn học tập của từng bài học: xem và đọc tài liệu học tập chuẩn bị nội dung trả lời cho các câu hỏi thảo luận, chuẩn bị các câu hỏi cần hỏi trước khi đến lớp học, hoàn thành các bài tập được giao.
- Trên lớp, sinh viên chủ động thảo luận các vấn đề đã chuẩn bị theo sự hướng dẫn của giảng viên, đưa ra các câu hỏi xung quanh chủ đề học tập.
- Chuẩn bị nội dung bài thực hành theo yêu cầu trong hướng dẫn nội dung tự học, tự chuẩn bị: chuẩn bị báo cáo, đọc tài liệu liên quan.
- Chấp hành nghiêm nội qui phòng thí nghiệm.
- Theo dõi sự hướng dẫn của giảng viên, kỹ thuật viên, thực hiện các bước thực hành theo đúng hướng dẫn để đạt được yêu cầu kỹ năng thực hành.
- Ghi và giải thích kết quả thí nghiệm.
- Sau buổi thực hành: vệ sinh phòng học, dụng cụ, trang thiết bị theo yêu cầu

2. Quy định điều kiện dự thi:

- Tham gia đầy đủ các buổi học lý thuyết và thực hành, nếu nghỉ phải có giấy xin phép

- Điểm kiểm tra giữa học phần và điểm kiểm tra thực hành từ 3.0 trở lên.

IX. Tiến trình cập nhật đề cương chi tiết

TT	**Cập nhật đề cương tiết lần**	**Ngày/tháng/năm**	**Người cập nhật**
1.	Lần 1	**05/2019**	
2.	Lần 2		
3.	Dự kiến		

PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC **BỘ MÔN/KHOA**

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC
THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

BỘ MÔN/KHOA:DINH DƯỠNG & ATTP

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN DINH DƯỠNG VÀ VỆ SINH AN TOÀN THỰC PHẨM (DINH DƯỠNG CƠ SỞ)

Năm 2021

Tên học phần: Dinh dưỡng & VSATTP 1 (Dinh dưỡng cơ sở)

Tên tiếng Việt:

Tên tiếng Anh:

Mã học phần:

Ngành: Bác sỹ Y học dự phòng năm thứ 4

Mã ngành:

I. Hành chính.

1. Thông tin chung:

Học phần: Dinh dưỡng và an toàn thực phẩm 1 (Dinh dưỡng cơ sở)	☑ Bắt buộc ☐ Tự chọn ☐ Không tính điểm
Thuộc kiến thức:	☐ Giáo dục đại cương ☐ Cơ sở ngành ☑ Chuyên ngành ☐ Bổ trợ
Đối tượng:	**Bác sỹ Y học dự phòng năm thứ 4**
Số tín chỉ (LT;TH/LT;LS): Số tiết Lý thuyết: Thảo luận : Số giờ tự học: Số tiết Thực hành/ Lâm sàng: Thảo luận: Số giờ tự học:	**02 (1/1)** **16** **34** **16** **34**
Số bài kiểm tra (LT/TH/LS):	**03**

Giữa học phần: Thực hành Kết thúc học phần:	**01** **01** **01**
Học phần học trước:	**Sinh lý, Sinh hóa, Mô phôi**
Học phần tiên quyết:	
Học phần song hành:	
Bộ môn/Khoa giảng dạy:	**Bộ môn Dinh dưỡng & an toàn thực phẩm**

2. Mô tả chung về học phần:

Học phần Dinh dưỡng & VSATTP 1 sẽ cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về mối liên quan giữa dinh dưỡng, sức khỏe và bệnh tật. Sinh viên được nghiên cứu về vai trò, nhu cầu của các chất sinh năng lượng, vitamin và chất khoáng, biết được mối quan hệ thiết yếu giữa thức ăn và cơ thể con người. Học phần này cũng sẽ giúp sinh viên áp dụng kiến thức vào việc đánh giá tình trạng dinh dưỡng qua các chỉ tiêu nhân trắc, xây dựng được khẩu phần ăn hợp lý cho người bình thường và thực hiện được các hoạt động chăm sóc sức khỏe cộng đồng, biết cách quản lý và dự phòng một số bệnh liên quan đến dinh dưỡng, một số chế độ ăn cơ bản trong bệnh viện.

3. Cán bộ phụ trách/giảng dạy:

TT	Họ tên	Học hàm/họcvị	Số điện thoại	Email	Ghi chú
1.	Phạm Thị Dung	PGS.TS	0989981359	dungpt@tbmc.edu.vn	Phụ trách
2.	Ninh Thị Nhung	PGS.TS	0912850028	nhungntytb@yahoo.com	Tham gia
3.	Phạm Ngọc Khái	PGS.TS	0983090927	phamngockhaiydtb@gmail.com	Tham gia
4.	Trần Thị Xuân Ngọc	TS		xuanngoc@gmail.com	Tham gia
5.	Tạ Thúy Loan	BSCKII	0915585415	loantt@tbmc.edu.vn	Tham gia
6.	Phạm Thị Kiều Chinh	ThS	0389987259	huanchinh225@gmail.com	Tham gia
7.	Đinh Thị Kim Anh	Ths	0985585636	kimanh@gmail.com	Tham gia

4. Mục tiêu học phần:

TT	Mục tiêu học phần	Mục tiêu CTĐT (PEO)
1	Trình bày được vai trò, nhu cầu, nguồn cung cấp các	PEO 2

	chất sinh năng lượng và chất không sinh năng lượng.	
2	Trình bày một số nội dung chăm sóc dinh dưỡng cho các lứa tuổi và một số đối tượng ưu tiên tại cộng đồng (trẻ em dưới 1 tuổi, PNMT và PNNCB)	PEO 2
3	Trình bày được các biện pháp giám sát, can thiệp, phòng ngừa và quản lý một số vấn đề dinh dưỡng và an toàn thực phẩm thường gặp ở cộng đồng Việt Nam	PEO 2
4	Áp dụng được các phương pháp đánh giá tình trạng dinh dưỡng	PEO 2
5	Áp dụng những kiến thức đã học để hướng dẫn cộng đồng sử dụng các loại thực phẩm trong khẩu phần một cách hợp lý, phù hợp với nhu cầu của từng đối tượng và đảm bảo an toàn thực phẩm	PEO 2

5. Chuẩn đầu ra học phần

TT	CĐR Học phần	Mức độ đạt (S, H)/CĐR của CTĐT (PLO)
1.	Trình bày được vai trò, nhu cầu, nguồn cung cấp các chất sinh năng lượng và chất không sinh năng lượng.	S: PLO 2 H: PLO 1
2.	Trình bày một số nội dung chăm sóc dinh dưỡng cho các lứa tuổi và một số đối tượng ưu tiên tại cộng đồng (trẻ em dưới 1 tuổi, PNMT và PNNCB)	S: PLO 2 H: PLO 1
3.	Trình bày được các biện pháp giám sát, can thiệp, phòng ngừa và quản lý một số vấn đề dinh dưỡng và an toàn thực phẩm thường gặp ở cộng đồng Việt Nam	S: PLO 4 H: PLO 3,5
4.	Áp dụng được các phương pháp đánh giá	S: PLO 4

	tình trạng dinh dưỡng	H: PLO 1
5.	Áp dụng những kiến thức đã học để hướng dẫn cộng đồng sử dụng các loại thực phẩm trong khẩu phần một cách hợp lý, phù hợp với nhu cầu của từng đối tượng và đảm bảo an toàn thực phẩm	S: PLO 5 H: PLO 1

Chú thích: S (Support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra; H (Highly support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra.

II. NỘI DUNG

1. Lý thuyết

TT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập	CĐR HP
1	**Bài 1. Vai trò, nhu cầu các chất dinh dưỡng** ***1. Các chất dinh dưỡng sinh năng lượng*** 1.1. Protein - Sinh lý và bệnh lý hấp thu Protid - Vai trò của Protid trong cơ thể - Nhu cầu Protid - Nguồn cung cấp Protid 1.2. Lipid - Sinh lý và bệnh lý hấp thu Lipid -Vai trò của Lipid trong cơ thể - Nhu cầu Lipid - Nguồn cung cấp Lipid 1.3. Glucid - Sinh lý và bệnh lý hấp thu Glucid -Vai trò của Glucid trong cơ thể - Nhu cầu Glucid - Nguồn cung cấp Glucid ***2. Các chất dinh dưỡng không sinh năng lượng*** 2.1. Vitamin	**04**	1. Trình bày được vai trò, nhu cầu protein đối với cơ thể và nguồn cung cấp protein. 2. Trình bày được vai trò, nhu cầu lipid đối với cơ thể và nguồn cung cấp lipid. 3. Trình bày được vai trò, nhu cầu và nguồn cung cấp glucid. 4. Phân biệt được vi chất, đa chất dinh dưỡng, nắm được nguyên nhân, một số tình trạng bệnh lý chính do thiếu vitamin và khoáng. 5. Kể được vai trò, nhu cầu, nguồn cung cấp của vitamin: A, E, D, B12, B1, B2, C 6. Kể được vai trò, nhu cầu, nguồn cung cấp của một số chất khoáng: Sắt, Iod,	**1**

	- Vitamin tan trong dầu (Vitamin A, D): - Vitamin tan trong nước (Vitamin B1, C): 2.2. Chất khoáng (Iode, sắt, canxi, kẽm…)		Calcium, kẽm	
2	**Bài 2. Dinh dưỡng lứa tuổi** ***1. Dinh dưỡng lứa tuổi*** 1.1 Đặc điểm và chế độ dinh dưỡng của người trưởng thành. 2. Đặc điểm và chế độ dinh dưỡng cho phụ nữ có thai và cho con bú. 3. Đặc điểm và chế độ DD của trẻ em. 4. Đặc điểm và chế độ dinh dưỡng của người cao tuổi. ***2. Khẩu phần ăn hợp lý*** 2.1. Khẩu phần ăn thực tế hiện nay 2.2. Tính cân đối khẩu phần 2.3. Phương pháp xây dựng thực đơn 2.4. Một số biện pháp nâng cao chất lượng khẩu phần cho cộng đồng.	**02**	1. Trình bày được những đặc điểm và chế độ dinh dưỡng của người trưởng thành. 2. Phân tích được đặc điểm và chế độ dinh dưỡng cho phụ nữ có thai và cho con bú. 3. Trình bày được những đặc điểm và chế độ DD của trẻ nhỏ cho đến vị thành niên. 4. Trình bày được những đặc điểm và chế độ dinh dưỡng của người cao tuổi.	**6**
3	**Bài 3. Chăm sóc dinh dưỡng cộng đồng** ***1. Ý nghĩa và tầm quan trọng của chăm sóc dưỡng ở cộng đồng*** ***2. Nội dung hoạt động chăm sóc dinh dưỡng ở đồng*** 2.1. Giáo dục truyền thông về dinh dưỡng hợ cộng đồng 2.2. Phát triển hệ sinh thái VAC, sử dụng nguồ phẩm tại chỗ 2.3. Theo dõi biểu đồ phát triển trẻ em 2.4. Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, đặc biệt là thời thai và cho con bú 2.5. Nâng cao chất lượng bữa ăn cho trẻ em, ngu tuổi trong hộ gia đình 2.6. Tiêm chủng phòng bệnh ở trẻ em đúng lịch, đ	**02**	1. Trình bày được ý nghĩa và tầm quan trọng của chăm sóc dinh dưỡng ở cộng đồng. 2. Phân tích được các nội dung chăm sóc dinh dưỡng ở cộng đồng. 3. Áp dụng những kiến thức trên để thực hiện được hoạt động tư vấn chăm sóc nuôi dưỡng trẻ nhỏ theo khuyến cáo của Tổ chức Y tế Thế giới và phù hợp điều kiện thực tế Việt Nam	**3**

4	**Bài 4: Giám sát dinh dưỡng** ***1. Giám sát dinh dưỡng*** 1.1. Khái niệm về giám sát dinh dưỡng 1.2. Mục tiêu của giám sát dinh dưỡng 1.3. Phân biệt giám sát dinh dưỡng với điều tra dinh dưỡng ***2. Nội dung hoạt động của giám sát dinh dưỡng*** 2.1. Bản chất các vấn đề dinh dưỡng 2.2. Xác định các yếu tố nguy cơ và nhóm đối tượng có nguy cơ nhất 2.3. Xác định các yếu tố nguyên nhân 2.4. Diễn biến các vấn đề dinh dưỡng ***3. Giám sát dinh dưỡng trong thời kỳ chuyển tiếp*** ***4. Xây dựng hệ thống cung cấp dữ liệu và sử dụng dữ liệu của giám sát dinh dưỡng***	**04**	1. Trình bày được các mục tiêu của giám sát dinh dưỡng và phân biệt được giám sát dinh dưỡng và điều tra dinh dưỡng. 2. Trình bày được các nội dung của giám sát dinh dưỡng. 3. Phân loại và trình bày được ý nghĩa của việc xác định các yếu tố nguy cơ mắc bệnh liên quan đến dinh dưỡng. 4. Phân loại và nêu được ý nghĩa của việc xác định nhóm đối tượng có nguy cơ cao nhất.	**4**
5	**Bài 5. Đánh giá tình trạng dinh dưỡng** 1. Các kỹ thuật thu thập số liệu 2. Các phương pháp đánh giá tình trạng dinh dưỡng trẻ em. 3. Các phương pháp đánh giá tình trạng dinh dưỡng người trưởng thành	**04**	1. Trình bày được các kỹ thuật để đánh giá tình trạng dinh dưỡng 2. Mô tả một số kỹ thuật đánh giá tình trạng dinh dưỡng 3. Nhận định được tình trạng dinh dưỡng trong các tình huống cụ thể	**6**

2. Thực hành

TT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập	CĐR
1	**Bài 1. Xây dựng kế hoạch** ***1. Một số khái niệm liên quan đến xây dựng kế hoạch*** 1.1. Chức năng của công tác quản lý chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm	**08**	1. Trình bày được một số khái niệm liên quan đến xây dựng kế hoạch 2. Trình bày được các bước lập kế hoạch	**4**

	1.2. Xây dựng kế hoạch là một quá trình xác định cái gì sẽ phải làm như thế nào? 1.3. Lý do cần phải lập kế hoạch 1.4. Tầm quan trọng của lập kế hoạch 1.5. Các phương pháp lập kế hoạch ***2. Các bước lập kế hoạch*** 2.1. Phân tích tình hình 2.2. Xây dựng chiến lược/các biện phá can thiệp (Các giải pháp, các hoạt động)		3. Áp dụng lập kế hoạch được chương trình dinh dưỡng tại địa phương	
3	**Bài 3. Tính tiêu hao năng lượng** 1. Tính tiêu hao năng lượng 2. Xác định nhu cầu năng lượng 2.1. Dinh dưỡng của người trưởng thành 2.2. Dinh dưỡng của phụ nữ có thai và phụ nữ cho con bú 2.3. Dinh dưỡng trẻ em 2.4. Dinh dưỡng của người cao tuổi	**08**	1. Tính tiêu hao năng lượng 2. Xác định nhu cầu năng lượng cho các đối tượng	**6**
4	**Bài 4. Đánh giá tình trạng dinh dưỡng** 1. Kỹ thuật thu thập số liệu 2. Đánh giá tình trạng dinh dưỡng trẻ em bằng các chỉ số CN/T, CC/T, CN/CC theo Z-Score. 3. Đánh giá tình trạng dinh dưỡng người trưởng thành bằng chỉ số BMI 4. Thực hành bài tập	**04**	1. Trình bày được các kỹ thuật để đánh giá tình trạng dinh dưỡng 2. Mô tả một số kỹ thuật đánh giá tình trạng dinh dưỡng 3. Thực hành các thao tác để đánh giá tình trạng dinh dưỡng 4. Nhận định kết quả trong các tình huống cụ thể	**6**

III. Phương pháp dạy/học

1. Lý thuyết: Giảng dạy tích cực, lấy người học là trung tâm

2. Thực hành: Giảng dạy tích cực, lấy người học là trung tâm

IV. Phương tiện, vật liệu dạy/học

1. Lý thuyết: Máy chiếu Projector, tranh

2. Thực hành: Bài tập trường hợp.

V. Phương pháp lượng giá

- Thang điểm 10
- Các điểm thành phần

Điểm thành phần	Trọng số tính điểm	Bài đánh giá	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR được đánh giá	Điểm tối đa
Đánh giá chuyên cần (**ĐCC**)	0,1	1	Đi học đầy đủ, đúng giờ	Đi học đầy đủ, đúng giờ		10
Điểm giữa học phần (**ĐGHP**)	0,1	1	Viết câu hỏi ngắn	Thang điểm		10
Điểm thực hành (**ĐTH**)	0,2	1	Bài tập thực hành	Thang điểm		10
Điểm kết thúc học phần (**ĐKTHP**)	0,6	1	Viết câu hỏi ngắn	Thang điểm		10

Công thức tính điểm: Đ.HP=Đ.GHPx0,1+Đ.CCx0,1+Đ.LTx0,6+Đ.THx0,2

Rubric 1: Điểm danh: 10 điểm

Tiêu chí	Điểm trừ
Không vắng	0
Nghỉ học có phép	0,25 điểm/tiết học
Nghỉ học không phép	0,5điểm/ tiết học
Đi muộn	Trừ 0,5 điểm/lần

Rubric 2: Vấn đáp

Mức độ đạt chuẩn quy định					
Tiêu chí đánh giá	**Điểm (0-3.9)**	**Điểm (4.0-5.4)**	**Điểm (5.4-6.9)**	**Điểm (7.0-8.4)**	**Điểm (8.5-10)**
Nội	Trả lời	Trả lời đúng	Trả lời đúng	Trả lời đúng	Trả lời đúng

dung câu hỏi	đúng câu hỏi <39%	câu hỏi từ 40 đến 54 %	câu hỏi từ 54 đến 69%	câu hỏi từ 70 đến 84%	câu hỏi từ 85 đến 100%

VI. Tài liệu học tập và tham khảo *(Liệt kê những tài liệu sử dụng hiện có)*

1. Tài liệu học tập:

1. Trường Đại học Y Dược Thái Bình (2016), Giáo trình dinh dưỡng và an toàn thực phẩm, NXB Y học.

2. Bộ môn Dinh dưỡng & ATTP (2014), Giáo trình thực hành dinh dưỡng và an toàn thực phẩm.

2. Tài liệu tham khảo:

1. Bộ Y tế, Viện Dinh dưỡng, Bảng thành phần thực phẩm Việt Nam 2017, Nhà xuất bản Y học.

2. Bộ Y tế (2016). Bảng nhu cầu dinh dưỡng khuyến nghị cho người Việt Nam, Nhà xuất bản Y học.

VII. Lịch học: Theo Lịch giảng dạy/học tập.

VIII. Quy định với sinh viên:

1. Nhiệm vụ của sinh viên:

2. Quy định điều kiện dự thi:

Sinh viên phải có điểm thực hành ≥4 điểm (theo thang điểm 10) và đạt điểm kiểm tra giữa học phần theo quy định mới được dự thi kết thúc học phần.

IX. Tiến trình cập nhật đề cương chi tiết

TT	Cập nhật đề cương tiết lần	Ngày/tháng/năm	Người cập nhật
1.	**Lần 1**	**2019**	
2.	**Lần 2**	**2021**	
3.	**Dự kiến**	**2023**	

PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC **BỘ MÔN/KHOA**

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC
THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

BỘ MÔN/KHOA:DINH DƯỠNG & ATTP

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN DINH DƯỠNG VÀ VỆ SINH AN TOÀN THỰC PHẨM 2 (AN TOÀN THỰC PHẨM)

Năm 2021

Tên học phần: Dinh dưỡng & VSATTP 2 (An toàn thực phẩm)

Tên tiếng Việt:

Tên tiếng Anh:

Mã học phần:

Ngành: Bác sỹ Y học dự phòng năm thứ 5

Mã ngành:

I. Hành chính.

1. Thông tin chung:

Học phần: Dinh dưỡng và an toàn thực phẩm 1 (Dinh dưỡng cơ sở)	☑ Bắt buộc ☐ Tự chọn ☐ Không tính điểm
Thuộc kiến thức:	☐ Giáo dục đại cương ☐ Cơ sở ngành ☑ Chuyên ngành ☐ Bổ trợ
Đối tượng:	**Bác sỹ Y học dự phòng năm thứ 5**
Số tín chỉ (LT;TH/LT;LS): Số tiết Lý thuyết: Thảo luận : Số giờ tự học: Số tiết Thực hành/ Lâm sàng: Thảo luận: Số giờ tự học:	**03 (2/1)** **32** **68** **16** **34**
Số bài kiểm tra (LT/TH/LS):	**03**

Giữa học phần: Thực hành Kết thúc học phần:	**01** **01** **01**
Học phần học trước:	**Sinh lý, Sinh hóa, Mô phôi**
Học phần tiên quyết:	**Dinh dưỡng &ATTP1**
Học phần song hành:	
Bộ môn/Khoa giảng dạy:	**Bộ môn Dinh dưỡng & an toàn thực phẩm**

2. Mô tả chung về học phần:

Học phần Dinh dưỡng cơ bản và khoa học thực phẩm sẽ cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản có cập nhật về lĩnh vực an toàn thực phẩm, biết được giá trị dinh dưỡng và đặc điểm vệ sinh một số thực phẩm thường sử dụng, biết được mối quan hệ thiết yếu giữa thức ăn và cơ thể con người, để có thể thực hiện tư vấn lựa chọn, bảo quản, chế biến thực phẩm đảm bảo an toàn vệ sinh cho đối tượng trong cộng đồng cũng như trong bệnh viện. Đông thời giúp sinh viên có kiến thức về khái niệm, phân loại, phân tích được một số ngộ độc thực phẩm và bệnh truyền qua thực phẩm thường gặp, từ đó biết cách phân tích nguy cơ và xử lý được một số ngộ độc thực phẩm. Học phần này cũng sẽ giúp sinh viên áp dụng kiến thức vào việc điều tra khẩu phần, xây dựng được khẩu phần ăn hợp lý cho người bình thường và người bệnh.

3. Cán bộ phụ trách/giảng dạy:

TT	Họ tên	Học hàm/họcvị	Số điện thoại	Email	Ghi chú
1.	Phạm Thị Dung	PGS.TS	0989981359	dungpt@tbmc.edu.vn	Phụ trách
2.	Ninh Thị Nhung	PGS.TS	0912850028	nhungntytb@yahoo.com	Tham gia
3.	Phạm Ngọc Khái	PGS.TS	0983090927	phamngockhaiydtb@gmail.com	Tham gia
4.	Trần Thị Xuân Ngọc	TS		xuanngoc@gmail.com	Tham gia
5.	Tạ Thúy Loan	BSCKII	0915585415	loantt@tbmc.edu.vn	Tham gia
6.	Phạm Thị Kiều Chinh	ThS	0389987259	huanchinh225@gmail.com	Tham gia
7.	Đinh Thị Kim Anh	Ths	0985585636	kimanh@gmail.com	Tham gia

4. Mục tiêu học phần:

TT	Mục tiêu học phần	Mục tiêu CTĐT

		(PEO)
1	Trình bày được thành phần các chất dinh dưỡng có chứa trong thực phẩm, quá trình biến đổi của các chất dinh dưỡng trong quá trình thu hái, vận chuyển, bảo quản và chế biến. Áp dụng hướng dẫn cộng đồng sử dụng các loại thực phẩm trong khẩu phần một cách hợp lý, phù hợp với nhu cầu của từng đối tượng.	PEO 1,2
2	Trình bày được các loại ô nhiễm thực phẩm và các con đường gây ô nhiễm thực phẩm.	PEO 1,2
3	Trình bày được cách phân loại, nguyên nhân, đặc điểm và biện pháp dự phòng của một số ngộ độc thực phẩm, bệnh truyền quan thực phẩm thường gặp tại cộng đồng.	PEO 1,2
4	Trình bày được vai trò, mục đích của bảo quản thực phẩm, các phương pháp và yêu cầu vệ sinh trong bảo quản thực phẩm.	PEO 1,2
5	Trình bày được khái niệm, mục đích, nguyên tắc hoạt động và quy trình tiến hành một cuộc thanh tra an toàn thực phẩm	PEO 1,2
6	Áp dụng những kiến thức đã học để hướng dẫn cộng đồng cùng tham gia thực hiện vệ sinh an toàn thực phẩm phòng chống ô nhiễm thực phẩm, ngộ độc thực phẩm. Hưỡng dẫn cộng đồng áp dụng các phương pháp bảo quản thực phẩm hợp lý.	PEO 1,2

5. Chuẩn đầu ra học phần

TT	**CĐR Học phần**	**Mức độ đạt (S, H)/CĐR của CTĐT (PLO)**
1.	Trình bày được thành phần các chất dinh dưỡng có	S: PLO 4

	chứa trong thực phẩm, quá trình biến đổi của các chất dinh dưỡng trong quá trình thu hái, vận chuyển, bảo quản và chế biến.	H: PLO 1
2.	Trình bày được các loại ô nhiễm thực phẩm và các con đường gây ô nhiễm thực phẩm.	S: PLO 4 H: PLO 1
3.	Trình bày được cách phân loại, nguyên nhân, đặc điểm và biện pháp dự phòng của một số ngộ độc thực phẩm, bệnh truyền quan thực phẩm thường gặp tại cộng đồng.	S: PLO 4,6 H: PLO 1
4.	Trình bày được vai trò, mục đích của bảo quản thực phẩm, các phương pháp và yêu cầu vệ sinh trong bảo quản thực phẩm.	S: PLO 4 H: PLO 1
5.	Trình bày được khái niệm, mục đích, nguyên tắc hoạt động và quy trình tiến hành một cuộc thanh tra an toàn thực phẩm	S: PLO 5 H: PLO 1,3,7
6.	Trình bày được khái niệm, ưu nhược điểm, phân loại, các mối nguy và yêu cầu vệ sinh của thức ăn đường phố	S: PLO 4 H: PLO 1
7.	Áp dụng những kiến thức đã học để hướng dẫn cộng đồng cùng tham gia thực hiện vệ sinh an toàn thực phẩm phòng chống ô nhiễm thực phẩm, ngộ độc thực phẩm. Hướng dẫn cộng đồng áp dụng các phương pháp bảo quản thực phẩm hợp lý. Hướng dẫn cộng đồng thực hiện đảm bảo an toàn thức ăn đường phố.	S: PLO 3 H: PLO 1,4

Chú thích: S (Support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra; H (Highly support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra.

II. NỘI DUNG

1. Lý thuyết

TT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập	CĐR HP

1	**Bài 1. Ô nhiễm thực phẩm** ***1. Một số khái niệm cơ bản*** ***2. Phân loại ô nhiễm thực phẩm*** 2.1. Ô nhiễm sinh học 2.2. Ô nhiễm hóa học 2.3. Ô nhiễm thực phẩm do các yếu tố vật lý	**04**	1. Trình bày được khái niệm, phân loại ô nhiễm thực phẩm 2. Áp dụng kiến thức đã học để phòng ngừa các tác nhân và con đường gây ô nhiễm thực phẩm	**2,7**
2	**Bài 2. Bảo quản thực phẩm** 1. Ý nghĩa tầm quan trọng của bảo quản thực phẩm 2. Các nguyên nhân làm hư hỏng thực phẩm 3. Nguyên lý và yêu cầu bảo quản thực phẩm 4. Các phương pháp bảo quản thực phẩm	**04**	1. Trình bày được vai trò, mục đích của bảo quản thực phẩm, các phương pháp và yêu cầu vệ sinh trong bảo quản thực phẩm. 2. Hướng dẫn được cộng đồng áp dụng các biện pháp bảo quản thực phẩm hợp lý	**4,7**
3	**Bài 3. Ngộ độc thực phẩm** 1. Một số khái niệm về ngộ độc thực phẩm và bệnh truyền quan thực phẩm 2. Đặc điểm DTH ngộ độc thực phẩm 3. Phân loại NĐTP 4. Một số ngộ độc thực phẩm thường gặp 4.1. Ngộ độc thực phẩm do Salmonella 4.2. Ngộ độc thực phẩm do tụ cầu 4.3. Ngộ độc thực phẩm do Botulism 4.4. Ngộ độc thực phẩm do Aflatoxin 4.5. Ngộ độc thực phẩm do hóa chất bảo vệ thực vật 4.6. Ngộ độc thực phẩm do bản thân thức ăn có chất độc 5. Chẩn đoán và xử trí NĐTP	**04**	1. Trình bày một số về khái niệm ngộ độc thực phẩm và bệnh truyền qua thực phẩm. 2. Phân tích được các đặc điểm của DTH ngộ độc thực phẩm 3. Phân loại được ngộ độc thực phẩm 4. Phân tích được một số ngộ độc thực phẩm thường gặp 5. Xử lý được một số ngộ độc thực phẩm thường gặp	**3,7**
4	**Bài 4. Thanh tra an toàn thực phẩm** 1. Khái niệm về thanh tra, kiểm tra 2. Mục đích của hoạt động thanh tra	**04**	1. Trình bày được khái niệm, mục đích, nguyên tắc hoạt động của thanh tra an toàn thực	**5**

	3. Các nguyên tắc trong hoạt động thanh tra 4. Giới thiệu khái quát về hệ thống thanh tra y tế và thanh tra vệ sinh an toàn thực phẩm 5. Nội dung, hình thức và phương pháp thanh tra vệ sinh an toàn thực phẩm 6. Quy trình tiến hành một cuộc thanh tra 7. Một số vấn đề cần lưu ý trong quá trình thanh tra vệ sinh an toàn thực phẩm		phẩm 2. Trình bày được quy trình tiến hành một cuộc thanh tra an toàn thực phẩm	
5.	**Bài 5. Bệnh truyền qua thực phẩm** 1. Bệnh cúm gia cầm 2. Bệnh bò điên 3. Bệnh tai xanh ở lợn 4. Bệnh lở mồm, long móng 5. Bệnh liên cầu khuẩn ở lợn	**04**	1. Trình bày được các biện pháp phòng chống một số bệnh truyền qua thực phẩm 2. Hướng dẫn cộng đồng tham gia phòng chống một số bệnh truyền qua thực phẩm	**3,7**
6	**Bài 6. Vệ sinh an toàn thức ăn đường phố** 1. Khái niệm, phân loại thức ăn đường phố 2. Lợi ích và nhược điểm của thức ăn đường phố 3. Các mối nguy và yêu cầu vệ sinh của thức ăn đường phố 4. Yêu cầu điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm của các loại hình thức ăn đường phố 5. Các biện pháp cải thiện vệ sinh an toàn thức ăn đường phố	**04**	1. Trình bày được khái niệm, ưu nhược điểm và phân loại của thức ăn đường phố 2. Trình bày được các mối nguy và yêu cầu vệ sinh của thức ăn đường phố 3. Hướng dẫn cộng đồng thực hiện đảm bảo an toàn thức ăn đường phố.	**6,7**
7	**Bài 7. Giá trị dinh dưỡng và đặc điểm vệ sinh của thực phẩm** ***1. Định nghĩa, cách phân loại thực phẩm*** 1.1. Định nghĩa 1.2. Phân loại ***2. Giá trị dinh dưỡng và đặc điểm vệ sinh thực phẩm*** 2.1. Thịt 2.2. Cá	**08**	1. Nêu được định nghĩa, cách phân loại thực phẩm. 2. Nêu được giá trị dinh dưỡng chính của thực phẩm nguồn gốc động vật và thực vật. 3. Trình bày được những đặc điểm vệ sinh của một số thực phẩm thường sử dụng và biện pháp phòng chống bệnh gây ra	**2,3,7**

	2.3. Trứng 2.4. Sữa 2.5. Gạo, bột mì, khoai, sắn, hạt có dầu 2.6. Rau quả		do các thực phẩm này.	

2. Thực hành

TT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập	CĐR
1	**Bài 1. Xây dựng khẩu phần** 1. Tình hình khẩu phần thực tế hiện nay 2. Phương pháp xây dựng khẩu phần 3. Một số biện pháp nâng cao chất lượng khẩu phần trong cộng đồng 4. Thực hành bài tập	**04**	1. Trình bày được các nguyên tắc xây dựng khẩu phần 2. Trình bày các bước xây dựng khẩu phần. 3. Xây dựng được khẩu phần ăn hợp lý cho các đối tượng.	**1**
2	**Bài 2. Điều tra khẩu phần** 1. Phương pháp điều tra trọng lượng lương thực thực phẩm 2. Phương pháp hỏi ghi 3. Điều tra tập quán ăn uống 4. Thực hành bài tập	**04**	1. Trình bày được ứng dụng, ưu điểm và nhược điểm của các phương pháp cơ bản điều tra khẩu phần. 2. Áp dụng thực hành điều tra khẩu phần bằng phương pháp nhớ lại 24 giờ qua và phương pháp hỏi ghi tần xuất tiêu thụ lương thực, thực phẩm.	**1**
3	**Bài 3. Đánh giá khẩu phần** 1. Cách sử dụng bảng thành phần thực phẩm Việt Nam 2. Các bước đánh giá khẩu phần 3. Thực hành bài tập	**04**	1. Sử dụng được bảng thành phần dinh dưỡng thực phẩm Việt Nam. 2. Đánh giá được giá trị dinh dưỡng của một khẩu phần ăn cụ thể. 3. Phát hiện được các đối tượng có nguy cơ dinh dưỡng không hợp lý.	**1**
4	**Bài 4. Kiểm tra test thực phẩm**	**04**	1. Thực hành được các phương	

	1. Phương pháp phát hiện nhanh hàn the 2. Phương pháp phát hiện nhanh phẩm màu 3. Phương pháp phát hiện nhanh acid vô cơ trong giấm ăn 4. Phương pháp phát hiện nhanh Formol 5. Phương pháp phát hiện nhanh Nitrit 6. Phương pháp phát hiện nhanh Nitrat 7. Phương pháp phát hiện nhanh Ethanol		pháp phát hiện nhanh thực phẩm bị ô nhiễm hóa học	

III. Phương pháp dạy/học

1. Lý thuyết: Giảng dạy tích cực, lấy người học là trung tâm

2. Thực hành: Giảng dạy tích cực, lấy người học là trung tâm

IV. Phương tiện, vật liệu dạy/học

1. Lý thuyết: Máy chiếu Projector, bài giảng PP, bảng, phấn

2. Thực hành: Bài tập trường hợp.

V. Phương pháp lượng giá

- Thang điểm 10
- Các điểm thành phần

Điểm thành phần	**Trọng số tính điểm**	**Bài đánh giá**	**Hình thức đánh giá**	**Tiêu chí đánh giá**	**CĐR được đánh giá**	**Điểm tối đa**
Đánh giá chuyên cần (**ĐCC**)	0,1	1	Đi học đầy đủ, đúng giờ	Đi học đầy đủ, đúng giờ		10
Điểm giữa học phần (**ĐGHP**)	0,1	1	Viết câu hỏi ngắn	Thang điểm		10
Điểm thực hành (**ĐTH**)	0,2	1	Bài tập thực hành	Thang điểm		10
Điểm kết thúc học phần (**ĐKTHP**)	0,6	1	Viết câu hỏi ngắn	Thang điểm		10

Công thức tính điểm: Đ.HP=Đ.GHPx0,1+Đ.CCx0,1+Đ.LTx0,6+Đ.THx0,2

Rubric 1: Điểm danh: 10 điểm

Tiêu chí	Điểm trừ
Không vắng	0
Nghỉ học có phép	0,25 điểm/tiết học
Nghỉ học không phép	0,5điểm/ tiết học
Đi muộn	Trừ 0,5 điểm/lần

Rubric 2: Vấn đáp

Mức độ đạt chuẩn quy định					
Tiêu chí đánh giá	**Điểm (0-3.9)**	**Điểm (4.0-5.4)**	**Điểm (5.4-6.9)**	**Điểm (7.0-8.4)**	**Điểm (8.5-10)**
Nội dung câu hỏi	Trả lời đúng câu hỏi <39%	Trả lời đúng câu hỏi từ 40 đến 54 %	Trả lời đúng câu hỏi từ 54 đến 69%	Trả lời đúng câu hỏi từ 70 đến 84%	Trả lời đúng câu hỏi từ 85 đến 100%

VI. Tài liệu học tập và tham khảo *(Liệt kê những tài liệu sử dụng hiện có)*

2. Tài liệu học tập:

1. Trường Đại học Y Dược Thái Bình (2009), Bài giảng vệ sinh an toàn thực phẩm, NXB Y học.

2. Bộ môn Dinh dưỡng & ATTP (2014), Giáo trình thực hành dinh dưỡng và an toàn thực phẩm.

2. Tài liệu tham khảo:

1. Bộ Y tế, Viện Dinh dưỡng, Bảng thành phần thực phẩm Việt Nam 2017, Nhà xuất bản Y học.

2. Bộ Y tế (2016). Bảng nhu cầu dinh dưỡng khuyến nghị cho người Việt Nam, Nhà xuất bản Y học.

VII. Lịch học: Theo Lịch giảng dạy/học tập.

VIII. Quy định với sinh viên:

1. Nhiệm vụ của sinh viên:
2. Quy định điều kiện dự thi:

Sinh viên phải có điểm thực hành ≥4 điểm (theo thang điểm 10) và đạt điểm kiểm tra giữa học phần theo quy định mới được dự thi kết thúc học phần.

IX. Tiến trình cập nhật đề cương chi tiết

TT	Cập nhật đề cương tiết lần	Ngày/tháng/năm	Người cập nhật
1.	**Lần 1**	**2019**	
2.	**Lần 2**	**2021**	
3.	**Dự kiến**	**2023**	
4.			

PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC **BỘ MÔN/KHOA**

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

BỘ MÔN/KHOA:DINH DƯỠNG & ATTP

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN DINH DƯỠNG VÀ VỆ SINH AN TOÀN THỰC PHẨM 3 (Dinh dưỡng lâm sàng)

Năm 2021

Tên học phần: Dinh dưỡng & VSATTP 3 (Dinh dưỡng lâm sàng)

Tên tiếng Việt:

Tên tiếng Anh:

Mã học phần: 3130NUTSFE3T

Ngành: Bác sỹ Y học dự phòng năm thứ 6

Mã ngành:

I. Hành chính.

1. Thông tin chung:

Học phần: Dinh dưỡng và an toàn thực phẩm 1 (Dinh dưỡng cơ sở)	☑ Bắt buộc ☐ Tự chọn ☐ Không tính điểm
Thuộc kiến thức:	☐ Giáo dục đại cương ☐ Cơ sở ngành ☑ Chuyên ngành ☐ Bổ trợ
Đối tượng:	**Bác sỹ Y học dự phòng năm thứ 6**
Số tín chỉ (LT;TH/LT;LS): Số tiết Lý thuyết: Thảo luận : Số giờ tự học: Số tiết Thực hành/ Lâm sàng: Thảo luận: Số giờ tự học:	**02 (1/1)** **16** **16**
Số bài kiểm tra (LT/TH/LS): Giữa học phần: Thực hành Kết thúc học phần:	**03** **01** **01** **01**
Học phần học trước:	**Sinh lý, Sinh hóa, Mô phôi**
Học phần tiên quyết:	**Dinh dưỡng &ATTP1,** **Dinh dưỡng &ATTP2**
Học phần song hành:	
Bộ môn/Khoa giảng dạy:	**Bộ môn Dinh dưỡng & an toàn thực phẩm**

2. Mô tả chung về học phần:

Học phần Dinh dưỡng & VSATTP 3 (Dinh dưỡng lâm sàng) cung cấp cho học viên những kiến thức, kỹ năng cần thiết để có thể thực hiện sàng lọc, đánh giá tình trạng dinh dưỡng và các rối loạn dinh dưỡng thường gặp; Thực hiện Khám – tư vấn dinh dưỡng theo hướng thực hành tại các bệnh viện, các cơ sở khám, chữa bệnh. Xây

dựng và nâng cao hiệu quả công tác dinh dưỡng lâm sàng điều trị; Xây dựng được thực đơn dinh dưỡng cho các đối tượng có bệnh lý liên quan đến dinh dưỡng; Đào tạo cán bộ có năng lực phù hợp cho các Khoa Dinh dưỡng – Tiết chế tại các bệnh viện theo qui định của thông tư 18/2020/TT-BYT của Bộ Y Tế.

3. Cán bộ phụ trách/giảng dạy:

TT	Họ tên	Học hàm/họcvị	Số điện thoại	Email	Ghi chú
1.	Phạm Thị Dung	PGS.TS	0989981359	dungpt@tbmc.edu.vn	Phụ trách
2.	Ninh Thị Nhung	PGS.TS	0912850028	nhungntytb@yahoo.com	Tham gia
3.	Phạm Ngọc Khái	PGS.TS	0983090927	phamngockhaiydtb@gmail.com	Tham gia
4.	Trần Thị Xuân Ngọc	TS		xuanngoc@gmail.com	Tham gia
5.	Tạ Thúy Loan	BSCKII	0915585415	loantt@tbmc.edu.vn	Tham gia
6.	Phạm Thị Kiều Chinh	ThS	0389987259	huanchinh225@gmail.com	Tham gia

4. Mục tiêu học phần:

TT	Mục tiêu học phần	Mục tiêu CTĐT (PEO)
1	Trình bày được các khái niệm, cách ghi chép, yếu tố ảnh hưởng và các bước trong quá trình chăm sóc dinh dưỡng.	PEO 1,2
2	Trình bày được một số bệnh lý liên quan đến dinh dưỡng	PEO 1,2
3	Trình bày được mô hình tổ chức, hoạt động, cách triển khai sắp xếp các bộ phận của khoa dinh dưỡng, tiết chế trong bệnh viện	PEO 1,2
4	Trình bày được cơ sở khoa học và các nguyên tắc, nhu cầu dinh dưỡng và một số chế độ ăn cơ bản trong dinh dưỡng điều trị một số bệnh	PEO 1,2
5	Áp dụng được các kỹ thuật và các thang phân loại đánh giá tình trạng dinh dưỡng bệnh nhân trong bệnh viện	PEO 1,2

5. Chuẩn đầu ra học phần

TT	CĐR Học phần	Mức độ đạt (S, H)/CĐR của CTĐT (PLO)
1.	Trình bày được các khái niệm, cách ghi chép, yếu tố ảnh hưởng và các bước trong quá trình chăm sóc dinh dưỡng.	S: PLO 4 H: PLO 1
2.	Trình bày được một số bệnh lý liên quan đến dinh dưỡng	S: PLO 4 H: PLO 1,6
3.	Trình bày được mô hình tổ chức, hoạt động, cách triển khai sắp xếp các bộ phận của khoa dinh dưỡng, tiết chế trong bệnh viện	S: PLO 4,6 H: PLO 1,5
4.	Trình bày được cơ sở khoa học và các nguyên tắc, nhu cầu dinh dưỡng và một số chế độ ăn cơ bản trong dinh dưỡng điều trị một số bệnh	S: PLO 4 H: PLO 1
5.	Áp dụng được các kỹ thuật và các thang phân loại đánh giá tình trạng dinh dưỡng bệnh nhân trong bệnh viện	S: PLO 5 H: PLO 1,4

Chú thích: S (Support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra; H (Highly support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra.

II. NỘI DUNG

1. Lý thuyết

TT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập	CĐR HP
1	**Bài 1. Quy trình chăm sóc dinh dưỡng** ***1. Cơ sở của can thiệp/chăm sóc dinh dưỡng*** 1.1. Khái niệm 1.2. Hoạt động dinh dưỡng tiết chế trong bệnh viện hiện nay 1.3. Mô hình chăm sóc dinh dưỡng tiết chế trong bệnh viện	**04**	1. Trình bày được các khái niệm của quy trình chăm sóc dinh dưỡng. 2. Trình bày dược cách ghi chép, yếu tố ảnh hưởng tới chăm sóc dinh dưỡng. 3. Trình bày được các bước	**1,2**

	1.4. Quá trình can thiệp/chăm sóc dinh dưỡng trong bệnh viện ***2. Quy trình can thiệp dinh dưỡng cho người bệnh*** 2.1. Đánh giá tình trạng dinh dưỡng 2.2. Chẩn đoán dinh dưỡng 2.3. Can thiệp dinh dưỡng 2.4. Theo dõi và đánh giá chăm sóc dinh dưỡng 2.5. Ghi chép hồ sơ chăm sóc dinh dưỡng		trong quá trình chăm sóc dinh dưỡng.	
2	**Bài 2. Một số bệnh lý liên quan đến dinh dưỡng** 1. Suy dinh dưỡng Protein năng lượng 2. Thiếu VitaminA và bệnh khô mắt 3. Thiếu máu dinh dưỡng: 4. Bệnh béo phì 5. Các bệnh khác: bướu cổ do thiếu Iod, Beri- B	04	1. Trình bày được đặc điểm dịch tễ học thiếu dinh dưỡng protein năng lượng. 2. Mô tả được các thang phân loại và đánh giá TTDD. 3. Trình bày được các nội dung triển khai hoạt động phòng chống SDD trẻ em. 4. Mô tả được một số bệnh liên quan đến dinh dưỡng.	**1,2**
3	**Bài 3. Dinh dưỡng trong điều trị một số bệnh** 1. Dinh dưỡng trong bệnh lý đường tiêu hoá 2. Dinh dưỡng trong bệnh lý thận 3. Dinh dưỡng trong bệnh lý tim mạch 4. Dinh dưỡng trong bệnh lý nội tiết chuyển hoá	**04**	1. Trình bày được cơ sở khoa học và các nguyên tắc trong dinh dưỡng điều trị một số bệnh 2. Trình bày được nhu cầu dinh dưỡng của người bệnh. 3. Mô tả được một số chế độ ăn cơ bản trong bệnh viện.	**1,2**
4	**Bài 4. Tổ chức khoa dinh dưỡng** ***1. Các văn bản pháp luật liên quan*** ***2. Xác định chức năng của khoa dinh dưỡng*** ***3. Tổ chức khoa dinh dưỡng*** ***4. Chức năng nhiệm vụ các thành viên*** 4.1. Trưởng khoa	**04**	1. Mô tả được chức năng và tổ chức của khoa dinh dưỡng trong bệnh viện. 2. Mô tả được hoạt động khoa dinh dưỡng trong bệnh viện.	**1**

	4.2. Bác sỹ dinh dưỡng 4.3. Cử nhân kinh tế (Kế toán) 4.4. Điều dưỡng trưởng 4.5. Điều dưỡng, kỹ thuật viên tiết chế 4.6. Kỹ thuật, Nhân viên nấu ăn 4.7. Nhân viên phục vụ ***5. Cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ*** ***6. Tổ chức các hoạt động khoa dinh dưỡng*** ***7. Khoa dinh dưỡng và các đơn vị khác trong bệnh viện***			
5	**Bài 5. Đánh giá tình trạng dinh dưỡng người bệnh** 1. Khái niệm 2. Các kỹ thuật đánh giá tình trạng dinh dưỡng 3. Các công cụ sàng lọc và đánh giá dinh dưỡng		1. Trình bày được các kỹ thuật đánh giá tình trạng dinh dưỡng bệnh nhân trong bệnh viện 2. Trình bày được các thang phân loại đánh giá tình trạng dinh dưỡng bệnh nhân trong bệnh viện	

2. Thực hành

TT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập	CĐR
1	Lâm sàng khoa Nội tiết	4 tuần	1. Hỏi bệnh, khám, đánh giá tình trạng dinh dưỡng người bệnh. 2. Xây dựng được bệnh án dinh dưỡng 3. Tư vấn dinh dưỡng được cho người bệnh.	1,2,4,5, 10,11,12,13
2	Lâm sàng khoa Thận nhân tạo	4 tuần	1. Hỏi bệnh, khám, đánh giá tình trạng dinh dưỡng người bệnh. 2. Xây dựng được bệnh án dinh dưỡng 3. Tư vấn dinh dưỡng được cho người bệnh.	1,2,4,5, 10,11,12,13
3	Lâm sàng khoa tim mạch	4 tuần	1. Hỏi bệnh, khám, đánh giá tình trạng dinh dưỡng người bệnh.	1,2,4,5, 10,11,12,13

			2. Xây dựng được bệnh án dinh dưỡng 3. Tư vấn dinh dưỡng được cho người bệnh.	
4	Lâm sàng khoa ngoại	4 tuần	1. Hỏi bệnh, khám, đánh giá tình trạng dinh dưỡng người bệnh. 2. Xây dựng được bệnh án dinh dưỡng 3. Tư vấn dinh dưỡng được cho người bệnh.	1,2,4,5, 10,11,12,13

III. Phương pháp dạy/học

1. Lý thuyết: Học tại giảng đường

- Giảng dạy tích cực, lấy người học là trung tâm
- Thuyết trình
- Thảo luận nhóm

2. Lâm sàng : Học bệnh viện

- Thảo luận nhóm
- Dạy - học theo nghiên cứu từng ca bệnh

IV. Phương tiện, vật liệu dạy/học

1. Lý thuyết: Máy chiếu Projector, bài giảng PP, bảng, phấn
2. Thực hành: ca bệnh, tình huống lâm sàng.

V. Phương pháp lượng giá

- Thang điểm 10
- Các điểm thành phần

Điểm thành phần	**Trọng số tính điểm**	**Bài đánh giá**	**Hình thức đánh giá**	**Tiêu chí đánh giá**	**CĐR được đánh giá**	**Điểm tối đa**
Đánh giá chuyên cần (**ĐCC**)	0,1	1	Đi học đầy đủ, đúng giờ	Đi học đầy đủ, đúng giờ		10
Điểm giữa học phần (**ĐGHP**)	0,1	1	Viết câu hỏi ngắn	Thang điểm		10

Điểm thực hành (**ĐTH**)	0,2	1	Bệnh án dinh dưỡng	Thang điểm		10
Điểm kết thúc học phần (**ĐKTHP**)	0,6	1	Hỏi thi bệnh án	Thang điểm		10

Công thức tính điểm: Đ.HP=Đ.GHPx0,1+Đ.CCx0,1+Đ.LTx0,6+Đ.THx0,2

Rubric 1: Điểm danh: 10 điểm

Tiêu chí	**Điểm trừ**
Không vắng	0
Nghỉ học có phép	0,25 điểm/tiết học
Nghỉ học không phép	0,5điểm/ tiết học
Đi muộn	Trừ 0,5 điểm/lần

Rubric 2: Vấn đáp

Mức độ đạt chuẩn quy định					
Tiêu chí đánh giá	**Điểm (0-3.9)**	**Điểm (4.0-5.4)**	**Điểm (5.4-6.9)**	**Điểm (7.0-8.4)**	**Điểm (8.5-10)**
Nội dung câu hỏi	Trả lời đúng câu hỏi <39%	Trả lời đúng câu hỏi từ 40 đến 54 %	Trả lời đúng câu hỏi từ 54 đến 69%	Trả lời đúng câu hỏi từ 70 đến 84%	Trả lời đúng câu hỏi từ 85 đến 100%

VI. Tài liệu học tập và tham khảo *(Liệt kê những tài liệu sử dụng hiện có)*

3. Tài liệu học tập:

1. Trường Đại học Y Dược Thái Bình (2017), Bài giảng Dinh dưỡng điều trị, NXB Y học.

2. Bộ môn Dinh dưỡng & ATTP (2016), Giáo trình dinh dưỡng và an toàn thực phẩm, nhà xuất bản y học.

2. Tài liệu tham khảo:

1. Đại học Y Hà Nội, Dinh dưỡng lâm sàng, nhà xuất bản y học.

VII. Lịch học: Theo Lịch giảng dạy/học tập.

VIII. Quy định với sinh viên:

1. Nhiệm vụ của sinh viên:

2. Quy định điều kiện dự thi:

Sinh viên phải có điểm thực hành ≥4 điểm (theo thang điểm 10) và đạt điểm kiểm tra giữa học phần theo quy định mới được dự thi kết thúc học phần.

IX. Tiến trình cập nhật đề cương chi tiết

TT	Cập nhật đề cương tiết lần	Ngày/tháng/năm	Người cập nhật
	Lần 1	**2019**	
1.	**Lần 2**	**2021**	
2.	**Lần 3**	**2023**	
3.	**Dự kiến**	**2025**	
4.			

PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC **BỘ MÔN/KHOA**

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC THÁI BÌNH

BỘ MÔN/KHOA: PHỔI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Năm 2021

Tên học phần:

Tên tiếng Việt: Lao

Tên tiếng Anh: Tuberculosis

Mã học phần: 3130PHTHIS0T, 3130PHTHIS0P

Ngành: Y học dự phòng

Mã ngành: 7720110

I.Hành chính.

1.Thông tin chung:

Học phần:	☑ Bắt buộc ☐ Tự chọn ☐ Không tính điểm
Thuộc kiến thức:	☐ Giáo dục đại cương ☐ Cơ sở ngành ☑ Chuyên ngành ☐ Bổ trợ
Đối tượng:	Y học dự phòng
Số tín chỉ (LT;TH/LT;LS): Số tiết Lý thuyết: Thảo luận : Số giờ tự học: Số tiết Thực hành/ Lâm sàng: Thảo luận: Số giờ tự học:	1LT/ 1LS 16 0 34 30 20
Số bài kiểm tra (LT/TH/LS): Giữa học phần: Kết thúc học phần:	 0 1LT/1LS
Học phần học trước:	Chẩn đoán hình ảnh, Vi-ký sinh trùng, Sinh hóa, Sinh lý, Giải phẫu, Sinh lý

	bệnh, Giải phẫu bệnh, Nội triệu chứng và bệnh học.
Học phần tiên quyết:	Không
Học phần song hành:	Không
Bộ môn/Khoa giảng dạy:	Bộ môn Phổi

2.Mô tả chung về học phần:

Học phần Lao là một trong những môn y học lâm sàng cơ bản trong chương trình đào tạo bác sỹ đa khoa. Học phần lý thuyết sẽ cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về đặc điểm dịch tễ học, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, chẩn đoán, điều trị và phòng những thể bệnh lao thường gặp. Học phần lâm sàng cung cấp cho sinh viên các kỹ năng khai thác bệnh sử, tiền sử, yếu tố dịch tễ quan trọng, thăm khám phát hiện triệu chứng thức thể, từ đó đề xuất chỉ định cận lâm sàng phù hợp nhằm đưa ra chẩn đoán xác định cho người bệnh và đề xuất kế hoạch điều trị, theo dõi. Hướng dẫn và tư vấn người bệnh cùng người nhà biết cách phòng bệnh cho gia đình và cộng đồng.

3. Cán bộ phụ trách/giảng dạy:

TT	Họ tên	Học hàm/học vị	Số điện thoại	Email	Ghi chú
1.	Nguyễn Thị Hạnh	Thạc sỹ	0961738666	hanhnt7878@gmail.com	Phụ trách
2.	Bùi Thị Hân	Thạc sỹ	0945321118	buihanytb@gmail.com	Giáo vụ
3.	Bùi Khắc Hiệp	Thạc sỹ	0983614787	hiepydtb@gmail.com	
4.	Phạm Thị Thắm	Thạc sỹ	0968393187	thamkhanh2012@gmail.com	
5.	Đào Thị Lợi	Tiến sĩ	0965693776	daoloitb@gmail.com	

4. Mục tiêu học phần:

TT	Mục tiêu học phần	Mục tiêu CTĐT (PEO)
1.	Vận dụng được các kiến thức về nguyên nhân, triệu chứng, chẩn đoán, điều trị bệnh lao trong khám, phát hiện, điều trị, quản lý một trường hợp bệnh nhân lao cụ thể.	PEO 1, 2, 3, 5
2.	Có kiến thức cơ bản về chẩn đoán, xử trí ban đầu một số cấp cứu thường gặp trong thực hành bệnh lao.	PEO 1, 2, 3, 4, 5
3.	Thực hiện kỹ năng khai thác bệnh sử, tiền sử và yếu tố dịch tễ quan trọng liên quan đến các chẩn đoán tiềm năng và ra quyết định cận lâm sàng trong từng bệnh cảnh bệnh lao cụ thể.	PEO 1, 2, 3, 5
4.	Thực hiện kỹ năng thăm khám hô hấp, thực thể các cơ quan để phát hiện được các triệu chứng lâm sàng và hội chứng cơ bản trong bệnh lao.	PEO 2, 3, 4, 5
5.	Chỉ định và đánh giá được một số xét nghiệm và kỹ thuật thăm dò chức năng cơ bản phục vụ cho chẩn đoán các bệnh cảnh lao thường gặp.	PEO 2, 3, 4, 5
6.	Thực hiện được một số thủ thuật trong xử trí một số bệnh lao và các tình huống cấp cứu thường gặp trong thực hành.	PEO 2, 3, 4, 5
7.	Đề xuất được các biện pháp điều trị thích hợp, quản lý phù hợp bệnh nhân lao và theo dõi, phát hiện sớm những tai biến, tác dụng phụ của thuốc lao.	PEO 2, 3, 4, 5
8.	Thực hiện được công tác tư vấn, giáo dục việc dự phòng lây nhiễm lao trong gia đình, cộng đồng người bệnh.	PEO 10, 11, 12
9.	Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm và phối hợp được với các bên liên quan trong các hoạt động thực hành tại khoa, phòng bệnh viện.	PEO 15, 17

10	Có khả năng bảo vệ được quan điểm cá nhân trong lập luận chẩn đoán và xử trí một trường hợp bệnh lao cụ thể.	PEO 16
11	Có khả năng đánh giá và cải thiện hiệu quả các kỹ năng thăm khám, kỹ năng đề xuất cận lâm sàng, kỹ năng lập luận chẩn đoán và đề xuất biện pháp điều trị.	PEO 12, 16

5. Chuẩn đầu ra học phần

TT	CĐR Học phần	Mức độ đạt (S, H)/CĐR của CTĐT (PLO)
1.	- Vận dụng được các kiến thức về nguyên nhân, triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng trong khám, phát hiện một trường hợp bệnh nhân lao cụ thể. - Lập được kế hoạch chăm sóc, điều trị và theo dõi trường hợp bệnh lao thường gặp. - Đề xuất được các biện pháp phòng bệnh lao cho phù hợp với tùng trường hợp cụ thể. - Vận dụng các kiến thức cơ bản trong chẩn đoán và xử trí ban đầu một số cấp cứu thường gặp trong thực hành bệnh lao.	H: PLO 1, 6, 8, 11, 12, 13, 14
2.	- Khai thác tiền sử, bệnh sử của người bệnh chính xác, đầy đủ, rõ ràng; khám, chẩn đoán, chỉ định cận lâm sàng và thăm dò chức năng phù hợp; tiên lượng, điều trị được các thể bệnh lao thường gặp. - Chẩn đoán được một số trường hợp cấp cứu thường gặp trong thực hành bệnh lao và đề xuất những biện pháp xử lý thích hợp. Phát hiện những trường hợp bệnh vượt quá khả năng chuyên môn và tiến hành chuyển người bệnh đúng nơi, đúng tuyến, đúng thời điểm.	H: PLO 1, 6, 8, 10, 11, 12, 13, 14

	- Thực hiện được một số thủ thuật trong thực hành bệnh lao. - Lập hồ sơ bệnh án cho người bệnh theo nguyên tắc lấy người bệnh làm trung tâm, không phân biệt đối xử, tạo sự yên tâm, hợp tác trước, trong quá trình thăm khám và điều trị. - Giao tiếp với người bệnh và gia đình có hiệu quả trên cơ sở đồng cảm, có sự xem xét các yếu tố văn hóa tín ngưỡng và mức độ hiểu biết về y tế của người bệnh, đảm bảo an toàn người bệnh, lấy người bệnh làm trung tâm. - Thực hiện giao tiếp và cộng tác hợp lý với lãnh đạo, đồng nghiệp trong việc điều trị, chăm sóc người bệnh.	
3.	- Tuân thủ đúng các quy định Khoa, phòng bệnh viện và chịu trách nhiệm cá nhân về những hành vi, ứng xử và hoạt động thực hành. - Chủ động, tích cực học tập để hoàn thiện các kỹ năng chuyên ngành nhằm nâng cao năng lực tự định hướng, đưa ra kết luận, xử trí chuyên môn và có thể bảo vệ quan điểm cá nhân trong thực hành bệnh lao. - Ứng xử theo đạo đức nghề nghiệp trong việc đảm bảo công bằng, trung thực, tôn trọng, cảm thông, chia sẻ với người bệnh và gia đình. - Phối hợp, ứng xử chuyên nghiệp với bạn bè, đồng nghiệp và cộng đồng để triển khai các hoạt động thực hành.	H: PLO 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14

Chú thích: S (Support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra; H (Highly support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra.

II. NỘI DUNG

1. Lý thuyết

STT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập	CĐR HP
1	**Bài 1 : Đặc điểm tình hình bệnh**	**2**	1. Phân tích	PLO

	lao và chương trình chống lao quốc gia. 1. Đặc điểm tình hình bệnh lao 1.1. Đại cương 1.2. Vi khuẩn lao 1.3. Đặc điểm bệnh lao 1.4. Tình hình dịch tễ bệnh lao hiện nay 2. Chương trình chống lao quốc gia 2.1. Chiến lược phòng chống lao toàn cầu 2.2. Chương trình phòng chống lao Việt Nam		được các đặc điểm của bệnh lao. 2. Trình bày được mục tiêu cơ bản, đường lối chiến lược của Chương trình chống lao quốc gia (CTCLQG)	1, 2, 4 11
2	**Bài 2 : chẩn đoán lao phổi** I. Tầm quan trọng của bệnh lao phổi trong bệnh học lao. II. Nguyên nhân và cơ chế bệnh sinh. III. Giải phẫu bệnh IV. Triệu chứng lâm sàng của lao phổi. V. Triệu chứng cận lâm sàng VI. Chẩn đoán xác định và chẩn đoán phân biệt VII. Tiến triển và biến chứng của bệnh lao	**4**	1. Trình bày nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, giải phẫu bệnh của lao phổi 2. Phân tích các triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng của lao phổi. 3. Vận dụng các đặc điểm lâm sàng và cận lâm sàng của các bệnh lao phổi trong chẩn đoán xác định và chẩn đoán phân biệt. 4. Trình bày các	PLO 2, 3, 4, 7, 15

	phổi VIII. Điều trị IX. Phòng bệnh		phương pháp điều trị và phòng bệnh lao phổi.	
3	**Bài 3. Phát hiện và chẩn đoán ngoài phổi** 1. Nguyên lý tiếp cận 2. Triệu chứng lâm sàng (l màng phổi, lao màng não, hạch) 3. Triệu chứng cận lâm sàng (l màng phổi, lao màng não, lao hạch) 4. Chẩn đoán xác định và cl đoán phân biệt 5. Điều trị 6. Phòng bệnh	**4**	1. Trình bày được nguyên lý tiếp cận lao ngoài phổi 2. Trình bày triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng để chẩn đoán xác định một số lao ngoài phổi thường gặp (Lao màng phổi, lao màng não, lao hạch). 3. Trình bày các tiêu chẩn chẩn đoán lao ngoài phổi một số thể thường gặp lao màng phổi, lao màng não, lao hạch) 4. Trình bày được các nguyên tắc đồ điều trị một số thể lao ngoài phổi thường gặp.	PLO 2, 3, 4, 7, 15
4	**Bài 4. Điều trị bệnh lao** 1. Đại cương 2. Nguyên tắc điều trị lao 3. Các thuốc điều trị lao 4. Các phác đồ điều trị lao 5. Điều trị các trường hợp đặc biệt	**4**	1. Trình bày các nguyên tắc điều trị bệnh lao. 2. Trình bày được các công thức và chỉ định của từng công thức điều trị bệnh lao theo Chương trình chống lao quốc gia	PLO 1, 2, 3, 8

	6. Quản lý điều trị bệnh nhân lao		3. Trình bày các phương pháp xử trí ban đầu một số tác dụng không mong muốn của các thuốc chống lao.	
5	**Bài 5. Dự phòng bệnh lao** 1. Đại cương 2. Phòng chống lây nhiễm 3. Vaccin BCG 4. Phát hiện và điều trị lao tiềm ẩn 5. Các biện pháp phòng bệnh lao khác	**2**	1. Trình bày các biện pháp giảm nguy cơ lây nhiễm lao 2. Trình bày các phương pháp xác định lao tiềm ẩn và phân biệt lao tiềm ẩn với lao hoạt động. 3. Trình bày được các phác đồ điều trị lao tiềm ẩn	PLO 9, 10, 11, 16

2. Lâm sàng (mỗi lớp chia làm 3-4 nhóm tùy theo số lượng sv cụ thể)

STT	Tên bài	Số tiết/ nhóm	Mục tiêu học tập	CĐR
1	**Bài 1: Hướng dẫn đọc x quang lao phổi** 1. Tiêu chuẩn chất lượng phim x quang ngực thẳng 2. Các bước đọc phim 3. Các thể lao phổi trên phim x quang 4. Thực hành đọc phim	**4**	- Phân tích được các tiêu chuẩn của một phim x-quang ngực thẳng đạt chất lượng. - Thực hiện được các bước nhận định tổn thương nghi lao trên phim ngực thẳng. - Phân biệt đước các thể x- quang lao phổi trên phim chụp thẳng.	PLO 1, 2, 6, 11
2	**Bài 2: Tiếp cận chẩn đoán và điều trị người bệnh lao phổi**	**4**	- Biết cách hỏi bệnh và thăm khám phát hiện	PLO 1, 6, 10,

	1. Hành chính 2. Hỏi bệnh: Bệnh sử, tiền sử, yếu tố dịch tễ 3. Thăm khám toàn thân và bộ phận 4. Chẩn đoán sơ bộ 5. Chỉ định cận lâm sàng 6. Chẩn đoán xác định và biện luận chẩn đoán 7. Điều trị: Hướng điều trị và điều trị cụ thể 8. Tiên lượng 9. Phòng bệnh		triệu chứng cơ năng, tiền sử, yếu tố nguy cơ và triệu chứng thực thể, chỉ định xét nghiệm cận lâm sàng của người bệnh lao phổi. - Chẩn đoán được người bệnh lao phổi và đưa ra kế hoạch điều trị, theo dõi - Tiên lượng được mức độ bệnh và hướng dẫn biện pháp phòng bệnh cho bệnh nhân và người xung quanh	11, 12, 13, 14
3	**Bài 3: Tiếp cận chẩn đoán và điều trị người bệnh lao ngoài phổi** 1. Hành chính 2. Hỏi bệnh: Bệnh sử, tiền sử, yếu tố dịch tễ 3. Thăm khám toàn thân và bộ phận 4. Chẩn đoán sơ bộ 5. Chỉ định cận lâm sàng 6. Chẩn đoán xác định và biện luận chẩn đoán 7. Điều trị: Hướng điều trị và điều trị cụ thể 8. Tiên lượng	**4**	- Biết cách hỏi bệnh và thăm khám phát hiện triệu chứng cơ năng, tiền sử, yếu tố nguy cơ và triệu chứng thực thể, chỉ định xét nghiệm cận lâm sàng của người mắc 1 thể lao ngoài phổi. - Chẩn đoán được người bệnh lao ngoài phổi và đưa ra kế hoạch điều trị, theo dõi - Tiên lượng được mức độ bệnh và hướng dẫn biện pháp phòng bệnh.	PLO 1, 6, 10, 11, 12, 13, 14

	9. Phòng bệnh			
4	**Bài 4: Hướng dẫn chọc hút dịch màng phổi** 1. Chỉ định 2. Các bước thực hiện chọc hút dịch màng phổi 3. Phân tích kết quả xét nghiệm dịch màng phổi 4. Tai biến, biến chứng và cách xử trí	**2**	- Nêu được ý nghĩa của kỹ thuật chọc hút dịch màng phổi. - Kiến tập hoặc thực hiện được một trường hợp chọc hút dịch màng phổi. - Phân tích được ý nghĩa của các kết quả xét nghiệm dịch màng phổi. - Nhận biết được các tai biến của kỹ thuật chọc hút dịch màng phổi và cách xử trí	PLO 1, 6, 10, 11, 12, 13, 14
5	**Bài 5: Hướng dẫn làm thủ thuật dẫn lưu khí màng phổi** 1. Chỉ định 2. Các bước thực hiện dẫn lưu màng phổi 3. Tai biến, biến chứng và cách xử trí	**2**	- Nêu được ý nghĩa của kỹ thuật dẫn lưu khí màng phổi. - Kiến tập hoặc thực hiện được một trường hợp dẫn lưu khí màng phổi. - Nhận biết được các tai biến của kỹ thuật dẫn lưu khí màng phổi và cách	PLO 1, 6, 10, 11, 12, 13, 14

			xử trí	
6	**Bài 6: Xử trí cấp cứu ho ra máu** 1. Định nghĩa 2. Nguyên nhân 3. Chẩn đoán mức độ 4. Nguyên tắc xử trí 5. Các thuốc điều trị ho ra máu	**2**	- Chẩn đoán xác định ho ra máu và phân loại mức độ ho ra máu. - Trình bày được nguyên tắc xử trí ho ra máu. - Nêu được các nhóm thuốc sử dụng trong xử trí ho ra máu. - Dự phòng ho ra máu	PLO 1, 6, 10, 11, 12, 13, 14
7	**Bài 7: hướng dẫn điều trị và phòng bệnh lao** 1. Tư vấn điều trị và theo dõi trong quá trình điều trị lao 2. Tư vấn phòng bệnh cho bản thân bệnh nhân và cộng đồng.	**2**	- Thực hiện tư vấn điều trị và các vấn đề cần theo dõi trong quá trình điều trị một trường hợp bệnh lao. - Thực hiện tư vấn cho bệnh nhân lao (đặc biệt là bệnh nhân lao phổi) các biện pháp phòng lây nhiễm cho cộng đồng.	

III. Phương pháp dạy/học

1. Lý thuyết:

- Thuyết trình
- Thảo luận nhóm

2. Lâm sàng:

- Thảo luận nhóm
- Dạy và học tại buồng bệnh
- Hướng dẫn đọc phim x quang ngực

IV. Phương tiện, vật liệu dạy/học

1. Lý thuyết: Phấn, bảng, projector, máy tính, clicker

2. Lâm sàng:

- Trên người bệnh
- Phim x quang ngực

V. Phương pháp lượng giá

- Thang điểm 10
- Các điểm thành phần

Điểm thành phần	**Trọng số tính điểm**	**Bài đánh giá**	**Hình thức đánh giá**	**Tiêu chí đánh giá**	**CĐR được đánh giá**	**Điểm tối đa**
Đánh giá chuyên cần (**ĐCC**)	10%	Mặc định điểm chuyên cần cho mỗi sinh viên là 10	Trừ dần điểm theo mỗi lần vi phạm	Ý thức học tập của mỗi sinh viên	PLO 10, 11 12, 13, 14, 15	10
Điểm thực hành (Điểm lâm sàng)(**ĐTH**)	50%	Làm bệnh án người bệnh tại bệnh viện Phổi hoặc phân tích case lâm sàng	Thi vấn đáp hoặc thi tại buồng bệnh	Kết quả từ câu trả lời của sinh viên	PLO 1, 6, 8, 10, 11, 12, 13, 14	10
Điểm lý	40%	Thi trắc	Thi test	Kết quả	PLO	10

thuyết (**ĐLT**)		nghiệm khách quan		bài thi trên phần mềm thi trắc nghiệm khách quan	1,6,11	

Công thức tính điểm: ĐHP= ĐCC x 0,1 + ĐTH x 0,5 + ĐLT x 0,4

Rubric 1: Điểm danh: 10 điểm

Tiêu chí	**Điểm trừ**
Không vắng	0
Nghỉ học có phép	0.5 điểm/ 2 tiết
Nghỉ học không phép	0.5 điểm/ 1 tiết
Đi muộn 15 phút	0,5 điểm/ lần
Đi muộn 30 phút	0.5 điểm/ 1 tiết

Rubric 2: Vấn đáp

Mức độ đạt chuẩn quy định					
Tiêu chí đánh giá	**Điểm (0-3.9)**	**Điểm (4.0-5.4)**	**Điểm (5.4-6.9)**	**Điểm (7.0-8.4)**	**Điểm (8.5-10)**
Nội dung câu hỏi	Kém	Trung bình yếu	Trung bình	Khá	Giỏi

VI. Tài liệu học tập và tham khảo

Tài liệu học tập*:*

Tài liệu phát tay của Bộ môn.

Tài liệu tham khảo

(Sách giáo trình đã được xuất bản, có tại thư viện hoặc trên internet sinh viên truy cập được)

1. Hoàng Minh (2000), *Cấp cứu ho ra máu, tràn khí màng phổi, tràn dịch màng phổi,* NXB Y học.

2. Trần Văn Sáng (2002), *Bệnh lao trẻ em,* NXB Y học.

3. Trần Văn Sáng (2007), *Bệnh học lao*, Nhà xuất bản Y học

4. Bộ môn Nội hô hấp, Học viện Quân y (2012), *Bệnh hô hấp*, NXBQĐND.

5. Bộ môn Lao - trường Đại học Y Hà Nội (2014), *Bệnh học Lao*, NXB Y học .

6. Bộ Y tế (2020), *Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh lao*, NXB Y học.

7. Nguyễn Văn Thành (2021), *Thực hành x-quang ngực*, NXB Y học.

VII. Lịch học: Theo Lịch giảng dạy/học tập.

1. Ts. Đào Thị Lợi

- Tiếp cận bệnh nhân lao phổi

2. Bs. Phạm Thị Thắm

- Tiếp cận bệnh nhân lao màng phổi

3. Ths Bùi Thị Hân:

- Tiếp cận bệnh lao trẻ em

4. Ths Bùi Khắc Hiệp

- Tiếp cận bệnh nhân lao hạch bạch huyết ngoại vi

5. Ths Nguyễn Thị Hạnh:

- Tiếp cận thực hành xử trí tốt điều trị và phòng bệnh lao tại cộng đồng

VIII. Quy định với sinh viên:

1. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Sinh viên phải tham gia tối thiểu 80% số tiết học trên lý thuyết trên lớp (20% nghỉ phải có lý do) và 100 % số buổi học lâm sàng.

- Đi học đúng và đủ giờ, tham gia tích cực và đầy đủ buổi học lâm sàng hoặc lý thuyết, có ý thức xây dựng bài, chăm chú nghe giảng

- Khi đi lâm sàng tại Bệnh viện Phổi: có mặt tại buồng bệnh đúng giờ, quan sát và thực hành theo sự chỉ dẫn và phân công của bác sỹ phụ trách buồng bệnh và thầy cô bộ môn.

2. Quy định điều kiện dự thi:

* Dự thi lâm sàng:

- Sinh viên phải tham gia 100% buổi học lâm sàng
- Điểm chuyên cần ≥ 5,0 điểm

* Dự thi lý thuyết:

- Sinh viên phải tham gia ít nhất 80% số buổi lý thuyết (20% nghỉ phải có lý do)
- Điểm lâm sàng ≥ 4,0 điểm

IX. Tiến trình cập nhật đề cương chi tiết

TT	Cập nhật đề cương tiết lần	Ngày/tháng/năm	Người cập nhật
1.	**Lần 1**	**11/2019**	**Ths Nguyễn Thị Hạnh**
2.	**Lần 2**	**11/2021**	**Ths Nguyễn Thị Hạnh**
3.	**Dự kiến**	**Năm 2023**	**Ths Nguyễn Thị Hạnh**
4.			
5.			

PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC **BỘ MÔN/KHOA**

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

BỘ MÔN XÃ HỘI HỌC SỨC KHỎE

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

NĂM 2021

Tên học phần:

Tên tiếng Việt: Y xã hội học và Nhân học Y học

Tên tiếng Anh:

Mã học phần: 3130SOCMED0T

Ngành: Y học Dự phòng

Mã ngành: 7720110

I.Hành chính.

1.Thông tin chung:

Học phần:	☑ Bắt buộc ☐ Tự chọn ☐ Không tính điểm
Thuộc kiến thức:	☐ Giáo dục đại cương ☑ Cơ sở ngành ☐ Chuyên ngành ☐ Bổ trợ
Đối tượng:	Sinh viên y học dự phòng
Số tín chỉ (LT;TH/LT;LS): Số tiết Lý thuyết: 16 Thảo luận : 0 Số giờ tự học: 34 Số tiết Thực hành/ Lâm sàng: 16 Thảo luận: 0 Số giờ tự học: 34	
Số bài kiểm tra (LT/TH/LS):	

Giữa học phần: 0 Kết thúc học phần: 01	
Học phần học trước:	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lê nin, Dịch tễ học, tổ chức và quản lý y tế, Tâm lý học – Y đức
Học phần tiên quyết:	
Học phần song hành:	
Bộ môn/Khoa giảng dạy:	Bộ môn Xã hội học sức khỏe

2.Mô tả chung về học phần:

Y xã hội học và Nhân học Y học là một trong những vấn đề được quan tâm hiện nay trên thế giới và Việt Nam. Mộn học giúp cho học viên xác định được các vấn đề sức khỏe của địa phương. Vận dụng được các khái niệm về sức khoẻ cộng đồng trong CSSK nhân dân. Triển khai được các hoạt động lồng ghép trong CSSK cộng đồng. Hiểu và vận dụng được các nguyên tắc, quy tắc chuẩn mực xã hội giúp mỗi người chúng ta chủ động, tự giác điều chỉnh hành vi, cách ứng xử cho phù hợp với lợi ích chung của cộng đồng. Vận dụng kiến thức, tâm lý - đạo đức y học sẽ góp phần nâng cao chất lượng hiệu quả công tác bảo vệ và chăm sóc sức khỏe nhân dân.

3. Cán bộ phụ trách/giảng dạy:

TT	Họ tên	Học hàm /học vị	Số điện thoại	Email	Ghi chú
1.	Trần Thị Thu Hà	Thạc sỹ - BSCKII	0989535028	hatlyd@gmail.com	Phụ trách
2.	Nguyễn Văn Thịnh	Thạc sỹ	0989187178	thinhnv6374@gmail.com	Tham gia
3.	Bùi Thị Huyền Diệu	Tiến sỹ	0889581410	huyendieu1410@gmail.com	Tham gia
4.	TS. Vũ Trung Kiên	Tiến sỹ	0913019533	Vutrungkien-orl@yahoo.com	Tham gia
5.	Đặng Thị Bích	Thạc sỹ	0977267116	dangbichhang@gmail.com	Tham

	Hằng				gia
6.	Phạm Thị Hương Ly	Thạc sỹ	098110678	*(b) phamly2504@gmail.com*	Tham gia
7.	Nguyễn Thị Hà Phương	Trợ giảng	0384507552	*(c) hphuong.950522@gmail.com*	Tham gia

4. Mục tiêu học phần:

TT	Mục tiêu học phần	Mục tiêu CTĐT (PEO)
1.	**Kiến thức:** 1.Phân tích được các hoạt động lồng ghép các ban ngành đoàn thể trong CSSKCĐ, huy động được sự tham gia của cộng đồng 2.Trình bày được phương hướng chăm sóc bảo vệ và nâng cao sức khoẻ nhân dân, quan điểm, chính sách CSSK 3.Xác định được các yếu tố về văn hóa - xã hội ảnh hưởng đến sức khỏe và hành vi tìm kiếm dịch vụ y tế của người dân ở các vùng nông thôn và thành thị.	**PEO 1, 4**
2.	**Kỹ năng:** 4.Áp dụng kết quả nghiên cứu của nhân học và xã hội học y tế để xây dựng các chính sách can thiệp phù hợp với văn hóa –xã hội tại cộng đồng 5.Lập được kế hoạch giải quyết vấn đề sức khoẻ ưu tiên cụ thể tại cộng đồng	**PEO 4, 5**

3.	**Mức tự chủ và chịu trách nhiệm** 6.Nâng cao vai trò trách nhiệm của mình trong các mối quan hệ chủ yếu của người cán bộ y tế. Trung thực khách quan khiêm tốn, có tinh thần học tập vươn lên. 7.Có ý thức tự học, có phương pháp học tập. Tôn trọng chân thành, hợp tác với đồng nghệp.	**PEO 3, 4, 5**

5. Chuẩn đầu ra học phần

TT	CĐR Học phần	Mức độ đạt (S, H)/CĐR của CTĐT (PLO)
1.	Vận dụng các kiến thức và kỹ năng Y xã hội học và nhân học y học vào việc tiếp cận, quan sát, giao tiếp trong thực hành nghề Y	S: PLO 1, 2, 9 H: 11, 12
2.	Phân tích được các hoạt động lồng ghép các ban ngành đoàn thể trong CSSKCĐ, huy động được sự tham gia của cộng đồng Xác định được các yếu tố về văn hóa - Xã hội ảnh hưởng đến sức khỏe và hành vi tìm kiếm dịch vụ y tế của người dân ở các vùng nông thôn và thành thị	S: PLO 1, 2, 8, H: PLO 10, 12, 14
3.	Người học có kiến thức, có kỹ năng và gắn với thái độ học tập tích cực thông qua bài giảng của thầy cô, kết	S: PLO 1, 2, 8, 9 H: PLO 10, 11, 12, 13, 14

	hợp cùng phương pháp học tích cực là cơ sở để trau dồi và tích lũy tri thức. Trên cơ sở đó, học viên tự nhìn nhận và tự điều chỉnh bản thân trong suốt quá trình rèn giũa kỹ năng và phát triển chuyên môn. Quan trọng hơn, giúp họ nhìn nhận được vai trò và giá trị của các nhân viên y tế trong sự nghiệp chăm sóc sức khỏe cho nhân dân, hướng tới sự hài lòng của người bệnh, cộng đồng và đồng nghiệp.	

Chú thích: S (Support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra; H (Highly support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra.

II. NỘI DUNG

1. Lý thuyết

STT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập	CĐR HP
1	**Bài 1. Tổng quan về Y xã hội học và nhân học Y học** 1. Sơ lược hình thành xã hội học Y tế 2. Một số lý thuyết khoa học xã hội sử dụng trong xã hội học Y tế 3. Một số nôi dung trọng tâm trong nghiên cứu và ứng dụng của xã hội học Y tế 4. Nhân học 5. Nhân học y tế 6. Một số khái niệm cơ bản trong nhân học y tế	**2**	1. Trình bày được quan điểm, khái niệm cơ bản của xã hội học sức khoẻ. 2. Trình bày được phương pháp nghiên cứu của xã hội học sức khoẻ. 3. Áp dụng được lý thuyết về xã	**1, 3**

			hội học sức khoẻ để giải thích nguyên nhân của bệnh tật, đau ốm.	
2	**Bài 2. Xã hội hoá công tác y tế và chăm sóc sức khỏe ban đầu** 1. Khái niệm "xã hội hoá" và "xã hội hoá công tác y tê" 2. Những cơ sở nền tảng của việc xã hội hoá công tác y tế 3. Nguyên tắc và quá trình tiến hành xã hội hoá công tác y tế 4. Lồng ghép và phối hợp các hoạt động liên ngành trong xá hội hoá công tác y tế 5. Những trở lực đối với việc xã hội hoá công tác y tế 6. Chăm sóc sức khoẻ ban đầu 7. Lồng ghép các hoạt động CSSKBĐ 8. Một số biện pháp chủ yếu để thực hiện lồng ghép trong hoạt động CSSKBĐ *Section 1.02*	**2**	1. Trình bày được khái niệm xã hội hóa, xã hội hóa công tác y tế. 2. Trình bày được những nguyên tắc và quá trình tiến hành xã hội hóa công tác y tế 3. Phân tích được một số chủ trương biện pháp thực hiện xã hộ hóa công tác y tế và những trở lực đối với việc xã hội hóa công tác y tế	**1, 2, 3**
3	**Bài 3. Các phương pháp nghiên cứu nhân học** 1. Các bước của quá trình nghiên cứu nhân học y tế: 2. Những nguyên tắc cơ bản của nghiên cứu định tính trong nhân học y tế	**4**		**1, 2, 3**

	3. Các dạng thông tin cần thu thập trong nghiên cứu nhân học y tế 4. Các kỹ thuật thu thập thông tin định tính *4.1. Quan sát hoà nhập* *4.2. Phỏng vấn và nói chuyện* *4.3. Nghiên cứu trường hợp* *4.4. Kỹ thuật ghi chép thông tin* 5. Phân tích dữ liệu định tính và trình bày kết quả định tính *5.1.Phân tích dữ liệu định tính* 5.2. *Trình bày dữ liệu định tính*			
4	**Bài 4. Chẩn đoán cộng đồng** 1. **ĐẠI CƯƠNG CĐCĐ** 1.1. Khái niệm CĐCĐ 1.2. Thời điểm cần CĐCĐ 1.3. Mục đích của CĐCĐ **2. 4. VẤN ĐỀ CẦN ĐIỀU TRA TRONG CĐCĐ** 2.1. 12 chỉ số về KT-XH 2.2. 4nhóm yếu tố nguy cơ cho sức khoẻ 2.3. Các chỉ số sức khoẻ 2.4. Hệ thống chăm sóc sức khoẻ và dịch vụ y tế **3. PHƯƠNG PHÁP CHẨN ĐOÁN CỘNG ĐỒNG** 3.1. Điều tra cộng đồng 3.2. Phương pháp dịch tễ học **4. LẬP KẾ HOẠCH GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ SỨC KHOẺ ƯU TIÊN**	**4**	1. Trình bày được khái niệm và mục đích của chẩn đoán cộng đồng. 2. Phân tích được 4 vấn đề cần điều tra trong chẩn đoán cộng đồng 3. Trình bày 3 bước tiến hành chẩn đoán cộng đồng 4. Lập được kế hoạch giải quyết vấn đề sức khoẻ ưu tiên cụ thể tại	**1, 2, 3**

			cộng đồng.	
5	**Bài 5. Các yếu tố văn hóa xã hội ảnh hưởng đến sức khỏe** 1. Ảnh hưởng của yếu tố xã hội đến sức khỏe 2. Ảnh hưởng của yếu tố văn hóa đến sức khỏe	**2**	1. Trình bày được ảnh hưởng của yếu tố văn hoá - xã hội đối với sức khỏe. 1. Phân tích được ảnh hưởng của yếu tố văn hoá - xã hội đối với một số bệnh cụ thể.	**1, 2, 3**
6	**Bài 6. Hành vi tìm kiếm dịch vụ y tế** *Số tiết 5 (LT: 1; TH: 4)* 1. Khái niệm 2. Hệ thống chăm sóc sức khoẻ theo quan điểm của nhân học y tế 3. Các yếu tố chi phối hành vi tìm kiếm dịch vụ y tế của người dân	**2**	**1.** Trình bày được mô hình khu vực chăm sóc sức khỏe cộng đồng (theo quan điểm của Arthur Kleinman) **2.** Trình bày được các yếu tố chi phối hành vi tìm kiếm dịch vụ y tế của người dân	**1, 2, 3**

3. Thực hành

STT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập	CĐR

1	Bài 1: Các phương pháp nghiên cứu nhân học 1. Khái quát vấn đề 2. Thực hành theo nhóm 3. Tổng kết và lượng giá	4	Thiết kế được khung nghiên cứu cho một vấn đề của nhân học y tế	1, 2, 3
2	Bài 2: Chẩn đoán cộng đồng 1. Khái quát vấn đề 2. Thực hành theo nhóm 3. Tổng kết và lượng giá	4	Lực chọn được vấn đề sức khỏa ưu tiên và đưa ra được gải pháp	1, 2, 3
3	Bài 3: Các yếu tố văn hóa xã hội ảnh hưởng đến sức khỏe 1. Khái quát vấn đề 2. Thực hành theo nhóm 3. Tổng kết và lượng giá	4	Xác định được ảnh hưởng của yếu tố văn hoá - xã hội đối với một số bệnh	1, 2, 3

			cụ thể.	
4	Bài 4: Hành vi tìm kiếm dịch vụ y tế 1. Khái quát vấn đề 2. Thực hành theo nhóm 3. Tổng kết và lượng giá	4	Phân tích được các yếu tố chi phối hành vi tìm kiếm dịch vụ y tế của người dân tại một địa phương cụ thể	1, 2, 3

3. Lâm sàng

III. Phương pháp dạy/học

1. Lý thuyết: Thuyết trình, thảo luận nhóm
2. Thực hành:
3. Lâm sàng:

IV. Phương tiện, vật liệu dạy/học

1. Lý thuyết: Máy chiếu Projector, case, phấn, bảng, câu hỏi lượng giá
2. Thực hành:
3. Lâm sàng:

V. Phương pháp lượng giá

- Thang điểm 10 (Học phần này được lượng giá thông qua hình thức thi viết cải tiến. Có 1 bài thi cuối kỳ với những câu hỏi ngắn)

- Các điểm thành phần

Điểm thành phần	**Trọng số tính điểm**	**Bài đánh giá**	**Hình thức đánh giá**	**Tiêu chí đánh giá**	**CĐR được đánh giá**	**Điểm tối đa**
Đánh giá chuyên cần (**ĐCC**)	0,1	Hàng ngày	Điểm danh	Đi học đầy đủ, đúng giờ, không vi phạm quy chế của bộ môn.	PLO 12, 13,14	10
Điểm giữa học phần (**ĐGHP**)	0,1	1 bài kiểm tra 45 phút gồm 3 câu hỏi ngắn bao gồm các nội dung kiến thức đã học	Thi viết câu hỏi ngắn	Mỗi câu trả lời đầy đủ, chính xác được 3,5 điểm/2 câu, 3 điểm/1 câu. 3 câu là 10 điểm	PLO 1, 2	10
Điểm thực hành (**ĐTH**)	0,4	Theo hình thức	Bài tập	Qua kết quả làm bài	PLO 8, 9, 10	10

		Làm bài tập tình huống				
Điểm kết thúc học phần (**ĐKTHP**)	0,4	1 bài kiểm tra 40 phút gồm 40 câu hỏi ngắn	Thi trắc nghiệm khách quan	tổng 40 câu là 10 điểm	PLO 1, 2, 8, 9, 10,11, 12, 13, 14	10

Công thức tính điểm: ĐHP = 0,1xĐCC+0,1xĐGHP+0,4xĐGHP+0,4 ĐGHP

Rubric 1: Điểm danh: 10 điểm

Tiêu chí	**Điểm trừ**
Không vắng	Không trừ
Nghỉ học có phép	0,25 điểm/tiết (ngoại trừ các trường hợp đặc biệt do điều động của Nhà trường)
Nghỉ học không phép	0,5 điểm/tiết
Đi muộn	0,5 điểm/lần (nếu đi muộn >15 phút sẽ tính vắng không lí do)

Rubric 2: Vấn đáp

Mức độ đạt chuẩn quy định					
Tiêu chí đánh giá	**Điểm (0-3.9)**	**Điểm (4.0-5.4)**	**Điểm (5.4-6.9)**	**Điểm (7.0-8.4)**	**Điểm (8.5-10)**
Nội dung câu hỏi	Không giải được	Giải chưa hết các câu hỏi	Giải đầy đủ các câu nhưng còn 1 số câu sai sót	Giải đầy đủ và đúng tất cả các câu hỏi nhưng trình bày chưa	Giải đầy đủ và đúng tất cả các câ hỏi và trình bày rõ

				rõ ràng	ràng

VI. Tài liệu học tập và tham khảo

1. Tài liệu học tập*:*

   Nguyễn Đức Hinh (2012), *Đại cương nhân học và xã hội học y tế*, Nhà xuất bản Y học.

2. Tài liệu tham khảo:

   - Phùng Kim Bảng, Lê Quang Hoành (1997), Y tế công cộng và chăm sóc sức khỏe ban đầu, Nhà xuất bản Y học.
   - Phạm văn lình, Võ Văn Thắng (2008), *Nhân học y tế*, Nhà xuất bản Đại học Huế.
   - Nguyễn Quang Uẩn (2005), Tâm lý Đại cương, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
   - Nguyễn Văn Nhận (2006), "Tâm lý học Y học", Nhà xuất bản Y học.

VII. Lịch học: Theo Lịch giảng dạy/học tập.

VIII. Quy định với sinh viên:

8.1. Nhiệm vụ của sinh viên

- Ban cán sự lớp liên hệ với Giáo vụ Bộ môn để nhận kế hoạch học tập và các quy định của bộ môn về học phần, hướng dẫn học tập sau đó phổ biến lại cho lớp.

- Sinh viên thực hiện nghiêm túc quy chế và quy định của Nhà trường.

- Sinh viên phải chuẩn bị đầy đủ tư trang cần thiết cho việc học thực hành (Tài liệu học tập, tài liệu tham khảo, áo blouse, thẻ sinh viên).

- Sinh viên phải nghiên cứu tài liệu và chuẩn bị nội dung cho mỗi buổi học theo hướng dẫn tự học trước khi dự lớp, hoàn thành các bài tập được giao.

- Sinh viên có trách nhiệm phản hồi và có quyền thắc mắc (có tổ chức) về các nội dung học tập cũng như cách quản lý, đánh giá của giảng viên trong quá trình học tập (mọi ý kiến thắc mắc của sinh viên sẽ được Bộ môn xét giải quyết).

8.2. Quy định về điều kiện dự thi

Sinh viên phải tham gia đầy đủ giờ thực hành, giờ thảo luận, giờ học lý thuyết (theo quy chế của Nhà trường). Cụ thể, điều kiện để sinh viên được dự kiểm tra/thi kết

thúc học phần khi: Tham dự trên 80% số tiết học lý thuyết, 100% số tiết học thực hành, có giấy xin phép nghỉ học (nếu có), có điểm thực hành và kiểm tra giữa học phần đạt ≥ 4 điểm.

IX. Tiến trình cập nhật đề cương chi tiết

TT	Cập nhật đề cương tiết lần	Ngày/tháng/năm	Người cập nhật
1.	Lần 1	05/2017	Trần Thị Thu Hà
2.	Lần 2	05/2019	Trần Thị Thu Hà
3.	Lần 3	05/2021	Trần Thị Thu Hà
4.	Lần 4	Dự kiến 05/2023	
5.			

PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC **P. Trưởng Bộ môn**

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

BỘ MÔN/KHOA: TRUYỀN NHIỄM

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN Y HỌC DỰ PHÒNG

Tên học phần:

Tên tiếng Việt: Truyền nhiễm

Tên tiếng Anh:

Mã học phần:

Ngành: Y học dự phòng

Mã ngành: 7720110

II. Hành chính.

1. Thông tin chung:

Học phần:	☑ Bắt buộc ☐ Tự chọn ☐ Không tính điểm
Thuộc kiến thức:	☐ Giáo dục đại cương ☐ Cơ sở ngành ☑ Chuyên ngành ☐ Bổ trợ
Đối tượng:	Sinh viên Y học dự phòng
Số tín chỉ (LT;TH/LT;LS): Số tiết Lý thuyết: Thảo luận : Số giờ tự học: Số tiết Thực hành/ Lâm sàng: Thảo luận: Số giờ tự học:	4 TC (2 LT/ 2 LS) 32 tiết 0 68 60 0 40
Số bài kiểm tra (LT/TH/LS): Giữa học phần: Kết thúc học phần:	 2 2

Học phần học trước:	Chẩn đoán hình ảnh, Vi-ký sinh trùng, Sinh hóa, Sinh lý, Sinh lý bệnh, Nội triệu chứng,...
Học phần tiên quyết:	Không
Học phần song hành:	Không
Bộ môn/Khoa giảng dạy:	Bộ môn Truyền nhiễm

2. Mô tả chung về học phần:

Học phần Truyền nhiễm là một trong những môn y học lâm sàng cơ bản trong chương trình đào tạo bác sỹ Y học dự phòng. Học phần lý thuyết sẽ cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về đặc điểm dịch tễ học, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, chẩn đoán, điều trị, phát hiện biến chứng và phòng những bệnh Truyền nhiễm thường gặp. Học phần lâm sàng: sinh viên sẽ vận dụng kiến thức học được từ học phần lý thuyết khi đi lâm sàng tại khoa Truyền nhiễm, từ đó biết cách khai thác bệnh sử, tiền sử, yếu tố dịch tễ, thăm khám phát hiện triệu chứng thực thể, ra chỉ định cận lâm sàng phù hợp nhằm đưa ra chẩn đoán xác định cho người bệnh và kế hoạch điều trị, theo dõi. Hướng dẫn và tư vấn người bệnh cùng người nhà biết cách phòng bệnh cho gia đình và cộng đồng.

3. Cán bộ phụ trách/giảng dạy:

TT	Họ tên	Học hàm/ học vị	Số điện thoại	Email	Ghi chú
5.	Nguyễn Thị Hoàng Hải	Thạc sỹ	0913063145	nguyenhai66vn@gmail.com	Phụ trách
6.	Hoàng Thị Hạnh	Thạc sỹ	0985334056	hanhytb@gmail.com	Tham gia
7.	Trương Thị Minh Diệu	Thạc sỹ	0983557169	minhdieu051211@gmail.com	Tham gia
8.	Nguyễn Ngọc Anh	Thạc sỹ	0374707291	ngocanhnguyen2221985@gmail.com	Tham gia

9.	Lê Trung Kiên	Thạc sỹ	0968589304	letrungkien17121989@gmail.com	Tham gia
10.	Hồ Thị Huế	Bác sỹ	0349054690	Hohueydtb95@gmail.com	Tham gia

4. Mục tiêu học phần:

TT	Mục tiêu học phần	Mục tiêu CTĐT (PEO)
1.	Trình bày được đặc điểm dịch tễ học của những bệnh truyền nhiễm thường gặp	PEO 1, 2
2.	Trình bày được triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng của những bệnh truyền nhiễm thường gặp, từ đó áp dụng để chẩn đoán xác định và chẩn đoán phân biệt	PEO 1, 2
3.	Trình bày được nguyên tắc điều trị và điều trị cụ thể của những bệnh truyền nhiễm thường gặp	PEO 1,2
4.	Trình bày được biến chứng và biện pháp phòng bệnh của những bệnh truyền nhiễm thường gặp và làm việc độc lập cũng như làm việc nhóm	PEO 1,2
5.	Nắm vững pháp luật và chính sách bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân. Có khả năng làm việc độc lập cũng như làm việc nhóm	PEO 4, 5

5. Chuẩn đầu ra học phần

TT	CĐR Học phần	Mức độ đạt

		(S, H)/CĐR của CTĐT (PLO)
1.	- Trình bày được đặc điểm dịch tễ học, lâm sàng và cận lâm sàng của một số bệnh truyền nhiễm thường gặp - Vận dụng kiến thức để chẩn đoán được một số bệnh truyền nhiễm thường gặp và chẩn đoán phân biệt	H: PLO 1,5,6,7
2.	- Thực hiện kỹ năng hỏi bệnh, thăm khám để phát hiện triệu chứng quan trọng của bệnh - Thực hành chăm sóc và điều trị trên người bệnh từ kế hoạch chăm sóc và điều trị đã được lập trước đó - Tư vấn cách phòng bệnh cho người bệnh, gia đình người bệnh và cộng đồng - Biết cách theo dõi, phát hiện sớm những biến chứng của bệnh	H: PLO 1,5,6,7
3.	Luôn có trách nhiệm với công việc, thực hành theo y đức, đạo đức nghề nghiệp	H: PLO 10,11,12,13
4.	Luôn trung thực khách quan, tôn trọng giảng viên, chân thành hợp tác tốt với bạn học	H: PLO 10,11,12,13

Chú thích: S (Support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra; H (Highly support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra.

II. NỘI DUNG

1. Lý thuyết

STT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học	CĐR

			tập	HP
1	**Bài 1. HIV/AIDS** 2. Định nghĩa 3. Dịch tễ học 4. Sinh bệnh học 5. Phân loại lâm sàng 6. Biểu hiện lâm sàng nhiễm HIV/AIDS 7. Phân loại giai đoạn lâm sàng nhiễm HIV/AIDS 8. Chẩn đoán 9. Điều trị 10. Dự phòng lây nhiễm HIV từ mẹ sang con 11. Phòng bệnh	**3**	1. Trình bày được đặc điểm dịch tễ học và các xét nghiệm chẩn đoán nhiễm HIV/AIDS. 2. Trình bày được phân loại và biểu hiện lâm sàng của nhiễm HIV/AIDS 3. Chẩn đoán và điều trị được các bệnh nhiễm trùng cơ hội thường gặp 4. Trình bày được biện pháp phòng bệnh và dự phòng lây nhiễm HIV từ mẹ sang con	PLO 1,5,6,7,10,11,12,13
2	**Bài 2. Viêm màng não do não mô cầu** 1. Đại cương 2. Dịch tễ học	**2**	1. Trình bày được đặc điểm dịch tễ học và	PLO 1,5,6,7,10,11,

	3. Sinh bệnh học 4. Lâm sàng 5. Thể lâm sàng 6. Biến chứng 7. Chẩn đoán 8. Điều trị 9. Phòng bệnh		cơ chế bệnh sinh của bệnh viêm màng não do não mô cầu 2. Trình bày được triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng từ đó chẩn đoán được bệnh viêm màng não do não mô cầu 3. Trình bày được điều trị và phòng bệnh viêm màng não do não mô cầu	12,13
3	**Bài 3. Uốn ván** 1. Đại cương 2. Dịch tễ học 3. Sinh bệnh học 4. Lâm sàng 5. Biến chứng 6. Chẩn đoán 7. Điều trị 8. Phòng bệnh	**2**	1. Trình bày được đặc điểm dịch tễ học và cơ chế bệnh sinh của bệnh uốn ván 2. Trình bày được triệu chứng lâm	PLO 1,5,6,7 ,10,11, 12,13

			sàng, cận lâm sàng từ đó chẩn đoán được bệnh uốn ván 3. Trình bày được điều trị và phòng bệnh uốn ván	
4	**Bài 4. Viêm gan virus cấp** 1. Đại cương 2. Các virus viêm gan 3. Lâm sàng viêm gan virus cấp 4. Các xét nghiệm chức năng gan 5. Chẩn đoán 6. Điều trị 7. Phòng bệnh	**2**	1. Trình bày được đặc điểm dịch tễ học của các loại virus viêm gan 2. Trình bày được biểu hiện lâm sàng của viêm gan virus cấp từ đó chẩn đoán được bệnh viêm gan virus cấp và diễn biến của các dấu ấn của virus viêm gan B 3. Trình bày được phương	PLO 1,5,6,7,10,11,12,13

			pháp điều trị và biện pháp phòng bệnh viêm gan virus	
5	**Bài 5. Lỵ amip** 1. Đại cương 2. Dịch tễ học 3. Cơ chế bệnh sinh và giải phẫu bệnh 4. Lâm sàng 5. Biến chứng 6. Chẩn đoán 7. Điều trị 8. Phòng bệnh	**1**	1. Trình bày được dịch tễ học, cơ chế bệnh sinh và giải phẫu bệnh của lỵ amip 2. Trình bày được triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng từ đó chẩn đoán được bệnh lỵ amip 3. Trình bày được điều trị và phòng bệnh lỵ amip	PLO 1,5,6,7,10,11,12,13
6	**Bài 6. Lỵ trực khuẩn** 1. Đại cương 2. Dịch tễ học 3. Cơ chế bệnh sinh và giải phẫu bệnh 4. Lâm sàng 5. Biến chứng 6. Chẩn đoán	**1**	1. Trình bày được dịch tễ học, cơ chế bệnh sinh và giải phẫu bệnh của lỵ trực khuẩn	PLO 1,5,6,7,10,11,12,13

	7. Điều trị 8. Phòng bệnh		2. Trình bày được triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng từ đó chẩn đoán được bệnh lỵ trực khuẩn 3. Trình bày được điều trị và phòng bệnh lỵ trực khuẩn	
7	**Bài 7. Tả** 1. Đại cương 2. Dịch tễ học 3. Cơ chế bệnh sinh 4. Lâm sàng 5. Cận lâm sàng 6. Chẩn đoán 7. Điều trị 8. Phòng bệnh	**1**	1. Trình bày được dịch tễ học, cơ chế bệnh sinh và giải phẫu bệnh của bệnh tả 2. Trình bày được triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng từ đó chẩn đoán được bệnh tả. Phân loại được mức độ mất nước 3. Trình bày được điều trị	PLO 1,5,6,7,10,11,12,13

			và phòng bệnh tả	
8	**Bài 8. Thương hàn** 1. Đại cương 2. Dịch tễ học 3. Cơ chế bệnh sinh 4. Lâm sàng 5. Biến chứng 6. Cận lâm sàng 7. Chẩn đoán 8. Điều trị 9. Phòng bệnh 10. Kế hoạch chăm sóc	**2**	1. Trình bày được dịch tễ học, cơ chế bệnh sinh và giải phẫu bệnh của bệnh thương hàn 2. Trình bày được triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng từ đó chẩn đoán được bệnh thương hàn. Nêu được 4 biến chứng chính của bệnh 3. Trình bày được điều trị và phòng bệnh thương hàn	PLO 1,5,6,7 ,10,11, 12,13
9	**Bài 9. Sởi** 1. Đại cương 2. Dịch tễ học 3. Sinh bện học 4. Lâm sàng	**2**	1. Trình bày được dịch tễ học, cơ chế bệnh sinh và giải phẫu bệnh	PLO 1,5,6,7 ,10,11, 12,13

	5. Chẩn đoán 6. Biến chứng 7. Điều trị 8. Phòng bệnh		của bệnh sởi 2. Trình bày được triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng từ đó chẩn đoán được bệnh sởi 3. Trình bày được điều trị và phòng bệnh sởi	
10	**Bài 10. Quai bị** 1. Đại cương 2. Dịch tễ học 3. Cơ chế bệnh sinh và giải phẫu bệnh 4. Lâm sàng 5. Cận lâm sàng 6. Chẩn đoán 7. Điều trị 8. Phòng bệnh	**1**	1. Trình bày được dịch tễ học, cơ chế bệnh sinh và giải phẫu bệnh của bệnh quai bị 2. Trình bày được triệu chứng lâm sàng của quai bị thể thông thường, thể viêm tinh hoàn, viêm tụy, viêm màng não 3. Trình bày	PLO 1,5,6,7,10,11,12,13

			được điều trị và phòng bệnh quai bị	
11	**Bài 11. Sốt xuất huyết Dengue** 1. Đại cương 2. Dịch tễ học 3. Cơ chế bệnh sinh 4. Lâm sàng 5. Cận lâm sàng 6. Chẩn đoán 7. Điều trị 8. Phòng bệnh	**2**	1. Trình bày được dịch tễ học, cơ chế bệnh sinh và giải phẫu bệnh của bệnh sốt xuất huyết Dengue 2. Trình bày được triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng từ đó chẩn đoán được bệnh sốt xuất huyết Dengue 3. Trình bày được điều trị và phòng bệnh sốt xuất huyết Dengue	PLO 1,5,6,7,10,11,12,13
12	**Bài 12. Sốt rét** 1. Đại cương 2. Dịch tễ học 3. Cơ chế bệnh sinh 4. Lâm sàng	**2**	1. Trình bày được dịch tễ học, cơ chế bệnh sinh và giải phẫu bệnh	PLO 1,5,6,7,10,11,12,13

	5. Cận lâm sàng 6. Chẩn đoán 7. Các thuốc chống sốt rét 8. Điều trị 9. Phòng bệnh		của bệnh sốt rét 2. Trình bày được triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng từ đó chẩn đoán được bệnh sốt rét 3. Trình bày được điều trị và phòng bệnh sốt rét	
13	**Bài 13. Nhiễm khuẩn-nhiễm độc thức ăn** A. Nhiễm khuẩn-nhiễm độc thức ăn do Salmonella B. Nhiễm khuẩn-nhiễm độc thức ăn do tụ cầu C. Nhiễm khuẩn-nhiễm độc thức ăn do Clostridium perfringens D. Nhiễm khuẩn-nhiễm độc thịt hộp (Botulisme) 1. Đại cương 2. Dịch tễ học 3. Cơ chế bệnh sinh 4. Lâm sàng 5. Chẩn đoán 6. Điều trị 7. Phòng bệnh	**1**	1. Trình bày được dịch tễ học chính của bệnh nhiễm khuẩn nhiễm độc thức ăn do các nguyên nhân 2. Trình bày được triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng từ đó chẩn đoán được bệnh nhiễm khuẩn	PLO 1,5,6,7,10,11,12,13

			nhiễm độc thức ăn do các nguyên nhân 3. Trình bày được điều trị và phòng bệnh nhiễm khuẩn nhiễm độc thức ăn do các nguyên nhân	
14	**Bài 14 : Leptospira** 1. Đại cương 2. Dịch tễ học 3. Cơ chế bệnh sinh 4. Lâm sàng 5. Chẩn đoán 6. Điều trị 7. Phòng bệnh	**2**	1. Trình bày được dịch tễ học, cơ chế bệnh sinh và giải phẫu bệnh của bệnh Leptospira 2. Trình bày được triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng từ đó chẩn đoán được bệnh Leptospira 3. Trình bày được điều trị và phòng bệnh Leptospira	PLO 1,5,6,7 ,10,11, 12,13
15	**Bài 15 : Sốt mò**	**1**	1. Trình bày	PLO

	1. Đại cương 2. Dịch tễ học 3. Cơ chế bệnh sinh 4. Lâm sàng 5. Chẩn đoán 6. Điều trị 7. Phòng bệnh		được dịch tễ học, cơ chế bệnh sinh của bệnh sốt mò 2. Trình bày được triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng từ đó chẩn đoán được bệnh sốt mò 3. Trình bày được điều trị và phòng bệnh sốt mò	1,5,6,7,10,11,12,13
16	**Bài 16 : Ho gà** 1. Đại cương 2. Dịch tễ học 3. Cơ chế bệnh sinh 4. Lâm sàng 5. Chẩn đoán 6. Điều trị 7. Phòng bệnh	**1**	1. Trình bày được dịch tễ học, cơ chế bệnh sinh bệnh ho gà 2. Trình bày được triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng từ đó chẩn đoán được bệnh ho gà 3. Trình bày	PLO 1,5,6,7,10,11,12,13

			được điều trị và phòng bệnh ho gà	
17	**Bài 17 : Dại** 1. Đại cương 2. Dịch tễ học 3. Cơ chế bệnh sinh 4. Lâm sàng 5. Chẩn đoán 6. Điều trị 7. Phòng bệnh	**1**	1. Trình bày được dịch tễ học, cơ chế bệnh sinh của bệnh dại 2. Trình bày được triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng từ đó chẩn đoán được bệnh dại 3. Trình bày được điều trị và phòng bệnh dại	PLO 1,5,6,7 ,10,11, 12,13
18	**Bài 18 : Dịch hạch** 1. Đại cương 2. Dịch tễ học 3. Cơ chế bệnh sinh 4. Lâm sàng 5. Chẩn đoán 6. Điều trị 7. Phòng bệnh	**1**	1. Trình bày được dịch tễ học, cơ chế bệnh sinh của bệnh dịch hạch 2. Trình bày được triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng từ đó	PLO 1,5,6,7 ,10,11, 12,13

			chẩn đoán được bệnh dịch hạch 3. Trình bày được điều trị và phòng bệnh dịch hạch	
19	**Bài 19 : Cúm** 1. Đại cương 2. Dịch tễ học 3. Cơ chế bệnh sinh 4. Lâm sàng 5. Chẩn đoán 6. Điều trị 7. Phòng bệnh	**1**	1. Trình bày được dịch tễ học, cơ chế bệnh sinh của bệnh cúm 2. Trình bày được triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng từ đó chẩn đoán được bệnh cúm 3. Trình bày được điều trị và phòng bệnh cúm	PLO 1,5,6,7 ,10,11, 12,13
20	**Bài 20 : Bạch hầu** 1. Đại cương 2. Dịch tễ học 3. Cơ chế bệnh sinh 4. Lâm sàng 5. Chẩn đoán	**1**	1. Trình bày được dịch tễ học, cơ chế bệnh sinh của bệnh bạch hầu 2. Trình bày	PLO 1,5,6,7 ,10,11, 12,13

	6. Điều trị 7. Phòng bệnh		được triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng từ đó chẩn đoán được bệnh bạch hầu 3. Trình bày được điều trị và phòng bệnh bạch hầu	
21	**Bài 21 : Viêm não Nhật Bản** 1. Đại cương 2. Dịch tễ học 3. Cơ chế bệnh sinh 4. Lâm sàng 5. Chẩn đoán 6. Điều trị 7. Phòng bệnh	**2**	1. Trình bày được dịch tễ học, cơ chế bệnh sinh của bệnh viêm não Nhật Bản 2. Trình bày được triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng từ đó chẩn đoán được bệnh viêm não Nhật Bản 3. Trình bày được điều trị và phòng bệnh viêm não Nhật	PLO 1,5,6,7 ,10,11, 12,13

			Bản	

2. Lâm sàng

STT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập	CĐR
1	Bài 1: **Hướng dẫn cách làm bệnh án Truyền nhiễm** 1. Hành chính 2. Hỏi bệnh: Bệnh sử, tiền sử, yếu tố dịch tễ 3. Thăm khám toàn thân và bộ phận 4. Chẩn đoán sơ bộ 5. Chỉ định cận lâm sàng 6. Chẩn đoán xác định và biện luận chẩn đoán 7. Điều trị: Hướng điều trị và điều trị cụ thể 8. Tiên lượng 9. Phòng bệnh	**2**	- Biết cách hỏi bệnh và thăm khám phát hiện triệu chứng cơ năng, tiền sử, yếu tố dịch tễ và triệu chứng thực thể, chỉ định xét nghiệm cận lâm sàng phù hợp - Vận dụng kiến thức lý thuyết và triệu chứng của người bệnh thực	PLO 1,5,6,7,10,11,12,13

			tế để chẩn đoán xác định bệnh, từ đó lên kế hoạch điều trị cụ thể - Tiên lượng được bệnh và hướng dẫn được người bệnh, người nhà cách phòng bệnh	
2	Bài 2: **Chẩn đoán và điều trị người bệnh viêm màng não** 1. Hành chính 2. Hỏi bệnh: Bệnh sử, tiền sử, yếu tố dịch tễ 3. Thăm khám toàn thân và bộ phận 4. Chẩn đoán sơ bộ 5. Chỉ định cận lâm sàng 6. Chẩn đoán xác định và biện luận chẩn đoán 7. Điều trị: Hướng điều trị và điều trị cụ thể	**6**	- Biết cách hỏi bệnh và thăm khám phát hiện triệu chứng cơ năng, tiền sử, yếu tố dịch tễ và triệu chứng thực thể,	PLO 1,5,6,7,10,11,12,13

	8. Tiên lượng 9. Phòng bệnh		chỉ định xét nghiệm cận lâm sàng của người bệnh viêm màng não - Chẩn đoán được người bệnh viêm màng não và đưa ra kế hoạch điều trị, theo dõi - Tiên lượng được mức độ bệnh và hướng dẫn biện pháp phòng bệnh	
3	Bài 3: **Chẩn đoán và điều trị người bệnh uốn ván** 1. Hành chính 2. Hỏi bệnh: Bệnh sử, tiền sử, yếu tố dịch tễ	**4**	- Biết cách hỏi bệnh và thăm khám phát hiện triệu	PLO 1,5,6,7,10,11,12,13

	3. Thăm khám toàn thân và bộ phận 4. Chẩn đoán sơ bộ 5. Chỉ định cận lâm sàng 6. Chẩn đoán xác định và biện luận chẩn đoán 7. Điều trị: Hướng điều trị và điều trị cụ thể 8. Tiên lượng 9. Phòng bệnh		chứng cơ năng, tiền sử, yếu tố dịch tễ và triệu chứng thực thể, chỉ định xét nghiệm cận lâm sàng của người bệnh uốn ván - Chẩn đoán được người bệnh uốn ván và đưa ra kế hoạch điều trị, theo dõi - Tiên lượng được mức độ bệnh và hướng dẫn biện pháp	

			phòng bệnh	
4	Bài 4: **Chẩn đoán và điều trị người bệnh viêm gan virus** 1. Hành chính 2. Hỏi bệnh: Bệnh sử, tiền sử, yếu tố dịch tễ 3. Thăm khám toàn thân và bộ phận 4. Chẩn đoán sơ bộ 5. Chỉ định cận lâm sàng 6. Chẩn đoán xác định và biện luận chẩn đoán 7. Điều trị: Hướng điều trị và điều trị cụ thể 8. Tiên lượng 9. Phòng bệnh	**6**	- Biết cách hỏi bệnh và thăm khám phát hiện triệu chứng cơ năng, tiền sử, yếu tố dịch tễ và triệu chứng thực thể, chỉ định xét nghiệm cận lâm sàng của người bệnh viêm gan virus - Chẩn đoán được người bệnh viêm gan virus và đưa ra kế hoạch điều trị,	PLO 1,5,6,7,10,11,12,13

			theo dõi - Tiên lượng được mức độ bệnh và hướng dẫn biện pháp phòng bệnh	
5	Bài 5: **Chẩn đoán và điều trị người bệnh tiêu chảy** 1. Hành chính 2. Hỏi bệnh: Bệnh sử, tiền sử, yếu tố dịch tễ 3. Thăm khám toàn thân và bộ phận 4. Chẩn đoán sơ bộ 5. Chỉ định cận lâm sàng 6. Chẩn đoán xác định và biện luận chẩn đoán 7. Điều trị: Hướng điều trị và điều trị cụ thể 8. Tiên lượng 9. Phòng bệnh	**4**	- Biết cách hỏi bệnh và thăm khám phát hiện triệu chứng cơ năng, tiền sử, yếu tố dịch tễ và triệu chứng thực thể, chỉ định xét nghiệm cận lâm sàng của người bệnh lỵ amip cấp - Chẩn	PLO 1,5,6,7,10,11,12,13

			đoán được người bệnh lỵ amip cấp và đưa ra kế hoạch điều trị, theo dõi - Tiên lượng được mức độ bệnh và hướng dẫn biện pháp phòng bệnh	
6	Bài 6: **Chẩn đoán và điều trị người bệnh sốt phát ban** 1. Hành chính 2. Hỏi bệnh: Bệnh sử, tiền sử, yếu tố dịch tễ 3. Thăm khám toàn thân và bộ phận 4. Chẩn đoán sơ bộ 5. Chỉ định cận lâm sàng 6. Chẩn đoán xác định và biện luận chẩn đoán 7. Điều trị: Hướng điều trị và điều trị cụ thể 8. Tiên lượng 9. Phòng bệnh	**4**	- Biết cách hỏi bệnh và thăm khám phát hiện triệu chứng cơ năng, tiền sử, yếu tố dịch tễ và triệu chứng thực thể, chỉ định xét	PLO 1,5,6,7,10,11,12,13

			nghiệm cận lâm sàng của người bệnh sốt phát ban - Chẩn đoán được người bệnh sốt phát ban và đưa ra kế hoạch điều trị, theo dõi - Tiên lượng được mức độ bệnh và hướng dẫn biện pháp phòng bệnh	
7	Bài 7: **Chẩn đoán và điều trị người bệnh quai bị** 1. Hành chính 2. Hỏi bệnh: Bệnh sử, tiền sử, yếu tố dịch tễ 3. Thăm khám toàn thân và bộ phận 4. Chẩn đoán sơ bộ	**2**	- Biết cách hỏi bệnh và thăm khám phát hiện triệu chứng cơ năng, tiền	PLO 1,5,6,7,10,11,12,13

	5. Chỉ định cận lâm sàng 6. Chẩn đoán xác định và biện luận chẩn đoán 7. Điều trị: Hướng điều trị và điều trị cụ thể 8. Tiên lượng 9. Phòng bệnh		sử, yếu tố dịch tễ và triệu chứng thực thể, chỉ định xét nghiệm cận lâm sàng của người bệnh quai bị - Chẩn đoán được người bệnh quai bị và đưa ra kế hoạch điều trị, theo dõi - Tiên lượng được mức độ bệnh và hướng dẫn biện pháp phòng bệnh	

8	Bài 8: **Chẩn đoán và điều trị người bệnh sốt xuất huyết Dengue** 1. Hành chính 2. Hỏi bệnh: Bệnh sử, tiền sử, yếu tố dịch tễ 3. Thăm khám toàn thân và bộ phận 4. Chẩn đoán sơ bộ 5. Chỉ định cận lâm sàng 6. Chẩn đoán xác định và biện luận chẩn đoán 7. Điều trị: Hướng điều trị và điều trị cụ thể 8. Tiên lượng 9. Phòng bệnh	**4**	- Biết cách hỏi bệnh và thăm khám phát hiện triệu chứng cơ năng, tiền sử, yếu tố dịch tễ và triệu chứng thực thể, chỉ định xét nghiệm cận lâm sàng của người bệnh sốt xuất huyết Dengue - Chẩn đoán được người bệnh sốt xuất huyết Dengue và đưa ra kế hoạch điều trị, theo	PLO 1,5,6,7,10,11,12,13

			dõi - Tiên lượng được mức độ bệnh và hướng dẫn biện pháp phòng bệnh	
9	Bài 9: **Chẩn đoán và điều trị người bệnh sốt rét** 1. Hành chính 2. Hỏi bệnh: Bệnh sử, tiền sử, yếu tố dịch tễ 3. Thăm khám toàn thân và bộ phận 4. Chẩn đoán sơ bộ 5. Chỉ định cận lâm sàng 6. Chẩn đoán xác định và biện luận chẩn đoán 7. Điều trị: Hướng điều trị và điều trị cụ thể 8. Tiên lượng 9. Phòng bệnh	**2**	- Biết cách hỏi bệnh và thăm khám phát hiện triệu chứng cơ năng, tiền sử, yếu tố dịch tễ và triệu chứng thực thể, chỉ định xét nghiệm cận lâm sàng của người bệnh sốt rét - Chẩn	PLO 1,5,6,7,10,11,12,13

			đoán được người bệnh sốt rét và đưa ra kế hoạch điều trị, theo dõi - Tiên lượng được mức độ bệnh và hướng dẫn biện pháp phòng bệnh	
10	Bài 10: **Chẩn đoán và điều trị nhiễm khuẩn cơ hội trên người bệnh HIV/AIDS** 1. Hành chính 2. Hỏi bệnh: Bệnh sử, tiền sử, yếu tố dịch tễ 3. Thăm khám toàn thân và bộ phận 4. Chẩn đoán sơ bộ 5. Chỉ định cận lâm sàng 6. Chẩn đoán xác định và biện luận chẩn đoán 7. Điều trị: Hướng điều trị và điều trị cụ thể 8. Tiên lượng	**4**	- Biết cách hỏi bệnh và thăm khám phát hiện triệu chứng cơ năng, tiền sử, yếu tố dịch tễ và triệu chứng thực thể, chỉ định xét	PLO 1,5,6,7,10,11,12,13

	9. Phòng bệnh		nghiệm cận lâm sàng của người bệnh nhiễm HIV/AIDS - Chẩn đoán được người bệnh HIV/AIDS và đưa ra kế hoạch điều trị, theo dõi - Tiên lượng được mức độ bệnh và hướng dẫn biện pháp phòng bệnh	
11	Bài 11: **Chẩn đoán và điều trị người bệnh viêm não Nhật Bản** 1. Hành chính 2. Hỏi bệnh: Bệnh sử, tiền sử, yếu tố dịch tễ 3. Thăm khám toàn thân và bộ phận	**2**	- Biết cách hỏi bệnh và thăm khám phát hiện triệu chứng cơ	PLO 1,5,6,7,10,11,12,13

	4. Chẩn đoán sơ bộ 5. Chỉ định cận lâm sàng 6. Chẩn đoán xác định và biện luận chẩn đoán 7. Điều trị: Hướng điều trị và điều trị cụ thể 8. Tiên lượng 9. Phòng bệnh		năng, tiền sử, yếu tố dịch tễ và triệu chứng thực thể, chỉ định xét nghiệm cận lâm sàng của người bệnh viêm não Nhật Bản - Chẩn đoán được người bệnh viêm não Nhật Bản và đưa ra kế hoạch điều trị, theo dõi - Tiên lượng được mức độ bệnh và hướng dẫn	

			biện pháp phòng bệnh	
12	Bài 12: **Chẩn đoán và điều trị người bệnh cúm** 1. Hành chính 2. Hỏi bệnh: Bệnh sử, tiền sử, yếu tố dịch tễ 3. Thăm khám toàn thân và bộ phận 4. Chẩn đoán sơ bộ 5. Chỉ định cận lâm sàng 6. Chẩn đoán xác định và biện luận chẩn đoán 7. Điều trị: Hướng điều trị và điều trị cụ thể 8. Tiên lượng 9. Phòng bệnh	**2**	- Biết cách hỏi bệnh và thăm khám phát hiện triệu chứng cơ năng, tiền sử, yếu tố dịch tễ và triệu chứng thực thể, chỉ định xét nghiệm cận lâm sàng của người bệnh cúm - Chẩn đoán được người bệnh cúm và đưa ra kế hoạch điều trị, theo dõi	PLO 1,5,6,7,10,11,12,13

			- Tiên lượng được mức độ bệnh và hướng dẫn biện pháp phòng bệnh	

III. Phương pháp dạy/học

1. Lý thuyết: Học tại giảng đường

- Thuyết trình
- Thảo luận nhóm

2. Lâm sàng: Học tại khoa Truyền nhiễm bệnh viện Đa khoa tỉnh Thái Bình và tại giảng đường

- Thảo luận nhóm
- Dạy và học tại buồng bệnh
- Case lâm sàng

IV. Phương tiện, vật liệu dạy/học

Máy chiếu Projector, phấn bảng và các phương tiện dạy học khác

1. Lý thuyết:

- Máy chiếu Projector
- Phấn bảng

2. Lâm sàng:

- Trên người bệnh
- Phân tích các case lâm sàng

V. Phương pháp lượng giá

- Thang điểm 10
- Các điểm thành phần

<u>Điểm lý thuyết:</u>

Điểm thành	Trọng số	Bài	Hình	Tiêu chí	CĐR	Điểm

phần	tính điểm	đánh giá	thức đánh giá	đánh giá	được đánh giá	tối đa
Đánh giá chuyên cần (**ĐCC**)	10%	Mặc định điểm chuyên cần cho mỗi sinh viên là 10	Trừ dần điểm theo mỗi lần vi phạm	Ý thức học tập của mỗi sinh viên	PLO 6, 14, 15	10
Điểm giữa học phần (**ĐGHP**)	20%	Kiểm tra câu hỏi ngắn	Thi viết	Kết quả bài kiểm tra so với đáp án	PLO 1, 4	10
Điểm kết thúc học phần (**ĐKTHP**)	70%	Thi trắc nghiệm khách quan	Thi test	Kết quả bài thi trên phần mềm thi trắc nghiệm khách quan	PLO 1, 4	10

Công thức tính điểm: ĐHP= ĐCC x 0,1 + ĐGHP x 0,2 + ĐKTHP x 0,7

<u>Điểm lâm sàng:</u>

Điểm thành phần	Trọng số tính điểm	Bài đánh giá	Hình thức đánh	Tiêu chí đánh giá	CĐR được đánh	Điểm tối đa

			giá		**giá**	
Đánh giá chuyên cần (**ĐCC**)	10%	Mặc định điểm chuyên cần cho mỗi sinh viên là 10	Trừ dần điểm theo mỗi lần vi phạm	Ý thức học tập của mỗi sinh viên	PLO 6, 14, 15	10
Điểm giữa học phần (**ĐGHP**)	20%	Làm bệnh án người bệnh tại khoa Truyền nhiễm hoặc phân tích ca lâm sàng	Thi vấn đáp hoặc thi tại buồng bệnh	Kết quả từ câu trả lời của sinh viên	PLO 8, 10, 11	10
Điểm kết thúc học phần (**ĐKTHP**)	70%	Làm bệnh án người bệnh tại khoa Truyền nhiễm hoặc phân tích ca	Thi vấn đáp hoặc thi tại buồng bệnh	Kết quả từ câu trả lời của sinh viên	PLO 8, 10, 11	10

		lâm sàng				

Công thức tính điểm: ĐHP= ĐCC x 0,1 + ĐGHP x 0,2 + ĐKTHP x 0,7

Rubric 1: Điểm danh: 10 điểm

Tiêu chí	Điểm trừ
Không vắng	0
Nghỉ học có phép	0
Nghỉ học không phép	3
Đi muộn 15 phút	1
Đi muộn 30 phút = Nghỉ học không phép	3

Rubric 2: Vấn đáp

Mức độ đạt chuẩn quy định					
Tiêu chí đánh giá	**Điểm (0-3.9)**	**Điểm (4.0-5.4)**	**Điểm (5.4-6.9)**	**Điểm (7.0-8.4)**	**Điểm (8.5-10)**
Nội dung câu hỏi	Không đạt	Đạt	Trung bình	Khá	Giỏi

VI. Tài liệu học tập và tham khảo *(Liệt kê những tài liệu sử dụng hiện có)*

1. Tài liệu học tập*:(Sách giáo trình đã được xuất bản, có tại thư viện)*

Trường Đại học Y Hà Nội, Bộ môn Truyền nhiễm (2016), "Bài giảng Bệnh truyền nhiễm", Nhà xuất bản y học

2. Tài liệu tham khảo: (*Có tại thư viện hoặc trên internet sinh viên truy cập được)*

1. Bùi Đại (2005), *Bệnh học truyền nhiễm* - Nxb Y học

2. Trường Đại học Y dược Thành phố Hồ Chí Minh (1997), *Bệnh truyền nhiễm* - Nxb Y học.

3. Trường Đại học Y Hà Nội (2006), *Dịch tễ các bệnh truyền nhiễm*, Nxb Y học.

4. Học Viện Quân Y (2016), Bệnh học truyền nhiễm, Nhà xuất bản Quân đội Nhân dân.

VII. Lịch học: Theo Lịch giảng dạy/học tập.

1. Ths Nguyễn Thị Hoàng Hải:
    - Nhiễm HIV/AIDS
    - Viêm màng não do não mô cầu
    - Viêm gan virus
2. Ths Hoàng Thị Hạnh:
    - Lỵ amip
    - Lỵ trực khuẩn
    - Nhiễm khuẩn-Nhiễm độc thức ăn
    - Sởi
3. Ths Trương Thị Minh Diệu
    - Sốt mò
    - Bệnh thương hàn
    - Dại
4. Ths Nguyễn Ngọc Anh
    - Viêm não Nhật Bản
    - Sốt rét
    - Leptospira
    - Ho gà
    - Bạch hầu
5. Ths Lê Trung Kiên
    - Sốt xuất huyết
    - Dịch hạch
    - Cúm
    - Quai bị
6. Bs Hồ Thị Huế
    - Uốn ván
    - Tả

VIII. Quy định với sinh viên:

1. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Sinh viên phải tham gia tối thiểu 80% số tiết học trên lý thuyết trên lớp (20% nghỉ phải có lý do) và 100 % số buổi học lâm sàng.

- Đi học đúng và đủ giờ, tham gia tích cực và đầy đủ buổi học lâm sàng hoặc lý thuyết, có ý thức xây dựng bài, chăm chú nghe giảng

- Khi đi lâm sàng tại khoa Truyền nhiễm: có mặt tại buồng bệnh đúng giờ, quan sát và thực hành theo sự chỉ dẫn và phân công của bác sỹ phụ trách buồng bệnh và thầy cô bộ môn.

- Mỗi buổi trực sinh viên phải trực đúng và đủ giờ, nắm rõ bệnh nhân vào viện, chuẩn bị chủ đề giao ban cho buổi học lâm sàng hôm sau.

2. Quy định điều kiện dự thi:

* Dự thi lý thuyết:

- Sinh viên phải tham gia ít nhất 80% số buổi lý thuyết (20% nghỉ phải có lý do)
- Điểm chuyên cần ≥ 5 điểm
- Điểm giữa học phần ≥ 4 điểm

* Dự thi lâm sàng:

- Sinh viên phải tham gia 100% buổi học lâm sàng
- Điểm chuyên cần ≥ 5 điểm
- Điểm giữa học phần ≥ 4 điểm

IX. Tiến trình cập nhật đề cương chi tiết

TT	Cập nhật đề cương tiết lần	Ngày/tháng/năm	Người cập nhật
7.	**Lần 1**	**05/2019**	**Ths Nguyễn Thị Hoàng Hải**
8.	**Lần 2**	**05/2021**	**Ths Nguyễn Thị Hoàng Hải**
9.	**Dự kiến**	**Năm 2023**	
10.			
11.			

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC THÁI BÌNH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
BỘ MÔN Y HỌC CỔ TRUYỀN	**Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Tên học phần:

Tên tiếng Việt: Y học cổ truyền

Tên tiếng Anh: Traditional Medicine

Mã học phần:

Ngành: Y học dự phòng

Mã ngành: 52720103

I. Hành chính.

1. Thông tin chung:

Học phần:	☑ Bắt buộc ☐ Tự chọn ☐ Không tính điểm
Thuộc kiến thức:	☐ Giáo dục đại cương ☐ Cơ sở ngành ☑ Chuyên ngành ☐ Bổ trợ
Đối tượng:	Bác sỹ Y học dự phòng năm thứ 5
Số tín chỉ: LT: 2, TH: 2 Số tiết Lý thuyết: 30 Số giờ tự học: 70 Số tiết Thực hành: 60 Số giờ tự học: 40	
Số bài kiểm tra (LT/TH/LS): Giữa học phần: 2 Kết thúc học phần: 2	
Học phần học trước:	Ngoại bệnh lý, Nội bệnh lý
Học phần tiên quyết:	

Học phần song hành:	
Bộ môn/Khoa giảng dạy:	**Y học cổ truyền**

2. Mô tả chung về học phần:

Học phần Y học cổ truyền là một trong các môn Y học lâm sàng khối chuyên khoa trong chương trình đào tạo bác sĩ Y học dự phòng. Học phần Y học cổ truyền sẽ cung cấp cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng cơ bản nhất về lý luận YHCT để khám, phát hiện được các triệu chứng, hội chứng của một số chứng bệnh thường gặp trong cộng đồng. Chẩn đoán, điều trị và tư vấn cho người bệnh cách phòng một số chứng bệnh thông thường bằng YHCT.

3. Cán bộ phụ trách/giảng dạy:

STT	Họ tên	Học hàm/học vị	Số điện thoại	Email
1	Đỗ Quốc Hương	Tiến sỹ	0917467222	huongkh71@gmail.com
2	Phí Thị Ngọc	BS CKII.ThS	0946223046	ngocphithi@gmail.com
3	Mai Thị Đào	BS CKII.ThS	0902107261	bsmaithidao@gmail.com
4	Đinh Thị Huệ	Thạc sỹ	0389353568	dinhhue.dhy@gmail.com
5	Lê Trung Dũng	Thạc sỹ	0944831988	dungyhctytb@gmail.com
6	Cao Hồng Hạnh	Thạc sỹ	0374707002	Hanhtbmu0612@gmail.com
7	Phạm Ngọc Hà	Thạc sỹ	0946630989	ngochayhct@gmail.com
8	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	Thạc sỹ	0963447238	ngocanhyhct2015 @gmail.com

9	Nguyễn Thị Hoa Tươi	Thạc sỹ	0344626999	nhoccon201090@gmail.com	Tham gia
10	Bùi Thị Bình	Thạc sỹ	0988265119	binhyhctk3@gmail.com	Tham gia
11	Trần Thanh Phương	Thạc sỹ	0943676979	thanhphuongtran0701@gmail.com	Tham gia
12	Lưu Thị Trang Ngân	Thạc sỹ	0906101905	nganytb1102@gmail.com	Tham gia
13	Bùi Quốc Hưng	Bác sỹ	0376038382	Hungbui031293@gmail.com	Tham gia

4. Mục tiêu học phần:

STT	Mục tiêu học phần	Mục tiêu CTĐT (PEO)
1	Vận dụng được các kiến thức y học cơ sở, kiến thức về lý luận cơ bản YHCT để thăm khám, chẩn đoán được một số bệnh lý thông thường theo YHCT, từ đó có thể đưa ra phương pháp điều trị, phòng bệnh cho người bệnh và cộng đồng bằng YHCT hoặc kết hợp giữa YHCT và YHHĐ.	PEO1, PEO2
2	Thực hiện được kỹ năng giao tiếp với người bệnh, người nhà bệnh nhân, đồng nghiệp và cộng đồng. Thực hành được kỹ năng châm cứu, kê đơn thuốc theo YHCT cho một số bệnh thông thường. Tư vấn, giáo dục sức khỏe cho người bệnh và cộng đồng bằng phương pháp YHCT. Có khả năng thực hiện các đề tài NCKH liên quan đến chuyên ngành YHCT.	PEO1, PEO2, PEO3, PEO4

3	Nhận thức được tầm quan trọng của YHCT trong vấn đề chăm sóc và bảo vệ sức khỏe cộng đồng, vai trò trách nhiệm của bản thân cũng như sự chủ động, độc lập và phối hợp với đồng nghiệp để đảm bảo thực hành nghề nghiệp an toàn, hiệu quả, có tác phong làm việc chuyên nghiệp, hành nghề theo pháp luật, đạo đức nghề nghiệp và có trách nhiệm với xã hội.	PEO2, PEO4, PEO5

5. Chuẩn đầu ra học phần

STT	CĐR Học phần	Mức độ đạt (S, H)/CĐR của CTĐT (PLO)
5.	Vận dụng được kiến thức chuyên ngành YHCT trong việc thăm khám, chẩn đoán, đưa ra phương pháp điều trị và dự phòng cho người bệnh và cộng đồng bằng YHCT. Lập kế hoạch, tổ chức giám sát có hiệu quả thực hành chuyên môn bằng phương pháp YHCT.	S: PLO 1, 3
6.	Có khả năng khai thác tiền sử, bệnh sử của người bệnh chính xác, đầy đủ, khám, chẩn đoán, điều trị được các bệnh thông thường theo YHCT hoặc YHCT kết hợp YHHĐ. Thực hiện được kỹ năng châm cứu và kê đơn cho một số bệnh thông thường. Có kỹ năng giao tiếp chia sẻ và đồng cảm với những lo lắng của người bệnh, thân nhân người bệnh và cộng đồng khi thực hiện nhiệm vụ chuyên môn, thực hiện được giao tiếp và cộng tác hợp lý với đồng	S: PLO 4, 6, 8

	nghiệp. Ứng dụng công nghệ thông tin và ngoại ngữ để cập nhật kiến thức nâng cao trình độ chuyên môn. Thực hiện được NCKH các đề tài về sức khỏe nói chung hoặc đề tài có liên quan đến chuyên ngành YHCT.	
7.	Tuân thủ quy định của ngành và pháp luật của nhà nước, có khả năng độc lập đưa ra các quyết định xử trí chuyên môn, có khả năng bảo vệ quan điểm cá nhân và chịu trách nhiệm về những quyết định đó. Ứng xử theo đạo đức nghề nghiệp: công bằng, trung thực, cảm thông với người bệnh, gia đình và cộng đồng. Phối hợp xử lý chuyên nghiệp với đồng nghiệp trong hoạt động nghề nghiệp. Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân.	S: PLO 10, 11, 12, 13, 14

Chú thích: S (Support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra; H (Highly support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra.

II. NỘI DUNG

1. Lý thuyết

STT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập	CĐR HP
1	**Bài 1:** Lý luận cơ bản 1 1. Học thuyết âm dương 2. Học thuyết ngũ hành 3. Nguyên nhân gây bệnh	4	1. Trình bày được định nghĩa và nội dung của học thuyết âm dương, học thuyết ngũ hành ngũ hành. 2. Vận dụng được nội dung của học thuyết âm dương và	PLO 1, 8, 11

			học thuyết ngũ hành vào chẩn đoán, điều trị và dự phòng cho người bệnh 3. Trình bày được các nguyên nhân gây bệnh YHCT 4. Phát hiện được các nguyên nhân gây bệnh theo YHCT cho các ca lâm sàng giả định và các tình huống cụ thể trên lâm sàng của người bệnh	
2	**Bài 2:** Lý luận cơ bản 2 1. Tứ chẩn 1.1. Vọng chẩn 1.2. Văn chẩn 1.3. Vấn chẩn 1.4. Thiết chẩn 2. Bát cương 2.1. Biểu/lý 2.2. Hư/thực 2.3. Hàn/nhiệt 2.4. Âm/dương 3. Bát pháp	2	1. Trình bày được nội dung bốn phương pháp khám bệnh của YHCT 2. Vận dụng kiến thức về tứ chẩn để khai thác được chính xác triệu chứng bệnh trên lâm sàng 3. Trình bày được các hội chứng của bát cương và sự phối hợp của bát cương trên lâm sàng. 4. Vận dụng được	PLO 1, 6, 8, 11, 12

			bát cương và bát pháp trong chẩn đoán và điều trị bệnh	
3	**Bài 3:** Lý luận cơ bản 3 (Học thuyết tạng phủ) 1. Ngũ tạng 1.1. Chức năng sinh lý 1.2. Biểu hiện bệnh lý 2. Lục phủ 2.1. Chức năng sinh lý 2.2. Biểu hiện bệnh lý 3. Mối quan hệ giữa các tạng phủ	4	1. Trình bày được chức năng sinh lý và biểu hiện bệnh lý của lục phủ, ngũ tạng. 2. Phân tích được mối quan hệ giữa tạng với tạng, tạng với phủ 3. Vận dụng được hiểu biết về hội chứng bệnh lý các tạng phủ vào chẩn đoán và đưa ra pháp điều trị cho các ca lâm sàng giả định và các tình huống cụ thể trên lâm sàng của người bệnh	PLO 1, 6, 11
4	**Bài 4:** Kinh mạch và huyệt vị 1. Đại cương hệ kinh lạc 2. 12 đường kinh chính và 2 mạch nhâm đốc 2.1. Đường đi 2.2. Tác dụng 2.3. Vị trí các huyệt thường dùng	4	1. Trình bày được định nghĩa, cấu tạo, chức năng của hệ kinh lạc và cơ chế tác dụng của châm cứu. 2. Trình bày được đường đi và chỉ định	PLO 1, 6

			điều trị của 12 đường kinh chính và 2 mạch nhâm, đốc 3. Trình bày được vị trí của các huyệt thường dùng trên 12 đường kinh chính và 2 mạch nhâm, đốc	
5	**Bài 5:** Dược Y học cổ truyền 1. Đại cương thuốc YHCT 2. Thuốc giải biểu 3. Thuốc thanh nhiệt 4. Thuốc bổ 5. Thuốc hành khí 6. Thuốc hoạt huyết 7. Thuốc lợi tiểu 8. Thuốc tả hạ 9. Thuốc an thần 10. Thuốc bình can tức phong 11. Thuốc chỉ huyết 12. Thuốc cố sáp 13. Thuốc trừ đàm 14. Thuốc giảm ho 15. Thuốc trừ hàn 16. Thuốc tiêu hóa	4	1. Trình bày được nguồn gốc, thu hái, bảo quản và chế biến thuốc YHCT 2. Phân tích được tính năng dược vật; mối quan hệ giữa khí và vị; giữa ngũ vị, ngũ sắc, ngũ tạng của thuốc YHCT 3. Trình bày được định nghĩa, phân loại, tác dụng chỉ định chung và lưu ý khi sử dụng 15 nhóm thuốc YHCT chính 4. Kể tên các vị thuốc trong 15 nhóm thuốc chính 5. Tư vấn được cho cộng đồng cách	PLO 1, 6,

			dùng các vị thuốc Nam trong 15 nhóm thuốc chính để chữa một số chứng bệnh thông thường	
6	**Bài 6:** Chứng tý (Bệnh khớp do thoái hóa, viêm khớp dạng thấp, viêm quanh khớp vai, đau vai gáy) 1. Bệnh khớp do thoái hóa 1.1. Nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh 1.2. Thể bệnh 1.3. Điều trị 1.4. Phòng bệnh 2. Viêm khớp dạng thấp 2.1. Nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh 2.2. Thể bệnh 2.3. Điều trị 2.4. Phòng bệnh 3. Viêm quanh khớp vai 3.1. Nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh 3.2. Thể bệnh 3.3. Điều trị 3.4. Phòng bệnh 4. Đau vai gáy 4.1. Nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh 4.2. Thể bệnh 4.3. Điều trị 4.4. Phòng bệnh	2	1. Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh gây chứng tý (bệnh khớp do thoái hóa, viêm khớp dạng thấp, viêm quanh khớp vai, đau vai gáy) theo YHCT 2. Trình bày được triệu chứng, pháp điều trị các thể bệnh của 4 chứng bệnh trên 3. Kê được đơn thuốc, đơn huyệt cho từng thể bệnh	PLO 1, 2, 4, 6, 8, 10, 11, 12, 13, 14
7	**Bài 7:** Yêu cước thống (đau thần kinh hông to)	1	1. Trình bày được nguyên nhân, cơ chế	PLO 1, 2,

	1. Nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh 2. Thể bệnh 3. Điều trị 4. Phòng bệnh		bệnh sinh gây chứng Yêu cước thống theo YHCT 2. Trình bày được triệu chứng, pháp điều trị 2 thể bệnh của Yêu cước thống 3. Kê được đơn thuốc, đơn huyệt cho từng thể bệnh	4, 6, 8, 10, 11, 12, 13, 14
8	**Bài 8:** Thất miên, đầu thống (Tâm căn suy nhược) 1. Nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh 2. Thể bệnh 3. Điều trị 4. Phòng bệnh	1	1. Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh gây tâm căn suy nhược theo YHCT 2. Trình bày được triệu chứng, pháp điều trị các thể bệnh của TCSN 3. Kê được đơn thuốc, đơn huyệt cho từng thể bệnh	PLO 1, 2, 4, 6, 8, 10, 11, 12, 13, 1
9	**Bài 9:** Thương phong, dịch lệ, ôn dịch, phong chẩn (Cảm cúm, sốt xuất huyết, mày đay) 1. Cảm cúm 1.1. Nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh 1.2. Thể bệnh 1.3. Điều trị	2	1. Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh gây cảm cúm, sốt xuất huyết, mày đay theo YHCT 2. Trình bày được	1, 2, 4, 6, 8, 10, 11, 12, 13,

	1.4. Phòng bệnh 2. Sốt xuất huyết 2.1. Nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh 2.2. Thể bệnh 2.3. Điều trị 2.4. Phòng bệnh 3. Mày đay 3.1. Nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh 3.2. Thể bệnh 3.3. Điều trị 3.4. Phòng bệnh		triệu chứng, pháp điều trị các thể bệnh của 3 chứng bệnh trên 3. Kê được đơn thuốc, đơn huyệt cho từng thể bệnh	14
10	**Bài 10:** Vị quản thống, tiết tả (Hội chứng dạ dày - tá tràng, ỉa chảy) 1. Hội chứng dạ dày - tá tràng 1.1. Nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh 1.2. Thể bệnh 1.3. Điều trị 1.4. Phòng bệnh 2. Ỉa chảy 2.1. Nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh 2.2. Thể bệnh 2.3. Điều trị 2.4. Phòng bệnh	2	1. Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh gây hội chứng dạ dày – tá tràng, ỉa chảy theo YHCT 2. Trình bày được triệu chứng, pháp điều trị các thể bệnh của 2 chứng bệnh trên 3. Kê được đơn thuốc, đơn huyệt cho từng thể bệnh	PLO 1, 2, 4, 6, 8, 10, 11, 12, 13, 14
11	**Bài 11:** Huyễn vựng, trúng phong (Tăng huyết áp, tai biến mạch máu não) 1. Tăng huyết áp 1.1. Nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh 1.2. Thể bệnh	2	1. Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh gây tăng huyết áp, tai biến mạch máu não theo	PLO 1, 2, 4, 6, 8, 10,

	1.3. Điều trị 1.4. Phòng bệnh 2. Tai biến mạch máu não 2.1. Nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh 2.2. Thể bệnh 2.3. Điều trị 2.4. Phòng bệnh		YHCT 2. Trình bày được triệu chứng, pháp điều trị các thể bệnh của 2 chứng bệnh trên 3. Kê được đơn thuốc, đơn huyệt cho từng thể bệnh	11, 12, 13, 14
12	**Bài 12:** Hạ trĩ, băng lậu **(**Trĩ, rong kinh) 1. Trĩ 1.1. Nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh 1.2. Thể bệnh 1.3. Điều trị 1.4. Phòng bệnh 2. Rong kinh 2.1. Nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh 2.2. Thể bệnh 2.3. Điều trị 2.4. Phòng bệnh	2	1. Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh gây hạ trĩ, băng lậu theo YHCT 2. Trình bày được triệu chứng, pháp điều trị các thể bệnh của hạ trĩ, băng lậu 3. Kê được đơn thuốc, đơn huyệt cho từng thể bệnh	PLO 1, 2, 4, 6, 8, 10, 11, 12, 13, 14
	Tổng	**30**		

2. Lâm sàng

STT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập	CĐR
1	**- Tiếp đón sinh viên, phổ biến quy chế học lâm sàng** **- Hướng dẫn cách làm bệnh án YHCT** 1. Phần hành chính	4	1. Sinh viên hiểu và tuân thủ quy định học lâm sàng của bộ môn, các khoa tại bệnh viện.	PLO 1, 2, 6, 10

	2. Lý do vào viện 3. Tứ chẩn 3.1. Vọng chẩn 3.2. Văn chẩn 3.3. Vấn chẩn 3.4. Thiết chẩn 4. Cận lâm sàng 5. Tóm tắt bệnh án và quy nạp bát cương 6. Chẩn đoán 6.1. Bệnh danh (YHHĐ và YHCT) 6.2. Tạng phủ 6.3. Kinh lạc 6.4. Nguyên nhân 7. Biện chứng luận trị 8. Pháp điều trị 9. Điều trị 10. Tiên lượng 12. Phòng bệnh		2. Hiểu rõ cách làm bệnh án chuyên khoa YHCT, những lưu ý và yêu cầu khi làm bệnh án. 3. Thái độ học tập tích cực, tôn trọng người bệnh, bạn bè và nhân viên y tế khi học lâm sàng	
2	**Kỹ năng châm cứu (Trung mô phỏng và huấn luyện kỹ năng)** **1. Hướng dẫn, làm mẫu** 1.1.Chuẩn bị dụng cụ 1.2. Chuẩn bị người bệnh 1.3. Các bước tiến hành kỹ thuật 1.3.1.Xác định vị trí huyệt 1.3.2. Sát trùng nơi châm 1.3.3. Tiến hành châm 1.3.4. Lưu kim 1.3.5. Rút kim	8	1. Thực hiện đúng các bước chuẩn bị và tiến hành châm cứu 2. Sử dụng được bảng kiểm châm cứu điều trị 5 chứng bệnh thông thường để tự lượng giá và lượng giá theo nhóm	PLO 1, 3, 6, 8, 10, 11, 12

	1.4. Xử trí tai biến khi châm 1.5. Châm cứu điều trị 7 chứng bệnh thông thường. **2. Xem video, chia nhóm** **3. Kiểm tra, đánh giá**			
3	**Nhận biết thuốc YHCT (Trung mô phỏng và huấn luyện kỹ năng)** 1. Hướng dẫn nhận dạng vị thuốc Nam trên tranh 2. Hướng dẫn nhận dạng vị thuốc Nam qua mẫu thuốc tươi 3. Hướng dẫn nhận dạng các vị thuốc qua mẫu thuốc khô 4. Kiểm tra và đánh giá	8	1. Nhận dạng được các vị thuốc Nam sử dụng trong toa căn bản và mẫu thuốc khô sử dụng trong điều trị tại các bệnh viện YHCT 2. Kê được 1 đơn thuốc Nam theo toa căn bản cho ca lâm sàng giả định	PLO 1, 6, 10, 11
4	**Giao ban** 1. Sinh viên báo cáo bệnh nhân giao ban, ưu tiên bệnh nhân mới vào viện 2. Sinh viên đưa ra ý kiến thảo luận 3. Giảng viên nhận xét, phân tích các dấu hiệu lâm sàng, chẩn đoán và đưa ra pháp điều trị, phương dược và phương pháp điều trị không dùng thuốc cho ca bệnh	14	1. Khai thác được đầy đủ tứ chẩn của bệnh nhân 2. Chẩn đoán được bệnh danh, bát cương, tạng phủ, nguyên nhân theo YHCT 3. Từ 2 mục trên đưa ra pháp điều trị, phương thuốc, phương pháp điều trị không dùng thuốc cụ thể cho ca bệnh	PLO 1, 3, 6, 8, 10, 11, 12, 13, 14

5	**Giảng đầu giường** Dạy học theo phương pháp nghiên cứu từng ca bệnh. 1. Sinh viên báo cáo tóm tắt bệnh nhân 2. Giảng viên nhận xét, phân tích về ca bệnh . Hướng dẫn sinh viên kỹ năng giao tiếp, thăm khám trên người bệnh. 3. Sinh viên quan sát, trả lời câu hỏi, thực hiện lại theo yêu cầu và giám sát của giảng viên 4. Giảng viên đánh giá và kết luận	24	1. Giao tiếp ứng xử tốt với bệnh nhân, gia đình bệnh nhân, y bác sỹ trong việc thực hiện thăm khám bệnh nhân 2. Thực hiện được các thao tác khám bệnh theo YHCT và YHHĐ 3. Đưa ra được chẩn đoán bệnh danh, bát cương, vị trí, nguyên nhân theo YHCT 4. Đưa ra được pháp điều trị, phương thuốc, phương huyệt cho ca lâm sàng 5. Bước đầu liên hệ được giữa YHHĐ và YHCT về phương diện chẩn đoán	PLO 1, 3, 6, 8, 10, 11, 12, 13, 14
6	**Đi buồng** Giáo viên đi từng buồng bệnh để kiểm tra sinh viên về việc nắm bệnh nhân trong buồng và hướng dẫn sinh viên cách thăm khám bệnh theo tứ chẩn	20	1. Sinh viên báo cáo tóm tắt tình hình bệnh nhân trong buồng bệnh được phân công. 2. Quan sát bác sỹ, điều dưỡng buồng bệnh hoặc giáo viên	PLO 1, 3, 6, 8, 10, 11, 12, 13, 14

			phụ trách làm một số thủ thuật trên bệnh nhân. 3. Tham gia làm bệnh án tại khoa phòng	
7	**Bình bệnh án** 1. Sinh viên làm bệnh án theo mẫu đã học và chép lên bảng 2. Sinh viên báo cáo bệnh án đã làm 3. Sinh viên đưa ra ý kiến thảo luận 4. Giảng viên nhận xét, phân tích các dấu hiệu lâm sàng, chỉ ra những phần sinh viên làm sai hoặc bị thiếu và đưa ra những kết luận đúng.	6	1. Giao tiếp ứng xử tốt với bệnh nhân, gia đình bệnh nhân, y bác sỹ trong việc thực hiện thăm khám bệnh nhân 2. Trình bày được 1 bệnh án về ca lâm sàng cụ thể theo đúng mẫu đã học 3. Phân tích được các triệu chứng và đưa ra những biện luận, giải thích cho những nhận định, chẩn đoán, điều trị của mình 4. Giải thích được pháp điều trị của người bệnh	PLO 1, 3, 6, 8, 10, 11, 12, 13, 14
8	**Hỏi thi kết thúc lâm sàng học phần YHCT**	4	1. Viết bệnh án theo mẫu đã hướng dẫn 2. Liệt kê đầy đủ các chẩn đoán YHCT	PLO 1, 3, 6, 8, 10,

			trên người bệnh 3. Biện luận cho chẩn đoán bát cương 4. Đưa ra pháp điều trị, phương dược, phương pháp điều trị không dùng thuốc cho người bệnh 5. Thao tác một kỹ năng lâm sàng liên quan đến diện bệnh	11, 12, 14
	Tổng	**88**		

III. Phương pháp dạy/học

1. Lý thuyết: Thuyết trình, phát vấn, tự học

2. Thực hành: Thực hành nhóm nhỏ, giao ban, giảng đầu giường, đi buồng, bình bệnh án

IV. Phương tiện, vật liệu dạy/học

1. Lý thuyết:

- Tài liệu học tập
- Bài giảng Powerpoint
- Phấn, bảng, Projector

2. Thực hành: Tranh châm cứu, mô hình kinh lạc, bộ dụng cụ châm cứu, tranh cây thuốc, mẫu thuốc khô, ca bệnh, video.

V. Phương pháp lượng giá

- Thang điểm 10
- Các điểm thành phần

1. Điểm lý thuyết

Điểm thành phần	**Trọng số tính điểm**	**Bài đánh giá**	**Hình thức đánh**	**Tiêu chí đánh giá**	**CĐR được đánh**	**Điể tối**

			giá		**giá**	
Đánh giá chuyên cần (**ĐCC**)	0,1	Hàng ngày	Điểm danh	Đi học đầy đủ, đúng giờ, không vi phạm quy chế của bộ môn. Rubric 1	PLO 10	10
Điểm giữa học phần (**ĐGHP**)	0,2	- 1 bài kiểm tra 50 phút gồm 3 câu hỏi ngắn (bao hàm các nội dung kiến thức đã học)	Thi viết câu hỏi ngắn	Trả lời 3 câu hỏi đầy đủ, chính xác. Trong đó 2 câu 3,5 điểm; 1 câu 3 điểm, Tổng điểm 3 câu là 10 điểm	PLO 1, 6, 11	10
Điểm kết thúc học phần (**ĐKTHP**)	0,7	1 bài thi trắc nghiệm trên máy 60 phút gồm 60 câu	Thi trắc nghiệm khách quan	Mỗi câu trả lời đầy đủ, chính xác được 1/6 điểm, tổng 60 câu là 10 điểm	PLO 1, 11	10

2. Điểm thực hành lâm sàng

Điểm thành phần	**Trọng số tính điểm**	**Bài đánh giá**	**Hình thức đánh giá**	**Tiêu chí đánh giá**	**CĐR được đánh giá**	**Điểm tối đ**
Đánh giá chuyên cần (**ĐCC**)	0,1	Hàng ngày	Điểm danh	Đi học đầy đủ, đúng giờ, không vi phạm quy chế của khoa, bộ môn. Rubric 1	PLO 10	10

Điểm giữa học phần (**ĐGHP**)	0,2	1 bài kiểm tra 30 phút gồm 2 ca lâm sàng giả định. Sinh viên đọc ca lâm sàng và trả lời 3 câu hỏi cho mỗi ca lâm sàng: - Biện luận chẩn đoán - Điều trị - Phòng bệnh	Thi viết câu hỏi ngắn	Trả lời đầy đủ, chính xác về biện luận chẩn đoán, đưa ra pháp điều, điều trị và phòng bệnh cho mỗi ca lâm sàng giả định được 5 điểm, 2 ca lâm sàng giả định được 10 điểm	PLO 1, 6, 11	10
Điểm kết thúc học phần (**ĐKTHP**)	0,7	1 bản bệnh án YHCT cho 1 bệnh nhân bất kỳ, 2 giảng viên hỏi vấn đáp trực tiếp trên sinh viên	Thi vấn đáp	Khám phát hiện được đầy đủ và chính xác các triệu chứng theo tứ chẩn, đưa ra được đầy đủ và chính xác các chẩn đoán theo YHCT, đưa ra được phương pháp điều phù hợp với các chẩn đoán Rubric 2	PLO 1, 6, 8, 10, 11, 12, 14	10

Công thức tính điểm:

Lý thuyết = Đ.CC x 0,1 + Đ.GHP x 0,2 + Đ.KTHP x 0,7 = Đ.HP

Lâm sàng = Đ.CC x 0,1 + Đ.GHP x 0,2 + Đ.KTHP x 0,7 = Đ.HP

Rubric 1: Điểm danh: 10 điểm

Tiêu chí	Điểm trừ
Không vắng	0
Nghỉ học có phép	0,5 điểm/2tiết (1 điểm/1 buổi học)
Nghỉ học không phép	0,5 điểm/tiết (2 điểm/1 buổi học)
Đi muộn	< 15 phút: 0,5 điểm/lần > 15 phút tính như vắng

Rubric 2: Vấn đáp lâm sàng Y học cổ truyền

Tiêu chí đánh giá	Trọng số	Mức độ đạt chuẩn quy định					Đ
		Điểm (0-3,9)	Điểm (4-5,4)	Điểm (5,4-6,9)	Điểm (7-8,4)	Điểm (8,5-10)	
TC1: Viết bệnh án, báo cáo bệnh án	50%	- Chưa hoàn thành bệnh án. Nội dung bệnh án nhiều lỗi sai cơ bản. - Báo cáo không rõ ràng	- Bệnh án viết hoàn thiện. Nội dung bệnh án nhiều lỗi sai cơ bản. - Báo cáo không rõ ràng	- Bệnh án viết hoàn thiện. Nội dung có 3-4 lỗi. - Báo cáo tương đối rõ ràng.	- Bệnh án viết hoàn thiện, đúng mẫu. Nội dung có 1-2 thiếu sót nhẹ, không ảnh hưởng nhiều tổng thể. - Báo cáo rõ ràng	- Bệnh án viết hoàn thiện, đúng mẫu. Khai thác đủ, chính xác tiền sử, bệnh sử, triệu chứng, chẩn đoán, chỉ định CLS, điều trị, tiên lượng phù hợp. - Báo cáo rõ ràng mạch lạc	

					mạch lạc		
TC2: Thao tác thăm khám	30%	- Giao tiếp kém hoặc không giao tiếp với người bệnh, gia đình người bệnh, đồng nghiệp. - Thao tác khám sai kỹ thuật.	- Giao tiếp lúng túng với người bệnh, gia đình người bệnh, đồng nghiệp. - Thao tác khám đúng trình tự nhưng còn vụng về.	- Giao tiếp lúng túng với người bệnh, gia đình người bệnh, đồng nghiệp. - Thao tác khám đúng kỹ thuật.	- Giao tiếp tốt với người bệnh, gia đình người bệnh, đồng nghiệp. - Thao tác khám đúng kỹ thuật.	- Giao tiếp tốt với người bệnh, gia đình người bệnh, đồng nghiệp. - Thao tác khám thành thục, đúng kỹ thuật.	
TC3: Trả lời 2 câu hỏi của giảng viên	20%	- Không trả lời được, hoặc chỉ trả lời được 1 câu - Nội dung có nhiều sai sót, trình bày	- Trả lời đủ 2 câu hỏi - Nội dung trả lời có nhiều sai sót, trình bày chưa rõ ràng	- Trả lời đủ 2 câu hỏi - Nội dung trả lời còn 1 số sai sót, trình bày chưa rõ ràng	- Trả lời đủ 2 câu hỏi - Nội dung trả lời tương đối chính xác, trình bày chưa rõ ràng	- Trả lời đủ cả 2 câu hỏi - Nội dung trả lời chính xác, trình bày rõ ràng	

		không rõ ràng					
Điểm tổng							

VI. Tài liệu học tập và tham khảo

1. Tài liệu học tập chủ yếu:

1. Bộ môn Y học cổ truyền – Trường Đại học Y Dược Thái Bình (2015), *Giáo trình Y học cổ truyền tập 1*, Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam

2. Bộ môn Y học cổ truyền – Trường Đại học Y Dược Thái Bình (2015), *Giáo trình Y học cổ truyền tập 2*, Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam

2. Tài liệu tham khảo:

1. Hoàng Bảo Châu (1997), *Nội khoa học cổ truyền*, Nhà xuất bản Y học.

2. Ngô Quý Châu (2016), *Bệnh học nội khoa tập I*, trang 24-31, 50-55, Nhà xuất bản Y học.

3. Ngô Quý Châu (2016), *Bệnh học nội khoa tập II*, Nhà xuất bản Y học

4. Nguyễn Văn Chương (2016), *Thực hành lâm sàng thần kinh học tập II*, Nhà xuất bản Y học.

5. Bộ môn Da liễu – Trường Đại học Y Dược Thái Bình (2015), *Giáo trình da liễu*, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, Tr 50 – 56.

6. Bùi Đại, Nguyễn Văn Mùi, Nguyễn Hoàng Tuấn (2005), *Bệnh học Truyền nhiễm*, Nhà xuất bản Y học, Tr 157 – 163, 299 – 307.

7. Phan Quan Chí Hiếu (2009), *Châm cứu học*, Nhà xuất bản Y học.

8. Nguyễn Minh Hiện (2013), *Đột quỵ não*, Nhà xuất bản Y học.

9. Khoa Y học cổ truyền - Trường Đại học Y Hà Nội (2015), *Bài giảng Y học cổ truyền tập 1*, Nhà xuất bản Y học

10. Khoa Y học cổ truyền - Trường Đại học Y Hà Nội (2015), *Bài giảng Y học cổ truyền tập 2*, Nhà xuất bản Y học.

11. Khoa Y học cổ truyền - Trường Đại học Y Hà Nội (2006), *Chuyên đề nội khoa Y học cổ truyền*, Nhà xuất bản Y học

12. Nguyễn Nhược Kim, Trần Quang Đạt (2008), *Châm cứu và các phương pháp chữa bệnh không dùng thuốc*, Nhà xuất bản Y học.

13. Khoa Y học cổ truyền, Trường Đại học Y Hà Nội (2012), *Bệnh học nội khoa Y học cổ truyền*, Nhà xuất bản Y

học.

14. Phạm Văn Trịnh (2012), Bệnh học ngoại phụ Y học cổ truyền, Nhà xuất bản Y học.

VII. Lịch học: Theo Lịch giảng dạy/học tập.

1. Lịch giảng dạy lý thuyết (Buổi chiều)

Tuần thứ	Nội dung	Số tiết	Hình thức học
1	**Bài 1:** Lý luận cơ bản 1	4	Thuyết trình, thảo luận
	Bài 2: Lý luận cơ bản 2	2	Thuyết trình, thảo luận
	Bài 3: Lý luận cơ bản 3 (Học thuyết tạng phủ)	4	Thuyết trình, thảo luận
	Bài 4: Kinh mạch và huyệt vị	4	Thuyết trình, thảo luận
	Bài 5: Dược Y học cổ truyền	4	Thuyết trình, thảo luận
2	**Bài 6:** Chứng tý (Bệnh khớp do thoái hóa, viêm khớp dạng thấp, viêm quanh khớp vai, đau vai gáy) **Bài 7:** Yêu cước thống (đau thần kinh hông to) **Bài 8:** Thất miên, đầu thống (Tâm căn suy nhược)	4	Thuyết trình, thảo luận
	Bài 9: Thương phong, dịch lệ, ôn dịch, phong chẩn (Cảm cúm, sốt xuất huyết, mày đay) **Bài 10:** Vị quản thống, tiết tả (Hội chứng dạ dày - tá tràng, ỉa chảy)	4	Thuyết trình, thảo luận

	Bài 11: Huyễn vựng, trúng phong (Tăng huyết áp, tai biến mạch máu não) **Bài 12:** Hạ trĩ, băng lậu (Trĩ, rong kinh)	4	Thuyết trình, thảo luận
3	Kiểm tra giữa học phần lý thuyết 50 phút Kiểm tra giữa học phần lâm sàng 30 phút (Chiều thứ hai)		Lý thuyết: Kiểm tra viết câu hỏi ngắn Lâm sàng: Ca lâm sàng giả định
4	Thi kết thúc học phần lý thuyết		Trắc nghiệm khách quan
	Tổng	30	

2. Lịch giảng dạy lâm sàng (Buổi sáng)

Tuần	**Chủ đề**	**Số tiết**	**Hoạt động học**
Tuần 1	Thứ 2: - Tiếp đón sinh viên, phổ biến quy chế học lâm sàng - Hướng dẫn cách làm bệnh án YHCT	4	Thảo luận
	Thứ 3: TT kỹ năng châm cứu (Trung tâm mô phỏng và huấn luyện kỹ năng)	4	Trình bày, thảo luận
	Thứ 4: TT kỹ năng châm cứu (Trung tâm mô phỏng và huấn luyện kỹ năng)	4	Trình bày, thảo luận
	Thứ 5: Nhận biết thuốc YHCT (Trung tâm mô phỏng và huấn luyện kỹ năng)	4	Trình bày, thảo luận
	Thứ 6: Nhận biết thuốc YHCT (Trung	4	Trình bày, thảo luận

	tâm mô phỏng và huấn luyện kỹ năng)		
Tuần 2	Thứ 2: GB, Đi buồng	5	Trình bày, thảo luận
	Thứ 3: GB, GĐG	5	Trình bày, thảo luận
	Thứ 4: GB, BBA	3	Trình bày, thảo luận
	Thứ 5: GB, GĐG	5	Trình bày, thảo luận
	Thứ 6: GB, Đi buồng	5	Trình bày, thảo luận
Tuần 3	Thứ 2: GB, Đi buồng	5	Trình bày, thảo luận
	Thứ 3: GB, GĐG	5	Trình bày, thảo luận
	Thứ 4: GB, BBA	3	Trình bày, thảo luận
	Thứ 5: GB, GĐG	5	Trình bày, thảo luận
	Thứ 6: GB, Đi buồng	5	Trình bày, thảo luận
Tuần 4	Thứ 2: GB, Đi buồng	5	Trình bày, thảo luận
	Thứ 3: GB, GĐG	5	Trình bày, thảo luận
	Thứ 4: GB, BBA	3	Trình bày, thảo luận
	Thứ 5: GB, GĐG	5	Trình bày, thảo luận
	Hỏi thi kết thúc học phần lâm sàng	4	
Tổng		88	

VIII. Quy định với sinh viên:

1. Nhiệm vụ của sinh viên

- Đi học đầy đủ, đúng giờ, tuân thủ nội quy, quy định của bộ môn, khoa dược bệnh viện YHCT tỉnh.

- Hoàn thành đầy đủ các nhiệm vụ trong sổ tay lâm sàng.

2. Quy định điều kiện dự thi:

- Thực hiện đúng nhiệm vụ của sinh viên.

- Vắng 01 buổi học thực hành không có lý do sinh viên không được duyệt thi

- Vắng 01 buổi học thực hành có lý do, bộ môn sẽ tổ chức học bù vào thứ 7, chủ nhật, sau khi hoàn thành học bù mới được duyệt thi.

- Sinh viên nghỉ học < 20% số buổi lý thuyết có lý do được duyệt thi lý thuyết

lần 1 và không phải học bù.

- Sinh viên thi đạt thực hành mới được duyệt thi lý thuyết.

IX. Tiến trình cập nhật đề cương chi tiết

TT	Cập nhật đề cương chi tiết lần	Ngày/tháng/năm	Người cập nhật
1.	**Lần 1**	**05/2019**	
2.	**Lần 2**	**05/2021**	
3.	**Dự kiến**	**Năm 2023**	

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

BỘ MÔN: Tổ chức và quản lý y tế

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Tên học phần:

Tên tiếng Việt: Kinh tế y tế

Tên tiếng Anh: Medical Economics

Mã học phần: 3130MEDECO0T

Ngành: Y học dự phòng

Mã ngành:

I.Hành chính.

1.Thông tin chung:

Học phần:	☑ Bắt buộc ☐ Tự chọn ☐ Không tính điểm
Thuộc kiến thức:	☐ Giáo dục đại cương ☐ Cơ sở ngành ☑ Chuyên ngành ☐ Bổ trợ
Đối tượng:	Y học dự phòng năm thứ 4
Số tín chỉ (LT;TH/LT;LS): Số tiết Lý thuyết: Thảo luận : Số giờ tự học: Số tiết Thực hành/ Lâm sàng: Thảo luận: Số giờ tự học:	1 (1) 16 0 34 0 0 0
Số bài kiểm tra (LT/TH/LS): Giữa học phần: Thực hành:	3 1 1

Kết thúc học phần:	1
Học phần học trước:	Tổ chức và quản lý y tế
Học phần tiên quyết:	Không có
Học phần song hành:	Không có
Bộ môn/Khoa giảng dạy:	Bộ môn Tổ chức và quản lý y tế

2.Mô tả chung về học phần:

Môn học Kinh tế Y tế là ngành khoa học vận dụng các quy luật của kinh tế học vào việc quản lý ngành y tế, giúp các nhà hoạch định các chính sách y tế nâng cao chất lượng hoạch định các chính sách, lập kế hoạch các hoạt động chăm sóc sức khỏe và ra các quyết định quản lý trong lĩnh vực chăm sóc sức khoẻ. Nguyên lý cơ bản của kinh tế y tế là sử dụng một cách tối ưu các nguồn lực của ngành y tế để cải thiện sức khoẻ cộng đồng.

3. Cán bộ phụ trách/giảng dạy:

STT	Họ tên	Học hàm/học vị	Số điện thoại	Email	Ghi chú
1.	Nguyễn Đức Thanh	PGS. TS	0912357575	bsthanh@hotmail.com	Phụ trách
2.	Trần Đình Thoan	Tiến sỹ	0979895118	trandinhthoantb@gmail.com	Tham gia
3.	Đặng Văn Nghiễm	Tiến sỹ	0904269378	nghiemdv1961@gmail.com	Tham gia
4.	Phan Thu Nga	Thạc sỹ	0976625250	phanthunga2710@gmail.com	Tham gia
5.	Nguyễn Thị Ái	Thạc sỹ	0984391406	nguyenai198@gmail.com	Tham gia
6.	Nguyễn Hà My	Thạc sỹ	0976599971	hamy0359@gmail.com	Tham gia
7.	Nguyễn Văn Tiến	Thạc sỹ	0972213609	tiennv@tbump.edu.vn	Tham gia
8.	Nguyễn Quỳnh Hoa	Thạc sỹ	0987324899	quynhhoanckh@gmail.com	Tham gia

4. Mục tiêu học phần:

TT	Mục tiêu học phần	Mục tiêu CTĐT (PEO)
1.	Trình bày được cơ sở của kinh tế học và định	PEO 1

	nghĩa kinh tế y tế	
2.	Phân tích được các đặc điểm cơ bản của thị trường CSSKvà chi phí y tế	PEO 2 PEO 4
3.	Đánh giá được chi phí y tế cho 1 chương trình can thiệp	PEO5

5. Chuẩn đầu ra học phần

TT	**CĐR Học phần** Sau khi học xong học phần này	**Mức độ đạt** **(S, H)/CĐR của CTĐT (PLO)**
1.	Vận dụng được kiến thức KTYT trong thực hành chuyên môn YHDP	S/PLO1 H/PLO3
2.	Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm và phối hợp được với các bên liên quan có hiệu quả trong các hoạt động nghề nghiệp liên quan đến kinh tế y tế	H/PLO7 H/PLO8
3.	Tham gia lập kế hoạch và điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động về tài chính y tế	H/PLO4 H/PLO5 H/PLO9 S/PLO13

Chú thích: S (Support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra; H (Highly support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra.

II. NỘI DUNG

1. Lý thuyết

STT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập	CĐR HP
1	**Bài 1. Những khái niệm cơ bản của kinh tế học** 1. Cơ sở của kinh tế học 2. Một số khái niệm của kinh tế học	2	MT 1	CĐR 1

2	**Bài 2. Kinh tế y tế** 1. Khái niệm 2. Chức năng, nhiệm vụ của kinh tế y tế 3. Trọng tâm nghiên cứu và ứng dụng các kết quả nghiên cứu về kinh tế y tế vào thực tiễn hoạt động của ngành y tế 4. Các phương pháp nghiên cứu kinh tế 5. Các câu hỏi cơ bản của kinh tế y tế 6. Đặc điểm cơ bản của thị trường CSSK	2	MT 1	CĐR 1
3	**Bài 3. Phân tích chi phí** 1. Mở đầu 2. Các khái niệm về chi phí 3. Phân loại chi phí 4. Tiến trình phân tích chi phí 5. Tính toán chi phí 6. Lợi nhuận 7. Lợi ích (U- Utility)	4	MT 3	CĐR 2,3
4	**Bài 4. Đo lường kết quả can thiệp** 1. Đo lường kết quả 2. Đánh giá gánh nặng bệnh tật trong cộng đồng	2	MT 3	CĐR 2,3
5	**Bài 5. Đánh giá kinh tế y tế** 1. Đánh giá kinh tế là gì? 2. Các phương pháp đánh giá kinh tế y tế	4	MT 3	CĐR 2,3
	Bài 6. Lập kế hoạch ngân sách và tài chính y tế 1. Ngân sách là gì ? 2. Các dạng ngân sách 3. Lập ngân sách 4. Mẫu ngân sách 5. Tính toán và theo dõi ngân sách	2	MT 3	CĐR 2,3

2. Thực hành

STT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập	CĐR
1	Bài 1. Phân tích chi phí	4	MT2	CĐR 2,3
2	Bài 2. Đo lường kết quả can thiệp	4	MT2	CĐR 2,3
3	Bài 3. Đánh giá kinh tế y tế	4	MT2	CĐR 2,3
4	Bài 4. Lập kế hoạch ngân sách và tài chính y tế	4	MT3	CĐR 2,3

III. Phương pháp dạy/học

- Thuyết trình ngắn tích cực hóa;
- Hỏi - đáp trực tiếp;
- Giao bài đọc về nhà;
- Hướng dẫn tự học

IV. Phương tiện, vật liệu dạy/học

- Máy chiếu Projector
- Bảng, phấn
- Câu hỏi phát vấn

V. Phương pháp lượng giá

- Thang điểm 10
- Các điểm thành phần

Điểm thành phần	Trọng số tính điểm	Bài đánh giá	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR được đánh giá	Điểm tối đa
Đánh giá chuyên cần (**ĐCC**)	10%	1	Theo quy chế của Nhà trường	- Qua sổ nhật ký - Thái độ học tập của	CĐR 4	10

				SV		
Điểm giữa học phần (**ĐGHP**)	10%	1	Bài kiểm tra viết	≥ 4: Đạt	CĐR 1,2,3	10
Điểm thực hành (**ĐTH**)	40%	1	Bài kiểm tra viết	≥ 4: Đạt	CĐR 1,2,3	10
Điểm kết thúc học phần (**ĐKTHP**)	40%	1	Bài kiểm tra test	≥ 4: Đạt	CĐR 1,2,3	10

Công thức tính điểm:

Điểm CC x 0,1 + Điểm GHP x 0,1 + Điểm TH x 0,4 + Điểm kết thúc HP x 0,4

Rubric 1: Điểm danh: 10 điểm

Tiêu chí	**Điểm trừ**
Không vắng	0
Nghỉ học có phép	1
Nghỉ học không phép	2
Đi muộn	0,5

Rubric 2: Thi viết: 10 điểm

Mức độ đạt chuẩn quy định					
Tiêu chí đánh giá	**Điểm (0-3.9)**	**Điểm (4.0-5.4)**	**Điểm (5.4-6.9)**	**Điểm (7.0-8.4)**	**Điểm (8.5-10)**
Nội dung câu hỏi	Không giải được	Chưa giải hết các câu hỏi	Giải đầy đủ các câu hỏi nhưng còn	Giải đầy đủ và đúng các câu hỏi nhưng trình	Giải đầy đủ, đúng các câu hỏi và trình

			một số sai sót	bày chưa rõ ràng	bày rõ ràng

VI. Tài liệu học tập và tham khảo

1. Tài liệu học tập

Bộ môn Tổ chức và Quản lý y tế (2018), Giáo trình *Kinh tế y tế,* Trường Đại học Y Dược Thái Bình (*lưu hành nội bộ*)

2. Tài liệu tham khảo:

1. Nguyễn Đức Thanh (2015). Giáo trình Kinh tế Y tế (Sách đào tạo Sau đại học), Bộ môn Tổ chức và Quản lý Y tế, Trường Đại học Y Dược Thái Bình, (Lưu hành nội bộ)

2. Trường Đại học Y tế công cộng (2012). Khái niệm cơ bản về Kinh tế y tế & Tài chính y tế, Nhà xuất bản lao động xã hội.

3. Nguyễn Thị Kim Chúc (2007), Kinh tế y tế và Bảo hiểm y tế (Sách đào tạo bác sĩ đa khoa, Trường Đại học Y Hà Nội). Nhà xuất bản Y học.

4. Vũ Xuân Phú (2008), Kinh tế y tế, Nxb Y học

5. Đào Văn Dũng (2003), Kinh tế y tế (Giáo trình giảng Sau đại học), Nxb Quân đội nhân dân

6. Trường Đại học Y tế Công cộng (2002), Những vấn đề cơ bản của Kinh tế y tế, Nxb Y học

7. Ceri J. Phillips (2005). Health economics: An introduction for health professionals, BMJ Books.

8. Michael F.Drummond, Mark J.Sculpher, et al. (2005), "Methods for the Economic Evaluation of Health care Programmes". Oxford University Press.

9. Sophie Witter, Tim Ensor, Matthew Jowett, Robin Thompson (2000), Health Economics for developing countries: A practical guide. Royal Tropical Insitute, Amsterdam

10. Nguyễn Hoàng Lan, Nguyễn Thị Bạch Yến (2013), Ứng dụng một số mô hình trong đánh giá kinh tế y tế. Nhà xuất bản Y học

VII. Lịch học: Theo Lịch giảng dạy/học tập.

VIII. Quy định với sinh viên:

1. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Đi học đúng giờ
- Chuẩn bị bài trước khi đến lớp
- Tích cực tham gia các hoạt động học tập trên lớp
- Tôn trọng, chấp hành các nội quy của lớp học.

2. Quy định điều kiện dự thi:

- Sinh viên phải tham gia từ 80% số giờ lý thuyết trở lên
- Có điểm giữa kỳ từ 1 trở lên mới được thi hết học phần.

IX. Tiến trình cập nhật đề cương chi tiết

TT	Cập nhật đề cương tiết lần	Ngày/tháng/năm	Người cập nhật
1.	Lần 1	06/2019	
2.	Lần 2	06/2021	
3.	Lần 3	Dự kiến 2023	
4.			

PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC **BỘ MÔN/KHOA**